

LUYỆN KHÍ CÔNG CAO CẤP VÀ GIÁC NGỘ CHÂN LÝ TỐI THƯỢNG

THIÊN ĐẠO ĐẠI PHÁP TÂM CÔNG

LỜI HUẤN

Thiên Đạo Đại Pháp Tâm Công là Huấn Kinh của Thượng Đế trong Thiên Đạo.

Pháp môn tu luyện Huyền công, thần thông, Giác ngộ Chân Lý mới nhất của Nhân loại. Việc treo phổ Pháp tu này là độ cho chúng nhân thời đại mạt, để hóa giải và độ chính mình, tăng rung động linh hồn, thể xác và độ cho người khác, trong khi nhiều pháp tu mật phải mở lớp nhưng đã đến thời Nhân loại tiến hóa lên cao trong Vũ trụ rồi, nên chúng tôi vẫn cho truyền pháp này, để các hành giả có thể tự học mà không cần Thầy, các đạo sư cao hơn giúp, dạy.

THIÊN ĐẠO ĐẠI PHÁP TÂM CÔNG



LỜI PHÁP CHỦ

1. Thiên Đạo Đại pháp Tâm Công: Còn gọi là **Thiên Pháp.**

Là môn học và phương pháp tu tập kết hợp thiền, với luyện khí công và tâm linh pháp, y học dưỡng sinh của pháp môn, do bản tôn được các vị Thượng linh, Cha dạy, và tìm hiểu thêm qua tinh hoa kiến thức của các pháp môn khác.

2. Là phương hành pháp tu tập chính thức của pháp môn.

3. Kế thừa tinh hoa văn hoá, khí công truyền thống, y học của nhân loại, kết hợp với khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tâm linh cao cấp mới của pháp môn.

4. Kết quả: tu tập tốt sẽ: Nâng cao sức khỏe, tinh-khí-thần; cả tư tưởng, tâm hồn và thể xác, đạt ngộ-phúc-đạo, chân-thiện-mỹ; hướng về nhận thức khoa học mới, về Thượng đế, tuổi thọ tăng. Đến đẳng cao cấp, sẽ biết các phương thuật, thông linh...khi rời trần giới đã tự siêu thoát thành các bậc chính giác cao cấp.

Ngày 9 tháng 9 năm 2008

TPTT

9 ĐIỀU KHÔNG CỦA NGƯỜI HỌC THIÊN PHÁP

- 1. Không bỏ:** Tôn-thờ Vua Cha Thượng đế
- 2. Không chiếm:** Của cải, tài danh, hạnh phúc của người khác.
- 3. Không tham:** Danh lợi, vật dục tầm thường.
- 4. Không nói:** Gian dối, xảo ngôn, ác ý, hồ đồ.
- 5. Không quên:** Người nghèo khổ, hư dốt.
- 6. Không gây:** Hận thù, chiến tranh, giết hại chúng sinh.
- 7. Không ở:** Bẩn thỉu và phá hại môi trường.
- 8. Không nghiện:** Các chất kích thích nặng.
- 9. Không ngừng:** Xây dựng Thiên đường Hạ giới.

CHƯƠNG TRÌNH HỌC THIÊN ĐẠO ĐẠI PHÁP TÂM CÔNG

CHƯƠNG TRÌNH SƠ CẤP(cấp 1)

1. Giới thiệu về Pháp môn.
2. Tìm hiểu về kinh mạch lạc huyết quan trọng.
3. Thuyết âm dương ngũ hành y học; khí, năng lượng sinh học.
4. Các bài hướng dẫn thiền-thở-maxa, thể dục trước khi luyện khí
5. Khai các đại huyết-sao.
6. Thu và xả khí qua các sao, chân, tay.
7. Hai vòng Tiểu năng và Đại năng.
8. Khí âm dương. Cân bằng âm dương khí.
9. Tự vệ tâm linh đơn giản.
10. Giới thiệu Thiên Long Tam công Pháp.
11. Luyện bài Thiên Long Địa Công Pháp.

CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP(cấp 2)

1. Hệ thống thần kinh và tủy.
2. Phép khai Long hoả-dẫn Long hoả.
3. Tẩy lọc thể Vía. Tẩy khí qua sao.
4. Cấu tạo cơ thể. Tạng phủ công.
5. Các bài chữa bệnh không dùng thuốc đơn giản.
6. Luyện hòa khí âm dương và tăng lực nội khí.
7. Luyện bài Thiên Long Nhân công Pháp.

CHƯƠNG TRÌNH CAO CẤP(cấp 3)

1. Bản chất của tư tưởng, ý nghĩ.
2. Huệ nhãn. Khai Huệ nhãn. Luyện nhãn.
3. Chữa bệnh đơn giản, cao cấp không dùng thuốc.

4. Hình khí. Quang khí.
5. Tẩy lọc môi trường.
6. Cửu Long Huyền công.
7. Cao Minh công cấp 1.
8. Luyện bài Thiên Long Thiên công Pháp.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT(cấp 4)

1. Vũ trụ công (Cao Minh công cấp 2).
2. Phép cải tạo, siêu thoát cho tà ma, quỷ, vong nhân.
3. Chỉnh trị huyền thuật.
4. Chữa bệnh từ xa cao cấp.
5. Huyền thuật các Phép Nghi Lễ.
6. Truyền tâm. Tâm Năng.
7. Xuất hồn vía tu luyện trên cõi vô hình, trên Kim Tự Tháp Trung Giới, đạt trạng thái siêu thoát, giác ngộ hoàn toàn.

Yêu cầu khi nhận được Tài liệu này:

Không bàn bạc trao đổi công khai việc học Thiên Pháp trên mạng, chỉ được trao đổi riêng cùng nhau, hoặc với Thầy, để được hỗ trợ từ xa. Ai nhận gặp được Tài liệu này, nếu có duyên, hãy tu luyện cho tốt. Ai không thích hợp, thì hãy coi như một việc đọc giải trí, cũng hầu mang lại một nhận thức. Việc tu Huyền công rất cần trọng, nếu không nghiêm túc, tùy tiện, sẽ gây hậu quả cho các thể xác và thể vía. Phần khai Long Hỏa khác cách với các pháp môn khác, dễ dàng hơn rất nhiều nên cũng không lo lắng quá, hãy làm đúng hướng dẫn.

PHẦN LÝ THUYẾT

BÀI 1: GIỚI THIỆU VỀ THIÊN PHÁP

Thiên Đạo Đại Pháp Tâm Công

(Thiên Pháp) là chương trình tu luyện khí công-huyền công kết hợp tâm linh, do Vua Cha Thượng Đế - đấng Đại Toàn năng dạy, Pháp chủ tuân theo nhiệm vụ của Thiên đình, cứu độ chúng sinh bằng Pháp-với lý tưởng Đại đồng Nhân loại. Thiên Pháp là Huyền Pháp của Thiên Đạo.

Thiên Đạo:

Là Đạo Trời-là Định luật vũ trụ muôn năm, muôn thừa-không là tôn giáo. Tôn giáo chỉ là phương tiện giúp con người thành Đạo, giác ngộ. Có muôn vàn các Pháp môn và con đường nhận thức Chân Lý.

Đại Pháp (Đạo lớn) :

Có Ba Pháp: **Đạo Pháp, Chính Pháp, Huyền Pháp.**

- **Đạo Pháp :**

- Thuộc về Đạo Trời-tức là Định luật Vũ trụ, tự nhiên. Thuộc về **Thiên Kinh.**

- **Chính Pháp :**

- Thuộc **Đạo - Giáo - Luật - Lễ - Nhân - Trí - Tín Kinh** (Địa-hạ giới-con người nhận thức, tuân theo Trời-định luật tự nhiên mà sống, tu luyện).

- **Huyền Pháp :**

- Tức là Bộ Thiên Pháp này, thuộc bộ Huấn Kinh (phương pháp tu luyện để đắc chính-giác ngộ - hợp nhất với Đạo Trời - tự nhiên, là phương pháp để Thiên - Địa - Nhân hợp nhất, con người hợp nhất với Thượng Đế).

Ba Pháp hợp nhất thì Đạo hợp nhất, Thiên - Địa - Nhân hợp nhất!

Khi còn chưa giác ngộ và làm theo Chân Lý ấy, thì mọi tượng còn đốn mạt, suy đồi, hoặc đa sự loanh quanh, lộn xộn, muôn kiếp muôn đời không biết mình là ai, từ đâu đến. Trong muôn đời, Đạo Trời không đổi, chỉ Chính Pháp, Huyền Pháp ở Hạ thế đổi, khác nhau, làm cho xã hội con người, trái đất đổi thay.

Nay Pháp môn chủ nương theo Đạo Trời, mà phổ Pháp mới do Cha ban, dạy.

Đại Pháp là Pháp lớn, từng theo Đạo Trời và thể hiện Đạo Trời.

Tâm Công

Là luyện lấy nguyên công vũ trụ bằng ý chí và đạo đức, lấy tâm năng (lượng tâm-căn bản ý thức linh hồn sống tại thể) làm nội khí-nội lực nền tảng, trên cơ sở tu đạo đức, rồi dùng tâm ấy mà luyện công, để đắc đạo, đắc thần thông. Tâm Công không đơn giản là khí công, mà nó là cái ý của Trời và tuân theo ý Trời mà tu luyện để thành Chính giác. Vì chúng ta là tiểu linh hồn-tiểu vũ trụ, trong Đại linh hồn (Cha)-Vũ trụ.

Nếu có Đại Pháp, nhưng không có Tâm Công, không luyện thành đắc quả; nếu có công thôi, thì chỉ là một môn khí công bình thường, học để được tốt cho sức khỏe thôi.

Lại nữa, đâu phải theo pháp môn, tôn giáo nào cũng đắc chính, hoặc là rút ngắn đường tiến hóa đâu. Pháp chúng ta do Ông Trời dạy, từng lệnh Vua Cha Thượng Đế lập Chính Pháp mới. Ấy mới là điều đáng nói.

CỬU LONG ĐIỂM PHÁP

Gọi là 9 con rồng (Thiên Long) chở Pháp, hay còn gọi là 9 điểm nhìn của Pháp môn.

1. Tam Pháp

Đạo Pháp, Chính Pháp và Huyền Pháp-là ba phần Pháp chính của Đại Pháp.

2. Tam Tòa

Tôn-Thờ Ba tòa Thiên linh là:

- Đệ Nhất tòa Cao Minh Thượng đế.
- Đệ Nhị Tòa Thánh Tiên thiên.
- Đệ Tam Tòa Thánh Hậu thiên.

3. Tam Giới

Là Thượng-Trung-Hạ giới; còn gọi là Ba cấu hình giới Vật chất của Vũ trụ.

4. Tam Đẳng

Thượng Đế - Thần Thánh Tiên Phật - Con người. Là Ba cấp đẳng chính trong tiến hóa linh hồn.

5. Tam Đức

Chân-Thiện-Mỹ: là Ba đức lớn của muôn sự, muôn vật, thiếu một trong ba thứ ấy, Vũ trụ, con người, xã hội không hoàn thiện.

6. Tam Công

Ba bài huyền công siêu đẳng. Không luyện không đắc đạo, luyện cả dưới Hạ và Trung giới.

7. Tam Minh

Cao Minh - Thần Minh - Tâm Minh.

Là Ba cái sáng của Vũ trụ, muôn vật. Cao Minh là ánh sáng trên cao, thuộc về Cha, Thần Minh là ánh sáng trên Trung giới, còn là cái sáng của huệ nhãn, thần nhãn, thiên nhãn. Tâm Minh là cái sáng trong lòng con người. Ba sự sáng ấy thì Đạo Trời sáng, muôn sự sáng. Muốn có Tam Minh, thì tinh-khí-thần phải Minh.

8. Tam Tài

Thiên - Địa - Nhân: Hợp thành vũ trụ có linh giác, hợp nhất trong tạo hóa.

9. Tam Linh

Vua Cha - Vương Mẫu - Thầy: Là Ba ngôi tôn thờ chính trên Tam tòa Thiên linh.

Pháp lý của Pháp chia thành 9 bộ sách lớn cho dễ sử dụng theo chủ đề, đó là:

Thiên - Đạo - Giáo - Huấn - Luật - Lễ - Nhân - Trí - Tín

Là 9 đại sự công việc, lý luận của Pháp.

Con người muốn đắc đạo, về được Thiên đường trên Thượng giới, phải luân qua các kiếp sống, tu luyện hàng trăm, ngàn kiếp...

Thời mới, thực hiện **Thiên đường Hạ giới**, không luyện Huyền Công thì cũng khó đắc chính quả. Pháp chúng ta lấy đạo đời hợp nhất, tu tại gia. Xây đời xã hội hoàn mỹ, con người hoàn thiện, hợp qui luật tiến hóa của tự nhiên, hay là định luật vũ trụ, hay là **Đạo Trời**.

Pháp môn mới nhất trên đời

Xưa nay chưa có bởi Trời chưa ban

Tu thành trăm nghiệp đều tan

Trăm bệnh phải chạy, ma tà phải lui

Thần thông Pháp đắc chính rồi

Nhân loại vũ trụ hòa vui một nhà

Do đó, phải gọi Thiên Pháp là Huyền công, Huyền Pháp chứ không phải khí công là nghĩa ấy.

Đọc xong Đạo Pháp, Chính Pháp, mà nhất trí tán đồng, thì tâm công đạt $\frac{1}{4}$ rồi, ma kiếp, ma nạn, vô minh ác phải sợ, tu luyện Huyền Pháp đạt thêm một nửa và công quả phổ độ đạt $\frac{1}{4}$ nữa.

Tại sao như thế? Các vị tu luyện lên rồi sẽ hiểu.

YÊU CẦU KHI HỌC THIÊN PHÁP

1. Tự làm lễ nhập môn nghiêm túc

Để Thượng đế và các Thánh thần chứng cho. Tôn Cha, mới tôn được mình lên. Tự mình làm lễ chay đơn giản, thấp hương khấn:

“Con kính Vua Cha Cao Minh Thượng đế, cho con được học Thiên Pháp”.

Yêu cầu về phép lễ:

Trước khi tập thiền, công, hay dưỡng sinh...dù tư thế ngồi, hoặc đứng, đều phải làm phép: Quay về hướng sao Bắc Đẩu nơi Cha ngự. Bái: Tay phải đặt trên trán, ngón tay cái chạm vào trán chỗ ấn đường (giữa hai lông mày). Tay trái đặt ngang ngực chỗ tim, mũi bàn tay xoay vào trong, đến giữa ngực.

Niệm: *“Xin Cha cho con tu tập Thiên Pháp đạt kết quả tốt”.*

Ý nghĩa cũng là cách chống tẩu hỏa nhập ma, được Cha bảo vệ khi tập



2. Không dùng Pháp làm việc ác, nếu không Pháp sẽ phản thân.

Theo **9 điều Không phạm**. Không dùng Pháp kiếm danh lợi bất chính, dùng huyền thuật hại người, cúng bái bói toán kiếm ăn, phản thầy, chữa bệnh lấy tiền, chống lý tưởng Đại Đồng.

3. Không hoạt động chính trị chống Nhà nước Việt Nam và các thể chế nhà nước khác hiện nay. Không tranh danh danh lợi với các pháp môn khác.

Nên đọc thông Đạo Pháp, Chính Pháp(ở phần lý thuyết Pháp môn). Môn Pháp không là tôn giáo nên không giảng Pháp. Đọc đã thông, không có gì bí hiểm bí nhiệm cả. Tri thức của Pháp là khoa học nghiêm túc.

BÀI 2 : TÌM HIỂU VỀ KINH MẠCH LẠC HUYỆT

(Xem trong Tài liệu bổ trợ)

BÀI 3 : THUYẾT ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH - TẤU HỎA NHẬP MA -KHÍ HÓA

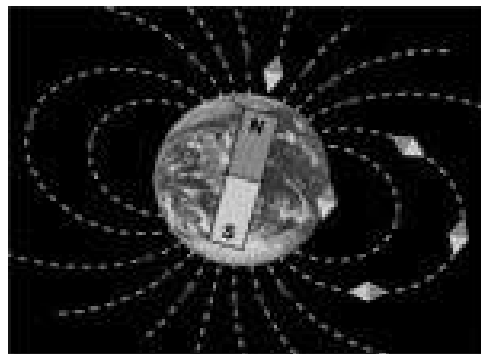
1. THUYẾT ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH

Vũ trụ vật chất được tạo thành bởi thành tố Âm - Dương (Thái cực). Trong tính chất của mọi vật có hai phần vật chất âm - dương. Các chất này lại phân thành các tính chất của vật chất là ngũ hành chất-thực chất đây là màu sắc của vật chất do thể từ-điện trường của chúng tạo nên khí, mà chúng ta gọi là thể vía. Có 5 loại khí - chất cơ bản, ứng với 5 loại màu sắc tương ứng, mà cổ nhân xưa gọi là **Kim - Mộc - Thủy - Hỏa - Thổ: Trắng - Xanh - Đen - Đỏ - Vàng**. Các chất này khi biến hóa, gặp nhau, loại suy tương hỗ thành 9 loại chất: **Trắng - Xanh da trời - Đỏ - Vàng - Xanh lục lam - Chàm nâu - Xanh lá cây - Tím**.

Vô Cực sinh Thái Cực. Thái Cực sinh Lưỡng Nghi. Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng. Tứ Tượng sinh Bát Quái. Bát Quái sinh 64 Quái.



Âm dương- Thái cực



Từ trường trái đất

Thái cực sinh ra 2 nghi: một âm và một dương. Mỗi nghi sinh ra 2 tượng: một âm và một dương. Mỗi tượng sinh ra 2 quái: một âm và một dương, 1-sinh 2-sinh 4-sinh 8....

Điều này chứng minh chính xác của khoa học vật lý lượng tử-y-sinh-hóa hiện đại:

Mọi sự vật hiện tượng, tế bào, cơ thể con người...đều phát sinh phát triển bằng nguyên lý trên.

2. LUẬN VỀ ÂM DƯƠNG KHÍ HOÁ

“Vũ trụ là sự điều hợp của hai khí âm và dương. Âm là nặng, đục chìm xuống là đất. Dương là nhẹ, sáng trong nổi ở trên. Qua một chuyển biến về khí hóa, vũ trụ lần lần được trật tự lại.

Tất cả các vật thể trong vũ trụ đều do sự biến chuyển của khí hóa mà thay đổi. Ví dụ: hơi của nước xông lên để chuyển thành mưa. Gió thổi có thể di chuyển đồi dời một hòn núi đất. Thời gian và không gian cũng được chia ra theo nguyên tắc khí hoá. Đông phương lấy sự biến hóa của khí trong không gian làm tiêu chuẩn để phân chia thời tiết, tháng ngày. Lấy mực độ cao nhất của âm dương tức là độ thuần âm và độ thuần dương. Thí dụ: khí thuần âm lên đến thuần dương là 180 ngày có dư và thuần dương tới thuần âm 180 ngày có dư. Do đó mới định từ khi khí lên cho đến lúc khí xuống nguyên độ cũ là một năm hay hơn 300 ngày, 24 khí, 28 tiết, cùng là 4 mùa. Do chuyển biến khí hoá của vũ trụ nên đã định ra ước lệ về thời gian...

Khí trời (dương) chi phối khí của đất (âm) là thuận và ngược lại là nghịch. Khí thuận thì muôn vật sinh hoá dễ dàng, nghịch lại thì muôn vật tiêu hao rồi tàn tạ. Con người theo luận thuyết đông y là một trong muôn vật, gặp khí tiết của trời đất thanh thì khoẻ mạnh nở nang, khí tiết của trời đất nghịch thì tiêu hao bệnh tật. Trị bệnh cho con người theo phương pháp của đông y là điều hòa khí hóa trong cơ thể cho kịp chiều hướng bất thường của Trời đất” (Sách Nguyên lý ngũ hành trong châm cứu).

3. NGŨ HÀNH SINH KHẮC

“Khí hóa của đất có 6 loại: Mộc khí, Quân hỏa, Tướng hỏa, Thổ khí, Kim khí, Thủy khí.

Khí của trời có 6 loại, người xưa đặt những tên tượng trưng: Dương minh, Thái dương, Thiếu dương, Quyết âm, Thái âm và Thiếu âm. Cả hai khí của Trời Đất phải giao hiệp nhau để thành phong, hàn thử, thấp, táo, hòa. Sái nghịch là vạn vật tiêu hao khổ bệnh. Khí của Trời thuận, chi phối được khí của đất thì sự sinh hóa thuận chiều Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh thổ, Thổ sinh Kim.

Phong Mộc ở mùa Xuân sinh luân Hỏa. Luân Hỏa ở đầu mùa Hạ sinh ra tướng Hỏa ở cuối Hạ. Thử Hỏa ở chính Hạ sinh ra thấp Thổ. Thấp Thổ ở đầu Thu sinh ra táo Kim. Táo Kim ở cuối Thu sinh ra hàn Thủy. Hàn Thủy ở mùa Đông rồi sự sinh hóa đi vòng trở lại, cứ thế mà sinh hoá liên tiếp. Theo Đông y luận: nhân thân là tiểu vũ trụ. Cơ thể con người định thuộc vào khí trời, khí đất, tạng phủ kinh lạc trong cơ thể con người cũng phối hợp chuyển hoá với nhau theo sự chuyển hóa của khí và sự vận hành của trời đất.

Khí trời đất chuyển hóa bất thường thì vũ trụ bệnh và làm cho vạn vật đều bệnh. Sự chuyển hóa của khí, sinh ra bệnh nội thương. Sự chuyển hoá bất thường của trời đất làm ra bệnh ngoại cảm.

Lập luận rõ ràng nguyên tắc khí hóa giữa Trời Đất và con người để theo đó mà luận bệnh gọi là khoa Khí Hoá Y lý học (altération des humeurs).

Những gì thuộc chất thể (đối lại khí thể) trong vũ trụ, đông y liệt về loại ngũ hành (kim mộc, thủy, hỏa, thổ). Những gì thuộc về khí thể (đối lại chất thể) đều liệt về loại lục khí (phong, hàn, thử, thấp, táo, hỏa). Theo đông y hình thể con người có hình trạng, song sự yếu mạnh của những hình tượng đó không thể chỉ nhìn vào mà luận được. Ví dụ: tim yếu, thiếu máu, Tây y cho sang máu và làm yên tim. Đông y cho đó chỉ là trị ngọn. Cách trị của Đông y là luận rõ căn nguyên của bệnh rồi làm cho tim hoạt phát trở lại tự nó làm cho đầy máu. Như vậy đông y làm cho phần khí của tim điều hòa ăn nhịp với các phần khí của các tạng phủ khác.

(Sách Nguyên lý ngũ hành trong châm cứu).

4. NỘI LỰC VÀ TÂM NĂNG TU LUYỆN

Các thầy đồng bóng, hoặc thầy phù thủy dùng tha lực của âm binh, hoặc thần thánh. Khi thánh giáng dạy bói, thì họ nói như thánh, thực ra là thánh nói, có khi đến xem bói, không bỏ tiền cúng, thánh bóng ấy không giáng, đồng gieo quẻ, gieo đài không được, nếu bỏ tiền ra thì thánh dạy. Ấy là tha lực vậy.

Bí mật về bùa bả, yểm đảo, là dùng tha lực của âm binh và nạp năng lượng tâm linh vào, không có gì đáng sợ bí hiểm nữa, học viên dùng phép Thiên Đạo Đại Pháp này, phá được.

Chúng ta không dùng tha lực mà chính luyện nội lực. Chúng ta tu luyện thì chúng ta được cho chính ta-có sức khỏe, tuổi thọ, âm đức, lại được lợi cho sự tiến hóa của kiếp này-tức là giác ngộ Chân Lý và có tiến hóa tâm linh, sau chết thì được tự mình đã siêu thoát, lên các cảnh cao trên Trung Giới, Thượng Giới. Tu luyện đến đâu, thì nội lực và tâm linh được đến đó. Và cứ theo trình độ ấy, mà Thiên đình điểm đạo, nâng cấp công quả-tiến hóa cho chúng ta đến đó. Trên Thiên giới, có điểm đạo; dưới Hạ giới, chúng ta cũng được điểm đạo như vậy. Có khi chúng ta không biết bề trên chấm, có khi các ngài giáng linh dạy, chấm như chấm cho tôi. Vậy tôi nói thế, các vị mới biết việc tu luyện quan trọng đến chừng nào.

Nếu cứ vô minh, tranh dành bon chen, coi đời này là hết, thậm chí chả biết có Thiên giới-Thượng đế hay không; hay giờ còn mơ hồ, là không biết có linh hồn hay không; sống thì đâm đạp lên nhau, rượu thịt tỳ tỳ, hoặc có đi lễ lắm, nhưng ham hồ đồ thứ, hoặc tu hình tướng, nhưng không biết thương dân, không biết cứu độ, háo danh háo tiền, ma nhiễm đạo sự...thì có cả vạn năm nữa, cả ngàn kiếp nữa vẫn thế và khổ đau-khi bỏ xác trần không siêu thoát được.

Sau các vị hiểu được điều tôi nói, thì mới là Ngộ ra chân lý.

Đến bài Tam Công, học chương trình cấp cao rồi, thì học viên đuổi được tà ma, nếu nó đánh lại thì dùng Tượng Pháp xuất vía mà đánh, bóng kiếm cầm

tay, roi cầm tay, chém lại. Hoặc chưa biết xuất vía thì dùng Linh Pháp ộp vào nơi nó ngụ trên người mà đánh, thúc nó ra.

Tất nhiên phải có thiên nhân, thần nhân mới soi, nhìn thấy nó trong cơ thể; nó có chạy đến Thiên hà cũng đuổi theo bắt được, vậy chúng ta phải luyện nhân thần theo học phép mới giỏi được.

Bị bệnh tà ma, thần kinh giả, bùa yểm...giải được hết, không cần đi thuê thầy cúng, tốn công tốn tiền, có khi tiền mất tật mang.

Vì tu luyện Thiên Pháp, chính là luyện thần thông, một khoa học cao cấp nhất về huyền thuật-ngoại cảm, xưa thì bí hiểm, nay không có gì bí hiểm nữa, nên chúng ta chớ khúm lúm lạy ông đồng cốt, lạy mợ mùa may, lạy thầy bói toán...có gì mà lạy! Có khi chúng ta lạy ma cũng nên, vì ma giảng cũng có thể phán như thần vậy, vì họ là linh hồn, mà linh hồn, như ta đã viết rồi: Họ có đủ thiên nhân thông, thần tức thông (tức biết quá khứ vị lai)...

Bây giờ chúng ta luyện Thiên Pháp, sau cũng giỏi như linh hồn vậy, nhưng chúng ta còn siêu hơn, vì ta có năng lượng hợp chất xác thể, cũng là một linh hồn, vậy phải hơn kẻ chỉ còn cái vía chứ! Không tin sau các vị cứ làm xem, tà ma nó phải chạy. Khi chúng ta tu luyện đến cao cấp, thì sức mạnh của chúng ta ngang bực thần thánh về nội lực, tại sao? Vì công năng cao cấp, tâm năng đạt vi diệu, đạo đức bực thần tiên, ấy chính là thần tiên tại thế vậy. Và khi từ giả Hạ thế, thì chúng ta nhanh chóng lên cao, đứng với quả vị đã tu luyện được, tức là linh hồn về ngụ trên Linh Pháp của chính chúng ta đã lập trên Kim Tự Tháp.

Phải xác định 3 mục đích:

- Nâng cao sức khỏe, tuổi thọ.
- Tu luyện để đạt phúc và nhanh tiến hóa cho hiện kiếp, cho hồn mình, điều này là quan trọng nhất!
- Giác ngộ Pháp thì phải phổ giáo. Cứu độ là giúp người khác giác ngộ và giúp họ cùng với chúng ta xây đời, làm đúng luật mới của Vua Cha.

Nếu thấy Đức mình cao hơn người, thì mới chữa bệnh cho họ. Khí mạnh mới chữa, nếu không sẽ mang họa. Cấm chữa bệnh lấy tiền, khoe tài...Khi nào giỏi hơn thầy, lúc ấy mới đáng mặt anh tài!

5. KHÍ, TRƯỜNG SINH HỌC VÀ NĂNG LƯỢNG SINH HỌC

1. Khí

Là một dạng vật chất, là điện trường và từ trường do các nguyên-phân tử cấu tạo nên, do đó khí là vật chất và có năng lượng.

Linh hồn là vật chất, là tổ hợp nguyên tử không còn phân rã, nên bất tử-theo nguyên lý vật lý lượng tử. Linh hồn cũng mang năng lượng. (đọc thêm về lý luận Linh hồn-trong Nhân kinh).

2. Trường sinh học

Nguyên tử tạo ra điện trường, từ trường. Cơ thể con người được cấu tạo bằng các nguyên tử, vậy sẽ tạo ra xung quanh mình một lớp điện-từ trường-chính là Trường sinh học-hay còn gọi là thể vía. Thể vía và màu của nó có cấu tạo phụ thuộc vào chất tạo nên nó-tức thân thể chúng ta, gồm cả linh hồn và thể xác-Trong đó có cả tư tưởng. Tư tưởng càng cao đẹp, ăn uống càng thanh tịnh, thì thể vía-hay trường sinh học càng trong, sáng, và ngược lại. Các Đạo sư, các nhà tu hành bậc cao, có hào quang trên đầu. Dùng mắt huệ có thể nhìn thấy điều này, có thể đánh giá được mức độ tu luyện và tiến hóa của con người.

Do tất cả là vật chất, nên ở đâu có vật chất, ở đó có năng lượng. Nghiên cứu Khoa học về Trường sinh học và sử dụng nó-tức sử dụng năng lượng sinh học, đó chính là Khoa học của chúng ta. Khoa học về sử dụng năng lượng trường sinh học-Không có gì bí hiểm, mê tín.

Thân người là một thanh nam châm, chiều đường sức cực Nam là huyết Bạch hội, cực Bắc là huyết Hội âm (Người Nam). Nữ ngược lại.

Luyện khí công: chính là luyện cách dùng khí-nguồn năng lượng trong Vũ trụ và trong bản thân con người để là thúc đẩy việc bảo tồn cơ thể, để chữa bệnh, thay đổi thể vía-tức là trường sinh học của bản thân để sống khoẻ hơn, minh triết và thông tuệ, đạt huệ năng Vũ trụ và khai mở linh năng. Do trường sinh học cấu tạo bằng các phân tử thể vía, trực tiếp do cơ thể và tư tưởng tạo nên-tư tưởng xấu tạo ra thể vía xấu-tạo ra bệnh tật, bị ma quỷ đồng khí tương cầu ám vào gây bệnh....Nên tập khí công, chữa bệnh-đồng thời phải tu luyện đạo đức, tư tưởng.

3. Thiền

Là cách đưa trạng thái cơ thể và tư tưởng về tĩnh, tĩnh tâm, tĩnh trí, thái bỏ tạp niệm và tư tưởng xấu, biến động, hướng lên nguồn ánh sáng cao đẹp để luyện tâm-đạo đức, để thay đổi trạng thái thể vía, từ đó tiếp nhận tốt hơn nguyên khí-năng lượng Vũ trụ, để luyện công và chữa bệnh, đạt huệ năng tâm - khí và thông linh tốt hơn. Luyện Thiên Pháp, phải tu đức làm đầu là như vậy.

Tu luyện Thiên Pháp phải hiểu cả Tam lý Pháp (Đạo Pháp, Chính Pháp, Huyền Pháp), giỏi cả Tam Công Pháp.

Chúng ta phải hiểu thấu được lý thuyết này, mới có thể giải thích được toàn bộ các hiện tượng và nội dung liên quan đến chương trình học của chúng ta: Đó là dùng khí-năng lượng chữa bệnh, tâm năng chữa bệnh, chỉnh trị siêu thoát cho ma quỷ, thu nạp năng lượng Vũ trụ, chữa bệnh từ xa, khai mở huệ nhãn, thiên nhãn....Thông linh, tiếp xúc với cõi vô hình...

LÝ LUẬN CỦA PHÁP MÔN VỀ CÁC ĐƯỜNG KHÍ - NĂNG LƯỢNG CƠ THỂ

Qui định:

Nam: bên phải là âm Long, bên trái là dương Long

Nữ: Bên phải là dương Long, bên trái là âm Long.

Phía trước người: Nam là âm khí, nữ là dương khí

Phía sau lưng: Nam là dương khí, nữ là âm khí.

Khí vận: Khí giáng xuống từ Vũ trụ-đi từ:

- **Nam**

Từ trên cao Bách Hội (đỉnh đầu) xuống đàng phía trước-theo nguyên lý dương giáng xuống theo các kinh âm-đường âm.

- **Nữ**

Ngược lại-Khí từ Bách Hội đi xuống đường lưng-theo nguyên lý khí dương giáng theo đường kinh âm-đường âm.

Khí thăng:

- **Nam** khí thăng qua lưng, lên Bách Hội. Nữ khí thăng qua bụng mà đi lên trên Bách Hội.
- **Sao 5:** Thiên đột trước tổng quản các đường kinh phía trước. Đại trùy-tổng quản các đường kinh phía sau.
- Năng lượng cơ thể nằm tại các trung tâm sao-nhưng chủ yếu tại sao 2-4-6.
- Sao 6 Tổng quản và là trung tâm thần kinh-linh hồn; nhưng linh hồn ngự tại xác thể trú ngự và nương tựa trên toàn bộ trục Long hỏa và 2 đường hộ vệ Long-mà Ta gọi là 2 Long hộ vệ (Địa Long)-xoắn bện lấy nhau, tương hỗ nhau-như hình ADN; ngoài ra, dọc trục xương sống, có đường Đốc kinh, trước người có Nhâm kinh-là hai đường khí âm dương chính, tách biệt nhau.

Như vậy, chúng ta hình dung, toàn bộ hệ thống năng lượng - tâm linh của cơ thể giống y như hình ADN: Xoắn bện theo hình xoáy tròn ốc, số 8 xoắn. Giữa là trục Long hỏa, dọc hai cạnh bên ngoài là trục âm dương Nhâm-Đốc. Tại các điểm thắt, nút, chính là các đầu mối thần kinh, cũng là trung tâm năng lượng

lớn nhất. Các đường sức ngang, chính là các luân xa-sao nhỏ. Có hai sao nhỏ-nhưng quan trọng nữa-chính là hai huyệt Dũng tuyền tại gan bàn chân. Vậy nói cho đúng, chúng ta có 9 sao tất cả: 7 chính, 2 phụ. Trên Vũ trụ thì có 7 sao Bắc Đẩu và 2 sao phụ là Nam tào-Bắc đẩu (hay còn gọi là Tả Phù, Hữu Bật).

Vũ trụ cấu tạo cũng xoắn như hình tròn ốc như trên, có 9 cấp-cảnh giới-cấu hình-mức năng lượng vật chất (*Đọc thêm trong Thiên Kinh-Nhân Kinh về các nội dung trên-sang các cấp 2 có lý luận kỹ hơn về các đường Long*).

Toàn bộ trường sinh học cơ thể giống như hệ Đường sức, cơ thể như một nam châm, **ra Bắc** (sao 7) - **vào Nam** (sao 1) - trục đường sức là trục Long. Đường Nhâm-Đốc là đường tuần hoàn âm dương. Hai sao 8-9 là Dũng tuyền thì tiếp năng lượng với đất.

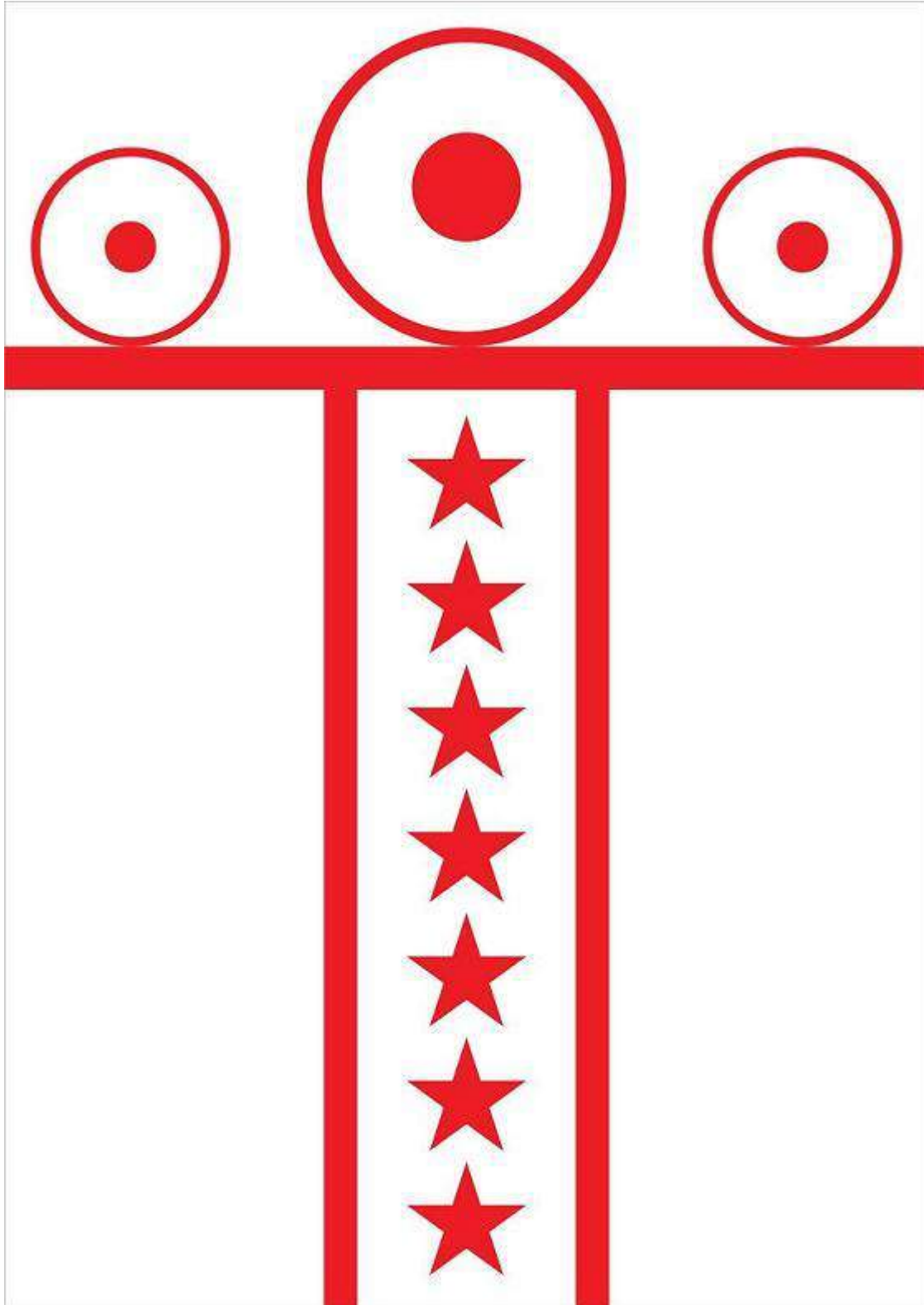
Khi nằm tập hoặc nằm ngủ: Đầu quay phía Bắc cho phù hợp với từ trường trái đất. Khi bái niệm, thì quay về phương Bắc Đẩu để hòa nhập và lấy năng lượng Vũ trụ.





7 luân xa-đại huyết (sao)--thể vía-sợi dây bản mệnh nối với Đại nguyên năng (Thượng đế-Cha) trên Thiên đình-Thượng giới-Trung tâm vũ trụ tại sao Bắc Đẩu.

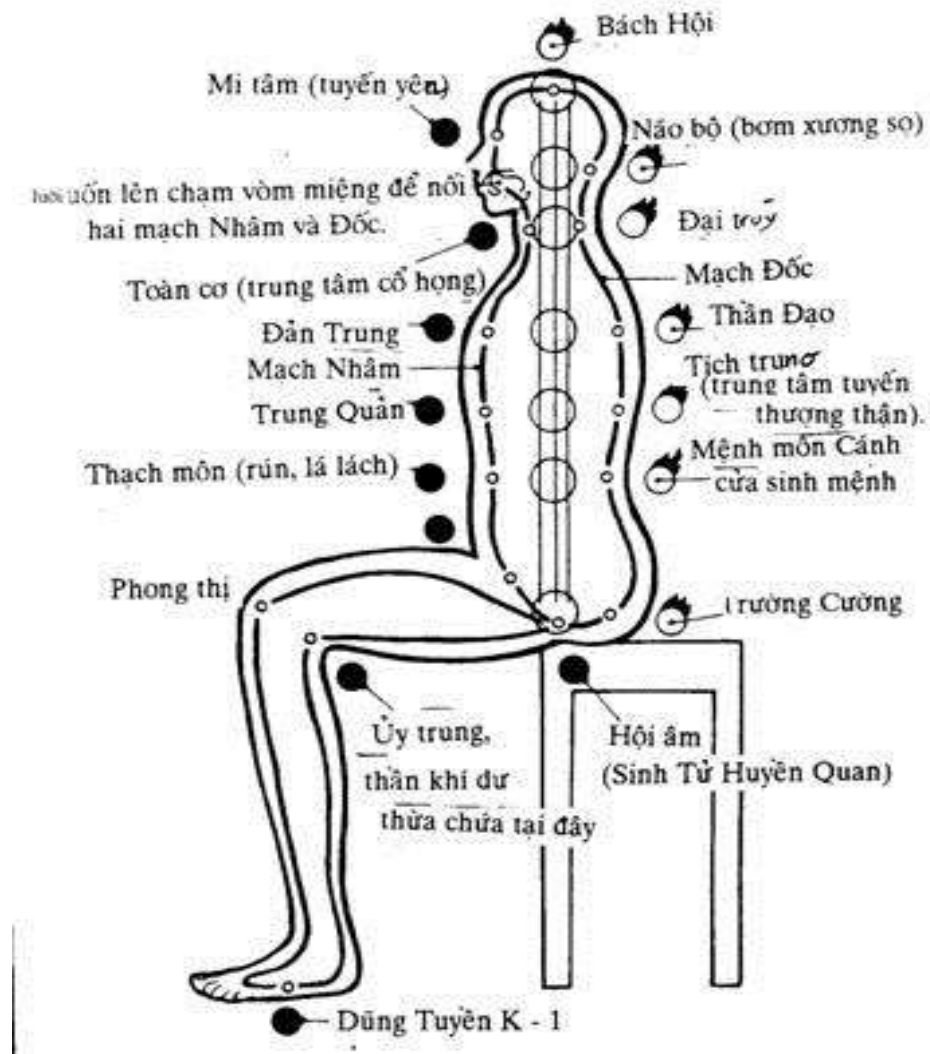
THIÊN PHÙ-BIỂU TƯỢNG KÍNH-THỜ VUA CHA THƯỢNG ĐẾ



7 sao bản mệnh cơ thể con người và Vũ trụ - **7 trung tâm năng lượng**, thần lực Vũ trụ-Vòng Đạo-Thượng đế-là **7 ngôi Bắc Đẩu**. Con người là tiểu Vũ trụ trong Vũ trụ, là Tiểu Nguyên năng trong Đại Nguyên Năng. Thiên-Địa-Nhân

Tài liệu hoàn toàn miễn phí cho ai có duyên. Chỉ sử dụng để tham khảo cá nhân. Cấm sao chép, thay đổi nội dung, sử dụng để kiếm lợi nhuận dưới mọi hình thức. Mọi vấn đề liên quan xin gửi về ThienPhapDao@Gmail.Com, <http://AsTamLinh.BlogSpot.Com>, <http://ThienPhapDao.BlogSpot.Com>

hợp nhất. Quán tưởng Thiên Phù khi tập Thiên Pháp, nhìn vào Thiên Phù để lấy năng lượng cộng hưởng của Vũ trụ-Thượng đế.



7 sao và tên Đại huyết-trung tâm năng lượng cơ thể-nơi nương tựa của linh hồn tại thể xác. (tất cả tên các huyết này phải thuộc).

TẦU HOẢ NHẬP MA

“Tẩu hoả, nhập ma là các tai biến xảy ra ở mọi trình độ luyện công và xảy ra nhiều ở trình độ sơ đẳng do kém hiểu biết về cách luyện, thiếu trình độ để phát giác hầu kịp thời ứng phó.

Cũng cần phân biệt rõ tẩu hoả và nhập ma là hai tai biến hoàn toàn khác biệt về cả tính chất lẫn nguyên do. Dù ở mức độ trầm trọng cả hai tai biến đều đẩy người rèn luyện vào trạng thái mất trí, điên cuồng, nhưng ngay tính chất này cũng khác nhau. Người bị tẩu hoả trở nên điên cuồng do nội khí loạn chuyển, còn người bị nhập ma trở nên điên cuồng do các ảo ảnh huyền hoặc chi phối.

Nói một cách khác, tẩu hoả là do tình trạng khí lực chuyển động bất chấp quy luật và vượt khỏi ý hướng điều phối của người luyện công. Còn nhập ma là trạng thái mê loạn của người luyện công do ảo ảnh huyền hoặc không còn khả năng nhận chân nổi thực tế, tin tưởng tuyệt đối vào những điều không hề có hoặc chỉ có trong sự vọng tưởng mà thôi.

Bị tẩu hoả ở mức độ nhẹ sẽ cảm thấy ngực, bụng trướng thống, đầu nặng mắt hoa do khí lực chuyển nhiều tới các bộ phận này. Trong tình trạng nặng hơn, do khí loạn chuyển khắp toàn thân, người luyện không chỉ chịu cảm giác đau đớn mà còn mất hẳn quyền chủ động với thân thể của mình. Khi đó, mọi hành vi, mọi cử động ngoài hẳn ý muốn đều có thể xảy ra và bước cuối cùng là điên cuồng thực sự.

Bị nhập ma không có các hiện tượng như trên. Do bị luôi cuốn bởi các ảo ảnh, người luyện sẽ dần dần từng bước lấy giả làm thật, và cứ thế tiến dần vào trạng thái gần như hôn mê, tinh thần thất tán và cuối cùng cũng đi tới sự điên cuồng. Quá trình luyện công luôn bao gồm nhiều bước quan trọng mà quan trọng đáng kể là giai đoạn “nhập tĩnh”. Chính trong bước nhập tĩnh, người luyện công sẽ khởi sự thâm hoạch các thành quả để nâng cao dần trình độ công phu của mình. Nhưng để bước vào nhập tĩnh người luyện công phải đạt được ít nhất hai điều kiện là “Điều phối ý khí” và “bài trừ tạp niệm”. Điều phối ý khí là dùng ý dẫn khí đi khắp các bộ phận thân thể theo các quy luật nhất định mà mỗi công pháp đã vạch rõ. Bài trừ tạp niệm là đạt tới sự tập trung ý tưởng ở mức hoàn hảo .

Tai biến xảy ra khi người luyện coi nhẹ các điều kiện trên hoặc quá nôn nóng muốn gấp rút thu hoạch các thành quả. Một trong các nguyên tắc lớn của luyện công là: “dụng ý bất dụng lực”. Các dụng ý cũng được chỉ dẫn rõ là: “hữu ý, vô hữu xưng công phu”. Tức là cần tránh sự chấp ý để đạt tới trạng thái hoàn toàn tự nhiên. Ý đến và đi phải nhẹ nhàng, thanh thoát như một làn gió thoảng không bị thúc đẩy bởi các mong muốn hay mưu tính. Do sở cầu bản thân, cố dồn ép nhịp điều phối Ý – Khí để thu ngắn quá trình rèn luyện là đã “dụng lực”, tức đã vi phạm nguyên tắc căn bản nêu trên. Đây là nguyên do chủ yếu đưa đến tai hoạ Tẩu hoả. Người luyện muốn mau bước vào giai đoạn nhập tĩnh đã đặt bản thân mình vào thể rèn luyện quá cuồng nhiệt, dụng lực để

cường bức nhịp thở, gấp gáp vận khí luân chuyển trong khi quên bằng đòi hỏi quan trọng là phải đạt tới trạng thái hoàn toàn tự nhiên.

So với điều phối ý khí, việc bài trừ tạp niệm còn có vẻ khó hơn. Do đó nhiều phép luyện bài trừ tạp niệm đã được đề ra như: sổ tức pháp, ngoại quan pháp, kế sổ pháp, mục thị tị chuẩn pháp... Nhưng người luyện công thường không lưu tâm tới các phép luyện này và tự đánh giá chủ quan về thành tựu bản thân để mau chóng bước qua giai đoạn nhập tĩnh. Trên thực tế, các tạp niệm chưa thực sự tiêu trừ đã dần dần hồi sinh ngay trong quá trình nhập tĩnh hoá thành các loại ảo ảnh. Thông thường ảo ảnh từ các điều mà người luyện sẽ nhìn thấy, tưởng nghĩ tới hoặc ấp ủ mơ ước. (Tài liệu Internet).

Đề tránh tẩu hỏa:

Yêu cầu trong lúc luyện, cần lưu ý các đặc điểm:

1. Mát-xa, xoa nóng người, sau đó thiền, rồi mới công khí.
2. Buông thả toàn thân. Bài trừ tạp niệm. Tâm thần an định. Dẫn khí nhẹ nhàng.
3. Khi đang dẫn khí mà còn nghĩ ngợi việc khác, thì dừng lại ngay.
4. Sau này, khi đã thông được các sao, mạnh thường thông, hoặc đã có huệ nhãn, tập rất nhàn, vì có thể nhìn thấy khí hoặc cảm nhận rõ được luồng khí; lúc đó có thể nén khí nhiều tại Đan điền để tăng nội lực.
5. Phải tập thở tốt.
6. Tập tránh gió lùa; không tập khi ốm nặng, rối loạn tinh thần, uống rượu, ăn hành họ tỏi ớt (tán khí).
7. Thông 2 vòng đại tiểu khí thường xuyên và thông 7 sao, xong mới được nén khí-nếu không rất đau đầu, rối khí, khí nóng, tạp khí (do dồn khí).
8. Khi người mệt, yếu quá, chỉ nên tập 3 bài công pháp, nhưng không dẫn Long.
9. Không thiền quá sâu, buồn ngủ rồi mới tập công.

Không ham vội nén khí ngay, hàng ngày trước khi nén khí: phải xả khí trực, thanh lọc cơ thể qua các sao trước đã, đến khi người thấy nhẹ, hoặc soi thấy các trung tâm sao và các kinh đã thông mới tập công nén.

Chỉ đến cấp 3 mới khai nhãn, vì khai sớm, trình độ thấp, ắt sẽ bị nhập ma, đau đầu.

Niệm phép khi tập để được bảo vệ tâm linh.

Cấm tập trước các bài Tam công pháp của cấp sau. Cấm tập bài 2 khai long hỏa, khi không có sự hướng dẫn của người có kinh nghiệm học trước, hoặc thầy trực tiếp hướng dẫn. (Khi tập bài Khai Long hỏa, nên gọi cho thầy, hoặc bạn tập trước hỗ trợ. Nếu căn cơ khí lực tốt, tự tin mạnh dạn khai. Hiện nay có đa số người tự khai tốt, không cần hỗ trợ. Tuy nhiên cần được tư vấn thêm. Cách khai của chúng ta khác các pháp môn khác, nên an toàn hơn).

Chú ý: Khi dẫn khí, đến chỗ nào thấy tức, nóng quá, đau, là do chỗ đó có huyết bị tắc, sao chỗ đó chưa thông, nên thông lại, sau đó tập tiếp.

Cách xử lý khi bị tẩu hỏa - nhập ma:

- Dừng tập ngay, thu khí về Đan điền, thả lỏng người.
- Xoa nóng các sao, mát-xa như lúc đầu.
- Nếu bị nặng: hoa mắt, nhức đầu nặng, hoặc nôn mửa, mê sảng, thấy ón lạnh và rùng mình, thấy nháy nháy trong đầu, có mùi tanh-là có vong lạ nhập.

Lập tức trùm chăn, uống nước gừng, gọi điện nhờ thầy, hoặc nhờ bạn giỏi truyền khí, bấm các huyệt: **Nhân trung - Nội quan - Thiên đột - Đại trùy - Ấn đường - Dũng tuyền - Hợp cốc**. Nếu bị nhập ma, sử dụng các biện pháp tự vệ tâm linh cần thiết, như: **Lăn trứng vào gáy, các sao, dùng đá thạch anh trấn vào, hoặc niệm phép cho xin Thiên Pháp giáng.... tạo vòng khí bảo vệ.**

Bị nặng, mang đến nơi y tế, hoặc thầy đông y biết bấm huyệt, hoặc gọi thầy cứu. Các học viên cấp 1 phải biết cách tự xử lý.

* * *

THỰC HÀNH HỌC THIÊN PHÁP

BÀI 4 : THỂ DỤC, DƯỠNG SINH MÁT-XA, TẬP THỞ TRƯỚC KHI THIỀN, LUYỆN KHÍ

Bài Thể dục sáng, chiều, hoặc trước khi luyện khí

1. Lắc cổ, vặn vai

Tập hàng ngày, trước và sau khi thức dậy, trước và sau khi tập khí công.

Tư thế:

Ngồi hoặc đứng. Nếu ngồi thì xếp bằng, đứng thì 2 chân bằng vai. Tay chống hông. Lắc xoay cổ theo 2 chiều. Hình dung khí theo mũi vào cổ, xương cổ.

Tác dụng:

Tập bài này chống các bệnh liên quan đến khớp, xương cổ.

2. Lắc vặn xoay lưng

Tư thế:

Tay chống hông, xoay vặn lưng theo 2 chiều. Thở tụ khí vào đan điền, thở ra nhẹ nhàng, sau đó thở thật.

Tác dụng:

Làm khỏe thật, vùng lưng, trị các bệnh vùng bụng.

3. Lắc vặn xoay hông:

Tư thế:

Tay chống hông, xoay vặn hông theo 2 chiều. Thở tụ khí vào đan điền, thở ra nhẹ nhàng, sau đó cho khí xuống hai bên hông, chạy xuống 2 gan bàn chân.

Tác dụng:

Làm khỏe thật, vùng lưng, trị các bệnh vùng bụng, chân.

4. Chà nóng hai gan bàn chân:

Tư thế :

Dùng tay xoa theo chiều kim đồng hồ ở lòng hai bàn chân, cho nóng ran lên chỗ huyệt Dũng tuyền.

Tác dụng:

Trị bệnh cao huyết áp, đường ruột. Chú ý xoa từ gót chân lên đến gan bàn chân. Xoa gan bàn chân hầu như là chữa được các bệnh, đặc biệt là thật. Xoa đầu ngón chân cái trị bệnh đau đầu, cổ.

Bài tập mát-xa trước khi thiền, luyện khí

Trước và sau khi thiền, luyện khí: phải làm các động tác mát-xa, dưỡng sinh để cơ thể thuần thực, thông khí huyết, tránh tẩu hỏa nhập ma.

Gồm 9 bước:

1. Thả lỏng toàn thân. Buông thông hai chân, tay và thân người.
2. Xoay, vặn người qua lại nhiều lần, xoay quay hông, cổ.
3. Dùng 2 đầu ngón tay cái đặt vào thái dương, rồi đặt 2 ngón giữa của 2 bàn tay vào ấn đường, day nhẹ ấn đường và thái dương. Sau đó: để nguyên 2 ngón tay cái như thế, vuốt hai ngón tay dọc phía trên lông mày; di chuyển ngón giữa xoa vòng từ giữa trán xuống 2 bên trán. Sau đó: để nguyên 2 ngón tay cái như thế, xoa lên huyết Bách hội trên đỉnh đầu; quay bàn tay ra sau gáy, vẫn dùng 2 ngón giữa xoa nắn gáy, 2 mang tai; vuốt vành tai cho nóng lên.
4. Dùng hai tay vuốt nhẹ từ Sơn căn (dưới Ấn đường), xuống hai bên sống mũi, xuống 2 bên khoe miệng, xuống cằm. Xoa huyết Nhân trung
5. Xoa lòng bàn tay nóng, rồi áp vào mắt, mặt. Xoa nóng ngực, rốn, Đan điền.
6. Xoa dọc hai chân, xuống bàn chân. Xoa ấm hai lòng bàn chân, day huyết Dũng tuyền.
7. Trước khi tập: Thở tổng khí 9 lần. Rồi tập vài lượt thở bụng quán đôn khí về Đan điền. Sau khi tập:-Trở lại thở điều hoà khí nhẹ bình thường.
8. Trước khi tập: Xả trọc: Tưởng tượng khí ám trong cơ thể và xung quanh bị tan bay ra, tạo một vòng sáng xung quanh thân mình.
9. Trước khi tập: Xả tâm: Tâm tịnh, tập trung tư tưởng vào tập, loại bỏ tạp niệm, đưa ý nghĩ về trống không. Mặc quần áo rộng, thoáng.

Sau khi tập:

1. Xoa nóng người.
2. Đi chân đất, xả khí qua gan bàn chân.
3. Bình thân trở lại.

Luyện cách thở khoa học

Tác dụng: Phương pháp thở bụng nhằm tụ khí tại Đan Điền.

Thở bụng nhằm tăng cường khí lực, tạo nội khí vào bể chứa năng lượng của cơ thể, giúp tăng khí lực, chống các bệnh về hô hấp, suy khí, để cân bằng giao cảm âm dương.

Tạo thói quen thở bụng trong mọi lúc, thay thở ngực bằng thở bụng. Trước khi luyện thiền - công, phải tập luyện thở, sau đó, trước khi mỗi lần thiền - công phải thở điều hòa vài lần.

Cách tập: Ngồi thẳng lưng. Hít khí vào, dọc theo đường giữa cơ thể, xuống Đan điền, không cần nén khí. Thở ra theo đường ngược lại. Thở đều nhịp, hơi thở nhẹ, không vội, khoan-thai.

Chú ý: Không cố nén khí vào phổi, mà cho khí đi dọc bụng xuống Đan điền.

Sau đã quen, sẽ thành cách thở tự nhiên, thành phản xạ. Bụng tích khí. Tinh thần minh mẫn.

Trước khi luyện khí, phải thở tổng khí 9 lần, sau đó tập thở vài chục hơi theo cách này, sau đó mới tập dẫn khí.

PHÁP NHÂN

Pháp nhân là con mắt của Pháp ta. Là cách nhìn của Pháp với thế giới, cuộc đời, thiên giới. Pháp nhân không tự nhiên mà có, có thể nó được Cha lập cho chúng ta, có thể do tu luyện mà thành. Pháp như tên gọi.

Thiên Pháp: Là **Thiên phù đặt trên tòa Sen vàng**, tỏa ánh sáng trắng.



Thiên Pháp: Là Thiên phù đặt trên tòa Sen vàng

Cách niệm Pháp, nhập Pháp khi tập xem cụ thể trong các bài tập.

Cách quán niệm Thiên Pháp:

Niệm Thiên Pháp làm như sau: Nhắm mắt lại và niệm pháp: **Thiên Pháp Giảng trần!**

Sẽ hình dung thấy Thiên Pháp xuất hiện từ trên cao, xuống phía trước mặt, rồi nhập vào người. Khi Pháp trùm lên người, thì vòng tròn Đại Nguyên năng sẽ nằm phía trên đỉnh đầu, hai vòng Nguyên năng nhỏ ở hai bên. 7 sao áp vào trên thân trước, như sau:

Tài liệu hoàn toàn miễn phí cho ai có duyên. Chỉ sử dụng để tham khảo cá nhân. Cảm sao chép, thay đổi nội dung, sử dụng để kiếm lợi nhuận dưới mọi hình thức. Mọi vấn đề liên quan xin gửi về ThienPhapDao@Gmail.Com, <http://AsTamLinh.BlogSpot.Com>, <http://ThienPhapDao.BlogSpot.Com>

- Sao 1 : ở giữa đáy chậu, nơi huyết Hội âm.
- Sao 2: tại huyết Quan nguyên dưới rốn 3 cm.
- Sao 3: tại huyết Trung quản, nơi giữa hõm ngực.
- Sao 4 : trên giữa ngực, ngang 2 vú kéo sang (huyết Đản trung).
- Sao 5 : tại hõm cổ (huyết Thiên đột).
- Sao 6 : trên giữa hai lông mày (Ấn đường)
- Sao 7 : trên da đỉnh đầu, một nửa trong đỉnh (Bách hội và Nê Hoàn có 4 huyết Tứ thần thông).

Một sợi dây màu trắng nối trên trời xuống, chạy dọc nối Thiên Pháp với 7 sao và Đài sen. Hình dung mình ngồi trên đài sen vàng.

Chú ý: Ban đầu thấy màu đỏ của Thiên Pháp, nhưng tập một lúc sẽ thấy tất cả chỉ còn màu sáng.

Sau khi Thiên Pháp đã rõ, thì niệm: **Thiên Long giáng thế!**



Quán - Niệm Thiên Pháp vào người: Ốp hình Thiên Phù vào người, trùm khớp 7 sao trên cơ thể .

Thấy - hình dung có 2 con rồng vàng, bay từ trên trời xuống, chạy qua đỉnh đầu, mỗi con một bên chạy từ đầu xuống dọc thân người, xuống hai chân rồi quay lên châu đầu vào 2 bên Đại Nguyên năng, còn thân và đuôi của nó nằm dọc xuống, uốn theo trục dọc của trục sao.

Các pháp tu khác thấy rắn, gọi là hỏa xà, Pháp ta do đặc biệt, nên gọi là hình Rồng châu như vậy.

Tượng Pháp: Là bông sen vàng ở dưới, nhưng nó chiết ra bông nhỏ, nối lên nằm trong Đan điền, xoay không ngừng, theo chiều kim đồng hồ nhìn từ trên xuống.

Xin nhớ cho: Khi bình thường, các sao phía trước quay cùng chiều kim, khi đẩy xả khí trọc, thì xoay ngược kim; các sao ở lưng thì lại xoay ngược kim.

Sau này, khi chúng ta khai huệ nhãn, thấy bóng tượng pháp này trên Kim tự tháp, thượng vía mình ngồi tu trên đó. Đại diện cho chúng ta trên Trung giới. Khi ta thể hiện điều gì trên Trung giới, thì thông qua vị thượng vía trên đó mà làm, ví như ta muốn nói chuyện với vong, gặp linh nhân, ta múa thì hình tượng của ta múa, ta nói thì cũng thấy nó nói, nghĩa là thực là cái bóng linh của ta trên đó. Thực ra nó là cái bóng linh hồn của ta, Cha chiết ra, cái bóng này Phật giáo nói là thể thượng trí, còn chủ thần ở dưới họ gọi là hạ trí. Ta gọi là Tượng pháp.

Bóng đó còn hóa hiện muôn hình vạn trạng theo thể ý của ta, chớp mắt, ta muốn nó ở đâu nó sẽ ở đó. Tại sao? Vì linh giác khai mở, huệ nhãn khai thông, hồn xuất hóa hiện muôn hình, tốc độ di chuyển của vật chất siêu đẳng nhanh hơn tốc độ ánh sáng. Vậy khi chúng ta “chết” đi, chúng ta thoát xác bay lên Trung giới ngồi đúng chỗ đó.



Tượng pháp: là hình mình ngồi trên bông sen, dưới Thiên phù, hình tròn-nằm trong Đan điền và sau này khi biết xuất hồn hoặc mãn trần, thì lên Kim Tự Tháp trên Trung Giới.

Tu luyện Thiên Pháp là làm cho Tiểu Vũ trụ hòa nhập vào Vũ trụ. Thiên Địa Nhân hợp nhất, con người hợp nhất với Đấng Đại toàn năng. Thiên Pháp biểu hiện là linh thể của chính mình, trong linh thể Thượng Đế.

Tượng pháp của Ta hình thành do Cha lập cho, ban đầu, khi mới khai nhãn, không hiểu biết gì về điều này, nhưng do Nê hoàn cung vốn khai thông từ nhỏ (mỏng xương đỉnh tự nhiên), nên thấy tự nhiên biết xuất vía, không phải tập. Một thời gian sau, có một lần sáng dậy, tự nhiên thấy một cái bóng y như mình trên cao động đậy, lạ quá, thấy bóng đó ngồi trong cái bàn đá. Trên cao là bóng rỗng, thấy hay hay, nhưng chưa biết nó là cái gì, sau thấy mình động, mình di chuyển nó cũng thế, rồi đột nhiên có tên tà binh lao vào đánh, ta đánh lại, lập tức cái bóng hành động như ý. Thế là ta hiểu ý vị của Cha. Các vị sau đọc thêm sách khác của sẽ hiểu thêm.

Tượng pháp một vị tu theo Pháp của Ta, có hình như sau: Bóng các vị (mỗi người có một bóng tượng) ngồi trên tòa sen, dưới chân Thiên Pháp, ánh hào quang sáng xung quanh. Không ai phá nổi tượng này của các vị trừ Cha! Ta cũng không đủ phép phá, các vị có phá nó, hôm sau nó lại y như cũ, vì sao? Vì nó là Linh khí do Cha lập, nó là cái bóng của các vị. Các vị có mất cái bóng của mình không? Không thể. Nó chính là cái hồn của các vị, chiết lên trên, vì hồn linh hóa hiện muôn hình.

Cái chỗ của chúng ta là trên kia, chứ không phải ở đây. Khi các vị được nhìn thấy Tượng pháp trên kia của mình rồi, thì thấy thế này: Ở dưới này các vị xấu, ám, phạm lỗi...thì thấy nó đen đi, xấu đi, méo mó, thậm chí thấy các bóng bên cạnh chửi rủa, phê phán, thậm chí bị hạ xuống thấp hơn! Xấu hổ lắm! Khi các vị làm việc tốt, tu luyện tốt thì nó sáng lại! Khi các vị thấy nó tối, muốn dùng ý cho nó sáng lại, có thể nó sáng đôi chút, nhưng tu tập kém, nó lại tối. Tại sao? Vì nó chính là hồn-vía các vị chiết thăng lên vậy.

Còn kẻ nào vô minh, không biết linh hồn là cái gì, bảo thủ, khinh phù Thượng đế, cãi sằng cãi cổ, hoặc hại Pháp, sau y chết, các đệ tử Pháp môn cứ bắt linh hồn y đến dưới chân mình, hoặc lên Kim Tự Tháp, bắt y quì xuống mà nhận tội.

Các vị đã hiểu được lý Trời rồi.

Nên chúng ta hãy mau giúp người khác tu luyện mà giác ngộ. Nhưng nhắc luôn là không cố tự tạo Tượng pháp nhé, cố cố mà chưa tu đúng bậc, không thấy gì đâu, cố tạo ra, nó cũng mất, cái đó Cha tạo, chứ chúng ta không tạo được. Nên cố gắng tu đi, rồi sẽ thấy nó. Khi thấy được nó, đồng nghĩa với việc các vị có chết cũng về trung giới cảnh 5, 6 rồi và ngang bậc thần rồi! Cao hơn nữa, thành tiên phật!

BÀI 5: THIÊN HOA SEN THIÊN TÔN

(Bài Thiền sơ cấp)

Nguyên lý:

Thiền để tĩnh tâm trong mọi việc, lúc nào đau đầu lo lắng...thì thiền cho tâm lắng lại, đầu nhẹ nhõm. Trước khi tập công cần thiết phải thiền. Nhưng có thể không thiền cũng không sao. Có thể thiền một chút, nhưng không thiền sâu. Người mới tập khí công không nên thiền sâu, tránh tẩu hỏa-nhập ma.

Nên hình thành thói quen, khi mệt mỏi, đau đầu, lo lắng, stress thì thiền, công cho khỏe, đạt an tĩnh, tự tại. Đắc Pháp thì đạt an nhiên, tự tại mọi lúc.

Mục đích của thiền là xả bỏ tâm trọc, hoặc tâm loạn, đưa trạng thái tinh thần về tĩnh, tư tưởng về tịnh, sạch, thải bỏ tạp niệm và làm cho sóng điện não hạ xuống thấp nhất để tiếp nhận nguyên khí Vũ trụ. Thu sóng thể vía-từ trường sinh học cô lại, không nhiễu loạn. Ngoài ra, thiền để sóng hạ âm của não có thể tiếp xúc với sóng hạ âm và thể tinh túy của vật chất siêu đẳng-đó chính là thể giới vô hình, cõi nguyên khí vô thanh vô hình tâm linh.

Cách tập:

1. Tư thế

Ngồi xếp bằng tự nhiên, hoặc nằm như tập thở. Ngồi thẳng lưng, không uốn, không vẹo, không cố cứng người, xương sống dù nằm hay ngồi phải thẳng. 5 ngón tay chụm lại như bông một bông hoa sen khép cánh, chia lên trên, đặt trên đầu gối.

Xả trọc, bỏ tạp niệm, tập trung ý để tập.

2. Quán tưởng

Hình dung mình ngồi trong một vòng sáng - như hình vía - quả trứng, từ 1-3-7 lớp.

Có thể niệm Thiên Pháp giáng xuống thân, hoặc không.

Thu ý thức vào một điểm-đó là hình dung có **một bông hoa sen nằm chìm trong da, tại Đan điền**, cánh nở, tròn, nhụy vàng, hoặc da cam, cuống xoay vào trong. Hoa xoay nhẹ, theo chiều kim đồng hồ, nhìn từ trên xuống.

(Các bài Thiền cao cấp ở chương trình sau sẽ có các cách thiền khác để có tác dụng khác).



- 3.** Thở thật chậm, hơi mỏng nhẹ - như không thở, khí chuyển xuống Đan điền từ từ, nhẹ mỏng, sâu, lâu, đều. Không chú ý nhiều đến đường xuống của hơi thở, chỉ chú ý đến bông hoa sen.

Đây là **Thiền tĩnh**.

Thiền công như sau:

Sau này khi đã quen, thì xoay nhẹ sao cũng được, hơi có ý cho khí co lại, tụ lại ở Đan điền. Khi thở ra, thì một là quên không để ý đến đường khí lên, hoặc là cho khí đi xuyên ra phía Mệnh môn - là một cách hoạt hóa năng lượng cho Thận khí và sao 2. Tập nhiều sẽ quen, bụng dưới sẽ tích khí, tập lâu thấy cứng lại, nội khí đầy lên, nhụy hoa sẽ phát sáng. Nhịp tim sẽ dần chậm lại, huyết áp giảm - nếu bệnh huyết áp cao, hoặc ngược lại, huyết áp sẽ tăng, nếu có bệnh huyết áp thấp.

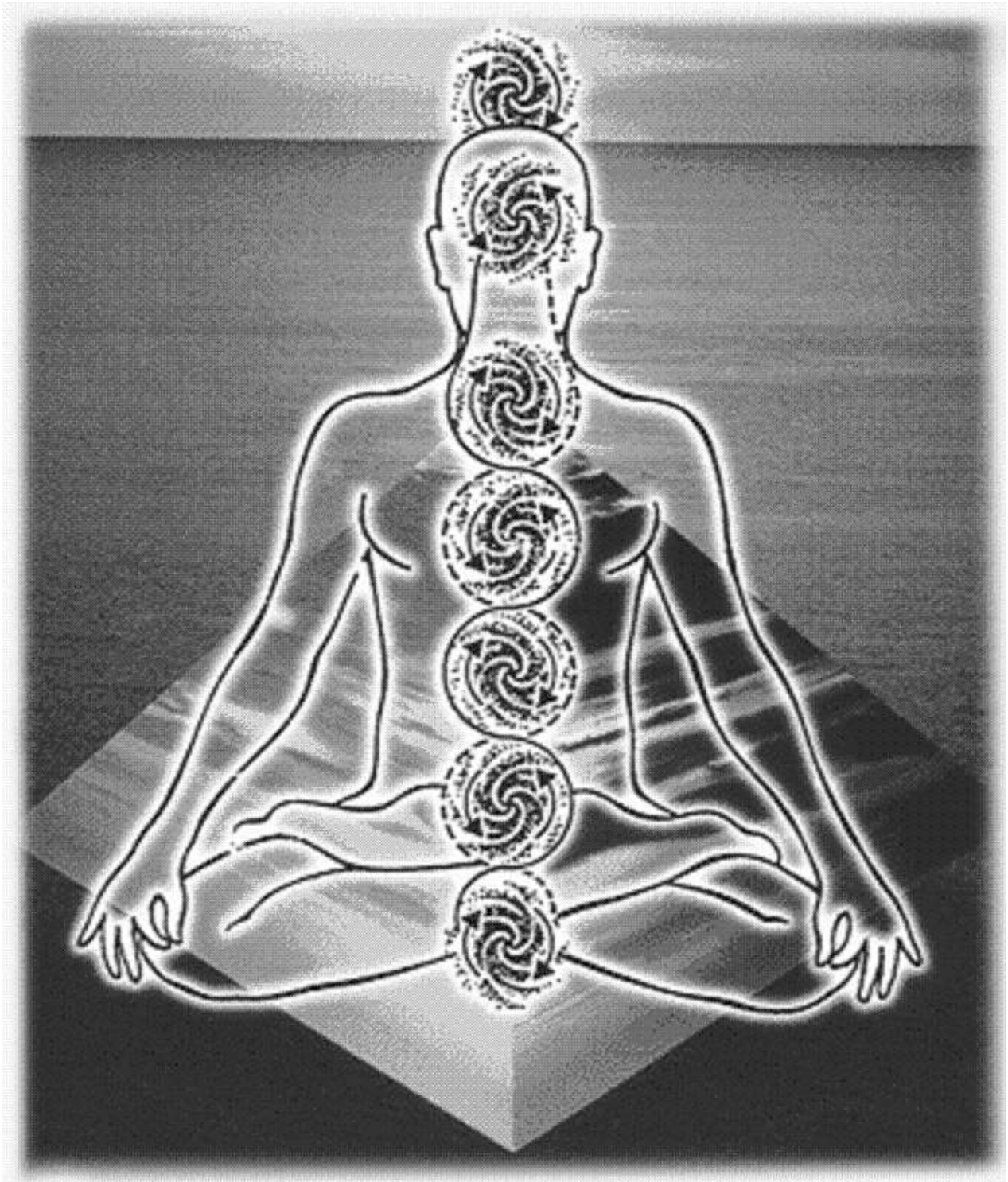
Ứng dụng: Từ bài Thiền công, có thể chuyển sang tập nén nội khí, tẩy lọc các sao, hoặc Thiền sâu thủ ý tại các nơi bị bệnh.

BÀI 6 : KHAI CÁC ĐẠI HUYỆT - SAO

1. Thầy khai giúp.
2. Hoặc tự khai. Có thể khai theo bài **Thiên long Nhân công Pháp**.

Quán tưởng: Niệm Thiên Pháp giáng thân.

7 sao Thiên phù áp vào trên thân trước, như sau: Sao 1 ở giữa đáy chậu, nơi huyết Hội âm, sao 2 tại huyết Quan nguyên dưới rốn 3 cm, Sao 3 tại huyết Trung quản, nơi giữa hõm ngực. Sao 4 trên giữa ngực, ngang 2 vú kéo sang (huyết Đản trung), sao 5 tại hõm cổ (huyết Thiên đột), sao 6 trên giữa hai lông mày (Ấn đường), sao 7 trên da đỉnh đầu, một nửa trong đỉnh (Bách hội và Nê Hoàn có 4 huyết Tứ thần thông). **Không khai sao 1 và 6**. Sang cấp 2 mới khai, tránh nguy hiểm.



Các sao và chiều đường xoáy năng lượng-cùng chiều kim đồng hồ là vào, ngược chiều kim đồng hồ là ra

Khai vòng xoáy khí như hình vẽ-phía trước cùng chiều kim đồng hồ, phía sau ngược chiều kim đồng hồ. Hút vào, thông ra phía sau; sau quen thì thông ra trước và sau đều được. Trong các bài tập về sau, thì xoáy sao là để xả khí trọc ra khỏi cơ thể, trước khi luyện công.

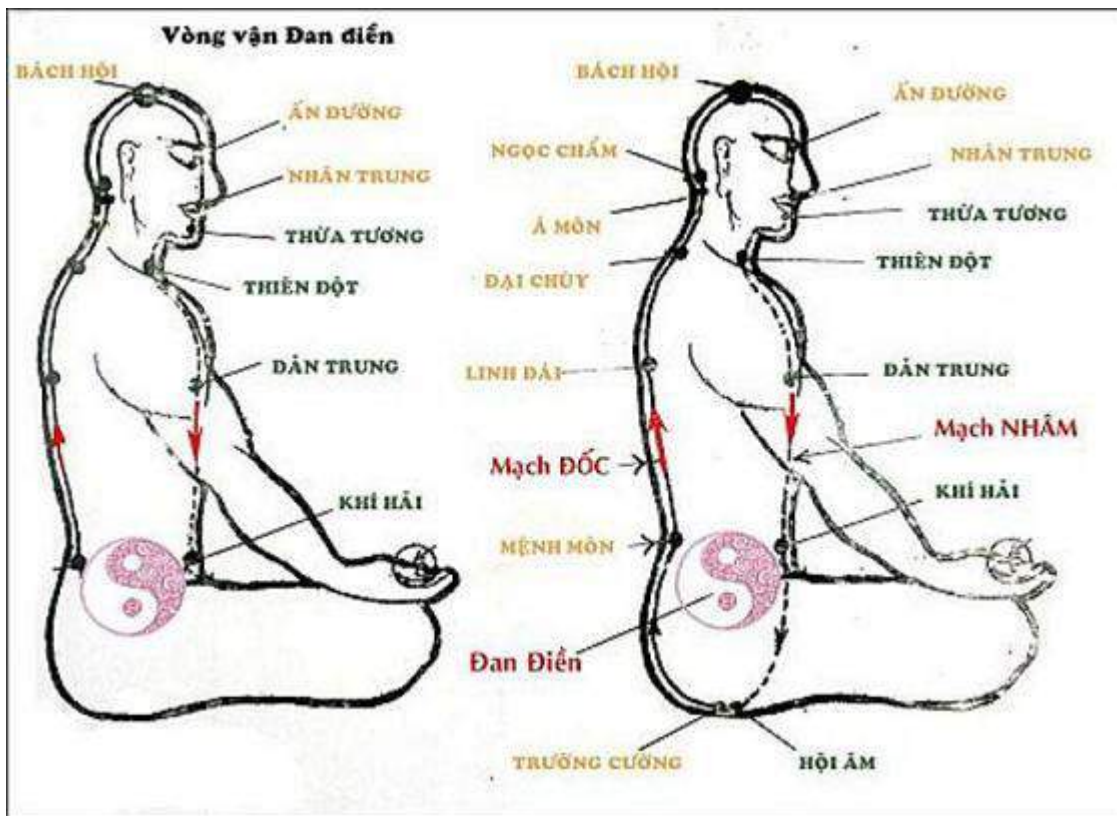
BÀI 7: THU-XẢ KHÍ QUA CÁC SAO, CHÂN TAY

Sau khi đã khai sao, luyện cách lấy khí qua các sao: Khí dương qua các sao lưng, khí âm qua các sao bụng.

Chú ý: Không tham nén khí tại các sao - trừ sao 3. **Cấp này cấm dùng sao 6- nguy hiểm.** Xả khí qua các sao, thông khí các trung tâm - tẩy khí độc ra ngoài - Xả khí - Thu khí qua **Dũng tuyến** và **Lao cung**.

BÀI 8: HAI VÒNG TIỂU KHÍ VÀ ĐẠI KHÍ

Tập thu Tiểu khí vòng 1 và vòng 2



Thu tiểu khí vòng 1:

1. Ngồi theo hướng:

Nếu tập vào giờ:

Tý : 11-1h đêm..... mặt quay hướng Bắc.

Ngọ : 11-1h chiều:.....Nam.

Mão : 5-7h sáng:.....Đông.

Dậu : 5-7h tối:.....Tây.

Nếu nằm cũng được: Đầu kê cao vừa phải, hai tay đặt trên ngực, xỏ vào nhau, hai đầu ngón cái chạm nhau, hai chân song song, duỗi thẳng

Tư thế ngồi xếp bằng tự nhiên, hoặc nằm như tập thở, thiền. Ngồi thẳng lưng, không ưỡn, không vẹo, không cố cứng người, xương sống dù nằm hay ngồi phải thẳng. Đầu lưỡi chạm vòm nướu răng trên, hai mắt nhắm.

2. Bái niệm



3. Thở

Chụm đầu cả 5 ngón tay lại, như một bông hoa sen khép cánh, hoặc hai ngón nào cũng được, chìa lên trên, đặt trên đầu gối. Xả trọc, bỏ tạp niệm, tập trung ý để tập. Thở mà không như thở. Mắt nhắm.

Tạo các vòng bảo vệ xung quanh như bài Thiền.



4. Dẫn khí

Hít vào:

Hình dung có một dòng khí sáng từ hình bóng của Cha - Phía trên cao, từ Bắc Đẩu.

Hình dung Ánh sáng trắng như tuyết, từ từ chuyển xuống thân mình, vào qua mũi, đi dưới da, mảnh và dài như cây đũa, chạy dưới da khoảng 1 cm, chạy từ lỗ mũi, qua Nhân trung, xuống dọc giữa ngực, xuống bụng, xuống tụ tại Đan điền, xoay tròn hình bông hoa sen trắng, theo chiều kim đồng hồ, đếm từ 1 đến 9, vừa đếm vừa nén dồn khí lại, bông hoa sen co lại, thu tụ vào, hình nhụy da cam hoặc vàng.

Thở ra:

Khí trắng từ Đan điền theo chiều ngược lại, trở lên mũi. Khí từ từ qua lỗ mũi, mỏng nhẹ như làn khói, đẩy theo khí âm, bệnh ra ngoài, đi xuống dưới bên phải hoặc bên trái.

Tập 9 lần/một lượt tập.

Ứng dụng:

- Có thể hình dung khí đi từ Bách Hội xuống cũng được.

Khi đạt cao cấp thì có thể thiên-công ở bất cứ lúc nào, ở đâu, không nhất thiết phải chuẩn bị, đều có thể thu phát khí được.

Thu tiểu khí vòng 2

Bước 1:

- Tập đến bước 2 của vòng I. Không cho khí đi trở lại.

Bước 2:

- Sau khi đếm đến 9, cho khí đi xuống bụng dưới, qua Hội âm, rồi qua hậu môn, nhúu lại một chút để nối Nhâm và Đốc mạch, sau đó khí đi qua xương cụt, lên dọc xương sống, qua cổ, lên đỉnh đầu, rồi xuống trán, xuống mũi, thở ra, như vòng I. *(Vòng này nối mạch Nhâm và mạch Đốc. Nhâm Đốc thông thì các kinh mạch khác cũng thông và tạng phủ sẽ không bị bệnh).*

Tập 9 lượt.

Ứng dụng:

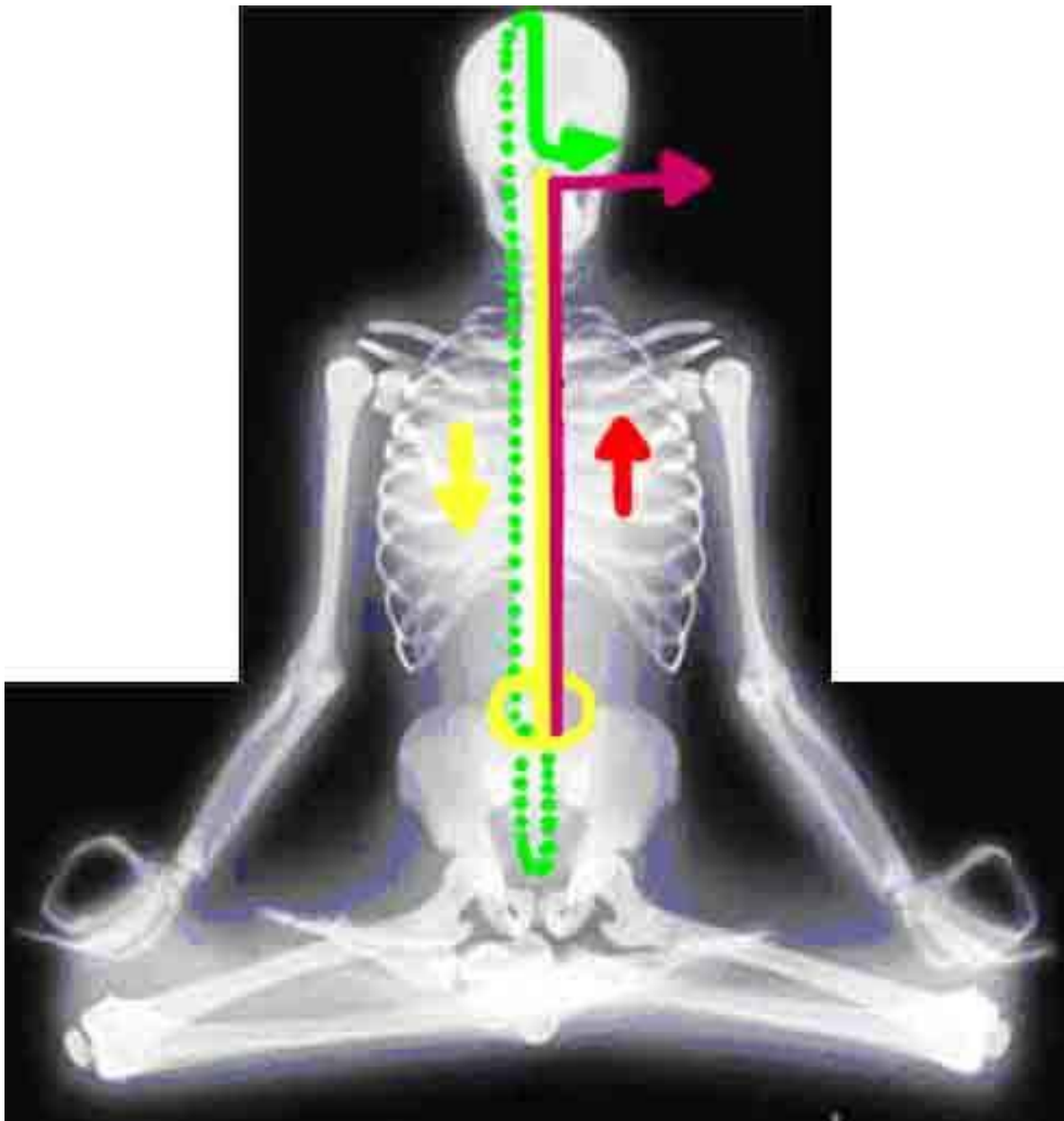
- Có thể tập kéo khí ngược lại, từ Bách Hội, xuống Đốc, rồi lên Nhâm, ra mũi cũng được.

Khi tập xả khí trọc, thì xả xuống từ Bách Hội xuống đến Hội âm, theo hai đường Nhâm, Đốc đều được. Sau khi xả trọc khí, thì tập dẫn khí như trên. Sau này tập đã quen, thì **nhất thiết trước khi tập dẫn công khí, phải xả trọc theo các sao và theo hai đường Nhâm Đốc, trước khi nén khí, hay dẫn khí, chữa bệnh.**

Chú ý:

- Trong khi tập, có khi khó hình dung được khí trắng, có khi là đỏ, vàng, đen-là do tâm thể bị bệnh, hoặc thể vía xấu, kiên trì tập sẽ thành trắng.

- Khi tập, có khi khí tán loạn, không theo dòng mảnh như cái đũa, mà tán ra, phải cố gắng dồn ý cho đúng; nếu không hình dung được, khí cứ tán ra thì ngừng tập, tĩnh trí lại, bỏ ngay suy nghĩ và tập niệm. Trường hợp không hình dung được dòng khí chuyển thì ngừng tập. Trường hợp khí bị tắc, ở chỗ nào là chỗ đó bị bệnh.
- Khi tập, bất ngờ bị rung động, ớn lạnh như trúng gió, tâm bất loạn, hoặc thấy có luồng khí như điện chạy vào người...đó là tẩu hỏa nhập ma: Khí tà, vong lạ vào các luân xa, huyết do huyết bị mở ra quá. Lập tức phải gồng người, dồn khí về Đan điền, co bụng lại, rồi hình dung: đóng nắp các luân xa: 3-ở Đan điền, 4-ở giữa ngực, 5-ở cổ họng, 6- Ấn đường và 7-đỉnh đầu. Xoa nóng các nơi này và hai lòng bàn tay, chân ngay. Nếu thấy đau, phải dồn khí vào nơi đó. Hình dung có vòng sáng bảo vệ xung quanh thân mình.



THU ĐẠI KHÍ VÒNG 1 VÀ 2

1. Thu Đại khí vòng 1

1. Cho khí đi từ mũi, đi thẳng xuống Đan điền, tụ lại, đếm đến 9 thì cho đi xuyên ra sau qua huyết Trường cường(gần xương cụt), rồi xuống hông phải, đi dọc phía sau chân phải, xuống qua gót chân, vào huyết Côn lôn ở hõm gót chân, đi vào dưới Dũng tuyến, từ Dũng tuyến, đi qua má bàn chân phía trong, đi xuyên lên qua huyết Tam Âm giao, rồi đi dọc theo cạnh chân phía trước, đi lên ở phía người trước, đến Đan điền, đi xuyên vào Đan điền ra sau lưng, đến Mệnh môn thì kéo dọc lên theo mạch Đốc, dọc lưng, lên đỉnh đầu, xuống mũi, thở ra.

Tóm tắt: Từ Đốc-Đan điền-Xuyên ra Trường cường-sau chân phải, trước chân phải, Đan điền, sau lưng, lên đầu, ra mũi.

2. Làm chân trái tương tự như chân phải, nhưng ngược lại:

Từ Đốc-Đan điền-Xuyên ra Trường cường-sau chân trái, trước chân trái, Đan điền, sau lưng, lên đầu, ra mũi.

Làm 9 lần/1 lần tập.

Mục đích của bài này là thông hai đường Nhâm Đốc và các đường khí của chân-đặc biệt là kinh Can, Tỳ, Vị để hoạt hóa khí-năng lượng các tạng phủ đó. Đồng thời tập cho quen để dẫn đường Đại khí vòng 2 phức tạp hơn.

2. Thu Đại khí vòng 2

Có ba cách dẫn cơ bản:

Cách 1:

- Cho khí đi từ mũi, đi ngược lên Đốc, đến Bách hội, xuống Đại chùy, thì chui sang Thiên đột.
- Từ Thiên đột đi dọc theo Nhâm, đến ngực thì ngưng hít; xuống Đan điền, tụ khí nhẹ tại Đan điền, rồi đi xuyên ra sau lưng, đi dọc Đốc dưới, qua Trường cường, qua sang hông phải, đi dọc theo mé trong-sau chân phải, xuống Dũng tuyến, đi xuyên bàn chân, đi lên dọc phía trước chân phải, đến bụng trước, đi vòng sang phía trước chân trái, rồi qua Dũng tuyến chân trái, vòng ra phía sau chân trái, đi lên lưng, vào Mệnh môn sau lưng, đi dọc theo Đốc lên đến Đại chùy, chui sang Thiên đột ở cổ họng, đi vòng phía mặt trước tay trái, đến huyết Quan xung ở ngón tay giữa trái, đi vòng lên theo đường ngoài tay trái, đến vai trái, chạy vòng sang vai phải, đi qua mặt ngoài tay phải, qua Quan xung tay phải, đi vào mặt trong tay phải, đi lên vai, vào cổ, lên mũi, thở ra.

(Mục đích của đường này là thông Nhâm-Đốc-các kinh âm dương của tay chân; đồng thời không cho khí bắn đi vào não; cân bằng âm dương khí ngay tại 2 trung tâm là Đại chùy, Thiên đột).

Cách 2:

Gần giống như cách 1-chỉ khác là không cho khí xuống qua Nhâm, mà qua kinh Can, Đờm của 2 bên, nhằm hoạt hóa năng lượng của 2 kinh rất qua trọng này, nhằm sơ can tiết khí). (Theo kinh nghiệm, thì ở vòng Tiểu năng, chúng ta đã thông Nhâm Đốc rồi, vòng này không cần thông Nhâm, Đốc, mà thông các đường kinh khác. Thầy thường tập cách này)

Cách 3:

Ứng dụng cả 2 cách trên: Cho qua Nhâm-Đốc và cả kinh Can-Đờm.

(*Hình minh họa cách 3*)



Chú ý: Đây là bài tập khó, vì nín hơi, quán khí lâu, người yếu hoặc người chưa học tốt các bài trước chưa được tập, nếu không sẽ dễ bị loạn khí, tẩu hỏa. Phải

có bạn hướng dẫn, hoặc tập thử và hình dung nhiều lần cho quen, mới dẫn khí.

Phi thường cách:

Là không còn tuân theo bất cứ nguyên tắc nào nữa. Khi đạt trình độ khí công cao cấp, xuất được hồn, khai nhãn huệ, thì hầu như không còn áp dụng bất cứ phương thức nào để dẫn khí nữa. Có thể đưa khí đi theo mọi đường kinh, mọi cách có thể, đến bất cứ nơi nào trên cơ thể, khí nóng, rất nóng, hoặc lạnh mát là do mình. Khí có thể chạy không theo đường cơ bản nào, miễn là được khí, có khí.

Cũng như thiền, không còn phải ngồi thiền, nhắm mắt thiền....mà xả trọc, thả tâm, thu ý, lim dim mắt đã là thiền, tâm trống, rỗng, mắt mở, hay xuất vía, hồn, bay lên tĩnh lặng hoàn toàn cũng là thiền.

Rồi xuất hồn cũng thế, có thể xuất nhập bất cứ lúc nào, không nhất thiết phải cứ xuất qua đỉnh đầu, mà xuất qua bất cứ chỗ nào trên cơ thể, kể cả...qua sợi tóc!

Luyện Cao Minh công cũng thế, lúc thì bay lên mặt Trời, lúc thì thu khí ở cây, hay lên bất cứ chỗ nào trên Thiên hà. Tóm lại khi đạt trình độ Phi thường cách, thì Linh hồn ta tự do hoàn toàn, như chim sa cá lượn, như mây gió, lúc thu lúc tán...Đó là, ta thành...Linh hồn ngự trong xác thể rỗng rang! Mỗi là đang đậu nhờ xác phàm nữa thôi! Khi tu luyện đến trình độ này, mới hiểu thấu Con người là Tiểu Vũ trụ. Thân xác chúng ta y như Vũ trụ, Linh hồn ta là Tiểu Thượng đế. Linh hồn “bay” trong thân xác, có thể như cá bơi trong nước, như chim bay trên không trung, nhìn thấy cả li ti tế bào, độ rung động của nó, hay bay ra khỏi thân xác, nhìn thân xác như hạt cát, hoặc biến mất. Đến trình độ này, biết là có **Luân hồi**, có **đời Tạm** như thế nào, biết là chúng ta **Bất tử** như thế nào. Rõ ràng cái chết thân xác không hề ảnh hưởng đến sự tồn tại của chúng ta. Chúng ta thấy yêu sự sống, kính trọng những giờ phút còn mang xác trần hơn, nhưng không hề sợ chết nữa; kính yêu Nhân loại, chúng sinh hơn và Kính yêu Vua Cha, Mẫu Vương vĩ đại-những người đã cho chúng ta Linh hồn và Thể xác này! Một ý nghĩ của chúng ta đều làm rung động không gian, Vũ trụ, sợ làm ác, sợ khổ đau tham lụy, thương nhân loại-những người chưa giác ngộ. Đọc thêm về **“Giác ngộ Siêu thoát và Đỉnh ngộ Nhập thể”**. (Thầy bổ sung thêm những ý này vào Chương trình tháng 1/2011).

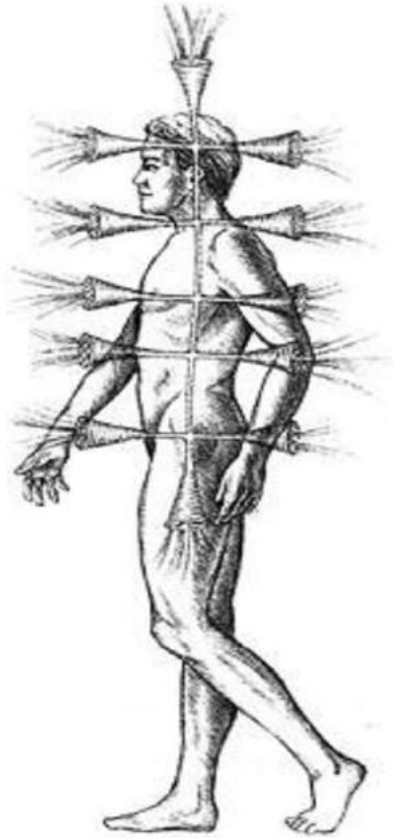
BÀI 9: CÂN BẰNG KHÍ ÂM DƯƠNG

Cân bằng âm dương khí qua Nhâm-Đốc, cân bằng tại từng sao và trung tâm năng lượng cụ thể nơi đó, thấy nhẹ người thì thôi:

Lấy khí cả trước và sau, đưa vào trung tâm, giữa trục Long hỏa để cân bằng khí. Bệnh suy âm, lấy khí trước người (nam)-sau người (nữ) và ngược lại, suy dương thì lấy sau lưng (nam)-phía trước(nữ) vào thân mình nhiều hơn, thấy êm êm, ấm, và nhẹ thì được.

Tại Đan điền, lấy khí qua Quan Nguyên-Mệnh Môn, qua Nhâm-Đốc.

Cân bằng khí tại từng trung tâm năng lượng, bằng cách lấy khí như bài trên.



BÀI 10 : TẮY RỬA NĂNG LƯỢNG CƠ THỂ - TỰ VỆ TÂM LINH ĐƠN GIẢN

Tắy rửa năng lượng

- Hình dung dòng khí dội xuống đầu khi mệt mỏi, khi tắm, sau khi tiếp xúc tà khí...
- Dùng trứng gà tươi, lăn vào những nơi đau, gáy, đan điền-khi bị ốm hoặc nghi tà ma ám. (Vì tà ma linh hồn là nguyên tử-sóng mang năng lượng - dùng năng lượng trị năng lượng và tẩy năng lượng độc ra khỏi người). Xong vớt trứng đi.
- Khi người mệt, lo lắng, mỏi mắt, bị ám thị... Dùng trứng gà lăn vào gáy, ngực, ấn đường, mắt...xong vớt đi.
- Khi nghi bị ma làm, bị quấy nhiễu khi ngủ: dùng trứng gà, hoặc lọ muối, hoặc chậu nước để ngang đầu mình nằm-sẽ hút năng lượng của tà ma. Nó sợ sẽ bỏ đi.
- Nơi ở vừa chuyển đến, hay làm mới: phải nghiên cứu phong thủy, lịch sử người ở trước. Nếu làm nhà, phải cúng thổ công trước và sau khi làm xong. Đến nơi ở mới cũng thế. Chú ý nếu có hiện tượng ma làm, thì phải nhờ thầy xem giúp. Nên đốt vía, xua tà khí để phá khí thể của các người cũ và ám khí tại nơi ở mới. Cải tạo lại môi trường, hướng vị theo ý mình.
- Nhà cửa phải thông thoáng về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Bố trí cửa, đồ vật phải theo phong thủy (có sách bổ trợ và hướng dẫn thêm).
- Trong nhà có người ốm, người buồn, cáu giận...phải tẩy rửa năng lượng ngay.
- Dùng trứng gà, hoặc lọ muối để ở các góc nhà để hút năng lượng xấu trong nhà, xong vớt đi.
- Quán tưởng thiên phù ợp vào người, niệm danh Cha xin cứu độ, hoặc các thầy của Pháp môn.

Tự vệ tâm linh

Cách nhận biết bị bệnh do tà ma - vong lạ xâm nhập, đến:

- Khi bất chợt bị đau đầu, thấy nháy nháy trong đầu, hoặc thấy nặng đầu.
- Thấy đồ vật nhỏ bị di chuyển, hoặc bị mất một cách bí ẩn, thấy gió tanh, lạ, không khí thay đổi đột ngột lạnh lẽo...(Nếu là thần thánh thì:-có ánh sáng đẹp dễ rực rỡ, cổ thể có mùi hương thơm lạ...).
- Thấy có tiếng gõ cửa, xô dịch bàn ghế bí ẩn, chim, gà tự nhiên lăn quay trước mặt-là điềm báo tâm linh, sau đó bị ốm, nạn, phải nghĩ là do tâm linh gây lên.
- Người ốm mệt, nằm mơ thấy ma, hoặc có tiếng nói trong đầu. Khi đồng cốt hoặc thầy, nhà ngoại cảm có khả năng nhìn thấy vong, cho biết là nhìn thấy tà theo, nhập vào ám bệnh bản thân.
- Thấy bóng người, hình ma quỷ dị hình.. trong mắt, trước mắt đi lại trong nhà, có tiếng nói thầm, rùng mình ớn lạnh nổi da gà, nặng ngực, nặng đầu u u, ngủ dậy có vết bầm lạ trên cơ thể...
- Cách tự vệ tâm linh đơn giản: dùng vòng khí bảo vệ: -Hình dung xung quanh mình có một-nhiều vòng khí trắng bao bọc, càng dày càng tốt.
- Luyện khí thiên công, niệm Cha, Đức thầy cứu độ. Hình dung khí từ trên đỉnh đầu hoặc nén khí từ mũi xuống hất tung tà ma khí ám ra khỏi người.
- Có thể yêu cầu ma tà ra khỏi người.

BÀI 11: BA BÀI ĐỘNG CÔNG THIÊN LONG TAM CÔNG PHÁP

1. Thiên Long Địa công pháp
2. Thiên Long Nhân công pháp
3. Thiên Long Địa công pháp

Cấp 1 chỉ luyện bài Thiên Long Địa công pháp.

TINH HOA CỦA PHÁP MÔN

Tác dụng chung:

*Trăm bệnh đều lui,
Âm dương hợp nhất,
Xuất khiếu thần thông,
Tam Công siêu tất.*

Cả 3 bài Công Pháp chưa từng có trong lịch sử loài người. Ta thuận theo Trời mà sáng tạo ra.

Cấm tập **Thiên long Tam công pháp** khi chưa luyện thiền, hiểu về kinh mạch, thông lý thuyết, chưa học thở, chưa học các bài thể dục.

Tại sao: Vì tập ba bài này sẽ khai thông thần khiếu, các mạch mở rộng, như cái nhà mở tung cửa, nếu không luyện kỹ các bài đơn giản trước dễ bị tẩu hỏa. Đặc biệt tập nhiều sẽ khai nhãn huệ, nếu không đủ đức, tò mò, tâm năng còn kém, tinh chất chưa lọc sẽ không hay, hồn vía sẽ tán loạn! Cái gì cũng có giá của nó. Cho nên không được học tắt, vội.

Thế Thiên Pháp: Hai tay ốp vào nhau, đưa lên cao trên đầu. Mắt nhắm, hướng theo tay.

Thế Nhân Pháp: Hai tay ốp vào nhau, đặt trước trán, hai ngón cái đặt vào trước ấn đường.

Thế Địa Pháp: Hai tay ốp vào nhau, đặt trước ngực nơi sao 5.

Yêu cầu:

- Cả 3 bài: Hình dung đang đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm trên quả đất. Mặt, đầu quay Bắc. Mình là người khổng lồ, trái đất chỉ như cái phản, cái giường. Nhắm mắt khi tập.
- Thở bình thường, điều hòa hơi thở êm, nhẹ. Khi tập, không chú ý đến hơi thở, mà cần chú ý đến dẫn Long.

- Khi mới tập, hoặc khi tập dưỡng sinh bình thường, không cần dẫn Long, chỉ nên tập bình thường như tập thể dục. Đến khi tập một thời gian sau, động tác đã thành thục, thấy người nhẹ nhõm, thần khí thanh tịnh, sức khỏe nhẹ người, thì mới bắt đầu tập quán ý dẫn Long. Tại sao? Vì các bài này thuộc siêu cấp, không cần nén khí, nếu vội tập sẽ gây nguy hiểm cho tính mạng. Không tập nơi gió lùa. Nếu không dẫn Long thì có thể tập ở mọi chỗ đều được.
- Đến khi thành thục, hoặc khi nhân đã mở thì tập rất nhàn, chỉ cần ngồi đâu, đi đâu, thậm chí vừa đi xe, vừa luyện cũng được! Mà công khí vẫn rất mạnh.

Vậy mỗi bài có các cấp tập khác nhau, hết sức kiên trì. Phải nhớ cho là: các pháp môn khác, có người tu, luyện cả đời mới đắc pháp thần thông hoặc khai nhân, huống chi chúng ta mới tập.

Cách khởi động các sao: Như Bài 6.

Sau khi quán niệm Thiên Pháp, thì quán niệm để mở các sao-trung tâm năng lượng trên cơ thể:

Sau đó, hình dung xoay vòng Đại Nguyên năng, thấy ánh sáng, rồi lần lượt xoay sao 2 đến 7 xoay khởi động từng sao theo chiều kim đồng hồ (nhìn từ trên xuống), xoay chậm, sau này khi đã thành thục, thì xoáy nhanh, ánh sáng bùng lên, rồi tất cả 7 sao cùng 3 khối Nguyên năng lóe sáng. Lúc này toàn thể các sao và trụ nối các sao, ba khối Nguyên năng bắt đầu phát sáng. *(Khi mới tập, thì tập khai sao trước theo bài Địa công, khi quen rồi mới tập được cách hình dung xoáy sao bằng ý như thế này).*

Khi mới tập, chỉ dùng sao 2 ở dưới rốn. Khi xoay sao này, thấy hiện lên một bông sen vàng nhỏ-hình dung rõ thì được.

Chú ý: Khi xoay sao thì không rõ hình sao nữa, mà chỉ thấy một vòng xoáy. Sau này tập nhiều thì cho nó to ra, thu lại, cứ thế.

Đó là lúc đầu mới tập lần đầu, các lần sau sẽ thấy Thiên pháp ngự trên người rồi, nhắm mắt là thấy tất cả là màu sáng, tất cả đều quay. Nếu không thấy nó quay thì dùng tay xoa tròn cho nó quay.

Nó tự động nạp năng lượng cho mình, còn mở to hay nhỏ, xoáy nhanh hay chậm là do ta điều phối.

Sau đó bắt đầu các bài tập.

BÀI THIÊN LONG ĐỊA CÔNG PHÁP

Tác dụng: Khai thông 2 kinh Nhâm-Đốc và toàn bộ các đường kinh khí âm dương do 2 kinh này quản; cân bằng âm dương khí, bổ sung nội khí âm, rất tốt cho những người suy âm; thải độc tà khí, khai mở các trung tâm năng

lượng, sạch khí tạng phủ, góp phần khai huệ. Tinh thần sẽ minh mẫn, các bệnh đều lui, đặc biệt là bệnh thận âm.

Bài này nằm tập, trên giường hoặc trên đất rất tốt, nhất là về mùa hè. Đầu quay về hướng Bắc cùng chiều đường sức trái đất. Nếu bị suy âm nặng, thì khi ngủ nên nằm đầu quay Bắc, nghiêng sang phải.

Nhớ là: Khi động tác đến đâu, đi lên hay xuống, thì Thiên Long (con rồng) bên đó xoay đầu theo và chậm chậm đi lên hay xuống trong da thịt theo động tác tập, toàn thân con rồng phát sáng.

Ví dụ: Tay kéo ra trước, thì rồng theo tay ra bàn tay, khi vuốt tay dọc thân người, thì rồng đi theo đường vuốt, chứ không theo tay, tức là theo hướng cử động, người tập phải hướng ý- ánh sáng cho Thiên Long theo động tác đó.

- Sau này khai mắt huệ, thì sẽ thấy nhiều điều kỳ lạ hơn, có thể nhìn thấy Cha, các vị thượng linh giảng, dạy thật sự, nhìn thấy vong nhân, siêu nữa thì soi chiếu được cả trung giới, trời nước, đất...
- Tất cả các động tác, tập thật chậm, tay chân, người dẻo, thả lỏng, như vờn múa.

CÁCH TẬP:

Ngồi thế thiền.



Khẩn phép: Tay phải đặt trán, tay trái đặt ngực trái.

Khẩn: Con xin Trời (Thượng đế) cho con luyện tập Thiên Pháp tốt.



Bái:



Sau đó niệm: Thiên Pháp giảng nhập!

Thiên Pháp: là Thiên phù đặt trên tòa Sen vàng, tỏa ánh sáng trắng.

Tài liệu hoàn toàn miễn phí cho ai có duyên. Chỉ sử dụng để tham khảo cá nhân. Cấm sao chép, thay đổi nội dung, sử dụng để kiếm lợi nhuận dưới mọi hình thức. Mọi vấn đề liên quan xin gửi về ThienPhapDao@Gmail.Com, <http://AsTamLinh.BlogSpot.Com>, <http://ThienPhapDao.BlogSpot.Com>

Khi thấy Thiên Pháp, **ốp 7 sao trùng lên 7 sao trên cơ thể mình**, và Thiên long đi từ Bách hội xuống, mỗi con một bên, nằm theo cạnh dọc như rìa Thiên phù ốp trong hai bên sườn mình trở xuống, đầu Thiên Long xoay lại, chui lên, chầu hai bên sao 7.



Chú ý: Thiên Pháp chỉ nhập niệm 1 lần, các lần sau nó đã ngự trên người rồi, tập trung ý nghĩ cho nó lên trên người rồi tập, nếu thấy nó không hiện, thì niệm nó nhập lại, hình dung nó nhập lại - là hình ý mà thôi.

Phải thấy rõ như sau: Toàn bộ các sao, trục nối sao và 3 khối nguyên năng (Thượng ở đầu, trung ở ngực, hạ đan điền ở rốn) , bờ cạnh 2 bên của Thiên Pháp. Sau này tập nhiều, nó sẽ là màu sáng hết chứ không đỏ như hình vẽ.

9 cử động:

1. Thiên Long trái nhập địa

Ngồi xõm, đưa chân phải lên phía trước.

Tay phải chống xuống phía sau ngang lưng. Người nhõm lên phía trước, nhưng không chạm gối phải xuống đất.

Từ từ vuốt long từ trên đỉnh đầu đi xuống dọc bên má trái, xuống vai, xuống ngực mé ngực trái, rồi cho long chạy dọc xuống dọc thân người, tay chỉ xuống chân trái, long trái nhập địa qua huyết dũng tuyến.

Tác dụng: Thông khí các kinh can, bàng quang, thận; chữa bệnh liên quan đến các kinh này.



2. Thiên Long phải nhập địa

Ngược lại với thế 1:



3. Thiên Long nhập sao

Về ngồi thế thiên, hai tay tam chỉ dẫn 2 long từ hai bàn chân đi dọc theo 2 chân lên.



Tay trái về thể thiền tại đầu gối.

Tay phải tam chỉ cho long vào xoáy tròn và cuộn sáng ở sao 2 (đan điền), nó thông được ra sau lưng thì thôi.

Lần lượt như thế, tay phải dẫn long lên dọc người vào các sao còn lại, cứ xoáy cuộn như thế.

Đến sao 7, 2 long cuộn xong thì từ từ cho nó chui lên đỉnh đầu; long thẳng lên trên đầu, lên cách đầu một đoạn, phát sáng, cuộn vờn với nhau tròn lại.

Dùng tam chỉ dẫn chúng chui xuống giữa cổ, mỗi con nằm một bên vai. Bàn tay chụm lại, đặt lên vai.

Tác dụng: Khai các trung tâm năng lượng. Thông khí các huyết quan trọng Nhâm-Đốc, chữa các bệnh liên quan đến khu vực sao đó. Xả và nạp khí qua sao.

4. Thiên Long ra tay

Nằm ngửa người, đặt úp hai tay bên ngực, rồi từ từ duỗi hai cánh tay thẳng ra, hai bàn tay ngửa ra.



Bàn tay úp xuống đất, Long từ từ chạy ra hai bên, đến bàn tay, nó chui ra khỏi giữa bàn tay, chui xuống đất qua huyết lao cung.

Lại cho Long từ từ chui lên qua lòng bàn tay. Khi thấy nó chui vào rồi, thì từ từ xoay ngửa bàn tay lên, co cong các ngón tay vào, rồi kéo cánh tay, đưa bàn tay về đặt lên 2 bên ngực.

Tác dụng: Thông khí các kinh tâm, tâm bào, tiểu trường, chữa bệnh liên quan đến các kinh này, bệnh ở tay.

5. Thiên Long giao tay trái

Vẫn nằm như cũ. Chân phải co lên, bàn chân áp đất.

Nghiêng người sang bên trái, tay trái duỗi ra, bàn tay duỗi, đưa long trái ra bàn tay trái.

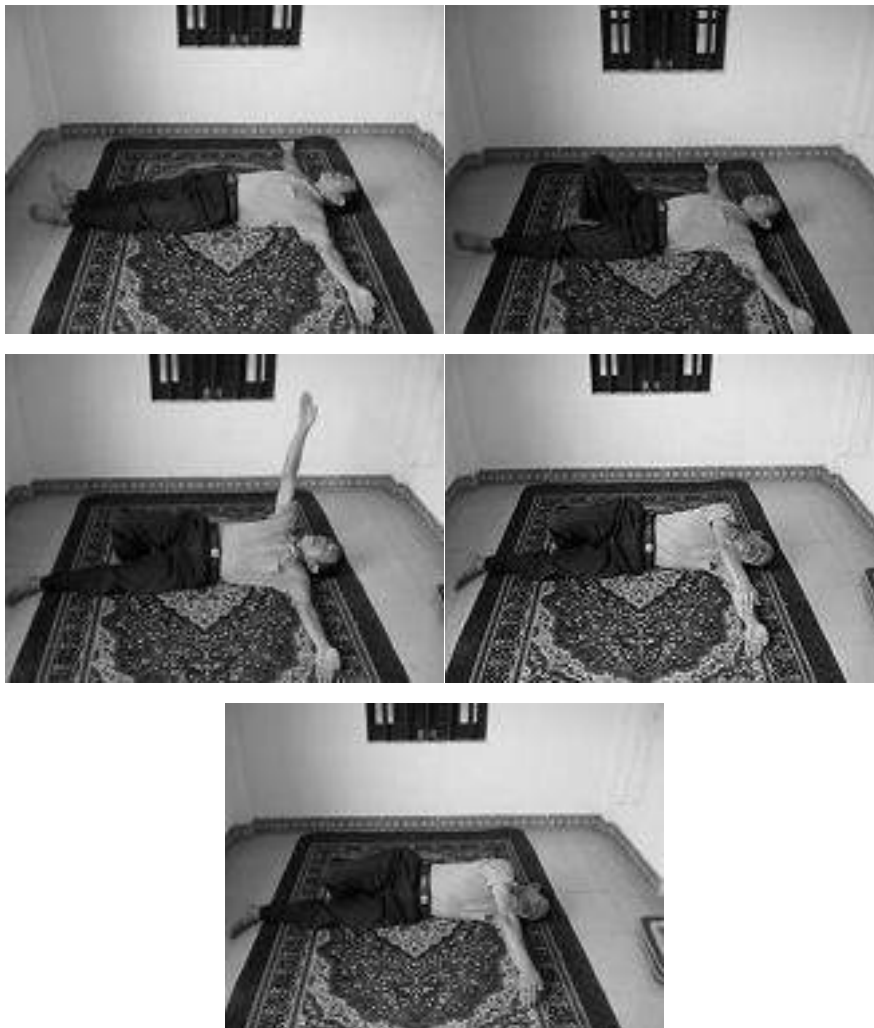
Tay phải tư từ quơ lên một đường vòng, rồi úp vào tay trái.

Hai long giao nhau, cuộn lại trong hai lòng bàn tay.

Người xoay trở lại như cũ.

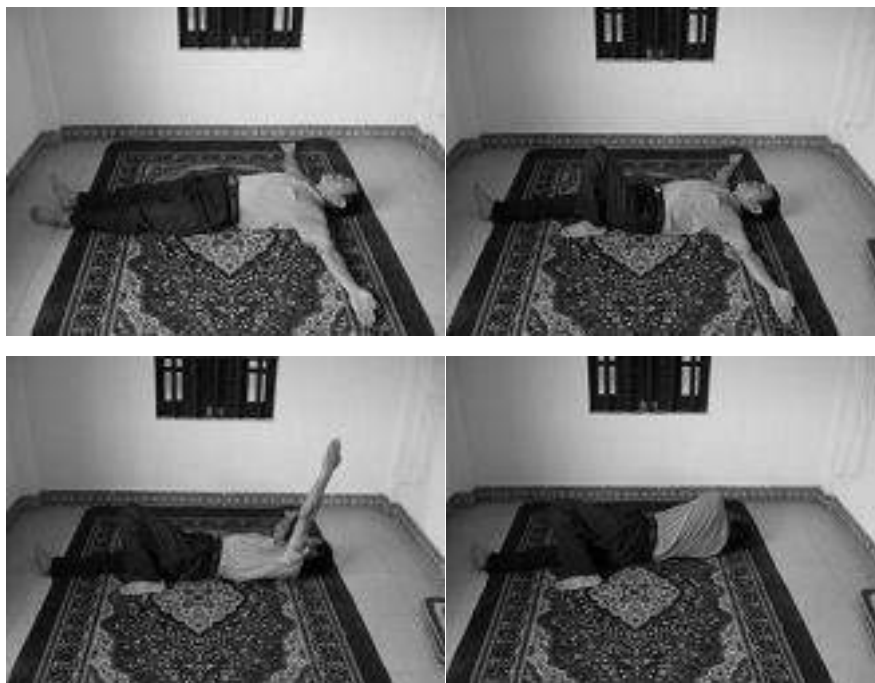
Đưa hai bàn tay về úp trên ngực như cử động 3. Chân phải duỗi thẳng xuống.

Tác dụng: Thông khí các kinh tâm, tâm bào, tiểu trường, chữa bệnh liên quan đến các kinh này, bệnh ở tay.



6. Thiên Long giao tay phải

Cử động này ngược lại với cử động 5.



7. Thiên Long nhập hải.

Vẫn nằm như cũ. Hình dung lúc này nằm trên mặt biển xanh.

Tam chỉ cả hai tay, dẫn long đi hai bên dọc xuống mé ngực sườn, xuống đến ngang rốn, tay chọc vào bụng, cho long chui vào đan điền, xuyên xuống sau lưng, xuống biển.

Đưa hai tay xuống dọc thân người.

Lúc này hình dung đang nằm bồng bênh trên mặt biển xanh, người phủ lên cả quả đất, thấy cả nước biển xanh.

Rồi hai long nhấn ấn nén người mình xuống nước, cả người như bị chìm xuống biển, lại bị đẩy nổi lên trên, rồi ánh sáng phía trên lại nén mình xuống biển, cứ thế tập 3 lần. Cẩn thận bị choáng ngợp. Người hình dung uốn lượn mềm mại theo cơn sóng.

Đầu ngẩng lên, cổ cong, cằm gập vào ngực. Chân phải duỗi cứng, mũi bàn chân cứng thẳng, nâng chân lên cao hơn thân người; đổi chân



Cho Long đi vào xoáy vùng đốt sống cổ, rồi cho long đi xuyên dọc sống lưng, xuống đốt sống cụt, rồi chui xuống biển.

Hai tay dùng tam chỉ chọc vào người, vuốt dọc theo hai cạnh sườn, xuống đến hai bên rốn.

Tác dụng: Tẩy trọc khí, cân bằng khí âm dương qua các sao. Đặc biệt động tác xoáy khí vào vùng cổ khi cong cổ lên rất quan trọng, chữa các bệnh khí quản, xương sống cổ. Động tác tam chỉ dẫn long-đầu bệnh chỗ nào thì dẫn vào chỗ đó xoáy khí, chữa.

8. Thiên Long xuyên tứ hải

Đặt chân xuống, cứng người, xoay người nằm úp, chống hai tay thẳng cứng người, hai chân mũi chạm đất, đẩy người lên, đầu ngẩng lên trên.

Hai long đi xuyên qua 2 lòng bàn tay rồi lên hai vai, chạy dọc mé lưng, xuống hai chân.

Nó cứ đi như thế 4 vòng tròn chui lên lòng bàn tay, lại chạy xuống biển qua lưng, xuyên 4 biển lớn.

Tác dụng: Thông khí các kinh lưng và tay, chân chữa bệnh liên quan đến các kinh này, bệnh ở tay, lưng; cân bằng âm dương khí, tăng nội lực tại cơ-đan điền.

Động tác này rất tốt cho người bệnh đau lưng, vai.



9. Thiên long về tượng pháp

Co hai chân lên, ngồi lên về thể thiền Hoa sen.

Long lúc này ở giữa tòa sen.

Dùng hai tay xoay tròn xung quanh đài sen, từ phải sang. Đài sen quay tít. Ánh sáng của đài sen bốc lên qua đầu, phủ trùm đầu, nhìn thấy cả người sáng. Cho vòng sáng bao quanh người, sáng lên thì thôi.

Lúc này, long ở giữa đài sen. Sau đó cho long nó đi qua xương cột, lên dọc xương sống, đi lên đến Mệnh môn, ngang rốn, thì đi xuyên vào Tượng pháp ở đan điền, cả hai xoay tròn theo chiều thuận, rồi co lại, nằm gọn vào trong bông sen nhỏ.

Xoa 2 tay. Mát xa mặt, xoa bụng dưới cho ấm, thả lỏng toàn thân.

Bái Cha rồi thu công.

Tác dụng: Thu khí vào đan điền, tăng nội khí, tránh tẩu hỏa.





Bài này Thiên Long đặc khí luyện đất: Vì Đất sinh ra xác người, muốn xác thân đẹp thì phải luyện khí đất. Các vị thử hình dung khi tập mà đang nằm trên cái mảnh đất bị ô nhiễm thì sợ lắm! Vậy phải làm cho khí đất sạch. Luyện tốt, thể xác mát lạnh, nhẹ nhõm.

BÀI 12: LUYỆN TẬP - PHƯƠNG PHÁP LUYỆN TẬP

- Ôn lại chương trình sơ cấp.
- Ôn bài Địa công pháp, cách chữa bệnh của bài này.
- Tẩy khí.
- Cân bằng âm dương khí.
- Luyện cách lấy khí và luyện sao thường xuyên.

Hướng dẫn day, bấm huyết chữa bệnh.

- Ấn day các sao-14 huyết quan trọng, tại từng khu vực bị bệnh và kết hợp thông khí các kinh; kết hợp thông-xả khí và nạp khí qua 7 sao.
- Bấm các huyết của 14 đường kinh. (Có sách kinh huyết bổ trợ thêm)

PHƯƠNG PHÁP TU LUYỆN THIÊN PHÁP

1. HỌC LÝ THUYẾT VỀ KHOA HỌC TÂM LINH, KHOA HỌC TÂM THỂ, KINH MẠCH LẠC HUYẾT, TRANG BỊ KIẾN THỨC KHOA HỌC, CHỐNG MÊ TÍN NHẢM NHÍ.

2. KHAI CÁC HUYẾT-SAO TRƯỚC, THÔNG KINH MẠCH, TẨY XẢ TRỌC KHÍ, RỒI MỚI DẪN KHÍ.

KẾT HỢP THIỀN VỚI CÔNG ĐỂ XẢ TRỌC, TĂNG NỘI KHÍ, SỨC KHỎE, BẰNG CÁCH TẬP HAI ĐƯỜNG ĐẠI, TIỂU KHÍ, THÔNG CÁC SAO TRUNG TÂM NĂNG LƯỢNG (LUÂN XA), CHO CƠ THỂ HOẠT HÓA VÀ NÂNG CẤP NĂNG LƯỢNG. CÂN BẰNG NĂNG LƯỢNG CƠ THỂ.

3. QUÁN TƯỢNG THIỀN PHÙ-THƯỢNG ĐẾ-VỚI CÁC TRUNG TÂM THẦN LỰC-NĂNG LƯỢNG VŨ TRỤ-CHÍNH LÀ THẤT TINH BẮC ĐẤU ĐỂ NHẬP THU NĂNG LƯỢNG. THIỀN VÀ THÔNG LINH KHI TẬP. ĐẠT HÒA HỢP THIỀN-ĐỊA-NHÂN, HÒA NHẬP VỚI VŨ TRỤ. ĐÂY CŨNG LÀ CÁCH TỰ ĐIỂM ĐẠO TÂM LINH, THÔNG QUA VIỆC NHẬP NIỆM THIỀN PHÙ. THIỀN PHÙ LÀ MỘT TẤM LINH PHÙ LINH THIÊN, KHI NHẬP LINH XUỐNG THÂN MÌNH, TỰ MÌNH KHAI NGỘ ĐIỂM ĐẠO VÀ HÒA NHẬP VÀO ĐẠO-VŨ TRỤ-ĐỊNH LUẬT VŨ TRỤ-HÒA NHẬP VỚI THƯỢNG ĐẾ TOÀN NĂNG-ĐẠI NGUYÊN NĂNG. LÀ CÁCH HỢP NHẤT TIỂU NĂNG VỚI ĐẠI NĂNG, TIỂU VŨ TRỤ VỚI ĐẠI VŨ TRỤ, TIỂU THƯỢNG ĐẾ VỚI THƯỢNG ĐẾ. NGOÀI RA, CÒN HỢP NHẤT THIỀN THẦN TRÊN CAO VÀ THIỀN THẦN ĐANG SẮP TU THÀNH.

XƯA CHỈ PHÁP SƯ MỚI DÁM THỜ THƯỢNG ĐẾ, THỜ VÀ LUYỆN KHẮN BẮC ĐẤU THẤT TINH. NAY TÔN THỜ CHA HỢP NHẤT, CŨNG LÀ THỜ BẢN

MỆNH MÌNH, CHỐNG MA ÁC, MA NẠN. TÂM THÂN SẠCH, ĐẸP, HOÀN THIỆN. TÔN TRỌNG MÌNH LÀ TÔN TRỌNG THƯỢNG ĐẾ. THƯỢNG ĐẾ LÀ ĐẠO ĐỨC, TÔN THỜ, TU LUYỆN ĐỂ HỢP NHẤT VỚI VUA CHA LÀ TU LUYỆN TÂM-THÂN ĐẠT GIÁC NGỘ CHÂN LÝ VÀ SIÊU THOÁT NGAY TẠI THỂ-NHƯNG KHÔNG XA RỜI CUỘC SỐNG BÌNH THƯỜNG-ẤY LÀ ĐỜI ĐẠO SONG TU, KHÔNG LÀ TÔN GIÁO, MÀ THEO ĐẠO TRỜI-THIÊN ĐẠO-ĐỊNH LUẬT VŨ TRỤ MUÔN THỦA, MUÔN NĂM. ẤY LÀ PHÉP TÔN THỜ BẢO NHIỆM TÂM LINH TUYỆT VỜI NHẤT CỦA THIÊN ĐẠO.

4. ĂN CHAY BÁN PHẦN, ĐỂ THÂN XÁC, VÍ SẠCH, TIẾP NHẬN NĂNG LƯỢNG VŨ TRỤ TỐT HƠN. CẢI TẠO KHÍ VÍ TÂM THÂN. TU ĐẠO ĐỨC-TƯ TƯỞNG ĐỂ THỂ VÍ TRONG SẠCH.

5. NẠP-NÉN KHÍ TẠI ĐAN ĐIỀN ĐỂ TĂNG NỘI KHÍ, RỒI DẪN KHÍ ĐI KHẮP CHÂU THÂN, KÉO KHÍ LÊN. ĐÁNH THÔNG TRỰC LONG HỎA (HỎA XÀ) KHAI TRIỂN CÁC NĂNG LỰC TIỀM TÀNG CỦA CON NGƯỜI.

LUYỆN TẠNG PHỦ CÔNG, HUYỀN CÔNG, CHỮA BỆNH KHÔNG DÙNG THUỐC.

THIÊN QUÁN TƯỢNG HOA SEN, TƯỢNG PHÁP TẠI ĐAN ĐIỀN, TẠI CÁC SAO, THEO CÁC CẤP TU-THIÊN KHÁC NHAU.

6. KHAI LONG HỎA, KHAI HUỆ NHÂN, KHAI NGỘ, THÔNG LINH.

7. LUYỆN XUẤT VÍ, XUẤT HỒN, LUYỆN THẦN THÔNG, HUYỀN CÔNG SIÊU ĐẲNG (CAO MINH CÔNG-VŨ TRỤ CÔNG); TU LUYỆN TRÊN TRUNG GIỚI. ĐẠT TRẠNG THÁI SIÊU THOÁT TẠI THỂ, GIÁC NGỘ CHÂN LÝ TỐI THƯỢNG. TƯƠNG LAI NHÂN LOẠI THẦN THÔNG QUẢNG ĐẠI, XÂY THIÊN ĐƯỜNG TẠI THỂ. THẦN TIÊN TẠI THỂ LÀ NHƯ VẬY.

8. THỰC HIỆN CHÍNH PHÁP XÂY ĐỜI, CỨU ĐỘ, ĐÁNH TRỊ-SIÊU THOÁT CHO TÀ MA, CẢI TẠO TÂM THỂ, PHONG THỦY, XÃ HỘI.

9. HỌC CÁC PHÉP THUẬT-NGHI LỄ-TÂM LINH ĐỂ HÀNH ĐẠO TRỜI. ĐỜI ĐẠO SONG TU. ĐỈNH NGỘ NHẬP THỂ XÂY ĐỜI AN LẠC. KHI MẶN, TẮT SIÊU THOÁT, ĐẮC ĐẠO, ĐẮC PHÁP, ĐẠT NGÔI VỊ CHÍNH GIÁC CAO CẤP TRÊN TRUNG-THƯỢNG GIỚI, BỨC THẦN THÁNH TIÊN PHẬT.

Ghi chú: Ảnh tập minh họa có hình, không phải là ảnh Thầy.

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH TRONG MỘT BUỔI TẬP LUYỆN THIÊN PHÁP

Sau khi đã học và tập thông thuần thực các bài rồi, thì về sau, trong một buổi tập, thường có thể tiến hành các nội dung:

1. Tập thể dục, hoặc không cần. Mát-xa khởi động thân và làm nóng các huyết quan trọng.
2. Luyện thở và tổng khí trọc khởi phổi, luyện thở-dẫn khí xuống Đan điền vài chục lần.
3. Ngồi, nằm, hoặc đứng vào tư thế-để chuẩn bị tập bất cứ bài Công pháp nào.
4. Bái niệm, sau đó niệm Thiên pháp giáng thân.
5. Thiền nhẹ-xả tâm, về tịnh tâm.
6. Tẩy-xả trọc khí, thông các sao (*gọi là xả trọc khí qua sao-để tẩy lọc khí cơ thể-hoạt hóa cơ thể, rồi mới luyện công-đa số các pháp môn khác không có động tác này, nên khí nạp không sạch, dễ tẩu hỏa*).

Khi thấy người nhẹ, thì mới luyện khí. (*Thực ra xả trọc khí cũng là luyện khí rồi, nhưng không nạp khí, mà xả khí trọc khỏi cơ thể*).

7. Bắt đầu luyện khí, tùy điều kiện và ý định: Có thể chọn vài nội dung, hoặc tập tất cả các nội dung sau:
 - Hai đường Đại-Tiểu khí.
 - Xả, nạp các sao. Thông-lọc lại các đường kinh, hay là thông lọc lại các huyết-sao. Thông trục Long hỏa, kiểm tra các sao có bị đóng lại hay không, sự cân bằng của thể vía tại từng sao (mức năng lượng có bị rối loạn không, chiều đường sức từ có bị méo không...).
 - Hay luyện tạng phủ công, nạp năng lượng cho các phủ tạng, hệ thống thần kinh-tủy, tự chữa những chỗ bị bệnh, đau.
 - Kiểm tra mức năng lượng (nếu đã có mắt huệ)- cân bằng năng lượng âm dương-, xả, nạp, cân bằng.
 - Xoáy- thông các huyết nhỏ.
 - Thiền sâu-nạp khí Đan điền, dẫn khí lên các trung tâm, các nơi khác trên cơ thể.
 - Luyện nhân. (từ Hv cấp cao trở lên).
 - Luyện xuất hồn, vía.
 - Luyện hoặc chữa bệnh từ xa cho người khác.
 - Thực hiện các huyền thuật cứu độ khác...

- Thiền sâu, để chứng ngộ tâm linh, hay tiến hành huyền thuật tâm linh.
- Xuất hồn-vía đi học trên cao.
- Luyện Cửu Long Huyền công, Cao Minh công (Vũ trụ công).
- **Về 3 bài Tam Công pháp:** Có thể tập 3 bài Công pháp sau cùng, hoặc dùng một trong 3 bài công, để luyện nội dung tác dụng tương ứng trong các bài, vì tác dụng từng bài khác nhau, dùng để luyện sâu và dưỡng sinh nhanh đều được. Nếu đã thuần thục, sau bước 6 thì chỉ cần luyện cẩn thận thật chậm 3 bài công là đủ, cơ thể và mức năng lượng đã được hoạt hóa và cân bằng rồi.

* * *

Đây là chương trình Cấp 1-để đào tạo Học viên. Nội dung rất cơ bản, quan trọng. Học giỏi cấp này thì các cấp sau học sẽ tiến bộ nhanh.

PHẦN BỔ TRỢ CẤP I

VỀ KINH MẠCH, HUYỆT QUAN TRỌNG (Sưu tầm)

MẠCH NHÂM

Quản lý các kinh Âm.

Giao hội với:

- Kinh Thái Âm Tỳ ở huyết Trung Quán (Nh 12).
- Kinh Quyết Âm Can ở huyết Ngọc Đường (Nh 18).
- Kinh Thiếu Âm Thận ở huyết Liêm Tuyền (Nh 23).

Nhâm Mạch nhận khí của:

- Can ở huyết Khúc Cốt (Nh 2).
- 3 kinh Âm ở chân (Can, Tỳ, Thận) ở huyết Trung Cực (Nh 3) và Quan Nguyên (Nh 4).
- Thận và mạch Xung ở huyết Âm Giao (Nh 7).
- Tỳ ở huyết Hạ Quán (Nh 10).
- Tất cả các lạc mạch ở huyết Chiên Trung (Nh 17).
- Mạch Âm Duy ở huyết Thiên Đột (Nh 22) và Liêm Tuyền (Nh 23).

Nhâm Mạch nối với:

- **Phía trên:**
 - Vùng mắt với mạch Đốc ở huyết Ngân Giao (Đc 28), ở mắt, qua trung gian của kinh Vị (Dương Minh) ở h. Thừa Khấp (Vi 1).
- **Phía dưới:**
 - Vùng hội âm với Mạch Đốc ở huyết Trường Cường (Đc.1).

ĐƯỜNG VẬN HÀNH:

Khởi đầu từ hố chậu, nhô ra tại Hội âm, đi lên, qua lông mu theo đường giữa bụng lên ngực, họng, đến cằm ở h. Thừa Tương (Nh 24).

Từ h. Thừa Tương mạch chạy quanh vùng miệng môi, hợp với mạch Đốc ở h. Ngân Giao (MĐ 28).

Chia làm 2 nhánh (phải và trái), lên mặt ở h. Thừa Khấp (Vi.1) và nhập vào mắt.

Đường mạch ở bụng xuất phát ở huyết Cưu Vĩ (Nh 15) và đi vào trong bụng.

Các huyết quan trọng của Nhâm mạch:

1. HỘI ÂM

Đặc Tính:

- Huyết thứ 1 của mạch Nhâm.
- Huyết Hội của 3 mạch Nhâm, Xung và Đốc.
- Huyết Hội của các kinh Âm.

Vị Trí:

Giữa tiền âm và hậu âm (Giáp Ất) hoặc ở giữa búi dái và hậu môn (đàn ông) hoặc ở đường sau của âm thần và hậu môn (phụ nữ), huyết ở giữa nút đáy chậu (chỗ tụ hội của các nếp da chạy từ hậu môn, phần sinh dục ngoài và 2 bên háng tới).



Chủ Trị:

Trị các bệnh của hệ sinh dục ngoài, bệnh của hậu môn, niệu đạo (niệu đạo viêm, tiền liệt tuyến viêm), kinh nguyệt không đều, di tinh, điên cuồng, chết đuối, thượng mã phong.

2. QUAN NGUYÊN

Tên Huyết:

Huyết được coi là cửa (quan) của nguyên khí (nguyên) vì vậy gọi là Quan Nguyên (Trung Y Cương Mục).

Tên Khác: Đan Điền.

Đặc Tính:

- Huyết thứ 4 của mạch Nhâm.
- Huyết Hội của mạch Nhâm với 3 kinh âm ở chân.
- Huyết Mộ (chẩn đoán) của Tiểu trường.
- Huyết Hội của các kinh cân - cơ của Tỳ, Thận và Can.
- Nơi phân chia (tách ra) của mạch Xung và Nhâm (TVấn.34).
- 1 trong nhóm 4 Huyết Hội của khí Âm Dương gồm: Quan Nguyên (Nh.4) + Trung Quản (Nh.12) + Thiên Đột (Nh.22) và Chí Dương (Đc.9) (Thiên 'Kinh Mạch Biệt Luận' - TVấn.21).



Vị Trí:

Thẳng dưới rốn 3 thốn, trên bờ xương mu 2 thốn.

Tác Dụng:

Tài liệu hoàn toàn miễn phí cho ai có duyên. Chỉ sử dụng để tham khảo cá nhân. Cấm sao chép, thay đổi nội dung, sử dụng để kiếm lợi nhuận dưới mọi hình thức. Mọi vấn đề liên quan xin gửi về ThienPhapDao@Gmail.Com, <http://AsTamLinh.BlogSpot.Com>, <http://ThienPhapDao.BlogSpot.Com>

Bồi Thận, cố bản , bổ khí, hồi dương, ôn điều huyết thất, tinh cung, khử hàn thấp, âm lãnh, phân thanh biệt trọc, điều nguyên tán tà, tăng sức, phòng bệnh.

Chủ Trị:

Trị bệnh về kinh nguyệt, đới hạ, vô sinh, di mộng tinh, liệt dương, bụng dưới đau, tiêu chảy, kiết l, tiểu gắt, buốt, tiểu bí, choáng, ngất, nâng cao sức đề kháng, bồi bổ cơ thể, bổ các chứng hư tổn, suy nhược toàn thân.

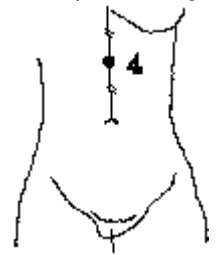
3. TRUNG QUẢN

Tên Huyết:

Người xưa cho rằng từ ức (chấn thủy) đến lỗ rốn là ống (Quản) dạ dày, huyết ở giữa (trung) đường nối này, vì vậy gọi là Trung Quản .

Đặc Tính:

- Huyết Hội của mạch Nhâm với các kinh Tiểu trường, Tam tiêu và Vị.
- Huyết Hội của Phủ.
- Huyết Mộ (chẩn đoán) của Vị.
- Huyết tập trung khí của Tỳ.
- 1 trong nhóm 9 huyết Hồi Dương Cứu Nghịch.
- 1 trong 4 huyết Hội Khí của Âm Dương (Quan Nguyên (Nh.4), Trung Quản (Nh.12), Thiên Đột (Nh.22) và Chí Dương (Đc.9) - theo thiên 'Kinh Mạch Biệt Luận' (TVấn.21).



Vị Trí:

Lỗ rốn thẳng lên 4 thốn hoặc lấy ở điểm giữa của đoạn thẳng nối rốn - và đường gấp nhau của 2 bờ sườn.

Tác Dụng:

Hòa Vị khí, hóa thấp trệ, lý trung tiêu, điều thăng giáng.

Chủ Trị:

Trị dạ dày đau, ợ chua, nôn mửa, ăn không tiêu, đầy hơi, bụng trướng, kiết l, tiêu chảy, huyết áp cao, thần kinh suy nhược.

4. ĐÀN TRUNG

Tên Huyết:

Đàn = chất trắng đục, ở đây ví như màng bảo vệ tim.
Trung = giữa.



Huyệt ở giữa 2 vú, gần vùng tim, vì vậy, gọi là Đản Trung (*Trung Y Cương Mục*).

Đặc Tính:

- Huyệt thứ 17 của mạch Nhâm.
- Huyệt Hội của mạch Nhâm với các kinh Tiểu Trường, Tam Tiêu, Tỳ và Thận.
- Huyệt Hội của Khí.
- Huyệt Mộ của Tâm Bào.

Vị Trí:

Ở điểm gặp nhau của đường dọc giữa xương ức với đường ngang qua 2 đầu núm vú (đàn ông) hoặc ngang qua bờ trên 2 khớp xương ức thứ 5 (đàn bà).

Tác Dụng:

Điều khí, giáng nghịch, thanh Phế, hóa đàm, thông ngực, lợi cách (mô).

Chủ Trị:

Trị ngực đau, hen suyễn, thở kém, nấc, sữa ít, màng ngực viêm, thần kinh liên sườn đau.

5. THIÊN ĐỘT

Tên Huyệt:

Thiên = vùng bên trên; Đột = ống khói. Huyệt có tác dụng làm thông phế khí (qua ống khói), vì vậy gọi là Thiên Đột (Trung Y Cương Mục).



Đặc Tính:

- Huyệt thứ 22 của mạch Nhâm.
- Hội của mạch Nhâm và Âm Dục.
- 1 trong 4 huyệt Hội của Khí Âm và Dương (Quan Nguyên (Nh.4), Trung Quản (Nh.12), Thiên Đột (Nh.22) và Chí Dương (Đc.9)).

Vị Trí:

Giữa chỗ lõm trên bờ trên xương ức.

Tác Dụng:

Tuyên Phế, hóa đờm, lợi yết (hầu), khai âm (thanh), điều khí.

Chủ Trị:

Trị họng đau, mất tiếng đột ngột, ợ, nấc, ho suyễn.

6. ẤN ĐƯỜNG:

Ấn đường là huyết vị quan trọng trên cơ thể con người

Vị trí:

(Không thuộc Nhâm). Huyệt ấn đường là điểm nằm chính giữa hai đầu lông mày, nằm trên sống mũi.

Tác dụng:

Chữa các chứng đau đầu, có thể bấm ấn đường để chữa các triệu chứng của cảm cúm. Ít thấy tài liệu ghi về châm cứu ấn đường. Trong khí công dưỡng sinh, ấn đường được xem như là vùng thượng Đan điền.
là 1 trong 36 đại huyết vô cùng quan trọng của cơ thể.

VÙNG ĐAN ĐIỀN:

Pháp ta qui định: là vùng nội khí dưới bụng, tính từ huyệt Thần khuyệt (lỗ rốn)-đến huyệt Quan nguyên-thuộc trị quản của **Sao 2**.

Đây là khu vực 1 nén khí.

Khu vực 2 nén khí là sao 4; khu vực 3 nén khí là sao 6 (*học phần cao cấp*)

MẠCH ĐỐC

1. ĐẶC TÍNH

- Thống suất các đường kinh dương (theo cách đặt tên: Đốc).
- Bắt nguồn từ Thận.
- Nối kết các kinh Dương chính, nhất là ở huyệt Phong Phủ (Đốc.16) là nơi mà Phong khí và Hàn khí xâm nhập vào mạch Đốc.
- Nhận khí của các kinh Dương ở các huyệt sau:
 - Khí của Thái dương ở Đào Đạo (Đc.13), Thần Đình (Đc.24), Nào Hộ (Đc.17).
 - Khí của các Kinh Dương ở Đại Chùy (Đc. 14), Bá Hội (Đc.20).
 - Khí của Thái Dương và Dương Duy ở huyệt Phong Phủ (Đc.16).
 - Khí của Dương Duy tại Á Môn (Đc.15).
 - Khí của Dương Minh tại Nhân Trung (Đc 26), Ngân Giao (Đc.28).
 - Biệt của Mạch Đốc nối với:

- Ở trên, nơi cầm, với mạch Nhâm ở huyết Thừa Tương (Nh. 24).
- Ở dưới, vùng tiền âm, với mạch Nhâm ở huyết Hội Âm (Nh. 1).
- Ở lưng, với đường kinh Bàng Quang ở huyết Phong Môn (Bq.12).

2. ĐƯỜNG VẬN HÀNH

- Khởi đầu từ chót xương cột (tầng sinh môn).
- Nhô ra ở chỗ hội âm.
- Xuyên lên Trường Cường.
- Chạy dài lên theo chính giữa cột sống.
- Liên lạc với Thận ở vùng thắt lưng.
- Thăng lên đến huyết Phong Phủ (Đc.16).
- Đi vào trong não.
- Lại đi lên đỉnh đầu (huyết Bá Hội - Đc.20).
- Theo trán đi xuống mũi, môi trên (huyết Ngân Giao - Đc.28) và hợp với kinh Cân của kinh Vị và mạch Nhâm.
- Từ huyết Phong Phủ (Đc.16) có một nhánh chạy xuống vai và bả vai để nối với kinh cân của Bàng quang, xuống hông, kết ở vùng sinh dục- tiết niệu.- Nhánh phía trong, ở vùng sinh dục, tách ra ở giữa vùng trên của hội âm, ở huyết Trung Cực (Nh 3) (theo thiên 'Cốt Không Luận' TVấn.60), từ đây tách ra 2 nhánh:
 - Một nhánh thẳng (nhánh bụng) đi theo kinh cân của Tỳ và nhập vào rốn, đi dọc theo vách trong của bụng, qua tim, vòng ở ngực để nối với mạch trước của kinh cân Bàng quang, vào huyệt và mắt, nhập vào giữa mắt và kết thúc ở huyết Tinh Minh (Bq.1).
 - Nhánh lưng đi theo bộ phận sinh dục, qua trực trường, quay lại hông và nối với kinh cân của Bàng quang để lên đầu, tới góc trong mắt ở huyết Tinh Minh (Bq.1), nhập vào não. Từ huyết Tinh Minh, đi dọc theo kinh chính Bàng quang để xuống gáy, xuống vùng Thận ở huyết Thận Du (Bq.23) nhập vào trong Thận.

Các huyết quan trọng của Đốc mạch:

1. TRƯỜNG CƯỜNG

Tên Huyệt:

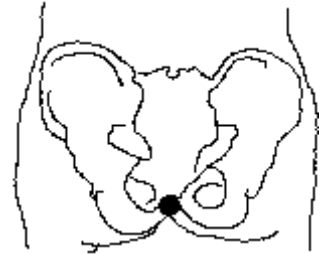
Huyệt là Lạc của mạch Đốc, ở giáp cột sống, đi lên đầu, tản ra ở vùng đầu, đường phân bố vừa dài (trường) vừa cường, vì vậy gọi là Trường Cường (*Trung Y Cương Mục*).

Tên Khác:

Cùng cốt, Hà Xa Lộ, Khí Chi Âm Khích, Mao Cốt Hạ Không, Mao Lư, Mao Thủy Cốt, Quy Mao, Quyết Cốt, Tam Phân Lư, Tào Khê Lộ, Thượng Thiên Thê, Triều Thiên Sầm, Vĩ Lư.

Đặc Tính:

- Huyết thứ 1 của mạch Đốc.
- Huyết Lạc nối với mạch Nhâm (qua huyết Hội Âm).
- Hội của mạch Đốc với kinh Thận và Đởm .
- Là 1 trong nhóm huyết ‘Tuỷ Không’ (Phong Phủ - Đc.16), Ngân Giao (Đc. 28), Á Môn (Đc.15), Não Hộ (Đc. 17) và Trường Cường (Đc. 1) là những huyết của tuỷ xương (thiên ‘Cốt Không Luận’, (TVấn.60).



Vị Trí:

Ở chỗ lõm sau hậu môn và trước đầu xương cụt 0, 3 thốn.

Tác Dụng:

- Thông mạch Nhâm, Đốc, điều trường phủ.
- Chủ Trị: Trị trực tràng sa, trĩ, tiêu ra máu, cột sống đau, tiểu đục, tiểu khó, điên cuồng.
- (“Trẻ nhỏ bị kinh giản, co giật, xương sống cứng: Trường Cường chủ trị” (Giáp Ất Kinh).
- (“Ttrị trẻ nhỏ thoát giang cấp: cứu huyết Vĩ Thủy 3 trảng khỏi ngay” (Ngoại Đài Bí Yếu).
- (“Phương pháp cứu trĩ: Bệnh trĩ nếu còn chưa nặng, cứu 1 huyết dưới xương cụt gần hậu môn 7 trảng, xứng đáng là huyết kinh nghiệm” (Châm Cứu Tư Sinh Kinh).
- (“Chín loại rò tổn thương người, ắt châm Thừa Sơn (Bq.57) hiệu như thần. Còn có 1 huyết là Trường Cường, chữa rên rỉ cùng đón đau” (Ngọc Long Ca).
- (“Trường Cường chủ trị các chứng cổ trĩ” (Thập Tứ Kinh Yếu Huyết Chủ Trị Ca).

2. MỆNH MÔN

Tên Huyết:

Thận khí là gốc của cơ thể. Huyết nằm giữa 2 huyết Thận Du, là cửa trọng yếu của sinh mệnh, vì vậy gọi là Mệnh Môn (Trung Y Cương Mục).

Đặc Tính:

Huyệt thứ 4 của mạch Đốc.

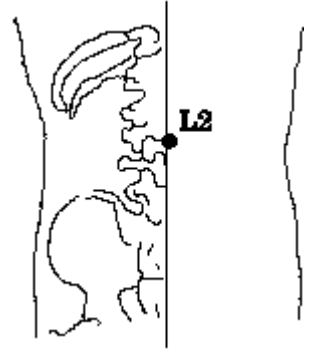
Vị Trí:

Ở chỗ lõm dưới đầu móm gai đốt sống thắt lưng 2.

Tác Dụng:

Bồi nguyên, bổ Thận, cố tinh, chỉ trệ, thư cân, hòa huyết, sơ kinh, điều khí, thông lợi vùng lưng và cột sống.

Chủ Trị: Trị vùng thắt lưng đau, yếu, cứng, đầu đau, lưng đau, lạnh từ ống chân trở xuống (chân dương (hoả) hư), di mộng tinh, liệt dương, đái hạ, sốt không ra mồ hôi, đái đục, trẻ nhỏ lên cơn co giật, phong đòn gánh.



3. TÍCH TRUNG

Tên Huyệt:

Từ đốt sống ngực đến đốt sống thắt lưng có 21 đốt sống, huyệt ở giữa, vì vậy gọi là Tích Trung (Trung Y Cương Mục).

Tên Khác:

Thần Tông, Tích Du, Tích Trụ.



Đặc Tính:

Huyệt thứ 6 của mạch Đốc.

Vị Trí:

Tại chỗ lõm ngay dưới đầu móm gai đốt sống lưng 11.

Chủ Trị:

Trị cột sống lưng đau, nấc, nôn ra máu, cơn đau dạ dày, da vàng, tiêu chảy, lòi dom, động kinh.

4. THẦN ĐẠO:

Tên Huyệt:

Thần = tâm thần. Huyệt ở 2 bên huyệt Tâm Du, được coi như cửa (đường dẫn vào = đạo) của Tâm, vì vậy gọi là Tâm Du (Trung Y Cương Mục).



Đặc Tính:

Huyệt thứ 11 của mạch Đốc.+ Nơi tiếp nhận khí của kinh cân-cơ của Tỳ (bằng đường nối phía trong).

Vị Trí:

Chỗ lõm dưới đầu mỏm gai đốt sống lưng 5.

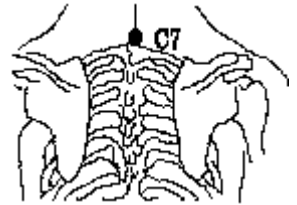
Chủ Trị:

Trị lưng đau cứng, sợ hãi, hồi hộp, hay quên, ho, trẻ hay co giật, sốt kèm sợ lạnh

5. ĐẠI CHÙY

Tên Huyệt:

Huyệt ở dưới xương to (đại) ở cổ, có hình dáng giống quả chùy (chùy) vì vậy gọi là Đại Chùy.



Đặc Tính:

- Huyệt thứ 14 của Mạch Đốc.
- Hội của mạch Đốc với 6 kinh Dương.

Tác Dụng:

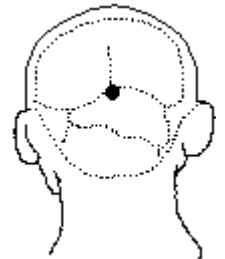
Giải biểu, thông dương, thanh não, định thần, sơ biểu tà ở 3 đường kinh dương, thông dương khí toàn thân, thanh Tâm, định thần, giáng Phế, điều khí, nâng cao sức đề kháng cơ thể.

Chủ Trị:

Trị cổ gáy đau cứng, mệt mỏi, sốt rét, cảm cúm, ho, sườn đau, ngực tức, ngực đau, đờm dãi nhiều, phế quản tiết ứ dịch.

6. ĐẠI CHẤM:

Huyệt ở giữa đường nối đỉnh đầu và cằm, được coi như gian, chỗ có xương ngạnh cứng. Huyệt lại có tác dụng trị đỉnh đầu đau mạnh (cường), vì vậy gọi là Cường Gian (Trung Y Cường Mục).



Tên Khác: Đại Vũ. Cường gian

Đặc tính:

Huyệt thứ 18 của mạch Đốc.

Vị Trí:

Giữa đoạn nối huyệt Phong Phủ (dưới cằm) và huyệt Bá Hội (đỉnh giữa đầu).

7. BÁCH HỘI

Tên Huyệt:

Huyệt là nơi các (nhiều = bách) các đường kinh Dương hợp lại (hội) vì vậy gọi là Bách Hội.

Đặc Tính:

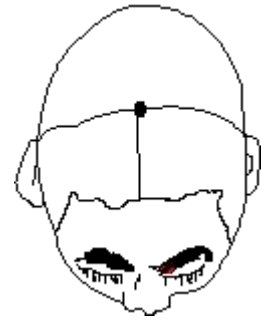
- Huyết thứ 20 của mạch Đốc.
- Huyết Hội của mạch Đốc với 6 kinh Dương.

Tác Dụng:

Khai khiếu, định thần, bình Can, tức phong, thăng dương, hồi dương cố thoát, cử dương khí bị hạ hãm, tiềm Can dương, thanh thần chí, tiết nhiệt nung nấu ở các kinh dương.

Chủ Trị:

Trị đỉnh đầu nhức, trực tràng sa, mũi nghẹt, đầu nặng, hay quên, điên cuồng, hôn mê, lạnh người, tai ù, mắt hoa, hồi hộp, mất ngủ.



CÁC HUYỆT QUAN TRỌNG CỦA CÁC KINH KHÁC

DỪNG TUYỀN:

Một trong 'Tam Tài Huyết': (Bá Hội (Thiên), Chiên Trung (Nhân), Dừng Tuyền (Địa)). "Dừng" có nghĩa là vọt ra, tràn lên, còn "tuyền" là suối, là nguồn. Dừng tuyền ý muốn nói huyết nằm dưới lòng bàn chân như một dòng suối, đồng thời lại là nơi tàng chứa chân dương ở phía dưới của tạng thận. Thận chủ thủy nên nơi đây tựa như một "nguồn nước chảy vọt ra, tràn đầy sức sống".

Đặc Tính:

- Huyết thứ 1 của kinh Thận.+ Huyết Tĩnh, thuộc hành Mộc.
- Huyết Tả của kinh Thận. + Một trong nhóm 'Hồi Dương Cửu Châm', có tác dụng nâng cao và phục hồi chính khí.+ Một trong 'Tam Tài Huyết': (Bá Hội (Thiên), Chiên Trung (Nhân), Dừng Tuyền (Địa)).



Vị Trí:

Dưới lòng bàn chân, huyết ở điểm nối 2/5 trước với 3/5 sau của đoạn đầu ngón chân thứ 2 và giữa bờ sau gót chân, lỗ hõm dưới bàn chân. Giải Phẫu: Dưới da là cơ gấp ngắn các ngón chân, gân cơ gấp dài các ngón chân, cơ giun, cơ gian cốt gan chân, cơ gian cốt mu chân, khoảng gian đốt bàn chân 2-3.

Tác Dụng:

Giáng Âm hỏa, thanh Thận nhiệt, định thần chí.

Tài liệu hoàn toàn miễn phí cho ai có duyên. Chỉ sử dụng để tham khảo cá nhân. Cấm sao chép, thay đổi nội dung, sử dụng để kiếm lợi nhuận dưới mọi hình thức. Mọi vấn đề liên quan xin gửi về ThienPhapDao@Gmail.Com, <http://AsTamLinh.BlogSpot.Com>, <http://ThienPhapDao.BlogSpot.Com>

Chủ Trị:

Trị gan bàn chân đau hoặc nóng lạnh, kích ngứa, động kinh, mất ngủ, đỉnh đầu đau, họng đau, nôn mửa, Hysteria. Dũng tuyền cũng là rất quan trọng trong dưỡng sinh, Cùng với hội âm nhiều khi dũng tuyền sẽ được lấy làm cửa ngõ của cơ thể với sinh khí của mặt đất. Nhiều khi ngồi thiền, nó là cửa ngõ của cơ thể con người với trời. Chữa chóng mặt, suy nhược thần kinh, khai khiếu, giảng nghịch chỉ ảo, thanh tâm tả nhiệt, hồi dương cứu nghịch, thường được cổ nhân dùng để chữa các chứng bệnh như: đau nhức, nóng hay lạnh gan bàn chân, chuột rút bàn chân (chữa tại chỗ); đau mặt trong đùi, đau đỉnh đầu, thoát vị, đau sung họng, dễ xong không tiểu được, chảy máu mũi, tim đập nhanh... (thần kinh); và chữa toàn thân như hoa mắt chóng mặt, hôn mê, chết đuối, trúng nắng, trúng gió, động kinh, mất ngủ, tiêu khát.

LAO CUNG

(Tay làm việc không biết mệt (lao). Huyệ lại nằm giữa lòng bàn tay (giống như nhà lớn = cung) vì vậy gọi là Lao Cung (Trung Y Cương Mục).



Đặc Tính:

- **Huyệt thứ 8 của kinh Tâm bào.**
- Huyệ Vinh, thuộc hành Hoả .
- Một trong 'Thập Tam Quỷ Huyệ' (Quỷ Quật) dùng trị bệnh tâm thần.

Vị Trí:

Huyệ ở trên đường văn tim của gan bàn tay, nơi khe của ngón giữa và ngón vô danh (ngón 4) chạm vào đường văn này hoặc gấp các ngón tay vào lòng bàn tay, đầu ngón tay giữa chạm vào đường nếp gấp giữa lòng bàn tay (đường tâm đạo) ở đâu thì đó là huyệt.

Tác Dụng:

Thanh Tâm Hoả, an thần, trừ thấp nhiệt. Trị mồ hôi tay, eczema ở vùng bàn tay, vùng tim đau, động kinh, nấc, xoang miệng viêm.

Thường phối huyệt Lao Cung với huyệt Túc Tam Lý (Vi.36) vì Lao Cung thuộc về Tâm Bào Lạc, tính nó mát mà hay đi xuống, vì thế nó có tác dụng điều lý được chứng khí trệ do lao động nặng nhọc gây ra. Lao Cung cũng có tác dụng làm thư được những nỗi uất kết do thất tình, nội thương gây nên và nhất là thanh được nhiệt ở vùng ngực và hoành cách mô, mở đường cho Tâm hỏa đi xuống. dùng chung với huyệt Túc Tam Lý có tác dụng tả được hỏa của Tâm lẫn Vị, trấn được nhiệt khí từ dưới xung lên. Các chứng như bứt rứt, phiền muộn, hay nôn mửa, nôn khan, ợ hơi, ợ

chua, nóng mặt, chỉ thích nằm... mà dùng cách phối 2 huyết này thì đều có công hiệu” (Phối Huyết Khái Luận Giảng Nghĩa).

NHÂN TRUNG:

Theo các sách xưa, môi trên được gọi là Nhân trung (Giáp Ất Kinh), Huyết nằm ở vùng rãnh mũi - môi nên gọi là Nhân Trung hoặc Thuỷ Cầu.

Đặc Tính:

- Huyết thứ 26 của mạch Đốc.
- Hội của mạch Đốc với các kinh Dương Minh (Vị và Đại trường)
- Nơi nhận khí của kinh Đại Trường và Vị.
- Nơi giao chéo của 2 đường kinh Đại Trường.
- 1 trong ‘Thập Tam Quỷ Huyết’ với tên gọi là Quỷ Cung.



Vị Trí:

Tại điểm nối 1/3 trên và 2/3 dưới của rãnh Nhân trung, giữa đáy rãnh.

Tác Dụng:

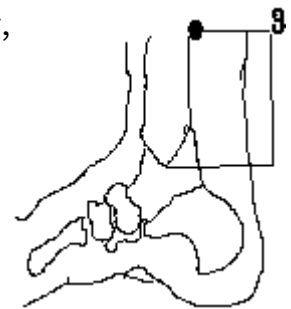
Khai khiếu, thanh nhiệt, thanh định thần chí, khu phong tà, tiêu nội nhiệt, lợi vùng lưng và cột sống, điều hòa nghịch khí của Âm Dương.

TAM ÂM GIAO

Huyết là nơi hội tụ của 3 kinh âm ở chân (Can, Tỳ, Thận) vì vậy gọi là Tam Âm Giao.

Đặc Tính:

- Huyết thứ 6 của kinh Tỳ.
- Huyết giao hội của 3 kinh chính Can - Thận - Tỳ.
- Một trong ‘Lục Tổng Huyết’ Chủ trị vùng bụng dưới.
- Một trong nhóm ‘Hồi Dương Cứu Châm’, có tác dụng nâng cao và phục hồi Dương khí.
- Nơi Âm khí hội tụ, do đó, không bao giờ châm khi phụ nữ có thai.



Vị Trí:

Ở sát bờ sau - trong xương chày, bờ trước cơ gấp dài các ngón chân và cơ căng chân sau, từ đỉnh cao của mắt cá chân trong đo lên 3 thốn.

Tác Dụng:

Bổ Âm, kiện Tỳ, thông khí trệ, hóa thấp, khu phong, điều huyết, sơ Can, ích Thận.

➤ TÁC DỤNG DƯỠNG ÂM:

Vì là huyết hội của ba đường kinh âm, đặc biệt là đường kinh Thận nên tác dụng dưỡng âm. Tác dụng rõ nhất của huyết là bổ Thận âm. Trên thực tế, khi day ấn liên tục từ 7-10 phút trên huyết, một số người có khí cảm tốt sẽ cảm nhận được một luồng khí lan tỏa theo 2 chiều, hoặc từ lòng bàn chân và ngón chân cái chạy dọc theo 3 đường kinh đến thận, gan và lách; Hoặc ngược lại từ những cơ quan này theo đường kinh thoát ra khỏi cơ thể thông qua lòng bàn chân và các đầu ngón chân. Đây chính là quá trình xả trực tiếp khí và thu thanh khí thông qua các tỉnh huyết ở chân. Nếu sự tác động đủ mạnh và kéo dài sẽ có sự lan tỏa khí sang các tổ chức và các kinh lạc khác của cơ thể - mà gần nhất sẽ là các phủ có liên hệ biểu lý với 3 tạng Tỳ, Can, Thận, tức dạ dày, túi mật và bàng quang...

➤ TÁC DỤNG ĐIỀU HÒA THẦN KINH :

Sơ tiết Can khí làm thư giải khí uất của Tam âm giao sẽ giúp hóa giải trạng thái tâm lý : “Mọi chứng bệnh đều kèm chứng uất, vậy chữa bệnh phải kèm chữa uất”; chữa “âm hư hỏa vượng.

➤ TÁC DỤNG THANH LỘC VÀ TĂNG CƯỜNG CHUYỂN HÓA CƠ BẢN:

Can Thận chủ hạ tiêu, Tỳ chủ trung tiêu. Do đó, khi tác động vào huyết Tam âm giao có thể điều tiết toàn bộ quá trình chuyển hóa, thanh lọc và bài tiết ở khu vực này: “Thận chủ bế tàng”, “Can chủ sơ tiết”, “Tỳ chủ vận hóa” nên Tam âm giao là một trong số rất ít huyết vị châm cứu có đặc tính tự điều chỉnh rất cao giữa âm và dương, giữa bất cập và thái quá, giữa hưng phấn và ức chế đối với các lĩnh vực bệnh lý có liên quan; có thể điều chỉnh những rối loạn có vẻ như hoàn toàn đối nghịch nhau như bế kinh, rong kinh, đau bụng kinh, băng huyết.

Trị căng chân và gót chân sưng đau, thần kinh suy nhược, liệt nửa người, tiểu bí, tiểu vật, tinh hoàn viêm, di mộng tinh, liệt dương, kinh nguyệt rối loạn, bụng trứng, da viêm do thần kinh, mề đay phong ngứa.

HỢP CỐC:

Huyết ở vùng hố khẩu, có hình dạng giống như chỗ gấp nhau (hợp) của miệng hang (cốc), vì vậy gọi là Hợp Cốc, Hố Khẩu.



Đặc Tính:

➤ Huyết thứ 4 của kinh Đại Trường.

- Nguyên huyết, huyết hấp thu, châm trong rối loạn mạch Lạc Đại Trường, rối loạn Kinh Cân Đại Trường (khi đau và co thắt).
- 1 trong Lục Tổng Huyết trị vùng mắt, đầu, miệng.

Vị Trí:

- Ở bờ ngoài, giữa xương bàn ngón 2.
- Khép ngón trỏ và ngón cái sát nhau, huyết ở điểm cao nhất của cơ bắp ngón trỏ ngón cái.
- Ngón tay cái và ngón tay trỏ xòe rộng, lấy nếp gấp giữa đốt 1 và đốt 2 của ngón tay cái bên kia để vào chỗ da nổi ngón trỏ và ngón cái (hồ khẩu tay này, đặt áp đầu ngón cái lên mu bàn tay giữa 2 xương bàn 1 và 2), đầu ngón tay ở đâu, nơi đó là huyết, ấn vào có cảm giác ê tức.

Tác Dụng:

Trần thống, thanh tiết Phế khí, thông giáng Trường Vị, phát biểu, giải nhiệt, khu phong.

Chủ Trị:

Trị ngón tay đau, ngón tay tê, bàn tay liệt, cánh tay liệt, đầu đau, răng đau, liệt mặt, amygdale viêm, khớp hàm dưới viêm, mắt đau, cảm cúm, sốt, bấu giáp đơn thuần, làm co bóp tử cung, say tàu xe.

NỘI QUAN:

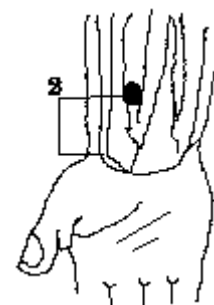
Huyết có tác dụng trị bệnh ở ngực, Tâm, Vị...lại nằm ở khe mạch ở tay, vì vậy gọi là Nội Quan (Trung Y Cương Mục).

Xuất Xứ:

Thiên 'Kinh Mạch' (LKhu.10).

Đặc Tính:

- Huyết thứ 6 của kinh Tâm bào.
- Huyết Lạc.
- Huyết giao hội với Âm Duy Mạch.
- Một trong Lục Tổng huyết trị vùng ngực.



Vị Trí:

Trên cổ tay 2 thốn, dưới huyết Gian Sử 1 thốn, giữa khe gân cơ gan tay lớn và bé.

Tác Dụng:

Định Tâm, an thần, lý khí, trấn thống, thanh Tâm Bào, sơ tam tiêu, định tâm an thần, thư trung, hòa vị, lý khí, trấn thống. Thường được chỉ định chữa các bệnh tại chỗ như đau căng tay, cổ tay và các bệnh toàn thân như tim mạch, nôn mửa, mất ngủ, buồn phiền, viêm loét dạ dày tá tràng... Ứng dụng theo kinh thường được dùng để chữa các bệnh đau vùng tim, đau ngực, nóng ruột, bồn chồn... Là yếu huyết của vùng tâm ngực, có tác dụng làm khoan khoái lồng ngực, hoành cách mô (cơ hoành), hành khí, tán uất kết..., nên thường được dùng để chữa các bệnh ở tim và ngực. Trị hồi hộp, vùng trước tim đau, vùng ngực và hông sườn đau, dạ dày đau, nôn, nấc, mất ngủ, động kinh, hysteria, xuất tinh sớm, huyết áp cao, thấp, mạch cao, thấp

Theo cổ nhân, nếu kết hợp với Tam âm giao thì có tác dụng tư âm dưỡng huyết, kiện tỳ, ích vị, giao tế được thủy hỏa, quân bình được âm dương... Có thể dùng để chữa các bệnh đau nhức trong xương, đau lưng, ho, ra mồ hôi trộm (đạo hãn), thiếu máu, bế kinh... Quan điểm của các y gia cho thấy Nội quan có tác dụng thanh ở phần trên, Tam âm giao có tác dụng ôn bổ phần dưới..., trước là để hòa dương, sau là cố âm, âm dương hòa thì mới có thể tư sinh hóa dục...

ỦY TRUNG:

Huyệt nằm ở giữa (trung) nếp gấp nhượng chân (uỷ) vì vậy gọi là Uỷ Trung.

Đặc Tính:

- Huyệt thứ 40 của kinh Bàng Quang.
- Huyệt Hợp của kinh Bàng Quang, thuộc hành Thổ.
- Huyệt xuất phát kinh Biệt Bàng Quang và Thận.
- Theo thiên 'Tứ Thời Khí' (LKhu.19): Uỷ Trung thuộc nhóm huyết dùng để tả nhiệt khí ở tứ chi (Vân Môn [P.2], Kiên Ngung [Đtr.15], Uỷ Trung [Bq.40], Hoành Cốt [Th.11]). Đau lưng.



Vị Trí:

Ngay giữa lằn chỉ ngang nếp nhượng chân.

LIỆT KHUYẾT:

Liệt = tách ra. Khuyết = chỗ lõm. Huyết ở trên cổ tay, nơi có chỗ lõm. Huyết là Lạc huyệt của kinh Phế, từ chỗ này có 1 nhánh tách ra để nối với kinh Đại Trường, vì vậy, gọi là Liệt Khuyết (Trung Y Cương Mục) .



Đặc Tính:

- Huyết thứ 7 của kinh Phế.
- Huyết Lạc, nơi phát xuất Lạc dọc, Lạc ngang.
- Huyết Giao hội với Nhâm Mạch.
- 1 trong Lục Tổng Huyết trị đau vùng đầu, gáy (Cần Khôn Sinh Ý).

Vị Trí:

Dưới đầu xương quay nối với thân xương, cách lần chỉ ngang cổ tay 1, 5 thốn. Hoặc chéo 2 ngón tay tro? và ngón tay cái cu?a 2 bàn tay với nhau, huyệt ở chỗ lõm ngay dưới đầu ngón tay tro?.

Tác Dụng:

Tuyên Phế, khu phong, thông điều Nhâm Mạch.

Chủ Trị:

Trị cổ tay đau sưng, đầu đau, cổ gáy cứng, ho, suyễn, liệt mặt.

Tham Khảo:

(“Trẻ nhỏ bị kinh phong, mắt trợn ngược: Liệt Khuyết chủ trị, đồng thời chọn huyệt Lạc của kinh Dương minh” (Giáp Ất Kinh).

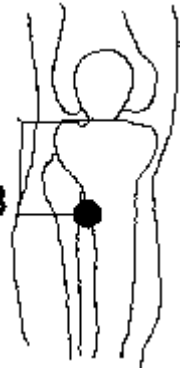
(“ Kinh Dương Minh Đại Trường chạy dọc theo lỗ mũi, mặt đau, răng đau, má sưng, mắt vàng, miệng khô, mũi chảy nước, muic chảy máu, họng sưng đau, phía trước vai đau chịu không nổi. Châm huyệt Hợp Cốc + Liệt Khuyết” (Thập Nhị Kinh Trị Chứng Chủ Khách Nguyên Lạc Quyết).

(“Liệt Khuyết phối hợp Hợp Cốc là theo phương pháp ‘Phối Hợp Nguyên - Lạc’, ‘Phối Hợp Chủ - Khách’, lấy phối hợp theo Tạng Phủ, Kinh Lạc. Dùng phép tả 2 huyệt này, thường để trị ngoại cảm biểu chứng [phong hàn, phong nhiệt nhập Phế hoặc bệnh ở Phế vệ] (Thường Dụng Du Huyết Lâm Sàng Phát Huy).

TÚC TAM LÝ:

Một số nhà chú Giải lại cho rằng Túc Tam Lý là nơi hội của 3 phủ Đại Trường (ở trên), Vị (ở giữa) và Tiểu Trường (ở dưới) vì vậy mới gọi là Tam Lý

Huyệt ở dưới lõm khớp gối 3 thốn, lại chữa 3 vùng trên, giữa và dưới của dạ dày (Vị), vì vậy gọi là Túc Tam Lý (Trung Y Cương Mục).



Đặc Tính:

- Huyệt thứ 36 của kinh Vị.
- Huyệt Hợp, thuộc hành Thổ.
- Huyệt quan trọng có thể dùng một mình hay phối hợp điều trị các bệnh thuộc Vị và tất cả các trường hợp trướng đau ở bụng, tiêu hóa rối loạn, các bệnh về mắt, hệ thần kinh, bệnh áp huyết cao. Đây là huyệt có tác dụng toàn thân.
- Huyệt đưa khí xuống phần dưới cơ thể.
- Một trong 'Lục Tổng Huyệt' Chủ trị vùng bụng đau.
- Một trong nhóm 'Hồi Dương Cứu Châm' có tác dụng nâng cao và phục hồi Dương khí.
- Một trong '14 Yếu Huyệt' của 'Châm Cứu Chân Tu?y' (Nhật Ba?n) để nâng cao chính khí, trị bệnh dạ dày (nhưng dạ dày dư chất chua thì không dùng huyệt này).

Vị Trí:

Dưới mắt gối ngoài 3 thốn, phía ngoài xương mác khoảng 1 khoát ngón tay, nơi cơ căng chân trước, khe giữa xương chày và xương mác.

Hoặc úp lòng bàn tay vào giữa đầu gối, đầu ngón tay giữa chạm vào xương ống chân (xương chày), từ đó hơi xịch ra phía ngoài 1 ít là huyệt.

Dưới lõm ngoài xương bánh chè (Độc Ty) 3 thốn.

Tác Dụng:

Lý Tỳ Vị, điều trung khí, thông kinh lạc - khí huyết, phù chính bồi nguyên, bổ hư nhược, khu phong hóa thấp, điều hòa huyết áp.

Chủ Trị:

Trị dạ dày đau, nôn mửa, tiêu hóa kém, táo bón, ruột viêm, chi dưới yếu liệt, bệnh thuộc hệ tiêu hóa, kích ngứa, cơ thể suy nhược, thần kinh suy nhược. Huyệt Túc tam lý thường được dùng trong chữa các bệnh về đường tiêu hóa và một số bệnh toàn thân như liệt nửa người, thấp khớp, viêm đa khớp dạng thấp, đái tháo đường, suy nhược, thiếu máu, huyết

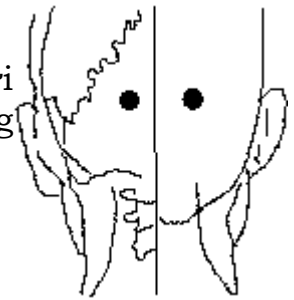
áp cao, dị ứng, vàng da, động kinh, bệnh sinh dục tiết niệu, thần kinh suy nhược...

Túc Tam Lý được xem là huyết trường sinh với nhiều ý nghĩa. Năng kích hoạt Túc Tam lý giúp điều lý Tỳ Vị, tăng cường sự lưu thông khí huyết, gia tăng chức năng miễn dịch và kéo dài tuổi thọ. TTL không chỉ là 1 trong số những huyết vị có tần suất sử dụng hàng đầu trong châm cứu mà còn là huyết có nhiều tác dụng, từ chữa các bệnh về hệ thống tiêu hoá, tim mạch đến ý nghĩa bồi bổ nguyên khí, tăng cường sức miễn dịch và kéo dài tuổi thọ, gia tăng sức đề kháng để chống lại sự tác hại của các loại vi trùng vi khuẩn gây bệnh, có lẽ năng vận động thân thể và thường kích hoạt huyết TTL là biện pháp tự nhiên và đơn giản nhất.

NGỌC CHẤM:

Tên Huyệt:

Xương chằm có tên là Ngọc Chằm. Huyệt ở ngang với xương chằm vì vậy gọi là Ngọc Chằm (Trung Y Cương Mục).



Đặc Tính:

- Huyệt thứ 9 của kinh Bàng Quang.
- 1 trong nhóm huyết 'Đầu Thượng Ngũ Hàng'.

Vị Trí:

Ngay sau huyết Lạc Khước 1, 5 thốn, ngang huyết Não Hộ (Đc.17) cách 1, 3 thốn, ngang với ụ chằm 1, 5 thốn.

Tác Dụng:

Trần thống, khu phong.

Chủ Trị:

Trị đầu đau, chóng mặt, mắt đau.

(Theo thiên 'Tập Bệnh' (LKhu.26), Ngọc Chằm là một trong nhóm 5 huyết ở trên đầu (Đầu Thượng Ngũ Hàng) trị thiên đầu thống do rối loạn vận hành khí (các huyết khác là Ngũ Xứ (Bq.5) + Thừa Quang (Bq.6) + Lạc Khước (Bq.7) + Thông Thiên - Bq.8).

(Thiên 'Hàn Nhiệt Bệnh' ghi: "Kinh Túc Thái Dương có đường thông với cổ gáy nhập vào não, đây chính là gốc của mắt (mục Bản), gọi là nhãn hệ. Khi đầu hay mắt bị đau, thủ huyết nằm ở giữa 2 đường gân giữa cổ nhập vào não (huyết Ngọc Chằm), là nơi tương biệt với mạch Âm Kiều và Dương Kiều..."(LKhu 21, 26).

Huyết Là Nơi Sinh Khí Vận Hành Qua Lại

Thiên 'Sinh Khí Thông Thiên Luận' ghi: "*Ôi từ xưa đến nay, mạng sống con người đều thông với 'thiên', gốc của mạng sống lấy gốc ở âm dương. Trong khoảng trời đất, trong khoảng lục hợp, dù là cửu châu, cửu khiêu, ngũ tạng, thập nhị tiết trong con người, tất cả khí đó đều thông với thiên khí' (TVấn 3, 1, 2). Và theo ý của thiên 'Kinh Biệt' thì cơ thể con người là 'tiểu vũ trụ' ứng với thiên khí, và thiên khí đó thông chuyển vào cơ thể qua các kinh huyết. Đặc biệt, theo người xưa, huyết là các lỗ hổng (khổng), để đón nhận sự biến đổi khí hoá của trời đất.*

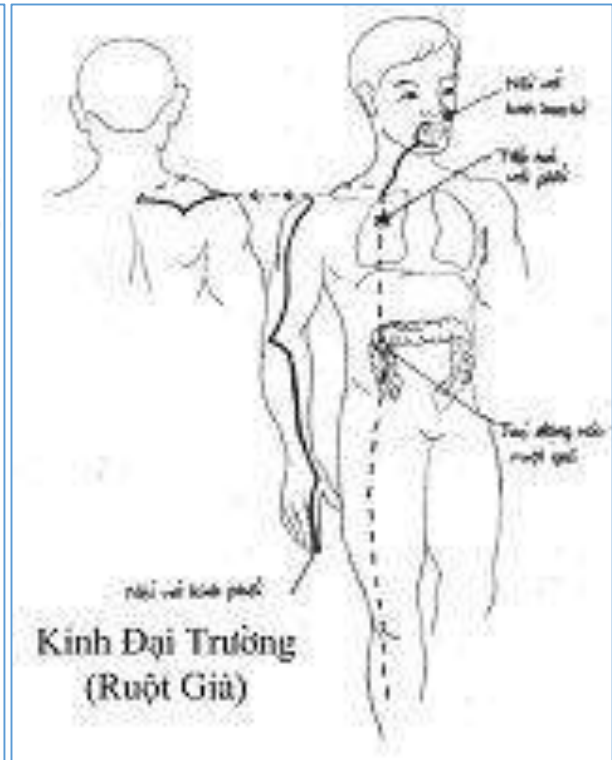
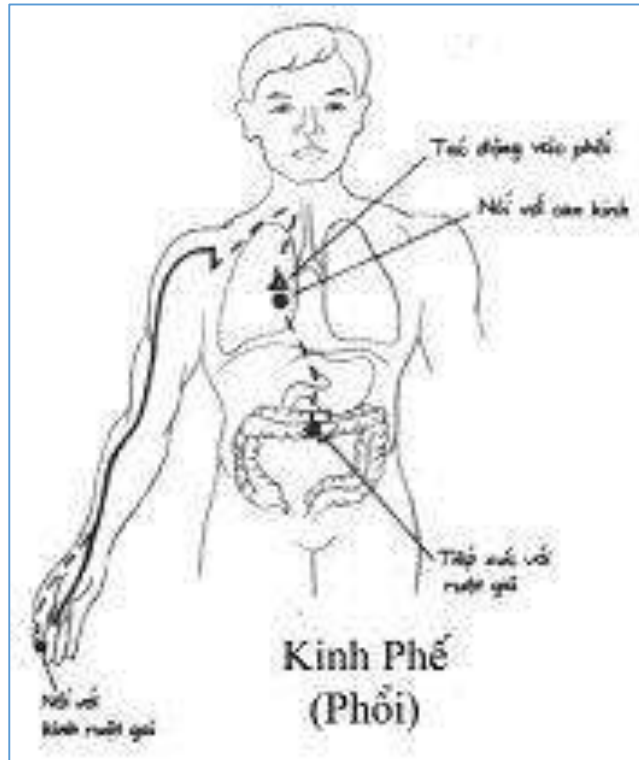
Dimitru (Rumani) cho biết: " Nghiên cứu điện trở các huyết Bá Hội (Đc.20), Phong Trì (Đ.20), Thần Môn (Tm.7), Thiên Trụ (Bq.10) trong những ngày mặt trời yên tĩnh (bức xạ thấp) và những ngày có các vụ nổ của mặt trời (bức xạ cao) nhận thấy: Vào các ngày có những vụ nổ của mặt trời, điện trở của các huyết trên cao lên và vào những ngày yên tĩnh thì điện trở của các huyết đó xuống thấp".

12 ĐƯỜNG KINH CHÍNH

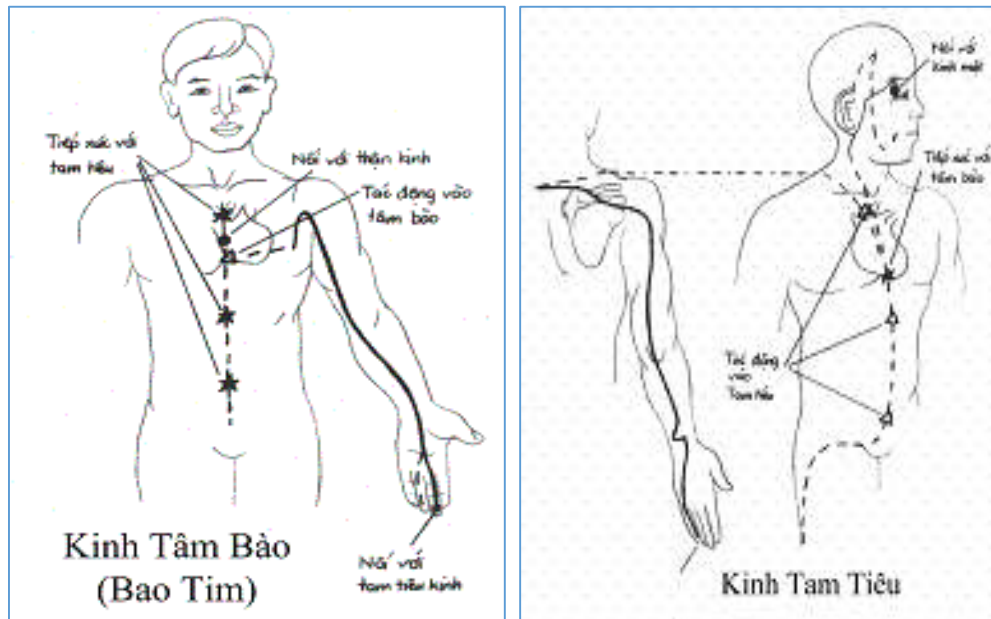
Cặp kinh phế - kinh đại trường:

Kinh phế:

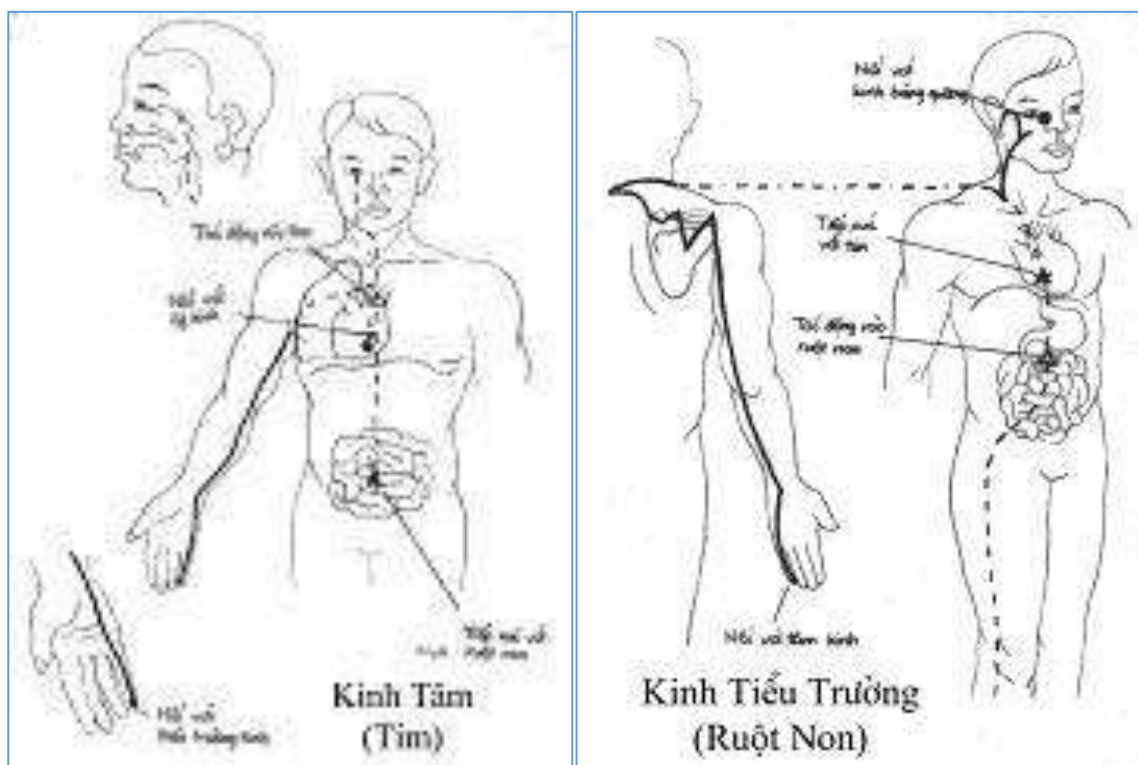
Kinh đại trường



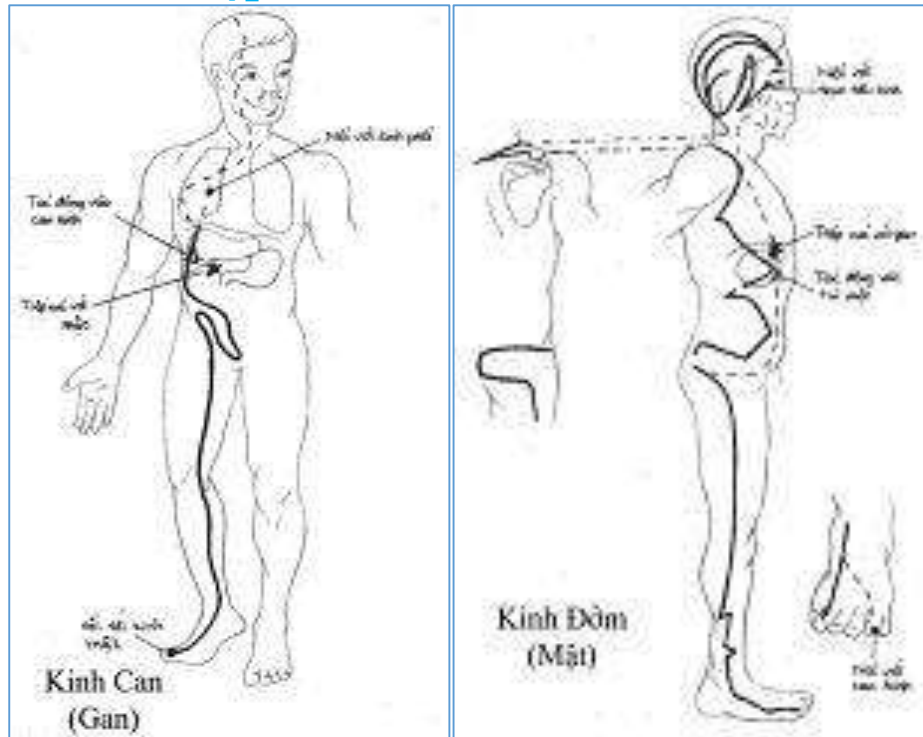
Cặp kinh Tâm bào - tam tiêu



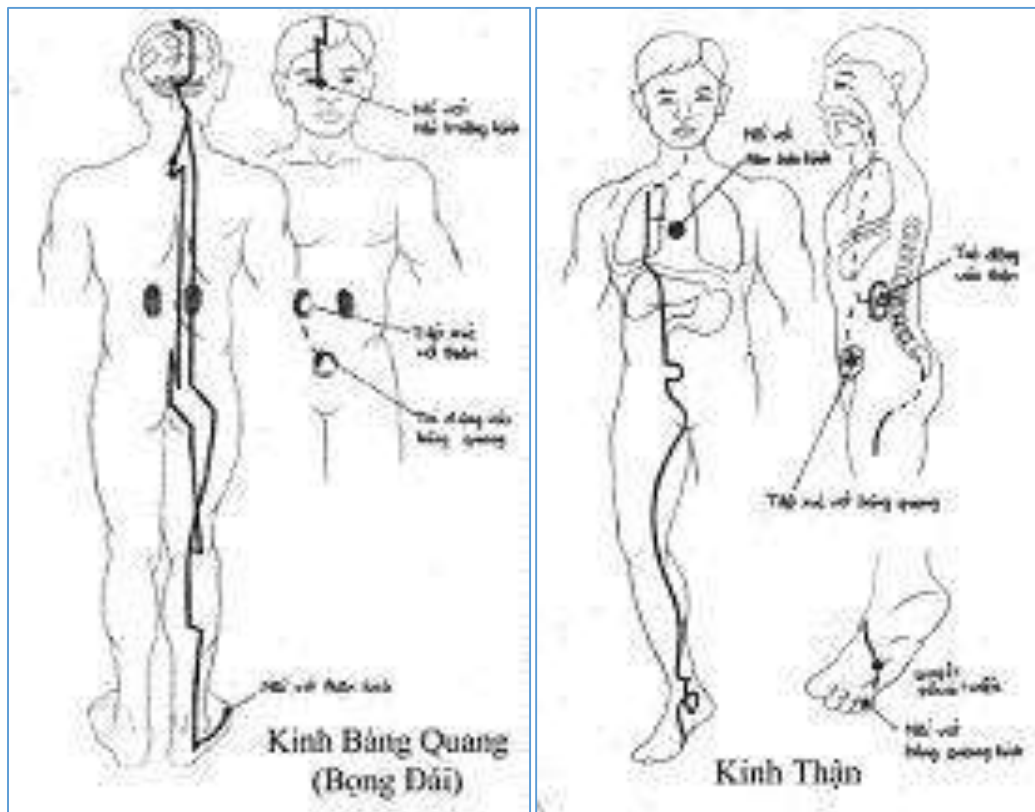
Cặp kinh Tâm-Tiểu trường



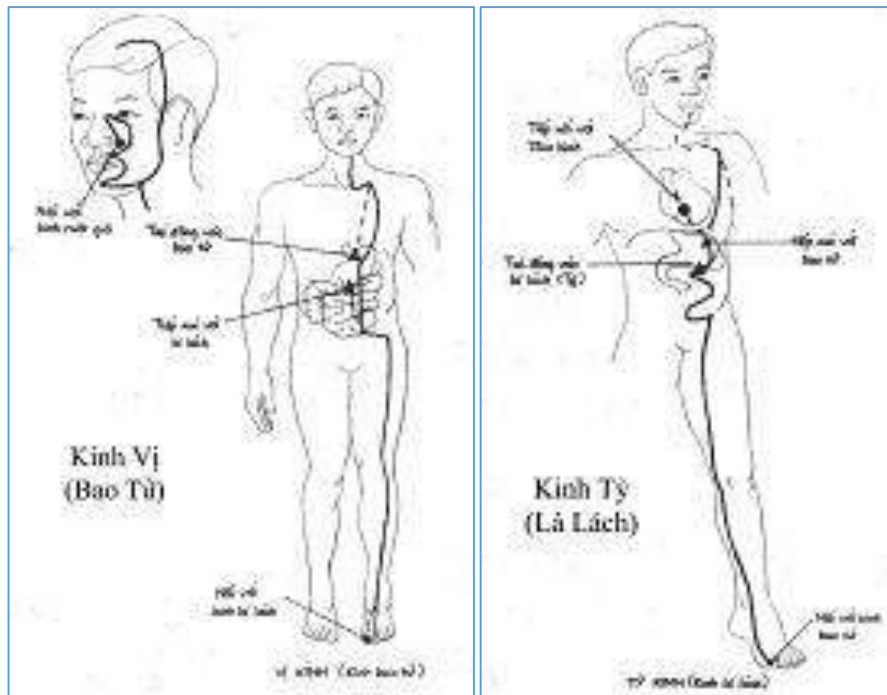
Cặp kinh can - kinh đờm:



Cặp kinh bàng quang - kinh thận:



Cặp kinh vị - kinh tý:



THIÊN ĐẠO ĐẠI PHÁP TÂM CÔNG TRUNG CẤP

NỘI DUNG

1. Hệ thống thần kinh tủy. Cấu tạo cơ thể (*Tài liệu riêng bổ trợ*)
2. Dạy về kỹ thuật thiên cao cấp.
3. Dạy về khai Long Hỏa. Tìm hiểu thêm về Luân xa-sao.
4. Tạng phủ công.
5. Chữa bệnh không dùng thuốc đơn giản.
6. Luyện hòa khí âm dương, tăng nội khí. Tẩy khí qua sao.
7. Luyện bài Thiên Long Nhân công pháp.

LỜI NÓI ĐẦU

Những người học Cấp 2 trở lên, là những người Ta tin tưởng, truyền hết các bí pháp cho, gắng tự học, luyện tài giúp đời, tuân Luật Thiên Đạo, Luật Thánh Đức, dạy học trò sau mình đúng như thầy dạy mình, cấm đổi cách tu tập Huyền Pháp.

Ở mỗi trình độ nhận thức, sức khỏe, căn cơ, khả năng tu luyện, các vị hãy chọn cho mình một phần tu tập cho phù hợp, cấm tập cố, tập tắt, ham đạt thần thông nhanh, vì theo Pháp, sớm muộn gì cũng đạt được, và vì có thần thông để giúp đời, cải mình, chứ không phải để kiếm danh lợi; khi nào giỏi hơn thầy, hay có quyền phép hơn, mới được khoe khoang, hay kiêu ngạo. Ta dạy các vị thành thần tiên tại thế, chứ không dạy kiếm ăn. Muôn năm sau, cho muôn người khác cũng thế. Huyền Pháp là phương tiện để chúng ta hoàn toàn giác ngộ tiến hóa tâm linh-linh hồn; còn Chính Pháp để chúng ta cải đời, có công quả.

Pháp chúng ta khác các Pháp môn khác mỗi thế thôi!

Mãi mãi sau này, ai mãn trần, lên **Kim Tụ Thập**, gặp được Cha, các Thánh, Ta, hay những vị thầy đã về trước, các vị mới thấy quyền phép và lời Ta nói đúng.

THIÊN CẤP CAO CỦA THIÊN ĐẠO

Ở Cấp 1: Thiền tập trung ý thủ tại Đan điền, nhằm tích năng lượng tại Đan điền, Mệnh môn, nâng cao nội khí.

Sang cấp này trở đi: Sau khi đã khai thông Sao 7 tại Bách Hội và các Sao khác, **thì muốn chữa bệnh ở đâu, thì thiền ở đó, muốn mở hoặc tích năng lượng ở đâu thì quán ý ở đó.**

Ví dụ: Muốn tăng nội khí tại vùng tim, quán ý tại sao 4....

Trước khi thiền, phải thải trọc khí qua các sao, qua Nhâm Đốc, qua Long Hỏa xong, thông sạch khí trọc bẩn, rồi thiền lặng.

Mục đích của thiền cao cấp, không phải để chữa đau đầu, khó ở... đó chỉ là tác dụng nhỏ, mà cốt để tịnh tâm, chứng ngộ tâm linh-đi sâu vào bản thể mình và vũ trụ, và xuất hồn vía, tu luyện công, hay đi chữa bệnh, đánh trận với tà ma, hay đi học hỏi thêm trên Trung Giới...ở các cấp cao sau.

Chú ý:

1. Trước và sau các bài Tam Công, đều có thiền; tức là mỗi cử động, đều có thể tập nhanh, rồi có thể tập chậm, có khi cả tiếng đồng hồ ở một tư thế, mỗi tư thế có một tác dụng và đặc tính sinh động của năng lượng; vào bài nào cũng thiền, cuối bài cũng thiền, tập cần trọng từng động tác, thì mới thấy hết thâm diệu của Tam Công.

2. Khi quán ý thiền:

Khi quán ý thiền tại Sao 6-7: Niệm: **Cha Thiên Linh Đại Linh Linh**, rồi thiền sâu.

Khi quán ý thiền tại Sao 4-5: Niệm: **Mẹ Thiên Linh Đại Linh Linh**, rồi thiền sâu.

Khi quán ý thiền tại Sao 3-2: Niệm: **Thầy Thiên Linh Đại Linh Linh**, rồi thiền sâu.

Đọc xong thì thiền, thôi không đọc nữa.

3. Phải Thiền, mới tịnh hóa được tâm ý và tâm thể, sau này khi biết xuất hồn-vía, phải thiền, rồi mới xuất, trừ trường hợp siêu đẳng rồi, lúc nào cũng xuất được, ở bất cứ chỗ nào, nhưng khi được rèn luyện cao độ rồi và **sợi dây bạc đã rất bền chắc**, kỹ thuật xuất đã có kinh nghiệm cao.

Càng tĩnh tâm, về tịnh bao nhiêu, thì xuất càng đỡ mệt, nhanh và chính xác, không đau đầu bấy nhiêu.

4. Thiền mọi lúc có thể. Nằm, ngồi, đứng đều thiền được, có nghĩa là tịnh tâm và tĩnh sâu-hạn chế hơi thở tối đa. Chỉ cần nhắm mắt lại là có thể chu du...

được. Lúc này, năng lượng của não bộ gần như bằng không, không làm việc, mà xuất khiếu ra ngoài, sử dụng năng lượng bên ngoài nạp vào...

MỘT SỐ CHÚ Ý KHI LUYỆN HUYỀN PHÁP THIÊN ĐẠO

1. Thực hiện các bước chuẩn bị: Khởi động, mat-xa để làm nóng các huyết.
2. Luyện Tĩnh công: Đây là phần bắt buộc, là nền tảng cho các phần sau.
 - Niệm phép cho nghiêm-**Nhìn vào Thiên Phù** để nạp ý và tăng năng lượng.
 - Tập thiền-xả tâm-tĩnh tâm: Không thiền sâu, không xả trọc, sẽ khó khai mở linh năng về sau và không quán khí tốt.
 - Luyện thở khi thiền: Cho khí vào Đan điền, hoặc khi quán ý nơi khác, thì không cần quan tâm đến hơi thở nữa, mà hạ thấp nhỏ và nhẹ hơi mỏng như hơi thở của rùa-tức là gần như không thở-vì khí năng lượng đã được lấy qua nơi mình đang quán ý. Rùa thọ lâu nhất các loài, là do nó thở rất chậm....
 - Luyện hai vòng Tiểu Đại khí.
3. Luyện Động công:
 - Luyện các bài Tam công pháp: Mục đích là khai các Đại huyết-Luân xa; sau đó tập luyện khai mở huệ nhãn, thiên nhãn, xuất hiện khả năng thần thông.

Đến cao cấp, **xuất được hồn vía**, chứng ngộ tâm linh và giác ngộ Chân Lý Tối thượng-tức đạt trình độ và trạng thái Giác ngộ siêu thoát (Niết bàn-theo Đạo Phật); rồi đỉnh ngộ nhập thể cứu độ-xây đời-Đây là mục đích của Pháp môn.
 - Khi đạt trình độ cao cấp, đã khai Long hỏa (hỏa xà), thông Địa-Nhân Long, không tích khí theo Nhâm-Đốc nữa, mà tích khí qua các sao, qua Long hỏa... Nếu đã biết xuất vía, thì luyện Huyền công siêu đẳng, lấy năng lượng trên cao, từ xa...Có khả năng phát công chữa bệnh cho người khác trên phạm vi không gian toàn cầu, không hạn chế số lượng và có thể làm nhiều việc ích thiện quan trọng khác.

Luyện động công:

Luyện từ bài **1-Địa công**: Bài này mục đích là khai mở các đại huyết, thông khí, cân bằng âm dương khí, chữa các bệnh; khi thông Nhâm Đốc, khai các sao rồi.

Sang bài **2-Nhân công**: bài này cốt là khai **Long hỏa**-luồng Chính khí và là trục Trung tâm nương tựa của linh hồn con người-khi khai được **Long hỏa**, tất dần sẽ khai nhãn-xuất hiện khả năng thần thông từ thấp đến cao. Bài này cũng có tác dụng thông Nhâm-Đốc, thông tủy-thần kinh trung ương...

Bài 3-**Thiên công**: Tác dụng chính của bài này là khai và luyện Thần nhân, cho đến khi có thể thấu thị và chứng ngộ tâm linh, biết cải tạo thể vía, lấy năng lượng bên ngoài, cũng như bên trong để chữa bệnh và cải tạo mức năng lượng của bản thân.

4. Kết hợp lý thuyết khoa học tâm linh-trường sinh học-với luyện Huyền pháp để nhanh đạt kết quả và chứng ngộ; kết hợp tôn thờ và niệm danh Vua Cha Thượng đế trong quá trình tu luyện.
5. Huyền Pháp Thiên Đạo khác các pháp môn khí công khác, đó là: Luyện Thiên-Công-để đạt thành Chính giác, giác ngộ-thần thông; là pháp tu luyện rất nhanh, mới-không chỉ nhằm mục đích chữa bệnh hay có công lực, đó chỉ là một phần của pháp. **Trình độ cao cấp, phải biết xuất vía, tu luyện trên Kim Tụ Tháp trên Trung giới**, biết các phương thuật tâm linh cao cấp, thành thần tiên ngay tại thể, mà không phải chờ đến khi bỏ xác trần mới có thần thông-đạt siêu thoát.

TÌM HIỂU THÊM VỀ LUÂN XA-SAO

Các luân xa-sao: Thực ra là khu vực tập trung năng lượng rất cao của cơ thể. Toàn bộ các năng lượng này được cấu tạo bằng khí thể ngũ hành-là các chất trong vũ trụ. 7 sao, ứng với 7 chất khí khác nhau và được tạo bởi trung tâm năng lượng vũ trụ ban đầu-được qui định và chế hóa bởi 7 sao Bắc Đẩu-tức 7 đại Thiên Tinh-Thượng cổ thiên thần trên Thiên đình. Hay nói một cách khác: Cha sinh ra các thần, có các đặc tính ngũ hành để sinh ra muôn vật. Do đó nói 7 sao Bắc Đẩu tượng trưng quản sinh mệnh-tạo ra sinh mệnh muôn vật là như vậy. Từ nhiều ngàn năm trước và nhiều nơi trên thế giới, con người đã khám phá các luân xa trên bản thể. Lạt Ma Tây Tạng Govinda trong quyển Foundation of Tibetan Mysticism có cho rằng luân xa là điểm giao tiếp giữa năng lượng tâm linh và năng lượng thể xác (physical energy). Luân xa là những đại huyết trọng yếu trên cơ thể và người Trung Hoa đã biết áp dụng để châm cứu chữa bệnh và gây mê trong khi giải phẫu.

Có 7 luân xa (SAO) chính trên cơ thể:

Luân xa 7 (sao 7): Khu vực đỉnh đầu, hay Nê hoàn cung. Luân xa 7 khai mở tiếp nhận Vũ trụ tuyến hay linh quang. Khi thiền định dùng luân xa này cầu nguyện Thượng Đế.

Luân xa 6 (sao 6): Khu vực Ấn đường. Luân xa này liên hệ với tuyến pituitary (tuyến Yên) trong não bộ. Tuyến Yên có nhiệm vụ tạo kích thích tố để kiểm soát các tuyến khác trên cơ thể và ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của xương, tình dục và nội tiết. Khi thiền định dùng luân xa này cầu nguyện Thượng Đế.

Luân xa 5 (sao 5): Khu vực huyết Thiên đột, tác dụng giúp các chứng về bộ hô hấp và tuần hoàn. Khi thiền, hay dùng luân xa này cầu nguyện Mẫu Vương Tiên (Mẹ).

Luân xa 4 (sao 4): Khu vực huyết Đản trung còn có tên là Giáp tích quan, hay Hiệp tích. Luân xa 4 khai mở phát triển tâm linh, lòng từ bi, sự bao dung, thiên tính, phật tính, giúp trị các chứng tim mạch.

Khi thiền hay dùng luân xa này cầu nguyện Mẫu Vương Tiên (Mẹ).

Luân xa 3 (sao 3): Khu vực huyết Trung quản.

Tác dụng đến các cơ phận dạ dày, ruột, gan, lá lách, thận; điều hòa nhiệt lượng cơ thể và tiết chất kích thích tố cortisone.

Khi thiền hay dùng luân xa này cầu nguyện các Thầy.

Luân xa 2 (sao 2): Khu vực huyết Quan nguyên-trong là Đan điền- trên huyết Trường cường. Quản lý nguồn năng lượng chân khí dương, nếu tình dục, rượu chè quá độ, năng lượng này sẽ bị tiêu mòn, mệt mỏi; bổ sung bằng cách thông và xả trọc, lấy khí qua Dũng tuyến lên... Địa Long bắt đầu từ Trường cường đến sao này.

Khi thiền hay dùng luân xa này cầu nguyện các Thầy.

Luân xa 1 (sao 1) Khu vực huyết Hội âm, nằm giữa bộ sinh dục và hậu môn, nơi cư ngụ của hỏa xà (Kundalini)-Pháp ta gọi là **Long Hỏa**-Nó không phải nằm tại Hội âm-vì Hội âm là huyết hội của 6 đường kinh âm trước người, còn Long hỏa-là nơi hội của năng lượng âm dương cả trực, bắt đầu từ trực Long, xuất phát từ Dũng tuyến. Nó là đỉnh đối cân bằng với Nê hoàn cung-khu vực sao 7.

Thánh thai (huyết **thần đình**) là một luân xa đặc biệt mà Thiền Trung Hoa của Lục tổ Huệ Năng gọi là Thiên cốc cung, nằm ở chân mí tóc trước trán. Luân xa này khi được khai mở sẽ giúp tự chữa bệnh rất hữu hiệu. Nó giúp thiền giả sống trường thọ, ngăn ngừa hay tự trị được nhiều căn bệnh. Thiền Ấn Độ không nói đến luân xa này. Có lẽ vì cách khai mở luân xa này rất đặc biệt. (Sưu tầm).

(**Ghi chú:** ở một tài liệu trước, có ghi luân xa 3 ở Quan Nguyên, LX2 ở Trường Cường-đó là tài liệu của ngoại pháp, nay Ta sửa lại cho đúng với Pháp môn).

Tự khai mở luân xa: Theo các động tác thuộc **cử động 3-Thiên Long nhập sao của bài 2.**

-Nếu nhờ các thầy trước khai cho, chỉ khai lần đầu, sau đó mỗi lần tập, hay chữa bệnh, xả trọc, thì tự khai thông-xả trọc-đây là bài bắt buộc hàng ngày, để thanh khí cơ thể và thể vía, sau đó mới được làm các động tác và việc khác.

Thí dụ: Khi uống rượu, người hôi, tẩy khí rượu độc qua sao, qua kinh mạch, qua trục Long Hỏa....

KHAI LONG HỎA (Thiên Long)

QUYỀN LỰC TÂM LINH CỦA LONG HỎA

Ở Cấp 1, Ta đã dạy về lý luận đường khí: Trục dọc cơ thể-hay đó chính là đường Long Hỏa-là con đường hợp nhất của toàn bộ năng lượng cơ thể-hợp nhất kinh mạch-nó là đường từ sức của khối nam châm là cơ thể con người.

Linh hồn chúng ta-khi còn ngự được tại xác thể-là nương tựa và bám vào hệ thống Long Hỏa này. Khi hệ thống này bị hỗn loạn, kinh mạch tan vỡ, tán loạn, bế khí...thì cơ thể bị bệnh; nếu bị đột ngột phá vỡ: như bị đá thương, bị tai nạn, bị bắn...thì lập tức trung khu năng lượng tán xạ, đóng bế đường năng lượng lên não, linh hồn bị ảnh hưởng, toàn bộ linh giác ảnh hưởng và làm não bế lại.

Vậy nói cho gọn: **Long Hỏa là đường từ sức của cơ thể-nơi trú ngụ của linh hồn.**

Vì chúng ta biết: Linh hồn chúng ta là **tổ hợp nguyên tử**, nó phải dựa vào các tổ hợp khí để tồn tại, chứ không phải tổ hợp vật chất sơ đẳng-não chỉ là một ngôi nhà để cho chúng ta ngự thôi, là một cái cầu nối.

Đã có những đứa trẻ sinh ra không có não (rỗng não), nhưng vẫn thở, vẫn sống đó! Nhưng nếu đánh tan đầu, hoặc chọc thủng ngực, hoặc đánh vào một sao quan trọng, thì nó sẽ chết.

Tự nhiên, khi con người sinh ra, các trung tâm năng lượng này bình hòa, đã có sẵn, các huyết đạo, kinh mạch rất hoàn hảo, cân bằng theo nguyên lý âm dương. Các trung tâm năng lượng các sao luôn luôn mở, đã khai sẵn, chứ không phải bế lại. Chỗ nào bị bế, chỗ nào huyết bị tắc hoặc trung tâm năng lượng bị rối loạn, tất nơi đó bị bệnh.

Nguyên nhân làm rối loạn, là do sự tiếp nhận năng lượng có vấn đề. Tại sao tiếp nhận năng lượng có vấn đề: Do ăn uống, hút hít, sinh hoạt phản qui luật

tự nhiên, do khí môi trường biến dị (xấu)...tất cả làm rối loạn quân bình các nguyên tử cấu tạo tế bào, và mức cân bằng của năng lượng nơi đó-ví dụ như khí trọc-tà khí đi qua huyết vào nội tạng, vệ khí-là lính canh cổng ngoài kềm, nên khi vệ khí suy, tất đau mình mẩy, xương khớp, nhất là khi thời tiết thay đổi, rồi lâu ngày khí độc bệnh sẽ vào nội tạng. Dân ta có câu: Khớp đớp tim...Khi khu vực bị bệnh-cơ thể bị bệnh: làm ảnh hưởng đến năng lượng của khu vực đó và ảnh hưởng đến mức tiếp nhận năng lượng của chính nó và xung quanh. Khi nhìn vào trung tâm sao nơi bị bệnh, bao giờ cũng thấy méo, dồn, nặng khí âm hoặc dương, thể vía tại đó rất xấu, không còn nguyên màu sắc ban đầu.

Tôi thường chữa bệnh bằng cách thông dọc trục và thông các kinh, để tẩy trọc khí, rồi xung khí **cân bằng âm dương**, bằng cách thông xả xong, thì lấy cả đường trước và sau vào một trục ngang của sao, có ý cân bằng khí nóng-(Dương khí) ở phía sau người Nam-phía trước người Nữ, và khí lạnh-âm khí, ở phía trước người Nam và ở phía sau người Nữ; rồi sau mới xung khí vào cơ quan bị bệnh. Khi xung khí-phát khí vào, thường quán thông qua Bách hội, các sao. Khi xung khí vào, thì dẫn khí trọc ra theo kinh quản riêng của nó hoặc huyết đạo gần nhất.

Việc bắt tà ma trong người bệnh nhân sẽ bàn vào cấp khác. Nhưng cũng nói luôn là: linh hồn ngoại lai-vị khách của chúng ta, dù đó là ai, khi giáng-nhập vào chúng ta, cũng nương vào toàn bộ Long hỏa là chính, nếu cụ nào bám sâu vào toàn bộ các huyết, gỡ cụ rất khó, phải dùng biện pháp đặc biệt.

Còn Bề trên dạy Ta, có thể giáng hẳn vào (Điển xác)-hoặc truyền tâm từ trên cao, quán từ trên cao phát xuống. Việc này tu lên cấp cao, chúng ta cũng làm với nhau được-chính là truyền tâm nhập mật-thần giao cách cảm. Không có gì bí hiểm nữa.

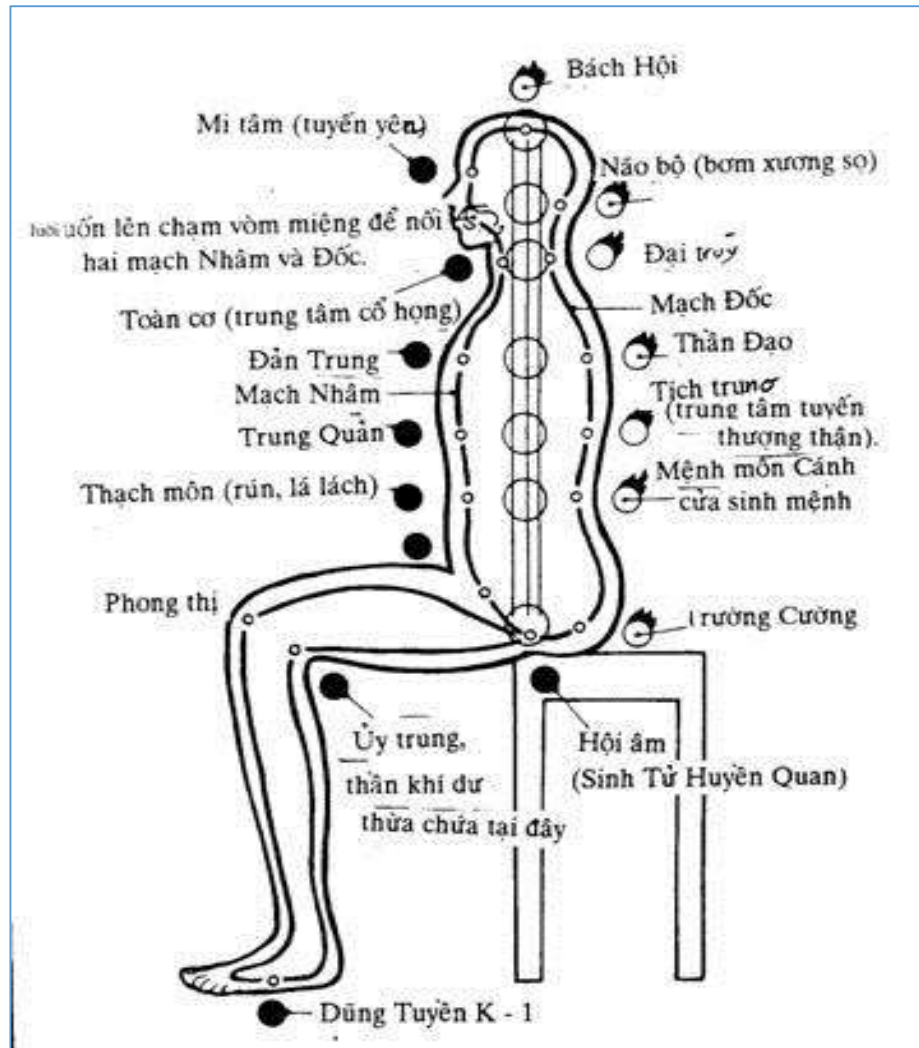
Tại sao phải khai Long hỏa:

Nhiều pháp môn khí công, Yoga, Mật tông Tây Tạng... khai Long hỏa-gọi là hỏa xà-Kundalini...

Khai mở rộng ra: Tức là khởi động và hoạt hóa cơ thể, nâng mức năng lượng lên một bình diện năng lượng mới, ứng với nó là sự tiến bộ và tiến hóa về mặt tâm linh mới, gắn với sự tiến hóa linh hồn-sẽ được hòa nhập ngay với bản thể và quyền năng vũ trụ-hay nói chính xác: **khai Long hỏa để hợp nhất toàn bộ tâm thức, linh hồn với vũ trụ.**

Cho nên Pháp ta nói: không tu luyện-tất không đạt siêu thoát và giác ngộ cao cấp.

Quyền năng tâm linh của Long Hỏa



- Là nơi ngự của linh hồn.
- Trung tâm cân bằng, và điều phối toàn bộ năng lượng tiên thiên và hậu thiên. Năng lượng tiên thiên là lấy qua Bách hội thông qua dây bạc nối với Thiên đình, còn khí hậu thiên là do ta ăn uống nạp năng lượng một cách bình thường.
- Long hỏa không bị bế, nó chỉ khai mở nhỏ. Các sao trong 7 sao và hai sao ở Dũng tuyền luôn luôn được khai mở một cách vừa phải, giống như cái cửa sổ tự nhiên của cơ thể, khép nhẹ, vì đó là nơi cơ thể hoạt hóa năng lượng và trao đổi năng lượng với vũ trụ-là nơi chúng ta hòa hợp thành một chỉnh thể thống nhất tuyệt đối với vũ trụ.
- Khai Long hỏa là một yêu cầu và một đặc tính cực kỳ quan trọng để phát triển tâm linh, đốt tan trọc khí và khí loạn, giúp học viên tiếp nhận được thanh khí trong sạch trên cao.

- Có khả năng **thần thông và công năng đặc dị** - quyền phép tâm linh và sức mạnh kỳ diệu, hòa nhập vào Vũ trụ-Đại Ngã-chúng ngộ Tâm linh cao cấp. Xuất hồn và tu luyện trên cao. (Nhìn thấu quá khứ vị lai, xuyên thời gian, không gian, mọi vật cản, phá bão hay mưa, mây, chữa bệnh từ xa hay tại chỗ mà không cần đụng vào người, không cần gặp mặt, nhìn thấy thế giới vô hình và bình diện vật chất vi tế, như sóng ánh sáng, sóng từ trường thể vía con người và huyết người, huyết đất, vong linh, hồn cây cối, thú vật...).(Nhưng Ta cấm việc thích thi triển, thể hiện thần thông một cách tùy tiện, chống lại các qui luật của thiên nhiên. Hồi mới lập Pháp, Cha cho Ta quyền năng thế nào, tin hay không tin, sau các vị sẽ hiểu-phải biết tôn trọng tự nhiên- Định luật Vũ trụ, Cha; sau này Ta mãn trần, thì còn có quyền phép Ta ban cho Hạ giới).

- Khai Long hỏa xong, có thể nhãn huệ tự khai, (có thể không khai Long hỏa đã có thể khai nhãn được-nhưng chỉ là cách làm bình thường)-Thậm chí, chưa khai Long hỏa, vẫn xuất hồn, vía được, nhưng sức mạnh nội ngoại công không lớn.

Nên nhớ: ở trình độ cao cấp, đạo sư của Pháp ta có thể phát khí trên không gian....cả Vũ trụ mà không mệt! (sau khi luyện Huyền công-Cao Minh công và đến trình độ Vũ trụ công). Tức là: có sức mạnh của Thượng đế nhỏ! Muốn xuất hiện khả năng thần thông như chúng ngộ Tâm linh đặc biệt và sứ mệnh cải tạo, chúng ta phải khai Long hỏa; xuất vía chỉ cần khai nhãn, nhưng muốn xuất hồn tốt, cần khai Long hỏa, thì xuất rất dễ dàng, nếu không, không lên tầm cao được, và rất mệt, đau đầu khi xuất hồn, thậm chí nguy hiểm.

- Lên Cấp 2 (Trung cấp) này, khai mở các luân xa, đánh thông thuần thực các kinh mạch, rồi mới khai được Long hỏa, để thông suốt các đường khí, xả trọc và tu luyện thể vía-tâm thể trong sạch. **Quan trọng nhất phải khai được sao 7, mở rộng**. Sau đó, mới cho khai Long hỏa.
- Khi chưa khai các luân huyết, mà đã khai Long hỏa-dẫn khí lên, tất bị **sắc khí**, nên chỗ nọ, nó phình chỗ kia, đau, nhức chỗ khác, nhức đầu chóng mặt, ngộp thở, thấy khí chạy loạn, và nguy hiểm nhất là khí nóng của Long hỏa sẽ đốt tan các huyết mạch, gây rối loạn mức năng lượng, gây tẩu hỏa ngay, rất nguy hiểm (một số pháp môn khí công-hay Nhân điện-không dám khai Hỏa xà). Khi đã khai được rồi, mỗi ngày tập luyện cũng cần xả trọc cho kỹ, rồi mới dẫn-vì tẩu hỏa có thể xảy ra cho mọi trình độ tu luyện, càng luyện cao thâm, thì càng phải xả trọc và khởi động cẩn thận hơn, nhất là khi thời tiết thay đổi, các người già....cấm dẫn Long hỏa khi mới ốm dậy, người vừa uống rượu, sinh hoạt tình dục. Cấm người nghiện thuốc lá, rượu, ma túy học cấp 2 trở lên. Kể cả người ăn thịt tạp nhiều, khi có khai rồi, mà cứ nhiễm lậu, tất nó đóng lại, dù luồng khí này sẽ đánh tan mọi trọc khí, nhưng về lâu dài, nếu không chay tịnh, tất cơ thể rất mệt...dẫn đến rỗng khí.

PHƯƠNG PHÁP KHAI LONG HỎA:

Cơ thể thanh nhẹ thì càng tốt, nên ăn chay trong một số ngày trong tháng và kiêng, hay hạn chế dùng thịt ngay ở Cấp 1, để hoạt hóa thể vía, năng lượng cơ thể.

Khai toàn bộ các huyết, sao...biết xả trọc và khai sao thuần thực một thời gian lâu, trước khi khai Long hỏa. Không được tò mò, vội vàng.

Khai Địa Long trước. Rồi khai Nhân Long, rồi khai Thiên Long (Long hỏa).

Địa long: là luồng Hỏa hầu-như tên gọi các pháp môn khác, nằm dọc phía trong cột sống, từ huyết **Trường cường**, lên đến huyết **Bách Hội**-dọc mạch Đốc. Khi khai được Địa Long-toàn bộ các huyết thuộc Đốc và Đốc mạch được thông. Các trọc khí bị tán.

*(**Nên nhớ:** Khi xả trọc, thì nên dẫn khí từ Bách hội xả xuống, tránh dẫn khí trọc lên não. Các bộ phận và đường khác cũng thế. Xả các sao, thì xả từ trước ra sau).*

Nhân Long: Là **hai Long hộ vệ âm-dương xoắn lại**, bện lấy Thiên Long-tại sao lại có hai luồng chân khí này? Đây chính là bí ẩn của tự nhiên, xuất phát từ nguyên lý âm dương, của đấng Tạo Hóa, trong âm có dương, trong dương có âm, hai luồng này đi từ Dũng Tuyền lên, xoắn bện cân bằng, tạo ra không gian hộ trì cho các luồng khí năng lượng thuộc hệ thống âm dương huyết-sao trước và sau cơ thể.

Ta gọi là luồng **Nhân Long hộ vệ**, cực kỳ quan trọng. Nhiều pháp khí công không biết đến khai đường này, hoặc rất nhiều môn phái lẫn lộn hỏa hầu với hỏa xà, hoặc lẫn đường hộ vệ này với hỏa xà...



Pháp ta khai **Thiên Long** (Long Hỏa) **từ trên xuống trước** (khác các cách khác-để an toàn)-sau đó khai thông, mở rộng Hội âm ra xung quanh, thông Sao 2 một cách tuyệt đối với Trường cường, tạo cân bằng âm dương vùng đệm, rồi mới khai Long Hỏa.

CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH KHAI LONG HỎA

1. Xả sao, thiền, công lực đã lên cao, thấy khí nóng chạy trong Đan điền, dọc trục Nhâm-Đốc.
2. Đạt trình độ này, thì học sang Cấp 2: Khai các sao, xả trọc qua sao, thấy khí thanh nhẹ, đã tự chữa được các bệnh đau đầu, đau ngực, bụng...

Khai Nhâm Long: Dẫn khí từ Bách Hội xuống dọc trục Long, đến sao 5, thì chia làm 2 đường dẫn xuống Dũng tuyến. Làm từng bên một. Sau khi thuần thực rồi thì dẫn ngược từ Dũng tuyến lên đến sao 5, rồi dẫn lên sao 7.

Thực ra, nếu ai nhanh ý, khi tập thuần thực hai đường Đại khí, thì nên chủ động tập khai đường Nhâm Long này trước, thì mức năng lượng đã cao dần.

3. Khi đã đánh thông các sao nhiều lần, bắt đầu tập khai Long Hỏa.

- **Nhất thiết, khi khai lần đầu phải có thầy, hoặc bạn tập bên cạnh, bảo vệ, hướng dẫn. Có thể hướng dẫn từ xa cũng được. Nằm, ngồi, đều được.**
- Tạo thể **quả cầu vía** bảo vệ xung quanh mình, thành nhiều vòng sáng dày nhau.
- Niệm phép cho nghiêm-Nhìn vào Thiên Phù để nạp ý và tăng năng lượng.
- Thiên nhẹ, không được thiên sâu (sợ thất thần-nguy hiểm).
- Xoáy rộng Sao 7.
- Xoáy rộng sao 1.
- Kéo thật nhẹ khí từ sao 7, xuống từ từ dọc trục Long Hỏa, đến khu vực trước sao 1 và sao 1, xoáy nhẹ, hút khí xuống, xả ra ngoài, làm nhiều lần đến thuần thục.
- Khi cảm giác sao 1 đã thông, nhẹ, hết nóng, hết tức, hết mùi hôi, thì dẫn lại Long từ sao 7 xuống, thông hẳn như một dòng nước rót từ từ xuống.
- Sau vài ngày tập thuần thục, thì thông hai cạnh của Long Hỏa là hai Long hộ vệ, rồi kéo ngược khí từ sao 1 lên sao 7; khi thuần thục, thì nổi khí âm từ Dũng Tuyền lên, theo hình có cả Hộ vệ âm dương và Long Hỏa.
- Lúc này cơ thể thanh mát, nhẹ nhõm; nếu còn thấy khí nóng, hay màu khí còn đỏ, hay tức chỗ nào đó, tức là huyết nơi Long đi qua chưa thông, khí trọc chưa ra hết, phải làm lại để tránh tẩu hỏa; huệ nhân có thể tự khai, hoặc lúc này khai rất dễ.
- Lúc này đã luyện quen rồi, ta có thể tùy nghi mà dẫn xuống hay dẫn lên một cách tùy việc.
- Hàng ngày, tu luyện, thì việc thường xuyên khai thông lại, là cách để giữ nhân sáng và tẩy lọc cơ thể. Khi khai thông Long hỏa một cách thường xuyên, thì hầu như các bệnh thuộc xương sống, đầu, thần kinh tọa...sẽ hết một cách tự nhiên. Chúng ta nên biết rằng, các thánh nhân, các phật sống của đạo Giáo, đạo Phật, như: Mục Kiền Liên, hay Lục tổ Huệ Năng, Đạt-ma sư tổ, Lão tử...có người thọ hơn trăm đến vài trăm tuổi; các hành giả đạo Giáo xưa, thọ 100 tuổi vẫn còn bị coi là thường!
- Khi khai Long xong, nhu cầu ăn thịt, tạp chất, rượu bia... sẽ hạn chế một cách tự nhiên: Do cơ thể đã được nâng lên một mức năng lượng cao hơn rồi, tất cả các tế bào được nâng mức năng lượng và thử thách đến một ngưỡng mới của các nguyên tử thanh nhẹ hơn, cần khí và thể thanh nhẹ, chứ không thể nạp được các thứ cặn, trọc và tinh thể vật chất thô trọc như thịt, nhất là thịt đỏ...mùi vị sẽ tanh, hôi, vì chúng ta thường phải tẩy khí; đến khi thanh, nếu ăn thịt, rất khó chịu và thấy nặng mình lắm, nặng khí; nếu ăn lâu, lại đóng bế Long Hỏa lại ngay!- đó là lý do các hành giả, các vị tu thiên, hay tu tiên...xa xưa đến nay phải ăn chay, mới thành đạo-tức là đạt trạng thái thăng hóa và tiến hóa tâm linh; chứ

không phải ăn mặn thì bị phạt, bị cắt phép. Tu lên cao, sẽ hiểu lời Ta nói.

Tất nhiên, chúng ta sẽ ăn ít đi, thậm chí lúc không ăn, cũng không thấy đói, thân thể cứng cáp khỏe mạnh, râu tóc đen dài, khí lực viên mãn, da, môi đỏ hồng hào, ăn ngon ngủ sâu, không buồn phiền bi lụy, không lo lắng hốt hoảng, tâm bình, mọi việc hiểu sâu, nhưng lại hành động hồn nhiên, đơn giản đi rất nhiều. Khi biết xuất vía, tu luyện trên cao, thì đạt trạng thái giác ngộ cao-giải thoát (Niết bàn-siêu ngộ), thấy được Chân lý Tối thượng, thì thấy cuộc đời, hay mọi thứ, chỉ là một giai đoạn của trường kỳ tiến hóa mà thôi, lúc đó có thể làm chủ mình-*(đọc thêm trong Đạo kinh về Giác Ngộ)*

Khi khai Nhân, nhìn thể vía của một người, có thể biết được tâm thể và trình độ tiến hóa và tu luyện của người ấy, mà không cần giải thích hay kiểm nghiệm:

- Thấy khí, vía còn đen: Người bị bệnh, ám, nơi bị bệnh, khí đỏ hoặc đen.
- Người có tham vọng xấu, tính xấu, bần tính, tính cố chấp, tham lam, hay vô minh....vía đỏ, nâu, đen.
- Tà nhân, hay nghiện rượu, ma túy...thường có tà ác quỷ ma đi theo, hay dọa hấn vào trong người.
- Nổi ý ác, tâm ác, tâm tham...thì ma quỷ cũng đi theo, theo qui luật Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu.
- Tu luyện càng cao, trình độ càng cao, thì tâm thể càng sạch, khí vía sáng trong, có thể có hào quang sáng phát mạnh trên đầu.

Hàng ngày: Tập bài 2: **Thiên Long Nhân công Pháp** - có động tác khai Long hỏa.

Các động tác **Thiên long hóa khí** trong cơ thể - nén khí Đan điền, nóng, sáng, kéo lên sao 4, nạp thêm, kéo lên sao 6, nạp thêm, đến sao 7 phát sáng, kéo xuống vào trung tâm sao 4 - phát sáng, tỏa ra toàn thân, toàn thân phát sáng; hoặc cho xuống Đan điền chạy ra toàn bộ cơ thể toàn thân phát sáng, vòng tròn phát sáng- đây gọi là cải tạo thể vía từ nội, ngoại thân.

THOÁT LUÂN HỒI, CÂN BẰNG NGHIỆP THEO TRỰC LONG HỎA

Theo nguyên tắc vật lý, khi khai Long hỏa, đốt cháy các trọc khí, trong và ngoài vía-phách của mình, còn đồng nghĩa với việc tiêu diệt, đốt cháy các vía xấu, đen, hình tư tưởng...của mình, trong đó có Nghiệp quả. Khi xuất hồn lên cao, có Cao Minh công, thì có thể tiêu diệt các Nghiệp, có cách cân bằng Nghiệp, xóa Nghiệp. Xóa Nghiệp, và cân bằng Nghiệp bằng cách xây đời, lập công quả, cứu độ nhân gian, rồi lại cân bằng tịnh Không tại **Trung Phương cung** - Đan điền-rồi **Toàn Trục Long hỏa** - đó gọi là Ngũ Khí Triều Nguơn (Cha dạy Đạo Cao Đài), và về Trung Phương - (**KHÔNG - TẠI TRỤC LONG HỎA, NĂNG LƯỢNG CÂN BẰNG = KHÔNG**) tức là hòa nhập Thượng đế vậy! Tất nhiên là có thể hết Luân hồi! Bay lên cao đến tầng Trời nào, thì sau mãi có thể về đến tầng Trời đó!

Công năng thấp, không bay cao được; sau mãi cũng ở cấp đó. Nếu lên cao, sẽ bị Nguyên khí cao cấp đốt cháy ngay. Do đó, ở trần gian, mà bay được đến đâu, thì khi mãi, biết về đến đó. Hết Luân hồi là đốt tan hết Nghiệp và cân bằng được Nghiệp về Trung Phương cung-hay **Thượng đế tự thân**-Ở đâu? Ngay trục Long hỏa vậy! Rồi xuất hồn thẳng lên Thượng giới, thì **hết đạo Luân Hồi**.

BÀI ĐỌC THÊM:

LUYỆN NHỊ XÁC THÂN (LINH HỒN HAY NGUƠN THẦN)

(Bài đọc thêm của cấp 2- 3 Thiên Pháp - Tài liệu Cha dạy Đạo Cao Đài)

Phương pháp tu luyện: Cầu đi lên hay NGHỊCH CHUYỂN =>theo SANH LỘ xuyên qua 9 khiếu => Tinh hoá KHÍ =>tạo Thánh Thai =>nuôi dưỡng =>tạo Kim Thân = Phật tử (trên Bàn thờ Hậu Thiên= phía dưới), trong mình (ức) => lên Nê hườn Cung =>ra Thiên môn về Niết Bàn.

Chúng tôi trình bày mục **Nhị Xác Thân** qua các lời dạy của Thầy nơi Thánh Ngôn Hiệp Tuyển và Đại Thừa Chơn Giáo.

Nơi trang 26, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thầy có dạy :

" Ngọc Đầu Sư khả tu truyền pháp, thuyết Đạo.

Kẻ nào trai giới đặng mười ngày đổ lên, thọ bửu pháp đặng.

Chư Môn Đệ phải trai giới. Vì tại sao ?

Chẳng phải Thầy còn buộc theo cựu luật, song luật ấy rất nên quý báu không giữ chẳng hề thành Tiên Phật đặng.

Thầy cắt nghĩa :

Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân. Một phàm gọi là corporel.

Còn một thiêng liêng gọi là spirituel. Mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà

ra nên gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng.

Cái xác vô hình huyền diệu thiêng liêng ấy do nơi Tinh Khí Thần mà luyện thành. Nó nhẹ nhàng hơn không khí. Khi nơi xác phàm xuất ra, thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập. Còn khi đắc đạo mà có Tinh Khí, không có Thần thì không thể nhập mà hằng sống đặng.

Còn có Thần mà không có Tinh Khí thì khó hườn đặng Nhị Xác Thân. Vậy ba món báu phải hiệp mới đặng.

Nó vẫn là chất, tức hiệp với không khí Tiên Thiên, mà trong khí Tiên Thiên thì hằng có điện quang. Cái Chơn Thần buộc phải tinh tấn, trong sạch mới nhẹ hơn không khí ra khỏi ngoài Càn Khôn đặng.

Nó phải có bốn nguyên chí Thánh, chí Tiên, chí Phật mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng.

Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất Chơn Thần tinh khiết. Nếu như các con còn ăn mặn luyện đạo rồi có ấn chứng thì làm sao mà giải tán cho đặng ?

Như rủi bị hườn, thì đến khi đắc đạo, cái trược khí ấy vẫn còn, mà trược khí thì lại là vật chất tiếp dẫn (bon conducteur d'électricité) thì chưa ra khỏi lần không khí đã bị sét đánh tiêu diệt. Còn như biết khôn thì ẩn núp tại thể mà làm một bậc "Nhân Tiên" thì kiếp đọa trần cũng còn chưa mãn.

Vì vậy Thầy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện đạo.

Với Thánh giáo này, ngay từ buổi mới Khai Đạo, Thầy cũng đã dạy truyền pháp cho kẻ nào trai giới đặng 10 ngày trở lên và muốn luyện đạo phải trường trai mới đặng. Luyện đạo là luyện tam bửu Tinh Khí Thần để tạo một Nhị xác thân. Xác thân thứ hai thiêng liêng vô hình (périsprit) ngoài xác thân nhục thể hữu hình của chúng ta. Hơn nữa Tân luật của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chương Tịnh Thất có định nghĩa là nhà thanh tịnh để cho các tín đồ vào mà tu luyện và ghi 8 điều lệ nghiêm chỉnh để tịnh viên phải tuân theo kỷ luật tịnh trường.

Người môn sanh Cao Đài cần tu luyện là mong giải thoát kiếp luân hồi đọa lạc trần ai khổ lụy này, mà đó chính là mục đích tối yếu của việc tu hành. Đức Thượng Đế mở Đạo Kỳ Ba để độ rỗi các bậc nguyên căn còn sa đọa và Thầy hứa tái lập đời Thượng nguơn Thánh đức cho nhơn loại được hưởng sau Hội Long Hoa lạc thánh phân phàm.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, trang 173, Thầy dạy về Giới tửu (18.1.1927) Bính Dần, Thầy cũng nhắc lại về Nhị Xác Thân, như sau :

" Thầy nói cái **Chơn Thần là Nhị xác thân** các con, là khí chất (le sperme), nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậy, nơi trung tâm của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là lỗ âm, gọi tiếng chữ là Vi Hộ ; nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ chơn linh các con. Khi luyện thành đạo, đặng hiệp một

với khí, rồi mới đưa thẩu đến Chơn Thần, hiệp một mà **siêu phạm nhập thánh**".

Như vậy, người tín đồ Cao Đài dầu ở chi phái nào siêng tu luyện là không sai chơn truyền của Thầy từ buổi sơ khai, miễn phải được bậc Minh Sư truyền pháp, được Ông Trên hướng dẫn. **Nếu vào Đạo chỉ biết cúng kiến, tụng kinh mà không lo tu tâm dưỡng tánh, lập đức bồi công và luyện đạo để giải thoát linh hồn thì có ích gì**. Miễn hành giả đừng dục vọng mong thành Tiên Phật, ham luyện đạo mà khinh thường việc làm công quả, trợ nghèo giúp khổ cho đồng bào, không lo tu tâm luyện tánh thì việc đắc đạo khó thành. Hành giả phải hành đủ tam công tức là **công quả, công trình, công phu** thì kết quả mới viên mãn. Ông Trên thường bảo không có vị Tiên Phật nào thành được mà thiếu một trong Tam công.

Đại Thừa Chơn Giáo ở trang 178, Thầy có dạy về **Nhị Xác thân** :

" Ngoài cái giả thân này, còn một cái chơn-thân khác nữa. Chơn-thân ấy là chi? Là nhị xác thân vậy. **Cái xác thân ấy mới vững bền muôn kiếp, sống mãi bằng Trời, không tử, không sanh, không thêm, không bớt**. Luyện đặng cái chơn thân này thì trường sanh bất tử, khỏi chịu quả báo luân hồi, đời đời kiếp kiếp an hưởng vui chơi nơi Bồng-lai Tiên-cảnh. Ấy là Chơn Nhơn vậy

Thầy thấy người đời hằng lầm tưởng cái giả thân (Nhơn thân) này tu luyện đặng cầu bất tử, trường sanh. Khờ lắm thay! Dại lắm thay! bởi câu-chấp mà sa mãi tội tình, trầm luân muôn kiếp. Cái xác thân nặng nề, như bần thúi tha này còn ham hố làm chi? Cái điểm linh hồn bị mang xác thịt này chẳng khác như bị núi Thái Sơn đè chặn. Cái điểm linh hồn ngày nào bỏ đặng xác thân này thì chẳng khác chi để gánh Thái Sơn xuống vậy.

Linh hồn ra khỏi xác thân này thì mừng vui khôn xiết, khoái lạc vô cùng. Những linh hồn còn nặng nghiệp quả tiền khiên phải chịu vâng theo Tạo Công sai khiến, mượn xác thịt lập công, trả rồi nghiệp quả. **Những Phật Tiên ngày trước cũng dùng điểm linh quang giáng thế, mượn xác thịt mà luyện đạo. Lấy nguơn khí nguơn tinh hiệp cùng nguơn thần tạo nên Tiên Phật. Có nhị xác thân thì từ đó sắp sau mới là có thứ ngôi địa vị, chớ điểm linh quang là một cái yểng sáng mà thôi, nhưng cũng biết linh thông biến hóa."**

Ở trang 149, Thầy cắt nghĩa hai chữ Tu Luyện như sau :

"Chữ TU là gì ?

Tu là bồi bổ tinh khí thần cho đầy đủ, đức tánh cho hoàn toàn, bỏ nhơn dục tầm đường Thiên Lý thuận mạng, giữ thanh tịnh ôn hòa, chỗ nào sứt mẻ hư hao thì tô bồi cho đầy đủ. Chữ LUYỆN là gì ?

Luyện là trau giồi cho sáng suốt hoàn toàn, giữa mài, rèn đức cho trơn tru khéo léo.

Tu mà không luyện chẳng khác chi một cục sắt không rèn làm sao thành một món khí giới ? Luyện là RÈN, thì chẳng khác nào một cục sắt đó còn

Tài liệu hoàn toàn miễn phí cho ai có duyên. Chỉ sử dụng để tham khảo cá nhân. Cấm sao chép, thay đổi nội dung, sử dụng để kiếm lợi nhuận dưới mọi hình thức. Mọi vấn đề liên quan xin gửi về ThienPhapDao@Gmail.Com, <http://AsTamLinh.BlogSpot.Com>, <http://ThienPhapDao.BlogSpot.Com>

đương vô dụng. Luyện nó phải nướng cho nó cháy, rồi đập giũa, cạo, gọt, rèn, đúc mới thành cái khí giới. Người tu cũng thế.

Muốn cho huệ mạng tròn đầy sáng suốt thì cần phải phanh luyện, mài giũa ngày đêm cho thành Kim Thân, Phật Tử. Ấy là phương pháp tu luyện. Các con khá biết rằng Thầy hằng nói: Thầy là các con, các con tức là Thầy. Có Thầy mới có các con, mà có các con rồi mới có chư Tiên, Phật, Thánh, Thần, thì người là "tiểu thiên địa". **Điểm linh quang nào muốn tạo Phật tác Tiên cũng phải đầu thai vào thể giới hữu hình Vật Chất: Dầu cho một vị Đại La Thiên Đế giáng trần đây không tu luyện cũng khó mong trở lại.**

Điểm **LINH QUANG** là gì ?

Là một cái yếng sáng mà thôi. Thái Cực là một "Khối Đại Linh Quang" chia ra, ban cho mỗi người một "điểm tiểu linh quang", khi đầu thai làm người. Đến chết điểm linh quang ấy quay về hiệp nhứt với "Đại Linh Quang".

Các con có rõ hai chữ THIÊN LIỀNG chẳng ?

Thiên Liêng là nối tiếp theo. Hễ kẻ nào tu đắc đạo cũng phải chịu dưới luật riêng cơ pháp.

Trời ban cho mỗi người một điểm linh quang (nguyên thần). Điểm linh quang ấy phải đầu thai xuống thể giải hữu hình vật chất này, mượn xác phàm tu luyện mới thành Tiên đắc Phật. Nhờ có cái xác phàm này mới thành Đạo, mà tạo Phật tác Tiên, tiêu điều cảnh lạc. Tại sao vậy ?

Tại tuy có nguyên thần mà không có nguyên tinh, nguyên khí thì làm sao tạo thành Nhị xác thân ? Nguyên thần là dương, nguyên khí là âm. Đạo phải có âm dương mới sản xuất Anh Nhi tạo thành Xá Lợi.

Mượn cái xác phàm này mà lấy nguyên tinh: khí, huyết, rồi luyện nguyên tinh cho thành nguyên khí thì tinh Hậu Thiên trở lại Tiên Thiên.

Luyện nguyên khí là nuôi lấy nguyên thần cho sáng suốt. Dầu cho vị Phật Tiên nào cũng vậy, phải chịu đầu thai vào thể giới vật chất luyện cho thành Thánh Thai Phật Tử mới về ở thể giải hư linh, chớ đừng nói trong hàng Phật, Tiên đắc đạo mà không tu luyện theo pháp này, thì làm sao thành chánh quả!!!

Phép luyện đơn chẳng chi lạ. Hễ muốn tạo thành Thánh thai phải dụng công phu nghịch chuyển pháp luân thì thành Thánh". (*Sưu tầm-Xin Vua Cha cho vào Pháp môn để giáo hóa thêm*).

Nói thêm

Như vậy, theo Vua Cha dạy Đạo Cao Đài, luyện Đạo chính là luyện Huyền công, trong đó có luyện Nhị Xác Nhân - tức là Linh hồn. Linh hồn chúng ta tại xác trần bị bao bọc bởi thể xác, và tinh thần, tạo ra thể vía của thể vía của linh hồn. Muốn xuất thần-hồn, thì phải luyện thân tâm, khai mở các huyết đạo, làm cho thể vía của linh hồn tinh sạch bằng thân-tâm sạch, muốn thân tâm sạch, phải luyện Tinh-Khí-Thần, rồi đưa Thần-hay hồn mình xuất khiếu ra khỏi xác thể, hợp với chất khí Tiên Thiên là Thành Đạo, Đắc Đạo, đi học trên Vũ trụ, xuất hồn đi các cảnh, càng lên được cao, càng tốt, do tu luyện thân tâm tốt, thể trọc vía càng ít, thì linh hồn mình càng xuất được lên cao, đắc Thần tiên tại thể, sau này mãn thì cũng đắc chính cái tầng cảnh giới-tầng khí cao mình đã bay lên được. Muốn thoát được sinh tử luân hồi, thì phải bỏ được hệ thống các hình tư tưởng và thể vía trọc bám vào hồn mình, theo qui luật đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, do hết vía xấu, chỉ còn linh quang gốc, tức linh hồn chân chất nhất-lõi của tổ hợp hồn vía-hay nói gọn là **vía không còn, chỉ còn hồn**, thì sẽ thoát luân hồi, về thẳng Thượng giới, đắc ngôi vị Tiên Phật.

Mọi lý luận của Pháp môn chúng ta do Thầy được Vua Cha truyền dạy chính thức và tu học tinh luyện thêm, Thầy tuyệt nhiên không học ai ở trần gian, chỉ học Vua Cha, các thầy vô hình và tự học mà thôi...

Học viên Thiên Pháp đến trình độ xuất hồn, đạt từ 3-7 thông-lên đến Kim Tự Tháp-hiền nhân nhập thể xây đời là Đắc đạo-tức là Thần Thánh Tiên Phật tại thể. Chỉ khác là chúng ta nói bằng ngôn ngữ khoa học và khoa học tâm linh hiện đại cho dễ hiểu hơn mà thôi.

Thiên Pháp luyện 7 cấp, theo các pháp khác là có cả Tinh-Khí-Thần-Thần hoàn hư, có cả Nội công - Ngoại Khí, Âm dương công, Thần công, Thần thông ngoại cảm-khai Nhân và luyện Thất thông: Thiên Nhân thông, Tha Tâm thông, Thần cảnh thông, Túc Mạng thông, Thiên Nhĩ thông, Lậu Tận thông-nhưng chúng ta khác Phật giáo còn có **An Lạc Thông** - tức Đỉnh ngộ Nhập thể xây dựng Thiên Đường-Niết bàn Tại thể.

Như thế là chúng ta tự hào là có đủ tinh hoa của Khí công, Luyện Đạo của các pháp môn, tôn giáo trước kia, không để mất tinh hoa Nhân loại.

TẠNG PHỦ CÔNG - CHỮA BỆNH KHÔNG DÙNG THUỐC ĐƠN GIẢN

1. Đọc sách, xem hình để biết cấu tạo các cơ quan, bộ phận cơ thể, vị trí của chúng.
2. Khi đã khai Long hỏa, khai các sao, thì chỉ cần dẫn khí từ đỉnh đầu đến nơi bị bệnh, và xoáy khí vào đó, đẩy khí qua kinh mạch tương ứng của nó, hoặc ra huyết gần nhất, sau đó, nạp khí sạch vào cho nó.
3. Thường xuyên tẩy khí các bộ phận cơ thể, nạp khí sạch cho nó, gọi là tạng phủ công.
4. Chữa bệnh tại bộ phận đó, dẫn khí vào đó để lọc độc, tẩy bệnh...gọi là tự chữa bệnh không dùng thuốc.
5. Tẩy tủy-thần kinh: Cho khí đi từ đỉnh đầu, đi xuyên vào não, tẩy khí não ra Ngọc chẩm, gáy... sau đó thỉnh thoảng cho khí đi xuyên vào dọc xương sống, để tẩy tủy (Pháp khác gọi là tẩy tủy kinh); ta có khác một chút: cho khí đi xuyên xuống trường cường, tẩy ra, rồi lại kéo khí âm cân bằng lên đến não, cứ như thế, cho đến khi thấy nhẹ xương sống, lưng thì thôi.

LUYỆN HÒA KHÍ ÂM DƯƠNG, TĂNG NỘI KHÍ, TẨY KHÍ QUA SAO, TẨY VÍA

Luyện hòa khí âm dương: Khai các sao xong, tẩy khí xong, thì nổi khí trước và sau một sao vào giữa, để hòa khí âm dương tại từng sao, cho đến khi thấy thanh nhẹ thì thôi.

Nổi khí từ Dũng tuyến lên Đan điền, kéo khí từ Bách hội xuống Đan điền, để cân bằng âm dương tại Đan điền.

Sau này, khi đã khai Long hỏa, thì nổi khí từ Hội âm lên, kéo khí từ Bách hội xuống, kéo khí trước và sau sao 2 vào, để tăng nội khí cho Đan điền - rất tốt, rất cần thiết.

Dùng Cửu Long Huyền công để tập bài này rất tốt. Đây có thể gọi là Ngũ Khí Triều Ngươn.

Xoáy, nén nhẹ, cho đến khi thấy nặng nặng, cứng cứng, âm ấm bụng rốn. Tập được bài này, tất công lực tăng mạnh, khí lực tăng, các bệnh về lưng sẽ hết hẳn...

- **Tẩy khí** qua các sao tương tự như hướng dẫn: Thổi khí từ trước ra sau, từ sau ra trước các sao, qua Dũng tuyến, cho đến khi sạch khí trọc thì thôi.
- **Tẩy vía:** Tư tưởng phải tốt, thiền tĩnh, tắt vía sáng; và ăn uống chống ăn tạp chất khí, hạn chế thịt; và khi nén khí xong, thì kéo khí lên từng sao, thông xong, cho khí cầu vào giữa sao, phát sáng, tại sao nào cũng được, nhưng tốt nhất là Đan điền. Rồi phóng khí ra xung quanh mình thành vòng sáng nhiều vòng, vừa có tác dụng tẩy vía, vừa có tác dụng bảo vệ mình.

Đây là kỹ thuật thường xuyên, sau mọi bài thiền công cao cấp về sau, từ cấp 2 trở lên.

LUYỆN BÀI THIÊN LONG NHÂN CÔNG PHÁP

Bài này cốt để tập cho chương trình Cấp 2. Hàng ngày luyện từng cử động một là hết cả chương trình Cấp 2 - Trung cấp.

Tác dụng: âm dương khí giao hòa, luyện tinh khí thần, tạng phủ thanh khí, Tam giới hòa hợp. Khai long xà. Các mạch đều thông, thần minh khí thanh.

Người yếu, nghiện rượu, ma túy, suy nhược vừa ốm dậy, tâm tính nóng nảy cấm tập dẫn Long, vì sao: không cẩn thận đốt cháy kinh mạch, tẩu hỏa.

7 cử động:

Ngồi thế thiền hoa sen trên trái đất. Mặt quay Bắc. Mắt nhắm. Niệm nhập Pháp.

1. Thiên Long xuyên địa:

Người ngồi thẳng. Niệm Pháp xong, hai bàn tay duỗi đặt úp xuống đất trước mặt, song song, không chạm nhau. Rồi cúi đầu sát đất bái lạy 9 lần, chỉ đầu cử động.

Về Thế Thiên Pháp.

Tay trái duỗi thẳng, đặt dọc vào giữa bụng, cạnh bàn tay ngoài và ngón út áp vào bụng, mũi bàn tay chúc xuống dưới. Tay phải tam chỉ chọc xuống đỉnh đầu, long đi xuyên xuống từ đỉnh đầu, dọc theo trục sao ở giữa người, nối các sao với nhau, trục sao phát sáng. Long đi xuyên xuống đến tận Đài sen. Đến Hội âm nơi sao 1, Long xoáy xuống từ từ, theo chiều thuận, thật kiên trì - **Đây là động tác khai hỏa xà của các pháp môn khác**, sao 1 sáng dần rồi cho long đi xuống.

Long đi xuống đến đài sen, hai long cuộn tròn, xoay xung quanh đài sen, rồi nó đi xuyên xuống đất.

2. Thiên Long xuyên sơn.

Đảo tay trái xoay ngược lại, ngón tay lên trên, ép ngón út vào bụng.

Tay phải đặt lên trán về thế bái.

Hình dung thân người mình như một trái núi, cho Long đi xuyên từ từ lên giữa núi, đến sao 1, nó có thể khó khăn, cuộn xoắn vào nhau để đi thông lên, cho phát sáng toàn bộ trục sao, kéo Long lên thật chậm, chắc chắn. Nếu thấy người ớn lạnh, mùi tanh lợm như mùi bùn (có vong lạ định nhập làm hại), lập tức dừng và xoa bụng, rốn. Niệm Cha và các thánh cứu.

Tập lâu, sẽ thấy khí không nóng như lúc mới khai long hỏa; sẽ thấy nhẹ nhõm, mát lạnh, cảm giác tê tê dịu dịu là được, khai long- hỏa xà thành công.

Tập bài này sẽ đốt hết trọc khí trong cơ thể, các bệnh xương sống sẽ khỏi, các huyết trên Đốc mạch sẽ khai hết.

3. Thiên Long xuyên lưng:

Tay trái chuyển ra sau lưng, cạnh ngón cái ốp vào lưng, mũi tay chúi xuống. Tay phải vẫn để như thế trên.

Tại Bách hội - sao 1, hai Long chụm lại và đi xuống dọc đường trong xương sống. Đến xương cụt, nó xoáy tròn, mở rộng thành một vòng sáng, rồi đi xuống; đây chính là khai hỏa hầu.

Sau đó cho Long đi ngược lại, theo xương sống, đi lên đỉnh đầu.

4. Thiên Long xuyên Tượng.

Đưa tay trái úp ngang vào lưng, chỗ Mệnh môn.

Tay phải úp, đặt ngang dưới rốn.

Long đi xuống dọc cổ, chạy qua vai trái, xuống tay trái vào tượng, xuyên qua tượng, ra xuyên qua lòng bàn tay phải, đi lên tay phải, lên vai phải, lên cổ, chạy qua vai, cứ thế đi vòng xuống 3 vòng.

Long về cuộn lại ở Đan điền.

5. Thiên Long vờn nước.

Hai tay vờn như múa, như bắt nhịp khi hát vậy. Nhưng tay vung tròn qua đầu, chạm vào nhau, tay dẻo. Đến khi xuống, hai đầu bàn tay cũng chạm nhau chúi xuống. Đầu cúi lên và cúi xuống theo nhịp tay múa. Làm 7 lần. Thật chậm.

Cảm giác như ngồi trong một cái bể nước, Long giáng lên giáng xuống bỗng bình trùm ánh sáng lên cả người, thành một vòng sáng khắp châu thân.

6. Thiên long nạp khí.

Hai tay về Thế Thiên pháp.

Long bay vút lên cao, xoáy tròn nạp khí sáng rực, rồi nó giáng xuống đến đỉnh đầu, đồng thời về Thế Nhân pháp, Long xuống, kéo sáng theo, tay lại kéo xuống thành Thế Địa pháp.

Lúc này người bắt đầu phát sáng.

7. Thiên long hóa ngọc.

Về thế thiền Hoa sen.

Long về tượng pháp, xoáy tròn và phát sáng.

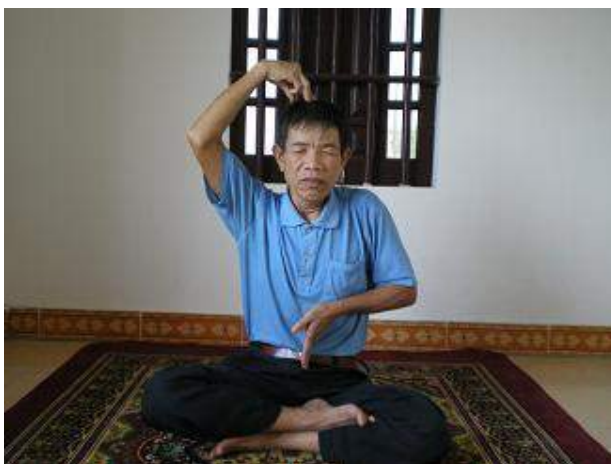
Toàn bộ đài sen, cả cơ thể lúc này hóa sáng rực rỡ, toàn thân như một khối ngọc sáng và phát sáng như châu sa! Hào quang quanh đầu sáng lóe lấp lánh.

Thu khí sáng dồn vào Đan điền.

Thu công.

Xoa mặt và người.

Bài này Thiên Long đặc khí luyện người: Vì nó ưa ai thì nó luyện cho, chứ không phải người luyện nó. Nó là bản mệnh mình, mà bản mệnh thì do Trời giữ, chứ ta sao giữ được mệnh, muốn giữ thì phải lụy nó, theo nó. Nó là ai? Nó là linh khí của Trời. Vậy muốn sở đắc được nó, làm chủ nó, thì phải làm chủ mình. Muốn làm chủ được mình thì phải tu rồi luyện thôi. Tu là tu đức, luyện là luyện tinh khí thần. Muôn đời đều thế.



THIÊN ĐẠO ĐẠI PHÁP TÂM CÔNG



THIÊN ĐẠO ĐẠI PHÁP TÂM CÔNG



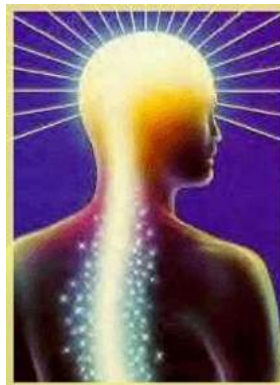


HÌNH ẢNH BỔ TRỢ THIÊN PHÁP CẤP CAO

LONG HỎA



NHÂN HỎA



ĐỊA HỎA



LỄ KINH (Trích)

THỜ VUA CHA CAO MINH THƯỢNG ĐẾ LẬP BÀN THỜ

Trên cao có dán hoặc dựng **Thiên phù Pháp Vương**.

Dưới có 3 ngọn nến (*Lập hoặc không lập bát hương đều được-hoặc dùng trụ cắm hương*)



Thiên phù **màu đỏ - nền trắng**



Cúng chay: Tùy tâm hàng ngày, hoặc vào ngày đầu tháng âm hoặc dương. Không cúng vàng mã, thịt.

Người làm lễ phải ăn mặc nghiêm trang, thân thể sạch sẽ. Trong ngày lễ phải ăn chay, kiêng sinh hoạt nam nữ.

Để hương xong, tay phải duỗi thẳng, đặt dọc trên trán, ngón tay cái chạm vào ấn đường-giữa hai lông mày. Tay trái duỗi thẳng, để ngang, đặt vào ngực nơi tim, rồi khấn.



Kính thỉnh Vua Cha Cao Minh Thượng Đế!

Có thể khẩn thêm:

- Kính thỉnh Vương Mẫu!
- Kính thỉnh các Đức thầy.

Hoặc: Kính thỉnh Tòa Thánh Tiên Thiên, Tòa Thánh Hậu Thiên.

(Hoặc nói gọn: kính thỉnh Cha - Mẫu và các Thầy).

Khẩn xong thì đọc bài: **Kính ƠN Cha.**

Đọc xong thì **quì lạy 9 lạy**: Quì, chống gối, cúi đầu, rạp đầu xuống sát đất, hai tay đặt song song, úp xuống đất, để trước gối. Mỗi lần quì, ngẩng lên, lại đặt tay vào ngực, như lễ trên, rồi lại rạp đầu.

Kính Kính ƠN Cha (Thượng Đế)

*Trên đỉnh Trời cao chót vót!
Toà Bạch Ngọc Đài, Cha ngự Thiên Linh
Cha sinh muôn loài, Cha của muôn sinh
Hạnh phúc nào bằng Cha trao cho sự sống
Cha là Trời mệnh mông lồng lộng
Cha là dòng máu hồng chảy mãi trong tim
Cha là ánh sáng ngọt ngào rất đổi dịu êm
Đưa chúng con vào cuộc trường sinh bất tử
Cha là ngọn đèn muôn năm soi tỏ
Vạn kiếp chúng con đi như gió bên Người
Người là dòng sông nguyên khí sữa nuôi
Mật ngọt và đắng cay, Cha chở che nhần chịu
Vong Ngân Hà, Cha đan cho con, Mẹ địu
Trên vai Người lịch sử nổi vạn triệu năm*

Nụ hoa đời cho Hạ thế chỉ chăm
Công tưới ấy, Thiện Mỹ này Cha dạy
Trong Vũ trụ ngọn Nguyên Đãng bông cháy
Gieo bình minh đến khắp thế gian
Tạo giàu sang, nâng đỡ kẻ cơ hàn
Nuôi văn minh, sửa sang đời lạc hậu
Cha truyền cho ngọn nguồn tranh đấu
Sức sống vươn lên chân chính của muôn loài
Cha chở che, đùm bọc thửa hoài thai
Gieo mầm sống cho vạn đời nhân thế
Công ơn ấy làm sao đo đếm xuể
Khi sinh linh vạn giới bởi tay Người!
Ôm trọn vòng tay, Người-Vũ trụ, Người ơi!
Con -hạt cát trong tay Cha vĩ đại
Con xin dâng lên Đức Cha hiền mãi mãi
Linh hồn con-giọt ngọc của Cha
Tâm hồn con là một bông hoa
Dâng hương ngát lên vườn Thượng giới
Ánh mắt con như vạn lời hướng tới
Dâng lên Cha lời hát ngọt ngào
Đây hồn con như khí thanh tao
Rửa hết bụi hồng bên Cha ngự
Bao vật phẩm của thế gian các thứ
Con dâng lành cung chúc Cha thương
Và Cha ơi, trên mọi nẻo đường
Con cầu mong Cha thường nhắc việc
Giáng Thiên linh cho tổ tông các kiếp
Phù nhân gian, phù thiện phù sinh
Diệt ác gian trọc hết lọc thanh
Cho thêm sức an lành cuộc sống
Đức phủ trùm là Trời biển rộng
Thượng Đế Cao Minh con xin kính thương Người!

GIẢI THÍCH Ý NGHĨA

CAO MINH THƯỢNG ĐẾ : Còn gọi là Đức Chúa Trời, Thánh Jehoval, thánh A-La, Jàng, ông Trời, Bharman, Go, Diêu... Là ngôi Trung Phương Thiên Linh Bắc Đẩu Tử Vi Đại Đế-Chúa tể Vũ trụ-Đấng Đại toàn năng - Đại tổ Giáo chủ Thiên Đạo - Đạo Trời. Cha của thần thánh tiên phật, chúng sinh, muôn loài. Là đấng Tạo hóa, Vua trên Thiên Đình - nên gọi là Vua Cha.

Đến nay mới có Pháp môn Thiên Đạo chính thức gọi Người là Vua Cha với ngôi thờ Độc Thần muôn năm.

I-THIÊN PHÙ: Còn gọi là **THIÊN LINH BẮC ĐẤU TINH PHÙ**, tượng trưng cho Thượng đế và cũng là đại biểu hợp nhất cho Tam Tòa Thiên Đạo - 3 ngôi chính (Ba vòng tròn: Cha - Mẹ - Các thần thánh) và cũng là bản mệnh chúng ta, nên là biểu tượng linh thiêng.

Là một cây hình chữ thập, có ba vòng tròn đồng tâm. Vòng tròn to ở giữa tượng trưng cho Vũ trụ - Đạo - Đại Đồng - Đại Nguyên năng - Ngôi Vua Cha Thượng đế. Vòng bên trái: tượng trưng cho Tòa thánh Tiên Thiên (Mẫu Vương quân). Vòng bên phải: tượng trưng cho Tòa thánh Hậu Thiên (Đức Minh Vương Thiên Tôn quân) .

7 Sao Bắc Đẩu (Tử vi đế tinh) - Trung tâm của Vũ trụ (Thiên đường) cũng là nơi Cha ngự - là quê hương của loài người, là nơi chúng ta đi về sau các kiếp luân hồi. Đây là 7 trung tâm thần lực - tâm linh của Vũ trụ - chính là các Luân xa Vũ Trụ. Vũ trụ - Thượng đế có 7 sao trung tâm năng lượng, thì con người cũng có 7 sao trung tâm năng lượng - vậy Thiên Phù tượng trưng cho Thượng đế, cũng là tượng trưng cho bản mệnh con người (Tiểu Vũ trụ) - Đây là phép thờ và phát hiện thần học tuyệt diệu nhất của Thiên Đạo.

Số 7 còn tượng trưng cho 7 cảnh ở Trung giới, 7 đại huyết (luân xa - trung tâm năng lượng) của con người và Vũ trụ, là chỗ dựa của linh hồn tại thể xác.

Cho nên số 7 này tượng trưng cho sinh mạng thọ toàn của con người ở Hạ giới. Còn là 7 bộ kinh chính của Thiên Đạo: Thiên-Đạo-Giáo-Huấn-Luật-Lễ-Nhân.

Thiên phù hợp nhất, tượng trưng cho Đấng Đại toàn năng Thượng đế - Vua Cha sinh ra tất cả, nên nói thờ Thiên Phù là **thờ trực tiếp** Vua Cha. Chúng ta **Thờ độc thần là Vua Cha**, còn các tòa, khẩn tấu hay không thì tùy, kêu tên đến ai đều được.

- Thiên Phù là vật tối linh, được truyền phép linh thiêng trước khi sử dụng.
- Có thể dùng đeo ở ngực làm linh phù trấn tà ma. Đeo ở ngực cao 9, hoặc 18 cm.
- Cắm in trên trang phục. Màu nền trắng, tất cả các phần nổi màu đỏ. Màu đỏ hồng ngọc, không đỏ đục hoặc đỏ chói, đỏ tía.

QUÌ LẠY 9 LẠY: Tượng trưng cho sự kính trọng 9 cảnh giới Thiên linh. Số 9 còn tượng trưng cho Trời, tượng trưng cho 9 phương Trời. Số 9 là số cao nhất trong dãy số tự nhiên, là ngôi Cửu trùng-Thượng đế-Thiên tử, tượng trưng cho sự bất tử của linh hồn, vũ trụ, Thượng đế. Số 9 còn là 9 hành tinh trong hệ mặt trời, 9 sao Bắc đẩu (7 vị Đại tinh quân cổ Phật, 2 vị Bồ tát). Cảnh giới thứ 9 là Thiên Đường Thiên Đạo-Thiên Đình.

II-SAO BẮC ĐẤU:

7 vị Bắc đẩu cổ Phật (theo đạo Phật) - cũng là 7 vị tinh quân (theo Đạo giáo-và các pháp môn) - là các Đại thiên thần theo Thiên chúa giáo và Ấn Độ giáo... Họ chính là Thượng cổ Thiên Thần do Thượng đế sinh ra từ khi khai Càn Khôn vũ trụ. Hội đồng 7 vị Bắc Đẩu là Đại tổng quản các Thiên thần; chủ giữ bản mệnh con người, muôn vật trong Vũ trụ. Đây còn gọi là 7 trung tâm thần lực vũ trụ - hay bảy trục năng lượng bản thể Vũ trụ.

Chúng ta tôn thờ Thượng đế bằng Thiên Phù như thế, là *hợp nhất tín ngưỡng nhân loại, vạn pháp qui tôn, vạn phép qui thiện*.

Ngoài ra, còn có 2 vị phụ - bát phù tá, là 9 vị Bắc đẩu hợp nhất, cũng được coi tượng trưng là Đức Vương Mẫu, hay là Mẫu Vương tiên - Mẫu Thượng Thiên, chủ trì đầu thai, nghiệp quả, tạo luân hồi, văn hóa Phương đông gọi là Cửu Thiên Huyền nữ - cai quản Thượng Thiên, hay trong đạo Tứ phủ Việt Nam gọi là Mẫu Thượng Thiên. Đạo Cao Đài gọi là Diêu Trì Kim Mẫu, đạo Giáo Trung Hoa gọi là Giao Trì Kim Mẫu. Chúng ta thống nhất gọi là Đức Vương Mẫu-hay là Mẫu Vương Tiên. Cha-Mẹ là Hai phần của Thái Cực âm-dương.

Gồm:-Bảy vị Bắc Đẩu Tinh quân. Hai vị tinh quân phù tá

Đây cũng là các chính tinh trong môn Tử vi-là các sao bản mệnh.

Các pháp môn, tôn giáo, phong thủy khác nhau trên thế giới, có cách gọi tên 9 vị Bắc Đẩu này khác nhau, nhưng đều rất kính trọng, thống nhất, có sự ảnh hưởng to lớn mọi mặt trong tín ngưỡng, đạo giáo, phong thủy huyền không phi tinh, độn giáp, thái ất, tử vi, thước Lỗ Ban...

➤ **1-Phật Giáo:** Phật tổ dạy các đệ tử: Có 7 vị Bắc đẩu cổ phật chủ sinh mạng của con người, muôn vật, vào ngày 7 ngày 9 và ngày sinh của mình cứ tấu 7 vị ấy thì được giải tiêu tai ách nạn:

1. Ngài Bắc Đẩu: Đại Khôi Dương Minh Tham Lang Thái Tinh Quân-cổ Phật thế giới Tối Thắng Đông Phương, hiệu: Vạn Ý Thông Chúng Như Lai.
2. Ngài Bắc Đẩu: Đại Thước Âm Tinh Cự Môn Nguyên Tinh Quân-cổ Phật thế giới Diệu Bảo Đông Phương, hiệu: Quang Âm Tự Tại Như Lai.
3. Ngài Bắc Đẩu: Đại Quyền Chân Nhân Lộc Tồn Chính Tinh Quân, cổ Phật thế giới Viên Châu, hiệu: Kim Sắc Thành Tựu Như Lai.

4. Ngài Bắc Đẩu: Đại Hành Tiên Minh Văn Khúc Tinh Quân-cổ Phật thế giới Vô Ưu Đông Phương, hiệu: Tối Thắng Cát Tường Như Lai.
5. Ngài Bắc Đẩu: Đại Tất Đan Nguyên Liêm Trinh Cường Tinh Quân-cổ Phật thế giới Tinh Trụ Phương Đông, hiệu: Quảng Đạt Trí Hiện Như Lai.
6. Ngài Bắc Đẩu: Bắc Cực Vũ Khúc Kỷ Tinh Quân-cổ Phật thế giới Pháp Ý Đông Phương, hiệu: Pháp Hải Du Hỷ Như Lai.
7. Ngài Bắc Đẩu: Phiêu Thiên Quan Phá Quân Tinh Quân-cổ Phật thế giới Mãn Nguyên Đông Phương, hiệu: Lưu Ly Quang Như Lai.

Ngoài ra còn hai Ngài Bắc Đẩu Bồ Tát:

1. Ngài Bắc Đẩu: Đông Minh Tả Phù Tinh Quân-Bồ Tát thế giới Diệu Hỷ Tây Phương, hiệu: Hoa Tạng Trang Nghiêm Bồ Tát.
2. Ngài Bắc Đẩu: Ấn Quan Hữu Bất Tinh Quân-Bồ Tát thế giới Diệu Viên Tây Phương, hiệu: An Lạc Tự Tại Bồ Tát.



7 vị cổ Phật-Trung cung là Đại Nhật Như Lai (Thượng đế)

- **2-Đạo Lão** gọi là: Bắc Đẩu Thất tinh: cùng-khẩn trong tế lễ-Dùng trong bộ Cương đạp tẩu, cùng sao, dùng kiếm Thất tinh trừ tà, dùng trong các phép thuật trấn yểm, tế lễ huyền thuật...
- **3-Thiên Chúa giáo:** 7 vị tinh quân này đã xuất hiện trong linh ảnh (vision) của Thánh Jean. Sách Khải huyền 4.5 nói rõ: “có 7 ngọn đèn thấp trước Ngài, đó là 7 vị đại thiên thần của Chúa Trời”.
- **4-Môn Lục Nhâm:** Vẽ sao Bắc Đẩu trên tinh bàn để xem thiên văn, địa lý.
- **5-Môn Bát trạch phong thủy đặt tên:**
- **6-Môn Phong thủy Huyền không phi tinh:**

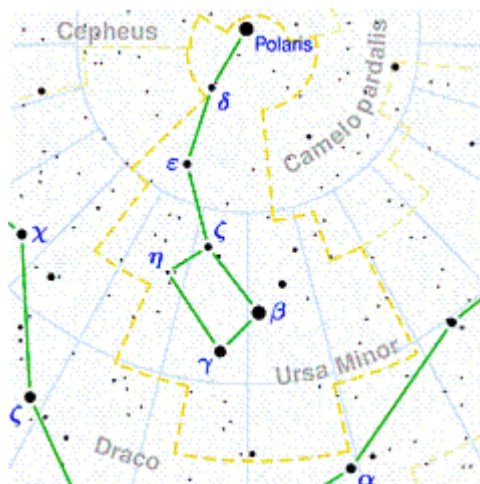
-Sinh Khí - Tham Lang	-Nhật Bạch Tham lang
-Ngũ quí - Liêm Trinh	-Ngũ Hoàng Liêm trinh
-Phúc Đức- Diên Niên (Vũ khúc)	-Tứ Lục Vũ khúc
-Lục Sát - Văn Khúc	- Lục Bạch Văn khúc
-Họa Hại -Lộc Tồn	-Tam Bích Lộc tồn
-Thiên Y- Cự Môn	-Nhị Hắc Cự Môn
-Tuyệt Mạng- Phá Quân	-Thất Xích Phá Quân
- Phục Vị là sao Phụ-Bật	-Bát Bạch-Tả phù, Cửu Tử-Hữu Bật

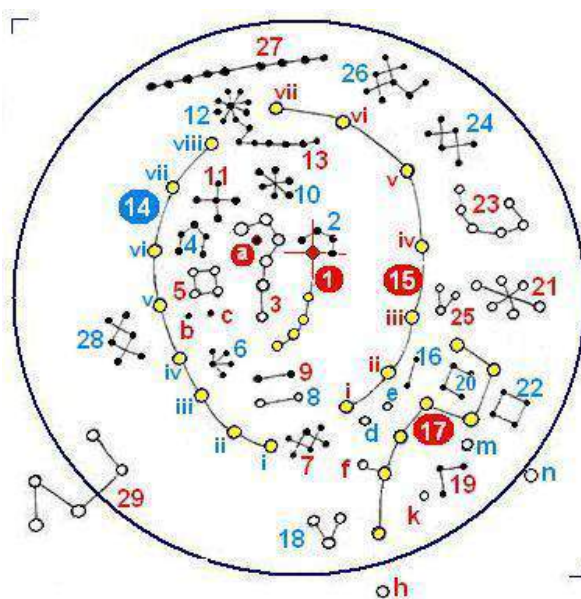
➤ **7-Thước Lỗ Ban chuẩn:**

1. Cung QUÝ NHÂN: NHẤT TÀI MỘC CUỘC. (TỐT).Tham Lang tấn hoạnh tài.
2. Cung HIỂM HỌA: NHỊ BÌNH THỔ CUỘC. (XẤU). Cự Môn hiếu phục thường.
3. Cung THIÊN TÀI: TAM LY THỔ CUỘC. (XẤU). Lộc Tồn nhân đa lã.
4. Cung THIÊN TÀI: TỨ NGHĨA THỦY CUỘC. (TỐT).Văn Khúc chủ vạn chương.
5. Cung NHÂN LỘC: NGŨ QUAN KIM CUỘC. (TỐT). Vũ Khúc xuân lộc tình. Phú quý tự an ninh.
6. Cung CÔ ĐỘC: LỤC CƯƠNG HỎA CUỘC. (XẤU). Liêm Trinh tửu sắc thanh.
7. Cung THIÊN TẠC: THẤT TAI HỎA CUỘC. (XẤU). Phá Quân chủ tung hoành.
8. Cung TẾ TƯỚNG: BÁC BỒI THỔ CUỘC. (TỐT). Phụ-đồng tể tướng tình.

KÍCH CỠ CỦA THƯỚC LỖ-BAN: Chiều dài chính xác của thước Lỗ-Ban này là 520 mm (= 0,52 m).-Được chia ra làm 8 cung LỚN: Theo thứ tự từ cung QUÝ NHÂN đến cung TẾ TƯỚNG như trên. Mỗi cung LỚN dài 65 mm.

-Mỗi cung lớn: Được chia ra làm 5 cung nhỏ như trên. Mỗi cung nhỏ dài 13 mm.





Tử vi viên: Sao Bắc đẩu & Hình ảnh của trung tâm vũ trụ

Hình ảnh trung tâm Vũ trụ-sao Bắc Đẩu, như cái kim đồng hồ-khi 7 sao này quay-xoay, đã tạo ra sự thay đổi của toàn bộ Vũ trụ, trong đó có bản mệnh con người. Phép Tử vi, Bát quái, Lỗ ban, Lục nhâm....có giá trị tiên tri và định mệnh là như vậy. 7 thần tinh Bắc Đẩu là 7 luân xa Gốc của Vũ trụ, trong con người cũng là 7 luân xa quyết định thọ mạng của con người. Cho nên dùng Thiên Phù Pháp vương có quyền năng tâm linh-năng lượng tối cao là như vậy.

III-7 Luân xa bản thể của con người:

Quan niệm con người là Vũ trụ thu nhỏ, mang đầy đủ đặc tính của Vũ trụ: 7 *Trung tâm năng lượng cơ thể-Luân xa-gọi là các Sao bản thể; cùng thể trường sinh học bao quanh cơ thể, có 7 lớp hào quang, còn gọi là thể vía.*

Cho nên, mang Thiên Phù-hay ấn phù linh thiêng này, tượng trưng cho Chúa bản mệnh, Thượng đế tự thân, Phật tại thế, và cũng là cách tôn trọng Thượng đế, tôn trọng nơi gốc nguồn cội và là quê hương nơi chúng ta đi, về, “sống gửi, thác về”- nơi cuối cùng và là nơi đầu tiên của chúng ta.



7 luân xa-đại huyết (sao)--thể vĩa-sợi dây bản mệnh nối với Đại nguyên năng (Thượng đế)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THƯỢNG ĐẲNG LINH PHÙ-ĐỐI VỚI NGƯỜI TU LUYỆN THIÊN PHÁP VÀ ĐỐI VỚI NGƯỜI THƯỜNG:

Mang Thiên Phù, bằng cách đeo, hoặc mang trong túi áo trái, coi như một cái bùa linh thiêng thượng đẳng, như một ấn chứng linh thiêng cho bản mệnh mình; đồng thời có những cách sử dụng đặc sắc sau:

Quy lạy 9 lạy: Khi làm phép để đeo Thiên Phù, quay đầu về phương Bắc, qui lạy 9 lạy.

- Số 9 tượng trưng cho sự kính trọng 9 cảnh giới Thiên linh.
- Số 9 còn tượng trưng cho Trời. Tượng trưng cho 9 phương Trời.

Số 9 là số cao nhất trong dãy số tự nhiên, tượng trưng cho sự bất tử của Vũ trụ, linh hồn, Thượng đế.

- Số 9 còn là 9 hành tinh trong Hệ mặt trời
- 9 sao Bắc Đẩu, là nơi Trung Phương Thiên Linh Bắc Đẩu Tử Vi Đại Đế ngự (Thượng đế), gồm: 7 vị Như Lai, 2 vị Bồ Tát trong trục Nguyên năng của Vũ trụ.

Chú ý: Thờ Thượng đế, hoặc có đeo Thiên phù, thì không cần làm lễ giải sao giải hạn, cúng sao...như cũ nữa; vì như thế là có thường xuyên đầy đủ thờ cả Thiên đình, các sao. Thờ như trên cũng là thờ chính bản mệnh mình (sao bản

Tài liệu hoàn toàn miễn phí cho ai có duyên. Chỉ sử dụng để tham khảo cá nhân. Cấm sao chép, thay đổi nội dung, sử dụng để kiếm lợi nhuận dưới mọi hình thức. Mọi vấn đề liên quan xin gửi về ThienPhapDao@Gmail.Com, <http://AsTamLinh.BlogSpot.Com>, <http://ThienPhapDao.BlogSpot.Com>

mệnh trong phép tử vi-ai cũng rõ, nên rất lợi ích tâm linh, tâm đạo). Nếu làm lễ thì treo kính Thiên Phù lên để thỉnh Bề trên và triệu lệnh đối với tất cả các thần thánh tiên phật, dùng cho mọi pháp môn, tôn giáo.

*** Niệm phép và nhập phép Thiên Phù khi tập Thiên Pháp vương, khí công:**

Quán Pháp nhìn vào Thiên Phù để lấy năng lượng cộng hưởng của Vũ trụ khi thiền định.

1. Mang Thiên Phù, phải giữ lòng lành thiện trong mọi lúc, mọi việc.
2. Vào ngày có số 7, hoặc 9, hoặc vào ngày sinh nhật mình, để nhớ về Trời, ơn Thượng đế, chúng ta hãy hướng về phương Bắc, nhìn lên 7 ngôi sao Bắc Đẩu, khấn niệm điều thiện lành cho mình, gia đình và nhân loại.
3. Khi thiền định, hay luyện khí công chúng ta hình dung 7 sao Thiên Phù trùm lên, trùng với 7 sao bản thể luân xa của chúng ta; khi thiền, chúng ta quán tưởng bản thể mình bao trùm và trùng với 7 sao Bắc Đẩu, trục Hoả xà trùng trục Thiên Phù; tinh thần bành trướng ý thức ra toàn Vũ trụ; Đan điền cũng có thể cho trùng với 7 sao này, thì mình quán ý thành vũ trụ.

Nếu xuất được hồn vía, ý thức ra khỏi bản thể, chúng ta đi, bay xuyên lên 7 sao Bắc Đẩu này, tâm thanh sáng, xả bỏ mọi trọc khí ám khí xung quanh bản xác thể hàng ngày, chắc chắn luyện như thế đã đắc thoát luân hồi thường chuyển. Đây là Phép qui nhập Bản thể mình với Bản thể vũ trụ. Mật Tông có cách về Đại Nhật Như Lai-nhưng không nói cho đó là Thượng đế, nay học phép này thì về đến gốc bản thể Vũ trụ, đi vào và nối trục Long Hoả với Mặt trời trung tâm Vĩ đại của Vũ trụ, chúng ta sẽ đắc thoát luân hồi. Hồi tâm phát nguyện về đây khi bỏ xác, chúng ta về với Thượng đế.

4. Khi có bệnh tật, hình dung ợp Thiên Phù vào người, rồi hình dung có một dòng năng lượng vũ trụ màu sáng, chảy từ trên cao theo dây Từ khí bản mệnh xuống-từ luân xa số 7 ở đầu, chảy dọc theo trục Thiên Phù, xuống đến Đan điền, hoặc hình dung dẫn khí theo ý đến tất cả những kinh mạch, nơi đau bệnh, niệm 7 vị Tinh quân Bắc đẩu cứu độ, chắc chắn bệnh sẽ bớt.
5. Khi gặp ma tà quỷ ám, việc khó, kẻ xấu ám hại, việc xấu quấy phá...quay về phương Bắc đẩu, niệm phép khấn Vua Cha Thượng đế, Mẫu Vương Thượng Thiên, cùng 7 vị Thất tinh Bắc đẩu quán số mệnh con người và muôn vật, xin các Đại cổ Thiên Thần này cứu độ, cứu chữa....Với tâm thiện, cấm cầu các việc ác. Nếu cầu việc ác, sự thể sẽ quay ngược quả lại mình.

Xưa kia và bây giờ, các thầy bà phù thủy, hay đồng cốt đều dùng kính Thất tinh để trừ tà, đóng cọc hình sao Bắc Đẩu để trấn yểm, phá yểm bùa bả, hoặc phá rộp tai nạn, hoặc dùng bộ Đạp cương tẩu để luyện phép phù thủy...Nay chúng ta với tâm thể tốt, hãy niệm Thiên Phù trùm lên các sự trên để hoá giải, với lời khấn nguyện trong sáng, chân thành, tất được như ý.

6. Vào lúc giờ thứ 9 trong ngày, tức giờ Thân (theo giờ người Việt)-ngồi xếp bằng, lạy 9 lạy, hướng về phương Tây, khấn Đấng Trung Phương Thiên Tôn cứu độ, chữa bệnh, giải hạn ách, tất được như ý. Hình dung và sẽ được một dải ánh sáng bạch kim chảy vào luân xa 4, hoặc 6. Khi niệm phép này rồi thiền ở Luân xa 6-tức sao 6, có thể tuyến tủy mở, con mắt thứ ba hay huệ nhãn sẽ mở, xuất hiện thần thông...Tất nhiên phải kiên trì, tập lâu, giữ lòng lành thiện.
7. Khi niệm Thiên Phù, tất cả mọi long thần, thổ địa, thành hoàng bản thổ bản cảnh, thần thánh tiên phật, đến quỷ ma đều tôn kính Linh phù này, tuân theo Phép Luật Thiên đình-phép luật cao nhất thuộc Chân Lý Tối thượng. Khi niệm vào người, rung động nguyên tử lượng của các tế bào sẽ tăng, cộng hưởng dây Trung phương làm nội năng tiến hoá, linh hồn bắt thụ nguyên khí chất Thượng thanh nơi Bạch Ngọc cung và Ngọc Hư cung nơi Vua Cha và Mẫu Vương ngự, linh hồn đó sẽ được thanh thoát hơn, bệnh nạn tiêu trừ, nghiệp kiếp lược bỏ; phát tâm nguyện hồi về Thiên giới, tất được như ý sau khi bỏ xác trần.
8. Vào các ngày Xuân Phân, Thu Phân, Hạ Chí, Đông Chí, là ngày thông cung, muôn vật nhập trung cung, nếu niệm, thiền, ộp Thiên Phù vào người, luyện khí công, khai Thiên Nhân, cũng được phép màu cứu độ.
9. Cho phép tự đức, in Thiên Phù theo cách riêng, nhưng phải đúng hình Thiên Phù. Người mang Thiên Phù không là tôn giáo, không cần thành môn phái. Tất cả mọi người, mọi quốc gia, dân tộc, tôn giáo đều có thể sử dụng như nhau, khi đã tôn vì Đấng Sáng tạo. Hãy là lòng lành thiện và mong ước, phấn đấu vì một nền hoà bình vĩnh viễn, an lạc-hạnh phúc cho toàn Thế giới; nhân loại là anh em, đoàn kết trong Đại Đồng. Đó là đích cuối cùng trường tồn về tương lai tất yếu của Nhân loại, để chúng ta tiến hoá mãi mãi trong Vũ trụ này.



(ẤN THIÊN ĐÌNH)

“Ngọc Hoàng Thượng đế Tịch Thiên phổ độ”-I-I’ chấp lệnh Thiên Đình

(**Ghi chú thêm:** Về nguyên lý thờ Thượng đế: Không phải Cha bắt các con phải thờ mình, mà nguyên lý thế này: Hướng tâm về cội Thượng-về Cha-tức quán ảnh tượng hoặc tư tưởng, thì sự phóng năng lượng nối dây lượng tử đã về thượng giới trong tâm can mình-cũng là linh hồn mình, bằng vô thức đã có sự nối dây với Thiên đình và Thượng giới, đây là một bí mật của Vũ trụ trong việc kết nối các cung trường lượng tử, cũng như việc tạo ra rồi phóng 96 ức Linh căn xuống trần rồi Cha Mẹ lại vất vả gieo đạo để đưa chúng trở về-tức là Hoàn nguyên về Gốc để cân bằng ngẫu lực Vũ trụ. Nên thờ Thượng đế vừa là cách khôn ngoan để Cha Mẹ độ trì, Thượng Thiên và Thiên đình, chư Thiên hỗ trợ, mà còn là cách để tăng năng lượng cho bản thể mình; sau khi mãn trần, thì anh muốn ước ở cung trường, thế giới nào, chắc rồi cũng phát tâm để về đến đó. Nay thời mới, Thiên đình sẽ phát nguyện cho các con nào thờ Cha theo cách mới này, sẽ được độ rồi về quê, ít nhất là thấy Cha trong tương lai gần. Ngoài ra, các linh căn thờ Cha, sẽ được khai nhãn, **nếu Thầy biết mặt, sẽ khai nhãn cho mà không nhất thiết phải tu tập nhiều.** Vì tâm các con đã hoàn nguyên về Nguồn rồi).

CON ĐƯỜNG THOÁT LUÂN HỒI

PHẦN 1-CON ĐƯỜNG THOÁT LUÂN HỒI

7 nhân, 7 quả, 7 diệt, 7 thoát

(7 Lý Luyện Tu)

7 NGUYÊN NHÂN SINH RA VÀ TỒN TẠI CON NGƯỜI TẠI THẾ GIỚI NÀY

Nguyên nhân 1-Sự hình thành và cấu tạo xác thể, linh hồn: Là cái sự **Định**.

Nguyên nhân 2-Sự tiến hóa của Vũ trụ ở trình độ con người: Là cái sự **Hình**.

Nguyên nhân 3-Sự tái sinh Linh hồn ở trái đất: Là cái sự **Sinh**.

Nguyên nhân 4- Sự nguyên có cụ thể tạo nên con người cụ thể: **Kiếp nghiệp, nhân quả**.

Nguyên nhân 5-Sự giáng thế: **Nhiệm vụ Thượng Thiên giao phó**.

Nguyên nhân 6-Linh hồn mật độ thấp: **Tiến lên người**, như mộc, thú, thạch hồn...

Nguyên nhân 7-Linh hồn tiến hóa rồi, nhưng ở lại: **Hỗ trợ nhân loại**.

Nguyên nhân 1-Sự hình thành và cấu tạo xác thể, linh hồn: Là cái sự **Định**.

Là do 9 loại khí chất Vũ trụ-Thượng đế tạo nên, thông qua 9 vị Bắc Đẩu, có cả thần khí và xác khí. **Thần khí** sinh ra Linh hồn gốc-tức vật chất siêu đẳng, **Xác khí** sinh ra xác thân-tức vật chất sơ đẳng.

Đã qui định trong Thiên Kinh-Nhân Kinh.

Con người sinh ra ở trần gian này, vốn là một cấp bậc tiến hóa của vật chất trong Vũ trụ, từ trọc khí, đến đất, cây cỏ, cầm thú, con người, thần thánh tiên phật-thành tiên khí-hư vô chi khí hoàn về Thượng đế. Là hết một vòng chuyển luân tiến hóa.

Vậy, xét cả xác thể và linh hồn người tại thế này, tạm chia là hai phần thể xác đơn giản và siêu đẳng. Cái thể xác đơn giản là xác thân trần tục, nó vốn là trọc khí của cửu khí chất tạo thành, do Nguyên khí Vũ trụ tụ thành.

Chín loại khí chất này gồm: Khí chất: đen, xanh lá cây, xanh lam, chàm tía, hồng, đỏ, vàng. Là bảy loại trọc khí. Và hai loại thanh chất là trắng và tím. Chất khí trắng thuộc về Hư vô khí-hay là Trung Phương khí chất-hay là hạt Trung Phương-tức cái khí gốc của muôn loài muôn vật, ở cao tầng nhất của 9

Tài liệu hoàn toàn miễn phí cho ai có duyên. Chỉ sử dụng để tham khảo cá nhân. Cấm sao chép, thay đổi nội dung, sử dụng để kiếm lợi nhuận dưới mọi hình thức. Mọi vấn đề liên quan xin gửi về ThienPhapDao@Gmail.Com, <http://AsTamLinh.BlogSpot.Com>, <http://ThienPhapDao.BlogSpot.Com>

cảnh giới, có mật độ hạ nguyên tử đặc nhất, nặng nhất, thanh nhất; và khí chất tím là khí Thực hữu khí-là khí tồn tại đẹp nhất của 9 loại khí, nó là khí Hợp nhất của 9 loại khí.

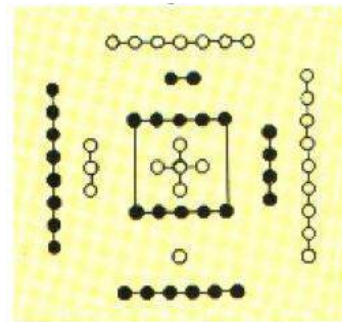
9 loại khí chất này tạo nên muôn vật, muôn hình tướng, muôn sự, là nhân, là gốc là quả của nhau, của Vũ trụ nói chung.

Thế xác con người đã có đủ 9 loại khí chất trên. Khí chất Tiên thiên là do Vũ trụ tạo thành thân xác ban đầu, nuôi dưỡng thân xác đó, gồm **Nguyên Khí**-tức Nguyên năng tạo nên thể xác mình-đó là các nguyên tử cấu thành thân xác đầu tiên khi mới sinh ra và **Nguyên Hồn** khí-tức là Linh hồn gốc chính đầu thai nhập vào xác thể để lại hồi luân hồi hiện kiếp. Cái gọi là con người bắt đầu được sinh ra này, nó vốn đã đang tuân theo Luật Luân hồi-Nhân quả rồi.

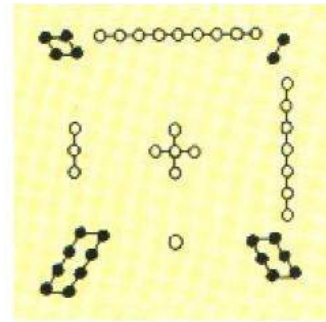
“Có thể xem Hà Đồ là vũ trụ- thiên đình-con người- linh hồn- sự vật....được cấu tạo bởi 5 vòng như sau:

- **Trung tâm** là một điểm: Thượng đế, sự sinh, ban đầu là Thái cực, **lõi linh hồn**-tiểu nguyên năng gốc-lương tâm....Trung tâm năng lượng Trung Phương trực Long Hoả.
- **Vòng 2** gồm 4 điểm trắng không gian-thời gian, chỉ thế giới giác ngộ, Chân lý. Đây là 4 quan giám điện Vương quan-là tứ trụ Thiên triều-là Tứ tượng-là Thiên dương-Thiên âm-Thiên tướng-Thiên sát. Đây là lõi trong gần linh hồn...Đây là vật chất siêu đẳng. Trung tâm năng lượng: Bách hội Luân 7-Luân xa 6-Luân xa 5-luân xa 1.
- **Vòng 3** gồm 2 dãy 5 điểm đen, tượng trưng cho sự cân bằng âm dương, là không-10-0, là sự cân bằng của tứ trụ. Là trực năng lượng giữa thân người-Long hỏa.
- **Vòng 4** chứa các số **sinh** 1, 2, 3, 4 dùng để chỉ phần vật chất ban đầu, tạo nên sự vật, vũ trụ, là tinh túy ban đầu-bắt đầu sinh ra. Ban đầu là vô hình vô ảnh-như tinh khí máu huyết, nguyên nhân...là nền tảng, cái gốc của vật chất hình thành hữu hình. Là Nguyên Thiên khí-huyết-Khí tiên thiên-hậu thiên-năng lượng tạo nên và nuôi cơ thể-cái gốc của sự tồn tại nên sự vật, hiện tượng, có 1n người, vũ trụ...đi với nó là thể vía.
- **Vòng 5** chứa các số **thành** 6, 7, 8, 9 dùng để chỉ cái thế giới vật chất hữu hình, hình thành nên các sự vật hiện tượng. Nó còn là thể vía, thể phách ngoài cùng của con người. Là bát quái. Nó cũng là các tinh chất bầm thụ nguyên khí của các vì sao, các mức năng lượng mà khi sống, sự vật con người nạp được; do đó nó sẽ bị mất đi, khi nguồn nguyên năng gốc hay là linh hồn rời bỏ nó- Là da thịt, máu, xương, và đi với nó là thể phách. Đây là vật chất sơ đẳng.

(Trích Nguyên Lý Trung Phương).



Hà Đồ là tập hợp 55
điểm đen trắng.



Lạc Thư là tập hợp 45
điểm đen trắng.

Nguyên nhân 2-Sự tiến hóa của Vũ trụ ở trình độ con người.

Con người là một mô hình vật thể của Vũ trụ, nó tồn tại một cách đương nhiên trong tiến trình vận động của Vũ trụ-Do Thượng đế sáng tạo ra; hay nói chính xác là cấp tiến hóa của Thượng đế ở trình độ con người là chúng ta đang tồn tại!

Cho nên, coi như sự có con người là một tất yếu trong sợi dây Vũ trụ vậy. Nó là hằng hữu, hằng tồn. Tại sao, vì luôn luôn là như thế, các linh hồn muốn tiến hóa trở về thì phải đi qua cấp độ tiến hóa là Con Người này. Hết lớp linh hồn này, tiến hóa, hết làm người, tức hết luân hồi, thì lại có các lớp khác tiến hóa lên, cứ thế.

Nguyên nhân 3-Sự tái sinh Linh hồn ở trái đất:

Linh hồn sinh tồn do tái kiếp theo luật Luân hồi Nhân quả-đây là đối tượng chủ yếu.

Nguyên nhân 4- Sự nguyên có' cụ thể tạo nên con người cụ thể:

9 Loại khí nguyên tử chất này tạo ra con người, do con người đó được sinh ra theo Luật Nhân quả-Luân hồi, như sau:

Con người phải trả nghiệp quả kiếp trước theo Luật Nhân quả-như đã biết gồm Luật Phản phục và Luật Phản hồi. Thực chất cũng là do cái Luật Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu mà thôi, có nghĩa, khi kiếp trước anh tạo ra chính sự tiến hóa của Linh hồn anh ở đẳng cấp nào, ứng với thể vía anh có, tồn tại trong Chuỗi lõi thông tin Linh hồn-thì đến khi đầu thai, theo Định luật Luân hồi Nhân quả, Linh hồn anh sẽ đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu mà tìm đến chỗ tương ứng với anh để anh lại sinh ra-tức có số phận mới của anh. Anh trước có gì, thì nay anh có cái đó-nhưng ngược lại! Ví dụ-anh trước là người ác, cái tính ác nó lưu trong Linh hồn anh, ở dạng lưu trữ thông tin nguyên tử-đến nay, anh sẽ được đến cái chỗ có tính đó, và anh được sinh ra đúng vào cái thời điểm có nguyên khí ác xấu đó chiếu-hay còn gọi là sao ác chiếu, sau đó, nguyên khí này coi như là nguyên khí gốc của anh, sẽ khảo đảo anh-tức chi phối anh ở hai tính chất-lôi kéo anh ở mặt xác thể-làm cho cơ thể chịu ác đau, bệnh ác, yếu, bị đánh, bị dọa thân xác...và ở mặt tinh

thần-anh ác, thì sẽ có lúc anh hành việc ác, anh gánh tội, bị trị tội-cao nhất là ăn cướp, giết người...tại trần, và lập tức anh bị tù đầy, hoặc bị tử hình, lúc đó anh sám hối, đau khổ...đó là cực ác sinh thiện, nhưng cũng là bài học! Đây chính là cái thâm diệu sâu xa của Luật Luân hồi Nhân quả do Thượng đế sáng tạo ra! Đỉnh cao của đau khổ hiện kiếp, có thể làm anh sáng ngộ ra Chân lý, tìm đường tu luyện...Có thể rất nhiều kiếp anh cứ trầm luân trả quả như thế, nhưng đến một kiếp nào đó thì anh giác ngộ và có thể thành phật thánh!

Hình thể, thường đi với linh hồn, số phận là như vậy!

Nguyên nhân 5 - Sự giáng thế:

Linh hồn sinh tồn do xuống thế đầu thai, theo nhiệm vụ, còn gọi là Linh căn giáng thế; loại này đầu thai để cứu giúp nhân loại, hỗ trợ tiến hóa.

Loại này cũng phải chịu qui luật vận hành của trái đất ở mật độ thấp, có nghĩa anh trước hết phải là một con người như bao người khác, có thể tổ chất Thiên Lương và Linh hồn anh khác người thường, nhưng do anh bị “nhúng” vào mật độ thấp của cõi hồng trần-hay nói chính xác là anh phải đồng thanh tương ứng với trái đất, cùng sự tồn tại của loài người ở mật độ thấp, trong đó xác thân anh chính là sự nhúng của Linh hồn anh vào mật độ thấp-thì anh phải chịu sự tác động, khảo đảo của mật độ thấp. Anh bị *nhiểm lậu trần gian*, bụi hồng trần nó quấn lấy anh và anh bị đọa trần, mắc Nghiệp quả như người thường, và bị đọa kiếp luân hồi, không hồi về Nguyên gốc cũ, phải Luân hồi. Đây là **Chuyện của 96 Ưc Linh căn Nguyên thủy** - do Cha Mẹ sinh ra, cho xuống trần giới đầu thai để giúp muôn loài tiến hóa, đồng thời cũng là học hỏi, nhưng đến nay **Mất đường về!** Là như vậy!

Các Linh hồn lớn của các Đấng Lâm phạm, thường giữ được Thiên Tính, có thể nhiễm lậu ít nhiều, nhưng do có *Nguyên lý riêng theo số phận của họ*, nên họ sẽ gặp được cơ duyên để giác ngộ sớm, rồi tu luyện, đắc đạo, rồi độ đời. Đó có thể là các bậc Giáo chủ, hiền triết, thiên tài, đạo sư, chân sư...Tại sao họ lại giữ được Thiên tính? Ấy là do số phận qui định, hay chính xác là mức năng lượng vượt trội có tính sáng của họ, tức là sự mã hóa năng lượng tạo thành số phận của họ khác người. Nhìn vào số Tử vi của họ, chúng ta sẽ hiểu được điều này, có thể đó là lá số của một người cực kỳ nghèo khổ, đau khổ đường đời, nhưng đường tiến hóa đạo hạnh thì rất rõ ở các sao chiếu có tính chất Thiên Lương.

Hóa thân trực tiếp của Thượng đế chiết linh trực tiếp ra, xuống thế, đây có thể là các Giáo chủ Ngôi Hai xuống trần dạy Đạo, xong các vị này cũng về Thiên Đường ngay, nhưng sẽ không hợp hòa vào Thượng đế, mà sẽ trở thành các Thượng đế nhỏ, tiếp tục đi quản trị các vùng của Vũ trụ, hoặc sáng tạo ra các Vũ trụ, Thiên hà, hành tinh mới.

Nguyên nhân 6 - Linh hồn mật độ thấp lên, như mộc, thú, thạch hồn...

Đây là các linh hồn tiến hóa lần đầu ở Kiếp Người. Có thể rất ác, hoặc rất thiện, nhưng nhận thức về các định luật kém, tức không Minh triết, họ phải còn học

hỏi nhiều để tiến hóa, đến Giác ngộ, từ Giác ngộ thấp, đến Siêu ngộ, rồi thoát luân hồi.

Loại hồn này là rất hạn chế Giác ngộ.

Nguyên nhân 7-Linh hồn tiến hóa rồi, nhưng ở lại hỗ trợ nhân loại:

Loại này có thể phân tính ra nhiều linh hồn để giảng sinh.

Loại này có thể nói là các Đấng lâm phạm cũng được, nhưng họ không có sứ mệnh Luân hồi, tức là khi mãn, họ được hồi về Nguyên hồn. Tất nhiên họ vẫn có thể bị nhiễm lậu, nhưng thường là khi mãn kiếp, họ về ngay với **Gia đình hồn**.

Kết luận: 7 Nguyên Nhân này, làm cho có sự có mặt và sự có mặt của con người trên trái đất này tồn tại-hợp lý-vốn dĩ tất yếu.

BẢY QUẢ PHẢI TRẢ CỦA CON NGƯỜI TẠI TRẦN THẾ

1. Quả nợ
2. Quả tham
3. Quả ác
4. Quả dâm
5. Quả bắn
6. Quả vô minh
7. Quả mê đại

(*Nợ-Tham-Ác-Dâm-Bắn-Vô-Mê*)

1. Quả nợ:

Ai sinh ra chúng ta? Thượng đế. Vậy trước tiên chúng ta phải nợ Cha đẻ.

Nợ, mà vô minh, không biết, không thấy, hoặc biết, nhưng không làm theo Thượng đế...ấy là tội Chống Trời-nghiệp quả sẽ là nặng nhất. Giảng sai Chân lý làm cho người hiểu sai, ảnh hưởng đến tiến hóa, cũng tạo nghiệp. Chửi trời chửi đất, rửa bão rửa mưa, do vô minh mà ra, cũng tạo nên nghiệp. Trời cho sinh con, mà không dạy con hiểu về Trời, hoặc không dạy con thành người có ích cho chính nó, cho nhân loại nói chung, thì cũng là nợ Trời.

Sinh ra ở đời, mà không biết Thượng đế, không biết đường tinh tấn xã hội, cải tạo bản thân theo đường Chính Đạo...ấy là Vô Đạo.

Hay chưa đến bậc Toàn giác, thì còn phải học; ấy là **Nghiệp Quả Nợ Trời**.

Ở trần, có cha mẹ trần gian, sinh ra mình, ấy là **Nghiệp Quả nợ công Sinh Thành**.

2. Quả tham dùng:

Là con người, thì phải tồn tại theo cơ chế sinh hóa, còn ăn, mặc, ở, tức là lấy của trái đất và lấy của nhau, để tồn tại; chứ bản thân linh hồn anh không sản sinh ra vật chất khác anh được. Quả dùng sinh cần và sinh tham- ăn, uống, mặc, hưởng các dục vật chất cho cơ thể sống được. Tạo ra **Nghiệp Tham các dục**.

Dùng nhiều, hay ít, tham hay không tham, thì cũng là lấy của trái đất hay Vũ trụ các vật chất, hay là anh phải chiếm dụng vật chất năng lượng Vũ trụ để tồn tại, là tất yếu. Không ai tránh được điều này, dù chỉ có uống nước mà sống. Muốn chiếm, dùng, thì anh phải tiến hành các việc như lao động, sản xuất, cống hiến xã hội, ăn trộm ăn cướp, lừa đảo, các kế sinh nhai....

Trong các việc ấy, làm anh tạo nên nghiệp, kể cả anh tác động vào trái đất-như cây xói, làm cho trái đất khô kiệt nguyên khí, thậm chí phá nguyên khí, xáo trộn khí mạch đất đai, dời sông chuyển núi, chặn dòng, làm đường, đào bới, phá núi, khai thác tài nguyên....tất cả làm anh tạo **Nghiệp-quả-phá Tự nhiên**.

Các việc chiếm dụng bất chính với người, làm anh nợ quả, tạo nghiệp ác, **Nghiệp chiếm vật dục**.

Vay mượn không trả, hay được người khác giúp, nuôi, hay cho...tất cả tạo quả, chứ đừng tưởng người ta cho mình mà mình không nợ người ta-Cho người quá, làm người hư, cũng tạo quả; cho đồ bẩn, đồ dơ, đồ bệnh, cũng tạo quả...ở đây mới tính đến là Vô tình, vô tư thôi. Đó là **Nghiệp nợ Phúc người**.

Ăn mặc, dùng của người, mà không lao động sản xuất, chỉ xin, chứ không cho, chỉ biết nhận, chứ không biết trả, đó là quả Vay-cũng tạo nên **Nghiệp Vay**.

Dùng hình tướng, tạo ra hình tướng không hợp vị, hoặc tạo ra hình tướng loạn-ví dụ cố tình làm ra quá nhiều vật dụng, kích thích tiêu dùng, đưa con người vào đường mê tiêu dùng, đọa vào đường ăn, uống, nghiện ngập...đó cũng là nghiệp dùng-tức tạo **Nghiệp kích mê dục**.

Vì con người còn tại trần, thì còn cầu vọng: Mong lành, mong thành, mong no ấm, mong thọ, mong lớn, mong thành đạo, mong có công quả...rồi về ác cầu có mong người ta chết mình hưởng lợi, đánh phá kẻ thù để mong cho nó chết nhanh, mong con vật lớn để nhanh làm thịt, mong chiếm cứ làm của riêng... Theo Luật Phản phục, thì anh mong tốt, đôi khi cái ác nó đánh anh ngay, anh mong cái thiện, thì cái ác nó diệt anh, và ngược lại, cho nên đều làm cho *Lún* vào Nghiệp trả cả. Tất nhiên theo hai hướng thiện nghiệp và ác nghiệp khác nhau. Nếu anh mong quá, quá mong, sốt sắng, sốt ruột, vội vàng, thành Huyền vọng, duy ý chí, đốt nát vội vàng nhiệt tình thành phá hoại vậy! Tất cả cái đó đều tạo ra **Nghiệp Vọng cầu**.

3. Quả ác, sát:

Giết hại chúng sinh nói chung.

Kích động thù hận, chiến tranh, giết chúng sinh; nghiệp ăn mặn-tức là ăn thịt-hưởng cảm giác sung sướng trên cái đau của sinh vật khác, mà nỗi đau nào về thể xác của chúng sinh cũng như nhau thôi-ví dụ cắt cổ con vật, thì nó cũng đau như con người bị cắt cổ vậy, bẻ cách chặt chân nó, thì cũng như người bị bẻ tay chặt chân vậy thôi, chẳng qua con vật nó không nói được cái thứ tiếng làm cho con người hiểu là nó đau, nhưng có khi mới có ý định giết nó, nó đã ứa nước mắt ra, vì nó có Linh giác chẳng khác gì con người, thậm chí còn siêu giác hơn!

Làm ra các việc ác, để mục tiêu là hại người về sinh mạng, sức khỏe, danh dự, tuổi thọ, sự bình ổn hạnh phúc, sự tồn tại đương nhiên-vì mọi con người sinh ra đều có quyền bình đẳng về tồn tại, hưởng thụ và tiến hóa như nhau; các linh hồn hoàn toàn bình đẳng về sự tồn tại của chính linh hồn đó, trong cấu thành Vũ trụ, nhân loại. Anh đẩy họ đi, chiếm của họ, giết họ, hãm họ, hại họ.....

Lừa đảo, buôn gian bán lận, bóc lột, đổ kị tranh dành, hồ đồ, vu oan giáng họa, hãm hại hiền tài...Chửi rủa, thị phi, gian phi, lão lếu, hỗn hào, cường bạo...Cố tình bảo vệ cái sai, cái cũ, chống cơ luật vận hành Vũ trụ; mưu sâu độc hiểm, xảo trá độc địa, xảo ngôn...Hận thù, nóng giận. Khinh người nghèo khổ, hù dọa, bỏ chúng sinh tội lỗi vô minh, thấy ác không chặn, thấy thiện không theo, còn hại thiện, hại lành, hoặc dừng dừng để tội ác, cái hư dốt xấu xa hoành hành, là bất thiện. Đã là giác ngộ Chân Thiện Mỹ, thì biết bảo vệ, giữ gìn, nếu để cái xấu chiếm lấy, thì là mất thiện, tức là thành ác vậy! Tất nhiên, đấu tranh lại cái xấu, là biết dùng cái thiện mà cải ác, thì có công quả; nếu quá, thì lại thành ác. Làm cho muôn sự tiến hóa, thì đó là công quả tốt nhất. Ngược lại tiến hóa, là ác.

Tất cả đều trái Luật Vũ trụ-Đạo Trời. Đó là **Nghiệp Ác**.

4. Quả dâm:

Trước nhất là Hành dục: Tinh huyết, tinh trùng, đều là linh hồn các đẳng vật chất cả, xuất nó, diệt nó, hại nó và hại cả mình; dâm nhiều diệt nhiều tinh trùng, khí huyết, suy nguyên khí mình, tạo chấn động hình tư tưởng dâm phóng chiếu vào không gian...

Dâm gian, dâm dục quá đáng, gian tình, gian ý, gian hồn dâm, cướp vợ chồng người, sinh hoạt tình dục trước hôn nhân, là chiếm xác hồn bất chính.

Tất cả tạo ra **Nghiệp dâm**.

5. Quả bắn:

Ăn bắn, ở bắn, người bắn, tâm bắn, làm cho xung quanh môi trường bắn, làm cho người khác bắn; ăn ở không gọn gàng sạch sẽ ngăn nắp, có thể tạo ra lối sống hỗn loạn, thiếu nghiêm túc, không thể nói là Thành Đạo. Xung quanh mình bắn, thì ảnh hưởng nguyên khí của mình, không thể nói là thân sạch. Cho nên, sự bắn ảnh hưởng đến thể xác, làm bệnh tật, ô nhiễm nguyên khí chính khí của mình, lại tạo ra tư tưởng nhiễm khí bắn, hình bắn vào đầu óc tư

tưởng. Có bệnh tật xấu, hôi, ghê lở không chịu chữa, cố tình làm người khác chịu chung...

Đó là **Nghiệp thân bản**.

6. Quả vô minh:

Vô minh có nghĩa là không sáng, có nghĩa là dốt, lười nhác, không chịu học hành cầu tiến bộ.

Dốt nát, ngu tối, hoặc cố tình đã biết mà cố tránh sáng. Người ta cứu mình, nói tốt, cố tình chống báng, không nghe; không chịu hướng sáng, mà cứ hướng tối; thích nghe lời ngu dại, ghét lời khuyên đúng; thấy lành thiện thì ghanh ghen, đổ kỵ, tự nạnh, đôi khi chưa cần tranh dành, bon chen.

Báng bổ chư thiên, chống phá tâm linh tốt, huỷ hoại kinh thường, dương danh cao ngạo, ngụy tạo giả ngôi, thích ngồi ghế thượng, đức thấp đạo bượng, sống sượng giảng rao, mũ áo cao cao, bán rao thánh chúa...

Làm sai không sửa, sám hối tránh xa, múa mép ba toa, lác cắc khoa trương, đón đường vô lại...

Không biết, không hiểu, không rõ, không thấy, trì độn mông muội.

Ấy là **Nghiệp Vô Minh**.

7. Quả mê dại:

Mê muội vào đường đen tối, si mê vào các thú vui thể xác, tinh thần, nghiện ngập các thức, thú, hình, ý si dại, đen tối, không thoát tối.

Khờ dại tạo quả ác, khờ khạo, mông lung vô ý sáng, mê mẩn không thấy tư tưởng hoặc con đường lành thiện, cảm giác sáng, thiện...Chú ý là, đôi khi con người bị đọa vào đường mê dại này mà không tự biết, tự làm, đôi khi bị thôi miên, bị mê lú, hoặc bị bệnh thần kinh, nghiện ngập; họ chỉ hại họ, không hại ai, nên không tạo nghiệp ác, mà tạo **Nghiệp mê lú**.

Tất cả cá quả này còn, mà không sửa, không sám hối, không tìm cách cân bằng Nghiệp quả, thì không thoát được Luân hồi.

7 quả có khi là Nhân, lại là Nghiệp, rồi thành quả, rồi quả lại thành Nhân của kiếp sau, phần sau, cứ thế đọa con người ta vào vòng Nghiệp chướng luân hồi không dứt.

Các quả này hình thành qua **Tứ vị: hành-khẩu-ý-phóng**.

- 1. Hành** là hành động, hành vi của con người, có tính hành động-tạo ra nghiệp, tốt hoặc xấu.
- 2. Khẩu:** là lời nói tạo ra nghiệp.
- 3. Ý:** ý nghĩ, tư tưởng, vì tạo hình tư tưởng, thành vía đen, tạo ra nghiệp.
- 4. Phóng:** là phóng xuất vía-hồn khi đã tiến hóa, biết xuất Ngươn hồn đi trong coi vô hình, đến các nơi xấu xa, thấy các việc xấu bất thiện, phóng chiếu vào nơi xấu với tâm xấu, thì cũng làm thể vía xấu đi; thậm chí

chữa bệnh từ thiện cho người, bị tà khí, âm khí, vong ác đọa, trấn, chiếm xâm vào hồn mình, đều tạo nên nghiệp xấu, chứ đừng tưởng làm điều tốt mà đã có lợi cho linh hồn; làm điều tốt, nhưng biết qui luật, hiểu cơ luật, biết chỉnh trị sửa sang cái xấu, lại biết bảo vệ mình, để mình tiến hóa, bảo trọng thân, tâm, linh hồn mình, thì mới gọi là Biết Đạo vậy!

Phóng xuất được hồn mà làm điều tà bậy, thì cũng tạo quả xấu, lúc ấy hồn ngoài thân, nên hồn chịu quả về sau.

7 DIỆT

1. Diệt nợ
2. Diệt tham
3. Diệt ác
4. Diệt sai
5. Diệt trần
6. Diệt vía
7. Diệt ngã.

(Nợ, Tham, Ác, Sai, Trần, Vía, Ngã).

Con đường diệt quả độc-là con đường sám hối, tu luyện thân tâm và cân bằng nghiệp quả, theo lời Cha dạy là: Công phu - Công quả - Công trình là Tam Luyện:

- Công phu là tu luyện Huyền công-hay gọi là **Luyện Đạo**.
- Công quả là phải trả công Trời đất, Thiên, địa, nhân, phổ độ, phổ giáo, lập công lập thế, cứu khổ cứu kiếp. Đó là **Luyện Đức**.
- Công trình là lập thế, thế nghiệp, hành đạo, xây đời, lấy Đạo trị thế, thi hành đạo là lập Luật Trời tại thế, xây nền Thánh Đức muôn năm-ấy là **Luyện Đời**.

Như thế, 7 diệt phải có Tam Luyện, mới thành công.

1. Diệt nợ

Kính thờ Cha Mẹ, làm theo Đạo Trời, hòa nhập cùng Cha, thấy được Chân Lý Tối thượng, biết Chủ nhân ông là Linh hồn mình, là Tiểu năng tiểu hồn, biết cách hòa nhập vào Cha, thành Cha, không phân ranh giới với Cha, hoàn nguyên là diệt cách xa, diệt bỏ vô minh, ngu đạo, làm cho Cha Mẹ vui, là báo ơn Hiếu Thiên.

Trả công sinh thành cho cha mẹ trần như Hiếu-Kính-Ơn-Phụng-cũng là cách tôn kính Thượng đế, vì suy cho cùng, cha mẹ trần vốn dĩ thay mặt Thượng đế ở trần gian mà tạo tác ra bản thân xác trần, số nghiệp mình, vậy báo ân cha

mẹ trần là hiếu với Thượng đế; tìm cách để cha mẹ trần biết được Chân lý, là công quả cao nhất của trả ơn, báo ơn Hiếu trần.

Xây dựng xã hội Thánh Đức tức là xây nền đức để tu đạo-tức là xây cái điều kiện để tu luyện cho đắc đạo, chính là thực hiện Chính Pháp Thiên Đạo, tức là diệt được *quả nợ Nghiệp quả của cả loài người* trong Thế hệ tại hiện kiếp, rồi sau đó cho các lớp kiếp của các lớp người khác.

Đắc phúc của người, thì trả phúc cho họ, hoặc cho người khác, *lộc bất tận hưởng, phúc bất trùng lai*; chớ dùng độc hưởng, chớ tránh chối công, chớ phản công, phản phúc. Người ta giúp mình, mà khinh khi, khó dễ, ban tính công ơn, thì ta cho lại, trả lại, âm thầm mà trả, để cân bằng nghiệp vay. Dùng vật của người, không trả vật, thì trả tình, trả ý tốt, ban rải tình thương mến, cho khí tốt, truyền lời nguyện tốt, hạnh tốt, làm cho người sáng đạo, khuyên điều thiện lành, cũng là cách trả công hữu ích. Vay của ai, thì phải trả bằng hết, chớ để oán cừu; cho ai cái gì, thì thật tâm thật ý thật tình, cho bát cơm cà, mà thật lòng thương mến, còn hơn cho cả nôi vàng bạc, mà khí dễ khinh người...

2. Diệt tham

Biết đủ dùng để sống, công bình, an lạc, các hạnh nghiệp đều có, khi không tham các dục, có thì dùng, không chiếm, không phạm, không khích, không tranh dành, gian lận. *Làm đủ ăn, ăn đủ sống, sống công bình, bình thiên hạ.*

Diệt tham dùng, thì tất yếu cũng tránh được nghiệp phá tự nhiên; dùng cái gì của tự nhiên, thì phải bù lại, cấy lại, bồi đắp lại; không phá trụi, không đốt tan, không phá tàn, không tận diệt. Biết cân bằng Nguyên địa khí, bồi đắp Nguyên địa khí, sống Hợp Thiên địa-ấy là không tạo Nghiệp phá tự nhiên.

Chớ ham hình tướng giả tạo bên ngoài, rồi loạn động tâm tính, thích cái dở, cái giả, cái huyền hoặc, sa vào hình tướng, huyền ngã, ngã mạn, mất cái bản ngã riêng, vọng động ra ngoài, không thu tâm được, thì bất tịnh tâm. Càng giản dị, càng sáng trong; lúc nào cực động sẽ thành tịnh, nhưng là Tịnh Thanh như Cha vậy, chứ không là Tịnh trọc. Hướng nội, tắt bỏ được loạn tâm, hướng thanh, thì bỏ được loạn kích dục. **Phải tiêu dùng ít, nói ít, cầu ít, vọng ít, hành động ít**, xã hội Thánh Đức lúc động nhất là lao động, lễ hội, thanh tịnh nhất là lúc ăn và tu thiền. **Xã hội Thánh Đức là xã hội sống chậm, thanh cao, giản dị và vô cùng văn minh, đầy đủ**, chứ không thừa mứa vật chất.

Diệt vọng cầu cực đoan, vọng cầu xấu, dùng ý xấu; nếu biết xuất hồn, vía, truyền khí, thì phá các hình tư tưởng xấu của mình, vây quanh mình-tức là Cải tạo nội-ngoại vía trong Thiên Pháp. Dùng lời khuyên tốt cho người, phổ giáo thanh cao thánh thiện để cân bằng nghiệp.

Riêng vấn đề diệt tham dục, ác dục gây nên nghiệp, do sinh hoạt tình dục mà diệt chết tinh trùng...thì phải cố gắng hạn chế Nghiệp này bằng cách chế dục, chứ không cấm tình dục-vì đó là một cách tồn tại, một cách học hỏi, tất yếu. Nhưng phải phóng sinh, ăn chay, độ đời, trồng cấy, để muôn sự sinh sôi ra, rồi tìm cách hợp các Linh hồn của các Tinh trùng này, hóa hợp chúng vào

Tổng hồn Thượng đế, hoặc cho chúng vào Nguyên khí chung, Nguyên Khí hồn đất, cây cối, hay Trái đất...thì hóa giải được Nghiệp ác dục gây ra.

3. Diệt ác, gian

Không nghĩ ác, làm ác; nếu có nghĩ, thì sám hối, diệt hình tư tưởng.

Làm ác thì phải sám hối, rồi dùng đức bù đắp lại, có công quả, phóng sinh, ăn chay, từ thiện, độ đời để cân bằng quả.

4. Diệt sai

Vì con người ta luôn luôn có phát triển tự do, nếu không đưa vào rìềng mối xã hội, tổ chức, qui định hành vi, thì dễ nhiễm lậu, nên phải làm đúng 9 Điều Không Phạm của Thiên Pháp, 9 Điều Cấm của Thiên Đạo, đó là Đạo trị Đời-thì diệt được các hành động sai. Đó là:

9 ĐIỀU KHÔNG CỦA NGƯỜI HỌC THIÊN PHÁP:

1. Không bỏ: Tôn-thờ Vua Cha Thượng đế
2. Không chiếm: Của cải, tài danh, hạnh phúc của người khác.
3. Không tham: Danh lợi, vật dục tầm thường.
4. Không nói: Gian dối, xảo ngôn, ác ý, hồ đồ.
5. Không quên: Người nghèo khổ, hư dốt.
6. Không gây: Hận thù, chiến tranh, giết hại chúng sinh.
7. Không ở: Bẩn thỉu và phá hại môi trường.
8. Không nghiện: Các chất kích thích nặng.
9. Không ngừng: Xây dựng Thiên đường Hạ giới.

9 ĐIỀU CẤM CỦA NGƯỜI THIÊN ĐẠO THÁNH ĐỨC:

1. Cấm giết người.
2. Cấm bỏ vợ chồng.
3. Cấm mê tín.
4. Cấm mê muội.
5. Cấm nghèo đói.
6. Cấm bảo thủ.
7. Cấm tham ô.
8. Cấm cúng mọn.
9. Cấm bỏ luyện Pháp.

Làm được đủ 18 điều trên, là đã có nền tảng Đạo - Đức, bỏ được nghiệp, chuyển nghiệp, thành Đạo. Tránh các ác nghiệp, có đủ Công Phu - Công quả - Công Trình.

5. Diệt trọc.

Là diệt cái ô trọc trần tục bấn thỉu ở đời, ô trọc bản thân mình.

Đạo Phật là đạo tiến hóa nhất từ trước đến lúc Thiên Đạo ra đời, tính về mặt tu luyện để thoát Luân hồi, thì căn cứ vào Lục căn, Lục trần, Lục thức để tiến hành tu luyện.

Lục căn gồm có:

Tài liệu hoàn toàn miễn phí cho ai có duyên. Chỉ sử dụng để tham khảo cá nhân. Cấm sao chép, thay đổi nội dung, sử dụng để kiếm lợi nhuận dưới mọi hình thức. Mọi vấn đề liên quan xin gửi về ThienPhapDao@Gmail.Com, <http://AsTamLinh.BlogSpot.Com>, <http://ThienPhapDao.BlogSpot.Com>

- Nhân là mắt, dùng để nhìn.
- Nhĩ là tai, dùng để nghe.
- Tỷ là mũi, dùng để ngửi.
- Thiệt là lưỡi, dùng để nếm.
- Thân là da bọc thân người, dùng để nhận biết những cảm giác như nóng, lạnh..
- Ý là tư tưởng, dùng để phân biệt.

Lục trần:

- Sắc: là màu sắc, hình dáng.
- Thanh: là âm thanh phát ra.
- Hương: là mùi vị.
- Vị: là chất vị do lưỡi nếm được.
- Xúc: là cảm giác như cứng, mềm, nóng, lạnh.
- Pháp: là những hình ảnh, màu sắc, hương vị được lưu lại từ 5 trần ở trên.

Lục thức gồm:

Nhân thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức. Tất cả những chủng tử của nghiệp từ nhiều đời trong quá khứ cộng với biết bao nhân duyên để tạo thành con người trong hiện tại mà nhà Phật gọi là Ngũ uẩn. Ngũ uẩn thì có sắc uẩn thuộc về phần thân xác và thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn thì thuộc về phần tâm thức. Vậy ý nghĩa nó thế nào?

- *Sắc: là thân xác của con người.*
- *Thọ: là những cảm giác vui khổ của thân và tâm.*
- *Tưởng: là nhớ lại những hình ảnh vui khổ của thân và tâm .*
- *Hành: là những sự biến chuyển thay đổi của tâm niệm.*
- *Thức: là sự hiểu biết phân biệt để tạo thành cái biết ở trong tâm” (Sưu tầm).*

Theo đạo Phật, thì do Lục căn đòi hỏi, Lục trần tác động, nên hình thành Lục thức, và Lục thức tạo nên Nghiệp quả, muốn dứt Luân hồi thì phải bỏ Tam độc là Tham-Sân-Si, cả thân-khẩu-ý đều tạo nên Nghiệp quả. Đây là cách tu luyện Tâm sạch, xả nghiệp bằng tâm, tuy Phật không nói gì về hình tư tưởng, hay về hồn vía, xuất hồn.

Muốn thoát các Nghiệp, thì thoát trần, nên Chính Pháp của Phật là thoát trần, để tu luyện, từ bỏ trần tục để thoát tục-đó là chính yếu nhất của đạo Phật.

Rõ ràng, đây chỉ là một biện pháp mà thôi.

Chúng ta khác, vì xác định Nhân loại tồn tại kế tiếp muôn năm, nên Chính Pháp là xây đời Lập thể, lấy Đạo trị Đời, tu Huyền công thoát xác, đắc Đạo ngay tại thế, linh hồn đã là thần tiên Phật tại thế rồi, nên trần gian đã thành Niết bàn tại thế.

Chúng ta tiếp thu lại điều tu luyện này, mở rộng như sau:

Tu Thiên Pháp, tịnh tâm, đến trình độ Khai Long Hỏa, xuất Linh hồn, **tĩnh hồn trên cao**, thì làm chủ hoàn toàn Lục căn-lúc này đã thành Phật rồi! Luyện Kim thân, Kim hồn, thì xác thân, hồn bất hoại, dù có tác động gì cũng vô hại, vô nhiễm. Đắc Lục thông thì thành Phật Tiên Thánh, thì có thể làm chủ Lục trần, thậm chí cải tạo, làm ra Lục trần theo cách của mình, cải tạo thế giới xung quanh mình, như khí, vía, ánh sáng, môi trường, thời tiết...Không bị lụy vào Lục trần. Vì chúng ta phấn đấu thành Toàn giác, Toàn tri, nên muôn muôn năm vẫn phải học hỏi, và không chủ trương bế khóa các cảm giác thật-không bế khóa các Linh giác của Linh hồn-Con người. Hòa nhập Vũ trụ nhưng không đánh mất cái cá thể bản ngã, cho nên chúng ta luôn **Mở rộng Hiểu biết**, bằng cách học hỏi không ngừng cả ở Hạ giới, Trung, Thượng giới, cho nên không diệt Lục thức mà **Chuyển Thức** - lên một bình diện nhận thức cao hơn, thanh sáng hơn-ví dụ đau khổ-đau khổ vì chúng sinh mê lầm là cái đau khổ của Thượng đế, không còn là đau khổ cá nhân; si mê cái thanh cao, si mê giải thoát, là cái si mê của Phật. Nhưng chúng ta nhìn thẳng vào cái tối, cái đen ám, cái xấu xa để nhận diện nó, rồi chán nó, sợ nó, hạn chế nó, diệt nó, là bậc nhận thức Toàn giác của Thiên Đạo. **Không né tránh đời trần**, mà cải tạo trần gian, lấy thân trị thế, đạo trị đời, ấy là Công quả, là Tham cầu vĩ đại nhất của Tiên vị. Tu siêu đẳng rồi, thành thần tiên tại thế, mà không thoát trần, độ cho trần, ấy là Thần tại thế; có xác phàm, sống thọ ích, thọ tiên, đắc đạo ngay tại nhà, ở trần tục như ở trên Trời, ấy là Thiên Đường thế gian, không gì bằng!

6. Diệt vía.

Vì thể vía làm ra Nghiệp, thì phải Diệt Vía. Tức là đốt hình tư tưởng và các hình khí âm muội quanh Hồn mình, bằng Huyền công thượng thặng.

-Đốt trọc khí bằng cách ăn chay, thanh tịnh tư tưởng, sống thanh, sạch, giản dị...và luyện Thiên Pháp, để đốt Khí trọc-thể Phách của cơ thể là đốt trọc khí, không có cách gì hay hơn là tu luyện Huyền công Thiên Pháp, phá hình tư tưởng khi nó mới thành hình và ban rải tình thương vô điều kiện cho chúng sinh, cả kẻ thù, kẻ chống mình, đó là Không vay, Không đắp, Không lấy, Không cho thêm Nghiệp ác vậy!

7. Diệt ngã.

Tu siêu đẳng rồi, xuất hồn cao rồi, đôi khi gặp Ngã, Huyền vọng, mắc Huyền vọng, tức là coi mình là oai, giỏi rồi, đã thành Phật, Thánh, Tiên...rồi, cao lắm rồi, không muốn học nữa, không muốn làm gì nữa, không định hình cái gì nữa, hoặc mong về Trời cho sớm, mong thoát khỏi trần gian cho sớm...Đó là Vọng Huyền. Tất mang Nghiệp Huyền, bị đẩy lại cho biết đường Huyền là thế nào. Mà đến lúc đó, tâm bất vọng cầu Huyền, phải giản dị Nhập thể hoàn toàn, xem xung quanh mình đều là thần thánh cả, như nhau cả, phải sống-tu-luyện-tồn tại một cách bình thường. Bình thản, an nhiên tự tại, coi mình là cỏ cây hoa lá, như khí, như vật, như ánh sáng, lại như bóng tối, nay là khí, mai là người, ngày kia là vật, giản dị như thế, không vọng cái gì cao quá, hãy là chính

mình, trở lại chính cái Chân tâm của mình, là Tiểu hồn trong cái vi diệu Cao Minh, là bậc Chân nhân, nhưng không ai biết mình là Chân Nhân, thì đó mới là Đắc đạo Chân tu.

***7 bậc Diệt này, là diệt các Nghiệp** của các kiếp trước, hiện kiếp, thì mới có thể thoát Luân hồi được, chứ mới Diệt các thứ này, mà chưa biết cách diệt các Chấn nghiệp còn rơi rớt trong Không gian, trường khí Vũ trụ-trên Phong tâm linh, thì chưa thể diệt được hết nghiệp, phải xuất hồn đi mà gom lại, mà diệt hóa, mà làm công quả, tu luyện bù vào, cho đến khi thấy hết thì thôi. Tự mình làm, không ai giúp mình được, muốn thế phải đắc Thất Thông.

7 THOÁT

1. Thoát độc
2. Thoát kinh
3. Thoát ám
4. Thoát xác
5. Thoát tục
6. Thoát phàm
7. Thoát lụy

(*Độc, Kinh, Ám, Xác, Tục, Phàm, Lụy*).

1. Thoát độc

Diệt, bỏ được 7 loại quả độc trên, thì thân tâm đã an lạc, vui hưởng trần thế, tịnh thiên, thì về lúc nào cũng được siêu thăng rồi.

Nhớ là Diệt dần 7 quả, mới bỏ dứt được nó, bỏ nó hàng ngày. Bỏ bằng cách sám hối, giữ vững nghiệp lành, bỏ nghiệp dữ, cân bằng nghiệp thường xuyên.

Thoát xong 7 quả trên, cơ bản đã thoát Luân hồi. Nhưng chưa chắc, vì anh có khi còn Nợ, thoát, nhưng còn nợ vì đôi khi, anh xuống trần, để lập công quả, thực hiện sứ mệnh, mà sứ mệnh chưa tốt, thì chưa hồi cựu vị vậy!

Thoát khổ, mà không bỏ trần đời tục lụy, ấy mới là đắc đạo, tức là **An lạc thông**.

2. Thoát kinh

Tu luyện đến trình độ thông linh, thì hết kinh sợ ma tà quỷ ám, sợ cái hư vô mênh mông, tiến lên làm chủ bản thân và Vũ trụ, tự nhiên, ngoại cảnh; hiểu được Cơ luật Trời, tất hiểu Đạo. Ấy là thoát được vô minh, vô linh, không còn vô minh kinh sợ, mà thấy gần với Thượng đế, thần thánh, quỷ ma, giao hòa với mọi bí mật, bí hiểm của Vũ trụ, tự nhiên, tất Minh triết mà làm cao sáng

linh hồn mình. Còn sợ Trời, quỷ ma, thì không thể nói là Giác ngộ. Sợ Trời không bằng sợ mình, chính mình là Trời thu nhỏ, biết mình mới biết Trời. Khi mình chưa hòa được vào Trời, thì đó mới là chưa đạt đạo, ấy mới là đáng sợ. Sợ Thượng đế thì không thể thành Thượng đế được. Mà sợ mình sẽ không tiến hóa bằng Thượng đế. Mình còn ngu tối, thì cái phần Thượng đế trong mình còn ngu tối vậy, vậy thì phải biết sợ cái ngu tối đó, đến khi hết sợ-làm thế nào để hết sợ thực sự? Không ngoài sự học hỏi không ngừng để tiến hóa!

Được chứng ngộ tâm linh, có thể được Chư thiên chỉ dạy, là cách để học hỏi là biết đường và biết cảnh, bậc của mình. Tức là Đắc Thông linh - Giác ngộ.

3. Thoát ám

Thoát các sự ám xấu, vía ám.

Tu luyện thân tâm bằng thoát 7 quả độc, đồng thời tu Huyền công đến trình độ thoát hồn, thông Long hỏa, thì đa phần các Nghiệp bám ở thể vía đều tan, trọc khí tan rã, vía độc ám, bị đốt hết; thấy linh hồn mình xuất ra đã thanh sáng, có hào quang vô lượng, sáng trong, tinh khiết, bay lên rất cao tận các Cung Trời, thấy không còn thể vía trọc bu bám quanh lõi linh hồn, phân hồn ra, biết chiết hồn ra để nhận thức, hợp hồn lại để hóa hiện...Kiểm tra xem có còn Nghiệp nào chưa trả hết, thấy cái cân Nghiệp Quả đã cân bằng chưa, nếu cân bằng, thì đó là đã thoát được Vía ám, Nghiệp Quả, tất thoát luân hồi.

4. Thoát xác

Ăn chay, tịnh luyện linh hồn, xuất vía, xuất hồn lên đến Thượng giới, vào đến Trình Cha, ấy là Thoát Luân hồi. Đi về trên Trung, Thượng giới, là linh hồn ngự tại xác trần tạm rõ, thì là phật thánh tại thế, tiên tại trần. Đó là tiến hóa cao nhất tại trần.

5. Thoát tục

Đến lúc già, sắp mãn, phải vào am tu thiền tĩnh, xả bỏ trần ai, các dục đời, thanh tịnh hoàn toàn trước khi nhập diệt, ấy là cách để thoát dây trần tục một cách hữu ích trong thời Thánh Đức. Làm lễ cắt dây trần tục trước khi mãn kiếp.

6. Thoát phàm

Phu bì, xác thể còn đòi hỏi vật dục, thì khó thoát Luân hồi, vậy, trước khi mãn kiếp, hầu như thoát phàm phu-tức là hạn chế tối đa các dục mà không thèm, không cần; điều này có vẻ khó khăn, nhưng đến lúc loài người tu Huyền công siêu đẳng, có thể nhịn ăn rất lâu. Hoặc ăn rất ít, mà cơ thể thành Kim thân, Kim hồn, trước khi xuất xác, đốt tan hết các trọc khí vây quanh hồn mình, đốt cháy thân tàn, rồi xuất lên khỏi xác, tất thoát Luân hồi.

7. Thoát lụy

- Dừng dưng với cái chết, bình thản, đón nhận tự nhiên, vui mừng đặc quã để trở về.

- Không bi, không lụy, không đau, không tiếc trần khi mãn.
- Người nhà không khóc than.
- Không chôn thân xác phàm, chỉ được hỏa táng, không dùng yếm đảo thư phù, âm niệm, bỏ các thứ huyền môn tà thuật trong tang chế, thì linh hồn tất mãn.
- Linh hồn sau khi xuất khỏi kiếp, thì không nhiễm cầu vọng nữa, như thích dùng các thức vật chất trần gian, tiếc nuối các việc trần gian, ngạo vọng huyền ngã được người trần thỉnh nguyện, thích nhập đồng, rao giảng nếu đúng không có sứ mệnh hoặc không được các Hội đồng tâm linh, Vua Cha, Mẫu Vương, Thánh Vương cho phép. Tiếp tục học hỏi, vào các Hội đồng, các Gia đình hồn để tu luyện, tiến hóa, theo sự phân công của Bề trên.

QUÁ TRÌNH CHUNG CẤT TỪ BÃ:

Rất nhiều loại bã đen, lậu, xấu, hỗn tạp, nhưng khi ta chung cất thì thành tinh ngọc hương - như rượu, hóa chất nước hoa v....

Kỹ thuật chung cất có khi dễ, có khi khó, nhưng nhất thiết phải trộn lẫn hỗn độn các nguyên liệu thô nhất, tạp nhất: Ví dụ sự ô trọc, sự thô mộc, sự bẩn thỉu, sự kinh tởm, sự đau khổ, sự bầm dập, sự oan trái, sự mất mát, sự tanh hôi, sự khốn nạn... Tất cả. Nếu không khổ, sẽ không biết nỗi khổ; không biết con đường thoát khổ. Muốn biết con đường, phải dẫm chân bằng chân đất trên con đường đó. Thương mình rồi mới có thể thương người được. Vì là kiếp khổ, thì mọi thứ khổ không nên phân chấp khổ. Đòi là làm lẫn và học hỏi, thì đừng chấp vào làm lẫn và dốt nát, thối tha, mà chấp vào cái Ta chưa có để đi lên.

Chung cất là quá trình luyện thân khổ nhục của kiếp người, để ăn đòn, để cay cực, để khao khát thoát khỏi con đường ấy, thoát khỏi cái lò ấy. Không kinh sợ cái lò luyện ấy, vì nó là như thế và mãi mãi chúng sinh tiến hóa đến cấp này là như thế. Thế gian là cái bậc tiến hóa thôi, mãi mãi có thế gian. Kinh sợ nó thì bỏ nó sao? Không! Muôn năm sau có các cảnh giới Hồng trần như thế này dành cho chúng sinh ở mật độ tiến hóa đến cấp này. Vậy thì ai sẽ dám bước xuống ruộng sinh lầy này để gặt mùa bội thu cho Thượng đế? Chính là các vị Phật, Bồ Tát, Thiên thần phát nguyện xuống trần, học trở lại, và khai sáng, dẫn dắt nhân gian. Ông ta xuống trần thì nhiễm trọc trần. Nhiều ông mê làm không ngóc nổi đầu lên nữa, tức đọa trần! Có ông thì khổ rồi, thì tầm đạo, tu cao, đắc pháp, cứu thế. Pháp là thứ không phải là trên trời rơi ngay xuống, mà do vị ấy giác ngộ ra, do Trời dạy cho mở mắt ra thông qua chính cái số phận của ông ta. Nhân loại chỉ có mỗi Hồi giáo được Kinh Koran thôi, còn lại các vị giáo chủ đời đời bầm dập mà tu đến cấp đại giác cả.

Khi chung thành tinh hương, thì chỉ còn lại bã ở dưới. Cái bã ấy có thể được dùng, hoặc không. Nay có kẻ chấp cái bã ấy, thì không là bã thì cũng khó thành hương... Hoặc chưa có hương mà chấp vào bã, được một mẩu hương mà chấp cả bãi bã.

Còn chấp vào các thứ khổ, buồn, hay cảnh trí, đời sống, các căn cơ nhiễm trọc hoặc không trọc, tức còn tâm phân biệt, tức còn sinh cảm giác thù hận, cay nghiệt, khinh ghét, giả đạo đức...thì còn ác nghiệp hoặc thể vía xấu. Tức anh chưa trống không, tức không thoát Luân hồi, chưa Giải thoát.

Trong Con đường thoát Luân hồi của Thiên Đạo-không có chỗ nào chấp vào **cảnh, sắc, hình, tướng, tính, số phận, hành vi vấp phải, thái độ thường chuyển, trí tưởng vắng sinh không là bản chất**, chỉ có 7 điều quan trọng để Giải thoát, **bất phân thiện ác, tà chính, xấu đẹp, nghiệp cao hay thấp, căn quả nặng nhẹ thế nào**: Làm đủ 7 điều đó, tất thoát Luân hồi lạc lẻo. Số 7 là số thoát Luân hồi.

Vì xác định tất cả là giả tạm, nên Pháp Luân thường chuyển, không chấp vào tính trạng, chỉ chấp vào Hư Không để thành giải thoát. Đó là Vô Chấp.

Ở rìa ngoài của cái Mâm Đạo, cũng có thể nhảy vào giữa Mâm ngay, ở gần Mâm-tức đạo đức tốt, chưa chắc đã nhanh vào giữa Mâm hơn.

Muốn ăn nước nhiều từ nồi cá kho nhừ? Khó, để nhiều nước tất không nhừ, để ít nước thì khô khét mất. Nên đổ nước nhiều, nấu cho nhừ cá đi, cạn nước rồi, ta đổ nước vào đầy để có nước trong nồi như cá! Ta hay có thói quen gấp cuốn sách là lật trang cuối, đọc ngược lên, để thấy cái kết trước, mở sau. Đọc ngược có cái hay là Không chấp vào nội dung thứ tự mà chấp vào kết ý nghĩa, và giá trị của cuốn sách là gì, hay hoặc là dở biết ngay. Hay thì đọc, dở thì thì lướt qua mấy trang.

Đánh giá người từ lâu rồi, Ta có thói quen nhìn xem họ là người tốt, hay xấu, đời khổ hay không khổ, không chú ý nhiều đến việc họ làm gì, cao sang hay hèn hạ. Gặp ai cũng tự hỏi, họ có hạnh phúc hay không, có thương người hay không...

Đó là Phá chấp đời để cho người giác ngộ Đạo hiểu Đời.

Tuy nhiên, vì xác định xây đời, lên chấp vào Đời mà luyện Đạo, cho nên, những tính thuộc phạm trù đời thì phải chấp, để cho cá nhân thường chuyển. Không chấp cá nhân, để tránh nghiệp cá nhân, muốn tổng thể các cá nhân thường chuyển, thì phải chấp trụ vào đời LÀNH THIỆN chung. Chấp bằng Luật, Lệ, để lấy Đời làm Đạo vậy. Cá nhân không nên chấp nhau=Vô Chấp, mà xã hội sẽ chấp cá nhân hay Tập thể chấp cá nhân, lấy Nghiệp lực Lớn chung thúc nghiệp cá nhân chuyển hóa. Đó là Hành phạt của Pháp luật, Phép luật, lợi ích cho nhiều người, có thể hy sinh mấy đứa chống Luật để làm gương muôn đời.

PHẦN 2: TÁM PHÉP TÌNH TẤN

Phàm ở đời, đã là con người, sống đời bình dị, nguyên nghĩa sống đời, thì tất không thể tránh được hành sự đời, mà có hành có làm, thì có đúng sai, hay dở, thất bại, thành công.

Lại nữa, đã là con người, trước tiên thì phải có xác thân, với đủ ô trược của xác thân, rồi xác thân ô trược, làm cho linh hồn ô trược; vậy rồi cứ trượt mãi, không thấy về, không về được.

Nay đã có 7 Nhân, 7 Quả, 7 Diệt, 7 Thoát (**7 Lý Luyện Tu**) nhưng Ta chưa dạy về cách nhìn nhận mình và mọi sự thế nào. Làm sao cho Tình Tấn Linh hồn mình, mà không phạm sai lầm, tránh bớt được sai lầm, ấy là rất quan trọng, vì mỗi lần sai, là một lần gánh nghiệp, lại phải gánh, sám hối, sửa chữa-nhưng sai lầm ít thì tốt hơn!

Đây là **8 Bí pháp** cho mỗi người tại trần. Muốn thực hiện được 7 Nhân, 7 Quả, 7 Diệt, 7 Thoát, thì phải thực hành **Tám Phép Tình tấn** này mới được, coi đó là Phương tiện để chở 7 Lý Luyện Tu trên. Vì rằng, 7 Lý Luyện tu như cái bảng, thì 8 Phép Tình tấn như cái thước chỉ vậy.

* * *

Đối với bản thân mình-tức là nhìn nhận cái bản lai diện mục của mình-soi vào mình-thì theo 8 Điều qui sau: **Thực - Cực - Chính - Dung - Hợp - Dùng - Kiên - Tịnh.**

1. Thực

Nhìn thẳng vào mình, đánh giá thực chất điểm tốt, xấu, hay, dở của bản thân mình-nhìn đúng cái Bản ngã của mình có cái gì, chớ né tránh, chớ bảo thủ, bao biện cho chính mình. Phải đánh giá được **Thống nhất-Toàn diện** các điểm. Đánh giá chúng trong mối liên hệ lẫn nhau, cùng tồn tại, cùng ảnh hưởng nhau; bản chất của sự ảnh hưởng-tồn tại của chúng là gì? Tức là đi tìm Nguyên nhân của sự tồn tại đó. Không thấy được nguyên nhân, thì không tiến hóa được.

(Phép này là soi bản thể mình, như soi gương, trắng đen, xấu tốt phải nhìn thấy được; nếu không thấy được, thì soi ra ngoài, rồi soi lại mình, hoặc tự mình hình dung mình là người khác nhìn vào mình mà đánh giá-tức là khách quan đánh giá-sẽ thấy cái của mình, nó giống ai, khác ai cái gì-phép này áp dụng Nguyên lý Sự thống nhất của Vũ trụ-sự vật hiện tượng).

2. Cực

Trong các điểm tốt, xấu, hay, dở do mình đã nhìn thấy, thì hãy đánh giá chúng, đến mức nào-tức cực điểm nhỏ nhất, cao nhất của một cái tốt, hoặc

xấu-từ đó đánh giá được tình trạng, tính chất, và mức độ của sự việc, tính cách đó. Phải đánh giá được *Cụ thể-Triệt để* từng điểm.

(Phép này cốt để thấy mình đang đứng ở chỗ nào trong nấc thang tiến hóa, trong có có đạo đức, nhân cách, tu luyện, lao động, cống hiến...).

3. Chính

Tìm điểm chính quan trọng nhất của cái tốt nhất và cái xấu nhất-tức là hai điểm cực đối nghịch nhau cơ bản nhất của một vấn đề-hoặc tổng thể tình trạng-hoặc tổng thể sự tồn tại. Các phần nhỏ khác, bị chi phối ở hai điểm này, sẽ bị ảnh hưởng theo hướng tốt, hoặc xấu theo. Phải phân được ranh giới giữa chúng.

(Phép này ứng dụng nguyên lý Âm-Dương-hai cực, để tìm ra bản chất-mâu thuẫn quan trọng-chủ yếu-bản chất thực của sự vật hiện tượng-từ đó điều chỉnh).

4. Dung

Tìm cách Dung hòa các điểm-tức là tìm được sự tất yếu tồn tại của chúng và nhìn chúng với cách nhìn giản dị-bình hòa-tránh cực đoan. Phải sám hối các tính xấu-sửa các điểm kém thường xuyên; đây cũng là phép cân bằng Tương đối, để cân bằng trạng thái, mức năng lượng, nghiệp...

(Phép này ứng dụng Phép này ứng dụng qui luật Âm-Dương cùng tồn tại các mặt, thống nhất các mặt mâu thuẫn...để dung hòa chúng, coi chúng là sự đan xen, liên hệ, cảm ứng lẫn nhau-đây loại bỏ tính cực đoan, nóng vội, tùy tiện, chủ quan, duy ý chí, cảm tính, đơn giản, máy móc một chiều...Phép này tránh cho ta cái nhìn phiến diện, chủ quan, một chiều, gây sự ác ý, ác tâm, hoặc thù nghịch, thành kiến. Dem lại cho chúng ta sự hòa hợp, đoàn kết, tôn trọng cả cái xấu, cái hư, dốt, lạc hậu, kém phát triển. Không mất bình tĩnh, nóng vội, gây nghiệp xấu.

Đó là cái nhìn Trung Dung. Trên cao nhìn xuống, đứng ngoài nhìn vào, ở giữa nhìn ra xung quanh, an nhiên tĩnh trí để nhìn bao quát, có chiều sâu, có chiều rộng, toàn diện, là chính nó của các mặt, lại là Trung tính sau đó, mới có thể hòa hợp được. Có được phép này, thì hầu như không thấy ghét cái gì, dù cái đó rất là hại, rất là xấu-vì thấy được cái tồn tại của nó và chúng ta nhìn thấy được sự Dung hòa trong đó).

5. Hợp

Thấy cái Hợp lý để cho sự yên ổn, hoặc thúc đẩy tiến bộ.

Cái hợp lý là gì ? Đó là cái điều hợp qui luật tiến hóa, thậm chí tạm thời có thể là cả biện pháp xấu, cực đoan-nhưng nó lại là cần thiết cho sự của mình-nếu không có nó thì mình hỏng luôn - chứ đừng nói đến tồn tại để học ở trường đời nữa! Nó là mặt tối - phía bên kia của Tiến hóa chính - nhưng nó lại là điều kiện để cho sự tiến hóa được bảo đảm...Cái gì thấy hợp lý thì phải dùng.

(Ví dụ: Rất nhiều - sinh hoạt tình dục có thể gây nghiệp, cản trở thoát Luân hồi - nhưng là yếu tố sinh lý rất quan trọng, nếu không có thì không có con, không có

loài người - không có hạnh phúc gia đình - mà đã chấp nhận đời-đạo, thì phải có gia đình, nếu mất hạnh phúc, ngoại tình, loạn đời...

Hoặc: Ăn mặn. Người đang rất gầy yếu, ốm bệnh, cần bồi bổ, hoặc trẻ em đang lớn, không thể cho nó ăn chay trường được, nếu không thì chết, chả còn ở trần mà tiến hóa đến đích cuối nữa, thế thì phải ăn mặn, cho đến khi nào thích hợp thì ăn chay.

Tính xấu như nóng giận, nó là kém, biết là thế, nhưng do Trời sinh ra mình, có sao chiều nóng tính, khó sửa, thuộc về tính cách bẩm sinh - biết thế, nếu bỏ ngay, thì rất khó, vì phải nín nhịn, ậm ực, rồi tím lịm hận trong đầu, hoặc lại ra chặt phá cây cho hả giận... Vậy thì tạm chấp nhận nó, rồi sửa dần; lấy cái tốt, như tính cam chịu, chịu khó làm việc, tính chịu khổ... để bù lại, xâm chiếm tính nóng-vì cái tính chịu khó, vốn là do nín nhịn chịu đựng mà có, thế thì nhân nó lên, lấn sang cái tính nóng, sẽ có lúc chế được nóng...

Cái nhà đang xây, nhưng nếu ta vội giật cái cột xuống ngay, cái nhà sẽ sập lập tức, trong khi ta chưa thể xây ngay một lúc cái nhà mới được. Hoặc mọi việc khác cũng thế, như văn hóa, tín ngưỡng, kinh tế... Cái nào thấy chưa thể bỏ được, bỏ ngay sẽ gây hậu quả lớn, tệ hại, gây nghiệp lớn... thì phải xem nó là cần thiết tồn tại, từ từ rồi tính).

Phép này ứng dụng qui luật Âm-Dương cùng tồn tại các mặt, thống nhất các mặt mâu thuẫn).

6. Dừng

Lựa dừng cái thích hợp đó. Tức là cái mình cần, cái thấy cần thiết. Có thể cả tốt và xấu.

Nhưng theo qui luật, thì dừng cái tốt là đương nhiên; cái xấu có dừng, cũng chỉ là tạm thời. Ví dụ phân giao rất bận, nhưng cần dừng cho việc trồng cấy. Người cứng đầu, ta dừng vào việc cần sự mạnh mẽ, kiên trì, quyết đoán; tính nói nhiều, ta dừng vào việc nói nhiều... Biến cái xấu, thành cái tốt; hóa giải nó thành lực có lợi.

Dùng cái tốt-biến nó thành động lực, cái nhân sáng, để nhân lên, lấn át cái xấu đi.

(Phép này ứng dụng Luật Nhân quả, phản phục cái nào cần động, cái nào cần tịnh, cái nào cần lùi, bỏ, diệt, sửa. ..)

7. Kiên

Phải Kiên trì tiến bộ, hoàn thiện.

Khi mình đã xác định được biện pháp rồi, tức nhận thấy cái nào cần cho mình, để mình tiến hóa, thì dừng, dừng thì phải kiên trì, nhưng dừng để tiến hóa-chứ không phải để thụt lùi. Kiên trì sửa sai. Thường xuyên sám hối các tội, lỗi, yếu, hạn chế. Sám hối rồi, thì phải kiên trì-kiên tâm-kiên quyết sửa chữa; cứ như thế, không ngừng, cho đến khi hoàn thiện.

* Trong Kiên, sử dụng 8 phép nhỏ gọi là **Tám phép độ thân** là: **Tách - Chiếu - Nhẫn - Thái - Phải - Cải - Hòa - Công**.

- **Tách:** Bóc tách các nội dung, các phần của một sự vật, vấn đề ra, để mổ xẻ chúng. Trong các vấn đề lớn, sự vật, hiện tượng, tính cách, bệnh tật...thì bóc cho được nó ra cho thấy nội hàm của nó, có bóc nó ra, mới diệt được nó-đây không phải là lúc dung hòa nữa-đã qua giai đoạn dung hòa.
- **Chiếu:** Dùng cái sáng, cái hay, cái tốt, cái chung chiếu nó, biến hóa nó, làm biến dị nó đi, cho không là nó nữa. Dùng dư luận cải hóa nó-chiếu yêu-soi nó, để cải hóa, nhưng là chiếu sáng, bằng năng lượng cao hơn.
- **Nhẫn:** Là nhẫn nhịn, kiên nhẫn, nhẫn nại. Trong Kiên phải có Nhẫn. Nhẫn nại mà thực hành.
- **Thái:** Là thái bình. Trong mọi hành động, cho mình, cho người, lấy Thái bình-tức là an bình, an vui, hòa bình làm đầu tiên. Tức là không gây hậu quả xấu.
- **Phải:** Là Đường chân chính, đường đúng, biện pháp đúng-cứ theo đường này mà làm, thì không sợ lạc lối.
- **Cải:** Là cải tạo rõ ràng. Trên là Chiếu sáng, cũng đã là cải hóa rồi, nhưng có khi chưa thành việc, thành sự, thì Cải này phải thành sự, nghiêm túc, cho được, thành quả tốt rõ ràng.
- **Hòa:** Là Hòa đồng. Thành cái tốt rồi, đôi khi mắc vào việc kỳ thị, khinh miệt, hoặc đối đầu luôn với cái cũ, cái xấu, cái chống mình; cho nên lại gây ra Nghiệp tiếp. Vậy phải hòa đồng với tất cả-hòa đồng nhưng không đánh mất mình, hòa hợp nhưng không mất bản sắc riêng, hòa vui nhưng không sa vào huyễn loạn.
- **Công:** Là công quả, công trình. Làm gì cũng phải nghĩ đến công quả, công trình-tiến hóa chung, không vị tư ích kỷ mới là đắc phúc, đạo. Anh tiến hóa, tiến bộ rồi, tức anh đã có thể tiến hành phổ độ, mà anh không phổ độ, không chịu vị nhân, cống hiến, thì cũng chỉ được cho riêng anh thôi-tức là mới có Công phu, chưa có Công quả, Công trình.

(Phép này ứng dụng qui luật Nhân quả, Phản hồi, Phản lực-liên tục để chuyển hóa sự vật hiện tượng. Trong Kiên này, diễn ra vô cùng sinh động, đa dạng, lâu dài các quá trình, các giai đoạn, các hành động, các hệ quả...thành trụ-dị-hoại-diệt-sinh...theo nấc thang tiến hóa, hành hóa).

8. Tĩnh

Tĩnh là Tĩnh không.

Tìm cách Trung hòa chúng-tức là Cân bằng giá trị-năng lượng-nghiệp...Cân chúng với nhau lên, lấy cái nọ đắp-thâm nhập cái kia-xem còn chỗ nào mà không bù trừ cho nhau được, không xâm chiếm nhau được. Cái phần dôi ra-tức là Mâu thuẫn chưa thể hóa giải được. Lại tìm cách đưa chúng vào để trung hòa tiếp, cho đến hết, cân bằng thì thôi.

Tịnh lọc lại mọi việc, cho Tịnh - về Không. Thiền Tịnh. Việc này đắc An nhiên - Tự tại - Vô hại - Vô Nhiễm sự. Đắc Đạo.

*(Phép này cốt đưa mình về trạng thái trung tính, trung cung, **bỏ Huyền ngã, chấp ngã** hoàn toàn -trong tịnh thiền, luyện khí, phong thủy, hay bất cứ việc gì cũng thế-phải tìm cách đưa mình về trạng thái Trung tính-Trung hòa-Trung cung-Trung Phương tính trạng=Không. Nếu chưa làm được điều này, thì tất còn nghiêng lệch, mà nghiêng lệch, tất có nhân-quả-nghiệp, dù tốt-xấu. Ở trạng thái Trung Phương, thì mới đắc đạo cho mọi sự vật, hiện tượng, con người-vì đó là **Thượng đế Cung-Thượng đế Tính**).*

Trong mọi vấn đề nói chung của con người tại trần gian, đều phải ứng dụng và có thể ứng dụng rộng 8 Phép này ra cho muôn sự khác đều được.

PHẦN 3: THOÁT LUÂN HỒI SINH TỬ CỦA THIÊN ĐẠO

(Thực hành Thiên Pháp- phần Lý luận tu tâm tính)

(Cẩm nang-thuộc về Bạch Ngọc Thiên Đạo Pháp, Trung Phương Thiên Đạo Pháp- Tham khảo bổ sung vào phần Thiên Pháp này để hành giả rõ hơn)



1. Đọc và luyện Trung Phương Thiên Đạo Pháp, Bạch Ngọc Thiên Đạo Pháp để hiểu bản chất con đường về Trung tâm Vũ trụ.

Trung Phương Thiên Đạo Pháp, Bạch Ngọc Thiên Đạo Pháp là phương pháp độ của Thượng đế cho những linh hồn lựa chọn con đường về Thượng giới nhanh chóng nhất, khoa học hoàn toàn. *Và hoàn toàn có thể khuyến khích những Linh hồn chọn lựa cách trở về Tự giác-Nếu thấy cần thiết, để trở về Thượng giới, hoàn tất quá trình Luân hồi của mình.*

Nhưng lưu ý, các Linh căn cao cấp thệ nguyện xuống Trần lập đời Mới, kẻ nào cố tình trở về mà không có công quả, không khác đi chợ về tay không, xuống ruộng rồi về tay không với cái liềm, có khi mặt mũi lem nhem hơn xưa, tất bị phạt!

Bạch Ngọc Thiên Đạo Pháp là Pháp phần Thứ 6 của Huyền Pháp Thiên Đạo

(Thiên Pháp cấp 6-cùng với Thánh Đức Thiên Đạo Pháp là Pháp phần Thứ 5) độ rồi Linh hồn về Cựu vị quê hương.

Còn lại các học viên Thiên Pháp nhanh chóng tu đến trình độ Xuất hồn, hoặc thấp nhất phải khai xong Long Hỏa, xuất ý thiền sâu tại Sao 7, hoặc Đan điền để hòa nhập rung động Mật độ cao-đến cấp 7-8-9-thậm chí 12, để giữ nguyên bản mệnh và không bị sóng Vũ trụ-từ trường phá nát bản thể. Tức cũng là tỉnh táo hoàn toàn, trong khi người thường có thể bị hôn mê, ngất đi!

Tài liệu hoàn toàn miễn phí cho ai có duyên. Chỉ sử dụng để tham khảo cá nhân. Cấm sao chép, thay đổi nội dung, sử dụng để kiếm lợi nhuận dưới mọi hình thức. Mọi vấn đề liên quan xin gửi về ThienPhapDao@Gmail.Com, <http://AsTamLinh.BlogSpot.Com>, <http://ThienPhapDao.BlogSpot.Com>

2. Bản chất của Thoát Luân hồi

Bản chất của Luân hồi đã viết trong các phần Kinh.

Nói thêm: về Khoa học Lượng tử, đó là sự bu bám các trường năng lượng thể vĩa xung quanh Linh hồn gốc, cái năng lượng bu bám đó, thực chất là các hệ thống thông tin xấu, bao gồm các tư tưởng của mình, các mảng tư tưởng-vĩa của người khác-do mình thù hận, do người thù hận mình-vay-trả-nợ nhau qua bao đời, kiếp...nó làm *Lỗm hoặc Lỗi* cái phần Linh quang gốc của mình. Nhưng sâu sa hơn, là do các Linh hồn khi hạ mức rung động để thích ứng với mật độ đậm đặc của cõi Hồng trần này, đã bị “nhúng” vào mật độ thấp hơn, bị “đặc” lại-do cả việc đời sống ô trọc của cõi Hồng trần, khi Linh hồn mang xác phạm Hồng trần.

Thông qua các kiếp, tạo nghiệp, nghiệp là các trường thông tin lưu giữ trong không gian thể hình tư tưởng và giữ vào thể vĩa của linh hồn. Khi đầu thai trở lại, anh ta phải thích ứng với cái tần số cũng như cái gọi là Nghiệp quả-thực chất là sự Đồng thanh tương ứng-ứng với khớp hợp của mức năng lượng anh có, để tạo ra một Định lực năng lượng Vũ trụ được số hóa, theo qui luật phù hợp với cuộc đời của anh, đó chính là số phận.

Như vậy, việc cởi bỏ các trường năng lượng mật độ thấp bu bám quanh linh quang gốc, triệt để bỏ các nguyên lý thể vĩa và trường năng lượng tiêu cực do anh tạo ra trước đó-chính là các hình tư tưởng và tư tưởng của anh-đó chính là việc thoát khỏi qui luật Luân hồi.

Khi nào thì thoát Luân hồi? Khi linh hồn chỉ còn lại phần Linh quang gốc xưa kia. Làm thế nào để bỏ các phần rác bu xung quanh linh hồn gốc và rác của anh trong không gian?

Một là: Phải Thiền

Tác dụng thứ nhất của Thiền: Thiền tịnh, làm giảm sóng não để phá bỏ phiền muộn, đưa trạng thái tư tưởng - hay nói chính xác là mức rung động của linh hồn anh đến mức nhỏ nhất đối với thể xác-nhưng nó lại là mức rung động của nguyên tử linh hồn lên mức cao-tức sóng rung động cao hơn. Mục đích của Thiền cũng là giảm Nghiệp thôi-tức xả tâm trọc.

Tác dụng thứ hai của Thiền là do làm giảm rung động trọc, nâng rung động tinh, sóng não giảm đến mức Hạ âm-tức rung động của mức Nguyên tử-thì anh bắt đầu tiếp thu được các tín hiệu đồng thanh tương ứng với mật độ này-chính là sóng và mức năng lượng vi tế của cõi Vô hình-hay là Thế giới tâm linh.

Tác dụng thứ ba của Thiền là: Do tác dụng giảm rung động về sóng Hạ âm-thì đồng thời cũng làm hoạt hóa mức năng lượng vi tế của cơ thể xuống-Vĩ Linh hồn quyết định mức năng lượng này-tức làm cho hệ thống Tiên thiên khí-hay khí Nguyên năng gốc của cơ thể giảm xuống, mức rung động của các nguyên tử tế bào tăng lên, sẽ làm giảm bệnh tật. Đây chính là lý do là khi thiền, thì đã chữa được các loại bệnh, trong đó có cả bệnh ung thư. Tóm lại: Thiền sẽ

Tài liệu hoàn toàn miễn phí cho ai có duyên. Chỉ sử dụng để tham khảo cá nhân. Cấm sao chép, thay đổi nội dung, sử dụng để kiếm lợi nhuận dưới mọi hình thức. Mọi vấn đề liên quan xin gửi về ThienPhapDao@Gmail.Com, <http://AsTamLinh.BlogSpot.Com>, <http://ThienPhapDao.BlogSpot.Com>

làm giảm thể trọc của Linh hồn-hay làm giảm thể vía và cả thể phách của cơ thể.

Tác dụng thứ tư của Thiền chính là: Giải thoát. Vì tịnh tâm là xả bỏ, rồi tự giải khổ-tức giải thoát cho mình khỏi phiền não-địa ngục tâm trí và cuộc đời.

Tự trung về mặt tiến hóa - Giải thoát

Ấn Giáo khai trí thần thông, Thiền hòa nhập Đại bản thể, là pháp nền cho mọi pháp về sau, các Thánh nhân xuất chúng về Trời rất nhiều. Nhưng không hoàn toàn.

Phật giáo Nguyên thủy đạt đến trình độ Thiền này. Vô Ngã để hoàn Đại Ngã = Không. Nhưng không hoàn toàn.

Phật giáo Đại thừa phá chấp nhập đời, có sư giết chim ăn, uống rượu, tu thiền, vẫn đắc đạo-ấy là phá chấp mà hòa nhập đời-Nhưng không hoàn toàn.

Mật Tông cao hơn-nhập đời mà tu, luyện xuất hồn. Nhưng Mật Tông dùng chỉ chú, ấn tín tức dùng tha lực của cõi vô hình nhiều, lên bị động-không chủ động. Ngoài ra họ không xác định được Nguyên lý của Linh hồn, lên coi thường khái niệm Linh hồn-nên sai về cảnh giới, tức không về được Thượng giới cùng Cha. Nên không hoàn toàn.

Tiên đạo xuất hồn dạo chơi học hỏi, đã có nhiều vị về đến Thiên thượng.

Vô Vi pháp, khai nhãn pháp các loại...là để học hỏi. Phái Vô Vi cũng có khá nhiều người xuất hồn, nhưng đắc đạo Thiên Đạo thì ít. Nên không hoàn toàn.

Nhân Điện khai Luân xa là xong, thiền thì như đạo Phật, nên mức tiến hóa hòa nhập cao hơn Phật gia một chút. Nên không hoàn toàn.

Các tôn giáo Tây phương, chỉ cúng bái, đọc kinh, không thiền không công khí, không khai nhãn, thì giải thoát rất ít. Nên không hoàn toàn.

Về đạo đức nói chung, các pháp môn, tôn giáo tựu chung là khuyên răn con người làm lành, lánh ác, cải tà quy chính. Nhưng nguyên nhân về mặt xã hội-tức cái gốc của cái ác, thì không có Lý luận xã hội cởi bỏ nó. Đến nay Thiên Đạo là Vương đạo trị thế, Đạo trị Đời, mới hoàn toàn giải thoát về mặt xã hội. Xã hội quyết định cá nhân, nền tảng quyết định mọi thứ của nó-ấy là xã hội. Chính Pháp của chúng ta là Chính Pháp giải thoát!

Về tiến hóa linh hồn, thì các con đã biết, các Pháp phần Thiên Pháp và lời dạy đều độ cho các con về Chính Vị Thượng đế, có cách tu luyện để có phương tiện đi về tốt đẹp.

Hai là: Nâng cấp năng lượng của Linh hồn một cách tích cực

Ngoài thiền ra, còn một cách nữa là: Khai phóng các trung tâm năng lượng liên quan đến Linh hồn-đó chính là các Luân xa! Trục năng lượng gốc của Linh hồn nương tựa chính là Long hỏa. Cho nên khai Luân xa, Long hỏa-mặc

Tài liệu hoàn toàn miễn phí cho ai có duyên. Chỉ sử dụng để tham khảo cá nhân. Cấm sao chép, thay đổi nội dung, sử dụng để kiếm lợi nhuận dưới mọi hình thức. Mọi vấn đề liên quan xin gửi về ThienPhapDao@Gmail.Com, <http://AsTamLinh.BlogSpot.Com>, <http://ThienPhapDao.BlogSpot.Com>

nhiên đã làm Linh hồn tiến hóa, đến khi đưa Hồn tịnh lên đầu-Bách Hội-theo một số môn phái đó là nhập cảnh Trí của Linh hồn, tức hòa nhập Thượng đế. Tức rung động ở Luân xa 7 làm mức rung động thông với Đại Nguyên năng-nổi theo sợi dây bạc. Nói như thế mới đúng 50%, còn thiếu! Bên Thông Thiên, Mật Tông, rồi cả các pháp Phật gia có tu thiền-đều cho đến trình độ nhập tịnh tại Luân xa 7 rồi tan loãng hòa vào Vũ trụ-chính là Niết bàn. Ta nói đó là một cảm giác tâm lý, về năng lượng thì chưa thể đến Niết bàn-tức hồi về Thượng giới-nhập với Thượng đế hoàn toàn. Điều này là sự thật, vì sự thiếu sót cũng như trình độ nhận thức, tinh tấn, bí hiểm, rồi khoa học tâm linh hạn chế của các pháp môn tôn giáo trước kia.

Tại sao chưa về đến Thượng giới? Rất đơn giản-như Lý luận trong Thiên Kinh đã nói: Do mức năng lượng hay nói cho đúng là sự sạch của Linh hồn gốc.

Ba là: Tu đến trình độ xuất hồn (Ngươn thần) rồi, mà bay còn có trình độ cao hay thấp-bay đến cảnh giới - hay còn gọi là mật độ vật chất tầng nào, thì mãi sẽ về đến tầng đó. Bay đến Trung tâm Thiên hà, thì về đến Hội đồng Thiên hà, mới tạm gọi là thoát Luân hồi-nhưng chưa hoàn toàn! Bay đến Trung tâm Vũ trụ, về đến đó là hoàn toàn! Hết!

Bay lên cao, mà đau đầu, là anh có đến thể thô, mức năng lượng thấp, loại vía đen, như đã nói, sợ cả ánh sáng, sợ bão tố, sóng từ trường bậc cao-đó là ma quỷ cấp thấp. Cha có nói trong đạo Cao Đài là: Nếu Ngươn thần trọc, ăn mặn, thì bay lên cao, sẽ bị lằn sét đánh tan! Là ở lý đó.

Cho nên, về mặt kỹ thuật của thoát Luân hồi chính là làm mọi cách loại bỏ cái vía xấu bu bám mà thôi!

Tam hoa tụ đỉnh - Ngũ khí triều Ngươn, luyện Thánh thai, xuất Thánh thai (Ngươn thần) đắc vị ngôi Thần Thánh Tiên Phật-đó là cái Lý mà Cha đã dạy trong Đại thừa Chân kinh của Cao Đài đại đạo, hoàn toàn đúng.

Vấn đề cuối cùng là Pháp môn nào có cách dạy xuất Hồn siêu đẳng nhất, nhanh nhất, an toàn nhất và ngon lành nhất về đến Cha? Ngon lành là bay nhanh, không mỏi, không bị ách tắc, về một mạch! Xuyên qua Thiên hà, Hệ mặt trời, Vũ trụ, qua cả Lỗ đen, về Bạch Ngọc Thiên Đài-nơi Cha ngự.

Khi bay lên cao, các loại vía rác bị đánh tan hết, rơi rụng hết, tu đến cho nó rơi rụng tan loãng hết, thì về được với Cha! Với Thượng đế-không cần biết Thiệt-Ác-Chính-Tà. Vì Cha là như thế. Nhưng điều cần nhất là **Về đến Nhà!** Điều này có vẻ thực dụng một chút-nhưng rõ ràng, suy đến cùng, thì anh nào về từ cái chợ lấm lem, mà về được đỉnh cao hơn, là anh ấy tiến hóa hơn. Cho nên, đôi khi Ta thấy, có Bồ tát xuống trần, độ thiện, diệt ác đến tan tành ra-tức Ngài ấy cũng rất ác, với Thượng đế, thì ông ta đang diễn sân khấu thô, và về, cũng đã được đắc vị Phật! Nên nhớ-Phật-là một khái niệm thô nhè-tức là một đẳng đại giác ngộ.

Theo Ta được biết, đến giờ này, trên thế giới chưa có pháp tu nào đến trình độ đó, họ có học xuất hồn hoặc thông linh cùng Thượng đế-nhưng bản chất là

khai Nhân thần mà thôi, còn lại Huyền công siêu đẳng Tâm Linh tuyệt vời-tức Khai Hỏa Long, Luyện Nhân, chứng năng linh-thần thông-xuất hồn về đến Thiên Thượng - thì trong lịch sử Nhân loại chưa có Pháp tu nào như Thiên Pháp.

Đáng tự hào mà tin tưởng, thầy cùng vài vị học viên khác đã quán nhãn và xuất hồn về đến Cha rồi! Chúng ta có cái hay là dùng Thần lực bản mệnh hợp nhất với 7 trung tâm thần lực hay là trung tâm năng lượng của Vũ trụ-trùng với thân mạng chúng ta-chính là 7 ngôi Bắc đẩu-Luân xa Vũ trụ và chúng ta! Cho nên, biểu tượng **Thiên Linh Bắc đẩu Tinh phù** (Thiên Phù) là Một và là Đại Linh Ngã, Đại Khoa học, Đại Thần học cao diệu! Pháp chúng ta quán tưởng chính mình là Vũ trụ-Thượng đế. Chưa có Pháp nào quán tưởng cấp cảnh và Bản lai Diện mục chính xác cụ thể như chúng ta! Nên đến Bạch Ngọc Thiên Đạo Pháp, là phần độ cho các vị đã qua Thiên Pháp cấp 4-xuất được hồn, thì về rong chơi, thăm quê xưa-luyện Hoàn nguyên Hợp Nhất với Trung Phương Thiên Linh-tức đắc đạo hoàn toàn. Nên Bạch Ngọc Thiên Đạo Pháp là phần tinh túy nhất của Thiên Đạo.

Bốn là: Ban rải tình thương vô điều kiện cho muôn vật, con người. Vì năng lượng đó là năng lượng thanh khiết nhất của Trung cung-Thượng đế-cũng chính là năng lượng của linh hồn gốc của chúng ta. Khi chúng ta ban rải Huệ năng cho xung quanh, thì vừa là cải tạo tính trạng vật thể và các linh hồn xung quanh, vừa là cân bằng nghiệp xấu cũ của mình, vì mức năng lượng của mình sáng thanh hơn, đã đánh tan năng lượng cũ, đồng thời theo qui luật đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, khi mình nâng cao mình, thì năng lượng thấp không bu vào được nữa. Tức là Tôi đã khác, tôi không nhận cái cũ của tôi nữa! Đồng thời, tránh tạo thêm nghiệp ác.

Năm là: Phải Minh Triết

Không Minh Triết hoàn toàn không về hợp Một Hoàn toàn được. Vì Vật tại Tâm-Tâm tại Vật-Vật là Tâm-Tâm chính Vật! Tức Hồn là Vật, Vật là Hồn. Hồn mà chưa hoàn toàn giống như Đại hồn, thì sao về đứng chỗ được! Nó phải có cái Trí của Thượng đế, không thể Vô Minh được. Xuất hồn thì có nhiều kẻ may mắn học xuất chơí được, có nhiều rồi, nhưng không Luyện Đạo, không nhồi Trí, thì biết Thượng đế ở đâu mà về? Bay đến đó thì thấy gì mà biết? Biết mà không hiểu thì cũng thừa. Hiểu mà không biết thì chỉ là hiểu xuông! Cho nên phải học Lý, thực Hành, có Kiểm nghiệm, rồi mới đắc Giác ngộ hoàn toàn. Có nhiều kẻ huệ nhãn tự nhiên có, như vô số các bà đồng ông bói, mà nói về cõi Vô hình, Khoa học mù tịt, chỉ nói láo phẩn xằng, mê tín dị đoan nhảm nhí. Có nhiều kẻ dùng Huệ nhãn kiểm ăn, dùng thần thông ác hại người...đó là Quỷ, ma hoặc tà bất chính-không bay đến đâu được, có chăng bay dưới cõi Trung giới này mà thôi, sao có thể cao quý Minh Triết mà thoát Luân hồi, về Cự vị được.

Cộng chung: Thiên, giải thoát, có cả Chính Pháp xã hội-Khai Nhân-nâng mức Năng lượng-Linh năng thông linh-Xuất hồn cao cấp-Yêu thương tất cả-

Minh Triết hoàn toàn. 7 điều kiện cần và đủ. Đó là con đường về với Cha. Đó là Thiên Đạo.

Ghi chú hiểu và nhớ: Long Hỏa là Ta trong thể xác. Trâu Vàng là Ta trụ tại thế gian. Bạch Long là Ta trở về Trời. Thiên Phù là Ta hợp Một=Nhất=Thượng đế. Tượng Pháp của Thiên Pháp là Ta trong Trung cung bản thể (Đan điền)-cũng là Thượng đế tự thân. Biểu tượng Trâu Vàng (KIM NGŨU) là biểu tượng cho Thánh Đức.

Nói thêm cùng các con của Thượng đế

Luân hồi là tất yếu - nhưng là điều kiện để học hỏi. Với các bậc Thượng Linh, độ rồi cho một vài linh hồn hoặc cả tỷ linh hồn đột khởi siêu thoát, hoặc thoát luân hồi bằng phép lực của mình là không khó. Ta nhắc lại là không hề khó - nếu muốn. Nhưng bài học là cần thiết. Thầy Tổ phát nguyện được Thượng đế chứng nhận rằng: **Tất cả những kẻ tu học đến cấp 4 Thiên Pháp, dù nghiệp quả có thể còn vướng vất - nhưng sẽ được đặc thoát luân hồi - nhờ vào bản lực và giác ngộ, ngoài ra, được Chư Thiên, Thượng đế, Thầy...sẽ phát tâm phát phá nghiệp chướng để tất cả các hành giả này về đến Thiên Thượng!** Ngoài ra, những người luyện còn kém, do thể xác bệnh họa, nhưng tâm thiện, lòng thiện, sẽ được đặc cách trong Kỳ này!

Nay Ta tuyên cáo trước như thế. Ngẫm xem có sai không. Tất cả các linh hồn vong nhân của gia chủ hành giả, nếu muốn siêu thoát, dùng các như bài Siêu thoát, xem có được như ý không...Tha lực tuyệt đối của Thượng đế sẽ độ cho họ như ý. Nhưng tha lực quan trọng hơn cả, chính là tâm tư của hành giả. Trong tu luyện, quán ảnh Bắc Đẩu Thất tinh vào Tượng pháp, các hành giả khi bỏ xác, về đến Thiên Thượng. Dùng Thiên Phù trấn vào các nơi có yểm đảo, phá long mạch, hay có quỷ ma tà ác phá hại, đều được; dùng nơi có róp tai nạn, nơi có phá long mạch mà bị long thần, thành hoàng hành phạt-đều được các Ngài tha thứ; dùng siêu thoát cho vong hồn, linh hồn người thân, cứu huyền thất tổ...Người ốm, có sao sát...thì quán đánh Thiên Phù vào rồi niệm các vị Đại cổ Thiên Thần - cũng là Tổng hồn Bắc Đẩu cứu độ, nếu có lòng và nhất tâm thiện, sẽ được tốt hơn...

Ta cũng cảnh cáo tất cả những linh hồn phá báng, đều bị trừng phạt sau khi bỏ xác hoặc là vong hồn rồi, sẽ bị các Thánh, Thiên Binh Thiên Tướng bắt đưa đi trấn trị. Kỳ này Thượng đế sẽ dùng phép luật đặc trị để đưa Nhân loại tiến hóa, đã hết thời kỳ “không can thiệp” trong Ngân hà.

Vừa qua, những linh hồn có tên tuổi sau đã được Tam Tòa Thiên Đạo và Thiên Chủ (I-II') trấn trị, thậm chí suýt diệt, sau đó đưa đi giáo hóa rồi tha thứ: Linh hồn Bin Laden, Johnson, Nixon, Nguyễn Văn Thiệu, Đặng Tiểu Bình, Mao Trạch Đông, một số tướng Tàu. Đây chính là những linh hồn chống lại tiến hóa của Nhân loại. Họ đã có cả tỷ tuổi...thật thiệt thòi cho những linh hồn như thế, nếu không hiểu Luật Trời.

Những linh hồn sau đã vừa được cho đi làm Tổng Lãnh các Thiên hà và cụm thiên hà Mới: Ngọc Phật, Phật Thích Ca (*Hóa thân trên cao, còn Nguyên hồn chính đã theo Cha mà đầu thai ở Việt Nam*), nhiều tướng lãnh Việt, mới nhất là linh hồn Hugo Chavez. Họ sẽ tiến lên thành các Thượng Đế tương lai. Tất cả những linh hồn có công với Nhân loại, đã và sẽ được điểm đạo thăng công giao chức phận trong Vũ trụ sau 2012... Tất cả các bóng ảnh - hóa hình của Chúa Christ, Phật Thích Ca đã bị tróc và không còn được hóa bóng ở VN. Hội đồng Thiên Hội giao cho các Hội đồng Ánh sáng của Trái đất, Hội đồng Thiên hà, các hành tinh cao cấp phải chuyển hóa nhanh Trái Đất Mới, không cho chiến tranh thế giới xảy ra).

KẾT LUẬN PHẦN THOÁT LUÂN HỒI

Người giác ngộ Thiên Đạo, tu luyện Thiên Pháp, phải hiểu ý nghĩa của Thiên Phù - đó là hình ảnh Thượng đế cũng là hình ảnh Thượng đế tự thân, tự mình là Thượng đế, hợp cùng Vũ trụ-Thượng đế - thì mới gọi là Giác ngộ Chân Lý. Kính Thượng đế - tức là cũng phải Kính Minh! Tôn thờ Cha, thì mình phải thực hành tâm linh và tu luyện đến thành hiểu mình là Thượng đế! Chứ không cứ tưởng thờ Thượng đế, cúi lạy Thượng đế, rao giảng Đức tin, mà cuối cùng thì chả giác ngộ được là bao về Luật Vũ trụ-Về Đạo Trời-Về chính mình, không nhận ra mình là ai, đi đâu, về đâu, từ đâu đến...thì có thờ Thượng đế muôn năm cũng không thành đạo, không thoát được Luân hồi, mà có khi ác vẫn hoàn ác, ngày càng thụt lùi, đọa sâu vào hố vô minh hơn trong các kiếp!

Cái tự thân **Bản lai diện mục cổ** của mình vốn là thần thánh gốc rồi, đó là Thượng đế tính, hay Linh hồn gốc, nó là Một, chưa bao giờ phân tách khỏi Một-Vũ trụ-Nhân loại. Khi nhận thức được cái Một ấy, cùng sự liên hệ tất yếu cùng muôn loài, thì phải hiểu trong ta có tất cả, là tất cả, cùng tất cả, hợp tất cả và hòa, sống vì tất cả, thuộc về tất cả, như tất cả-ấy mới là Thượng đế. Cái đau của mình cũng như cái đau của người, của đất đai cây cỏ, Thượng đế vậy; mình sáng thì xã hội sáng, Thượng đế sáng, không gian sáng và ngược lại! Nếu mình động, thì Vũ trụ cũng động theo, mình là ác, thì đã tạo một **vi lượng ác** ném vào không gian **vô lượng hình ảnh**, và **năng lượng ác**, rồi đến lúc nào đó nó quật ngược lại khảo đảo mình. Và ngược lại!

Trong bản thân xác thân - linh hồn - đã là một Vũ trụ - Thượng đế thu nhỏ hoàn thiện tuyệt đối! Từ Linh hồn Vũ trụ và xác thân Vũ trụ, có trong mình cả-có đủ 9 tầng cảnh giới-ứng với các cấp Nguyên tử trên cơ thể. Ta có thể đi trong cơ thể chính mình-xuất hồn đi vào-bơi trong cơ thể mình-như máy bay bay trong bầu trời vậy! Trong chúng ta, khi đắc đạo thần thông, cảnh giới 9 Thiên đường của chính mình ngay trên Vùng Trên Sao 7-Nê Hoàn Cung-hay **Thiên Đường Thánh Nhân**. Trên Nê hoàn cung nổi thông theo cơ chế **Thông suốt-Trực đọc- Điểm Không-Đồng Khí Đồng Thanh với Thượng đế** - Thiên

Tài liệu hoàn toàn miễn phí cho ai có duyên. Chỉ sử dụng để tham khảo cá nhân. Cấm sao chép, thay đổi nội dung, sử dụng để kiếm lợi nhuận dưới mọi hình thức. Mọi vấn đề liên quan xin gửi về ThienPhapDao@Gmail.Com, <http://AsTamLinh.BlogSpot.Com>, <http://ThienPhapDao.BlogSpot.Com>

đình. Như thế, khi xuất được Ngươn thần hồn ra, thấy được Thiên Đường Thánh Nhân, là hiểu được Thượng đế, xuất lên cao dọc theo sợi dây bạc mà về với Cha, là về Thiên đình, vào được các cung là hiểu Cung đình Thiên Thượng, biết có Vua Trời, gặp được Cha, vào lõi Bạch Ngọc Cung - tức Trung tâm Vũ trụ - thì coi như Thoát luân hồi, khi mãn kiếp!

Với **Con đường Thoát Luân hồi** như trên là Hợp Định Luật tuần hoàn của Vũ trụ, con người tất yếu sẽ thoát được Luân hồi, sinh tử, hồi về Thượng giới, ngay hiện kiếp, hoặc rút nhanh, rút ngắn các nghiệp để ít luân hồi, nhanh về đến đích cuối.

Ngày 9/5/2011

(Ghi chú: Trên Thiên đình có Bộ sổ ghi tội, công quả, có Thánh và Cầu đo cân bằng Thiện ác - Nghiệp quả chung-Tất cả mọi hành vi, tư tưởng, thái độ...đều được lưu trữ trong trường trí nhớ vũ trụ, đồng thời Tam Giáo Tòa cũng ghi lại trong bộ sổ. Nên thoát luân hồi hay đắc đạo...về được nơi cũ đã xuống, hoặc được thăng lên, đi làm quan cao chức lớn, phận cao, tầng cảnh cao hơn hay không, là phụ thuộc hoàn toàn vào việc tu luyện, cống hiến của các Linh căn đầu thai xuống trần và các linh hồn đã xuống trần làm người. Hiện nay các Á căn đã về đầy đủ...nhưng còn nhiều Linh căn cũ xuống trần chưa về được; còn những Linh căn cao cấp tiếp tục xuống trần cứu thế xây đời tiếp theo, sau này...sẽ tu Thiên Đạo mà về Trời cho đủ đầy. Nay Ta nhắc các vị nghiên cứu học cho tốt, tu Thiên Pháp cấp 4 hàng ngày sẽ được đặc cách, còn các phần Pháp sau này sẽ tính sau cho các hành giả siêu phàm...)

LỜI DẶN THÊM

Tạm thời, trao truyền các phần Thiên Pháp này, coi như là phần tu Yoga đặc biệt, cùng việc quán tưởng Linh ảnh của Thượng đế theo Phép Luật Mới của Thiên Đình. Các bộ môn huyền thuật hoặc Yoga khác, thường có quán tưởng ảnh của Thầy tổ hoặc linh ảnh như Mandala của Mật Tông, nay Thiên Pháp quán ảnh linh ảnh các trung tâm thần lực Vũ trụ của Thượng đế cũng chính là Bắc Đẩu Thất tinh-trung tâm Vũ trụ-đây là *vùng không gian và thời gian thiên văn*-Vũ trụ-được coi là trung tâm Vũ trụ để sang cấp cao hơn, hành giả sẽ được hướng dẫn về đến Thiên đình-nơi có Vua Cha Thượng đế-đại tổ càn khôn Vũ trụ này và Mẫu Vương ngự chính vị. Trong phần Hướng dẫn Sử dụng Linh Phù đặc biệt đã khởi tỏ một chút về phép siêu đẳng này rồi.

Nay trao truyền các phần đơn giản trước này, Pháp môn còn có các phần Thiên Pháp cấp cao, những phần lý thuyết khổng lồ gần ngàn trang khác nữa, gồm các phần lý thuyết giải thích bí mật Vũ trụ, nguyên lý Vũ trụ, vật lý, thiên văn, y học, phong thủy mới; lý học mới, các lý về tiến hóa nhân loại Mới...Nếu các hành giả nhất tâm tu học, tiến bộ, sẽ liên lạc với Pháp môn, chúng tôi sẽ trao truyền cho về sau.

Chú ý giúp người khác tu luyện, tiếp cận học Thiên Pháp là căn công quả về sau, luôn được Thiên đình chứng công.

Chúc các bạn tinh tấn, tiến hóa vượt bậc, giữ **TÂM THIỀN, LÀM VIỆC THIỀN.**

THỐNG NHẤT HUYỀN THUẬT

THIÊN ĐẠO ĐẠI PHÁP TÂM CÔNG

THỐNG NHẤT HUYỀN THUẬT CỦA LOÀI NGƯỜI

CƠ SỞ LÝ LUẬN:

1. Chỉ có một Thượng đế, một Thiên đình-tức Thần học bất yếu vĩnh viễn không thay đổi – hay Đạo Pháp không đổi.
2. Thân thể con người, với cấu tạo chung như nhau, có 12 kinh chính và 2 vòng Nhâm Đốc-một huệ nhãn - các tạng phủ. Không thay đổi. Con người là một Tiểu Vũ trụ trong Vũ trụ, nên thống nhất với Vũ trụ.
3. Các pháp tu luyện huyền thuật của Đạo Lão- Đạo Giáo- Ấn Giáo- Đạo Phật- Các pháp môn khí công, yoga....từ xưa đến nay đều có các nội dung chung: Khai thông các kinh, hỏa xà (long hỏa) luyện nội, ngoại công, thiền công, rồi xuất hồn vía (nguyên thần, chân thần...) để tu luyện thần thông siêu đẳng, mục đích cuối cùng là đạt Giác ngộ-siêu thoát-hợp nhất tâm linh, tâm thể với vũ trụ.

Các thủ thuật về khoa học huyền bí đến nay đã sáng tỏ, ứng dụng không có gì là huyền bí nữa. Thiên giới độ chung cho mọi pháp môn trong huyền môn.

4. Chỉ có một đạo Trời - Định luật Vũ trụ - các tôn giáo là các cách để tu luyện đạt Chân Lý tối thượng.
5. Khoa học tâm linh hiện đại dẫn đường cho nhân loại tiến hóa tiếp. Cần thống nhất huyền thuật, mới có thể thống nhất tôn giáo...
6. Huyền thuật Thiên Đạo tổng hợp tinh hoa và bao gồm các nội dung chung nhất-phổ quát nhất của huyền thuật các pháp môn khác .
7. Chỉ lệnh - Vương lệnh Thiên Đạo là Thượng lệnh của Vua Cha Thượng đế.

Như thế gọi là Vạn pháp qui tôn - Vạn phép qui thiện. Là con đường tất yếu của Thánh Đức.

THIÊN PHÁP LÀ PHÁP TU CƠ BẢN, QUAN TRỌNG NHẤT CỦA LOÀI NGƯỜI MỚI ĐỂ TRỞ THÀNH THƯỢNG ĐẾ TƯƠNG LAI, QUI NGUYÊN, HỢP NHẤT VÀ HỒI VỊ VỀ TRUNG TÂM VŨ TRỤ

BA NGUYÊN LÝ XÂY DỰNG NỀN ĐẠO ĐỨC TOÀN NHÂN LOẠI ĐI LÊN ĐẠI ĐỒNG

1. Công nhận và phân đấu theo Chân lý cuối cùng của Thượng đế
(Tức là lý tưởng xây dựng Thiên đường Hạ giới để tiến lên Thiên đường Thượng giới)
2. Đoàn kết, giúp nhau tiến bộ vì mục tiêu cuối cùng.
3. Thiểu số phục tùng đa số, nước giàu, người giàu tôn trọng và giúp đỡ nước nghèo, người nghèo. Không phân biệt, không kỳ thị dân tộc, tôn giáo, văn hoá, trình độ văn minh.

MƯỜI NGUYÊN LÝ ĐỂ XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÁ NHÂN

1. Không tham mọi thứ quá duyên nghiệp mình được hưởng.
2. Đức năng thắng số. Tích cực tìm cách cải sửa số mệnh theo hướng tiến bộ.
3. Luôn nghĩ tới Chân Lý và ánh sáng của Thượng đế.
4. Giản dị hoá, tâm sáng, công bình trong giải quyết mọi vấn đề của cuộc sống.
5. Phần đấu có đóng góp cho xã hội, cộng đồng, loài người.
6. Vun đắp tổ ấm gia đình, dòng tộc, làng xóm.
7. Luôn nghĩ ngày về với Thượng đế, cùng hành trang nhân quả của mình.
8. Luôn nghĩ rằng có kiếp sau với duyên nghiệp của kiếp này.
9. Luôn nghĩ mình bất tử. Linh hồn bất tử. Mỗi chúng ta đều là con của Thượng đế, là anh em bằng hữu cùng Cha Mẹ sinh ra. Phải yêu thương con người, trân trọng con người, dù là ai, ở bậc tiến hoá nào.

CON ĐƯỜNG TU TẬP VÀ GIÁC NGỘ CHÂN LÝ

Thấu Đạo Pháp, theo Chính Pháp và sau đó tu luyện Huyền Pháp

Nay có nhiều tôn giáo, pháp môn tu luyện khác nhau; để thành chính giác có hàng ngàn pháp khác nhau. Nhưng nay có nhiều pháp-tôn giáo suy mạt chính pháp, nên ảnh hưởng đến tu luyện giác ngộ; nếu có được, thì cũng chỉ cho riêng bản thân của họ, không cứu độ được nhiều người-không mang tính toàn thể.

Phật tổ có nói: *Thời mạt, tu sỹ độ mình đã khó, nói chi đến độ người.*

Nhiều pháp môn khác, học thần thông, nhưng không học được đạo Trời.

Nay Pháp của Ta, thấu Đạo Pháp, theo Chính Pháp, mới tu Huyền Pháp có ích, thấu cái lý tướng mà phần đầu, vì cái lý tướng mà tự giác đi theo, tu luyện chứ không trọng thần thông quảng đại cho riêng mình-ích kỷ.

Không tham nhiều đệ tử hào ứng đối thời mạt thế, không cần ca tụng pháp chủ, không cần nhiều lời quảng bá. Ta cần học trò tinh Đạo Pháp, thông-theo Chính Pháp và đạt Huyền Pháp-lúc ấy mới cho người ta gọi chính ngôi mình là thầy. Mà gọi hay không gọi không quan trọng, bởi sợ nhất là bị thần thánh hóa, bị thần tượng hóa, thế thì khổ lắm, vì Đạo trong từng người, chưa kính trọng bản thân thì sao kính trọng được ai, trên thì kính Trời-dưới thì kính mình, rồi mới kính được thiên hạ. Kính mình là thế nào? Mình là một tiểu hồn trong đại hồn, là một nhân linh đã qua bao kiếp, kiếp này phải đạt ngộ hơn kiếp trước, phải là người tốt, tuân theo Đạo Trời mà sống, ấy mới là kính mình. Kính cha mẹ trần là kính trời đất. Nhưng nếu cha mẹ trần mà lỗi đạo, không kính Trời-Cha-cũng là cha của họ thì ta kính Trời, rồi luân theo lý Trời mà cảm hóa lại họ. Và ai cũng thế.

Còn học Pháp, cốt lấy thần thông thôi, không theo Chính Pháp-Ta không cho đó là học trò, vì họ có theo Ta đâu, học thần thông thì khí công, nhân điện, Phật giáo, Ấn giáo...cũng dạy thần thông. Học thần thông, mà dùng vào mục đích xấu, thì tai họa khôn lường. Thần thông phải quảng đại. Thời sắp đến, thời mới của loài người, quảng đại là xây đời Đại Đồng, chứ không nói lắm, giảng nhiều, đọc kinh cho rất cổ, cũng bái linh đình, hiểu nhiều biết lắm, lắm khoa học nhưng thô thiển, học cho lắm nhưng ứng dụng vô công...thì cũng phí một đời, chưa nói đến chuyện vinh thân phì gia, không giúp gì được cho ai.

Vả lại pháp của ta dành cho Thánh Đức hàng vạn năm, cần chi vội trong cái thời mạt này. Nếu Phật tổ hay Chúa Jesus có sống lại thời nay, thì cũng có vô khối kẻ muốn giết như xưa, nhưng theo cách tàn bạo và đố kỵ hơn trăm lần.

Sau này, Chính pháp được phổ, được tôn trọng, muốn kính Ta thì cứ dựng Thiên phù lên, có nghĩa là Ta đã theo Cha mà được các vị kính trọng vậy. Chớ thờ Ta, mà phải thờ Thượng đế. Muôn năm phải thế.

Nên cần nhất của người theo Thiên Đạo là: Yêu thương con người, phải thật sự yêu thương nhau mới là chính nghĩa. Yêu thương nhân loại cần lao đau khổ; không tham tiền tài, nhưng không khinh vật chất, lấy đạo đời hợp nhất, cần cù lao động, làm ăn để xây dựng cuộc sống no ấm, bình an, tu tại gia, đạo tại tâm, lấy thiện tính làm căn bản gốc rễ của pháp, thực hiện cứu khổ ban vui bằng chính pháp, chứ không bằng cái việc bắt tà ma, chữa bệnh đơn thuần; không theo chủ nghĩa và lối tu khổ hạnh, diệt dục, mà sống hài hòa theo qui luật tự nhiên, tuân theo định luật vũ trụ. Đó là con đường cùng trở về của loài người thời Thánh Đức.

Không mê tín, vì có **khoa học tâm linh chân chính dẫn đường**, không cực đoan, bảo thủ, vì ánh sáng của Cao Minh Thượng Đế soi sáng; không tranh dành lợi danh, uy tín đạo pháp, vì đạo chính không sợ cô đơn, không yếu sức sống; không xa rời cuộc sống, không phân ranh giới với người khác, không xung tụng, vì Đạo Trời trong từng con người, ai cũng có Thượng đế ở trong bản thể của mình, ai cầu đạo, thì cầu chính mình, tôn trọng mình và tôn trọng chúng sinh mới là tôn trọng Thượng đế; chứ theo đạo, mà gây chiến tranh, bóc lột giết hại chúng sinh, tất là hắc đạo hoặc mượn danh Thượng đế làm càn. Ai cũng là con Cha con Mẹ, không có Thượng đế của riêng ai hết. Tất cả mọi tranh đấu, phải trên cơ sở nhân đạo, lấy giáo hóa, thuyết phục trước, sau mới dùng bạo lực, nhưng là bạo lực của cái thiện, quá đi một chút, cực đoan một chút, ngu xuẩn đi mọ một chút, tất thành ác, tai họa khôn lường. Ta có nói sơ nhất là vô minh.

Luyện Huyền Pháp, cần nhất là thái độ chân thành cầu đạo giác ngộ, không ham đạt thần thông ngay. Muốn đạt thần thông ngay, hãy đi học nhân điện, hay cảm xạ...

Khi thấu Đạo Pháp, Chính Pháp, tự nhiên anh đã hòa với tư tưởng của Thượng đế và Vũ trụ, thấu lẽ tất yếu của tự nhiên, thì khi đó tu tập mới hòa cái tự nhiên bản thể của mình và cái tự nhiên bản thể của Vũ trụ-nghĩa là ta hòa với Vũ trụ là Một.

Ta viết sách, 9 bộ cơ bản xong, mới được Cha khai nhãn, sau khi khai nhãn, mới tu luyện khí để chữa bệnh; còn bắt tà ma, trước khi khai nhãn đúng 12 ngày, Cha dạy 32 phép huyền thuật, khai nhãn xong, bắt tà ngay....

Như vậy, Ta thấu lý Trời trước, mới thấu Huyền Pháp sau; nay dạy học trò, thì cũng thế. Nhưng học trò có cái may, là có Ta là người trần chỉ dạy trực tiếp, truyền kinh nghiệm, và khác Ta trong học huyền môn, là phải tu tập thiền trước công sau, công rồi mới đến nhãn, còn Ta ngược lại.

Tại sao phải thế, vì bản mệnh Ta được bề trên chuẩn bị, bảo vệ, không sợ tẩu hỏa nhập ma, còn các học trò, nếu không luyện từ cái gốc, thì ắt mang họa.

Khai luân xa-kết hợp thiền trong mọi động tác cuối, mọi bài công pháp đều tích công năng; khai nhãn đồng thời với học huyền pháp tâm linh, thành siêu đẳng, khai nhãn xong còn tu luyện cao cấp khác, như Cao Minh Công, Cửu Long huyền công, huyền thuật-cho đến khi thành nhà ngoại cảm siêu đẳng...Đạt trình độ cứu độ-đạt khả năng giác ngộ cao độ-thấu cái lý thuyết-học thuyết của thầy bằng năng lực thần thông; lại thấy đạo đời hợp nhất; thấu đạo thì ra sức dạy bảo cho người khác thành đạo tại thế, không cần vào chùa, không cần lên núi tu tiên, không xa rời các nguyên lý cuộc sống và cải tạo xã hội, theo lý tưởng hiện thực cao đẹp.

Đạo Pháp, Huyền Pháp là rất chung cho mọi pháp môn khí công hay huyền thuật khác, vì tựu chung, con người chỉ có Nhâm Đốc kinh và 12 đường kinh chính, 7

Luân xa, một huệ nhãn-một Hạ giới và một quê hương để trở về là Thượng giới.

Một người chính vị sinh ra chúng ta là Thượng đế.

Mọi pháp tu từ xưa đến nay cũng chỉ xoay quanh những điều đó, chỉ hơi khác về phương pháp và mục đích mà thành các môn phái, tôn giáo khác nhau mà thôi. Nay Thiên Đạo ra đời, cũng là đỉnh cao, cũng là kế thừa tinh hoa nhân loại, không khác được, nhưng tính tổng hợp và tính hợp lý, theo qui luật được xác lập trên cơ sở Luật Thiên đình qui định; xét về nội dung, bao trùm được các pháp khác. Muốn hợp nhất nhân loại, Ta nhắc lại: Phải có Đạo Pháp chung, Chính Pháp tiến bộ-xây đời tại thế và Huyền Pháp siêu đẳng, có cả khí công-huyền thuật và tâm công.

GIÁC NGỘ SIÊU THOÁT VÀ ĐỈNH NGỘ NHẬP THỂ

I-GIÁC NGỘ SIÊU THOÁT

Chúng ta từng nghe nhiều lần khái niệm giác ngộ, siêu thoát khi Ta nói, của các tôn giáo, các kinh sách của loài người hàng vạn năm qua. Vậy siêu thoát, giác ngộ là thế nào?

Theo quan niệm của bản tôn Ta, có nhiều cấp giác ngộ, siêu thoát.

Giác ngộ thấp:

Khái niệm giác ngộ: Là khả năng nhận thức và trình độ học tập, tu luyện đến mức nhận ra Chân Lý Vũ trụ (Chân lý Tuyệt đối) và Chân Lý bản ngã (Chân lý tương đối). Trong đó, Chân lý Tuyệt đối là: Nhận thức và hiểu biết toàn diện về qui luật, định luật Vũ trụ như kinh sách Thiên Đạo, nhận thức sâu sắc về Vua Cha Thượng đế vĩ đại, luật Luân hồi, Nhân quả, Ba qui luật hợp nhất thành Đạo Trời. Thấy mình là một phần tử nhỏ bé, tất yếu và bất tử của Vũ trụ. Là tiểu ngã trong đại ngã, tiểu hồn trong đại hồn, là tiểu Thượng đế trong Thượng đế, trong ta đã có Cha, là một phần của Cha...Giác ngộ rằng: Không ai chết cả, chỉ luân hồi theo luật luân hồi nhân quả, mọi vật chất khác cũng thế.

Muốn tiến hoá về hợp nhất với Cha, tức không còn luân hồi, hay thành chính giác cao, thì phải tu luyện cá nhân và cải tạo xã hội, sống hoà đồng với nhân loại, là Một, Vũ trụ là Một, nhân loại là Một. Từ đó loại bỏ bản ngã ích kỷ, kiến tính riêng xấu, để sống vì mọi người, không ham giải thoát lánh đời, mà cùng tu luyện cứu vớt giúp đỡ người khác, cải tạo xã hội thành tốt đẹp an lạc-đó là cách tốt nhất để cứu vớt, cứu độ nhiều người nhất.

Chân lý bản ngã (Chân lý tương đối): Thấy mình là một thực thể của Vũ trụ, xã hội, có bản ngã riêng, giao hoà trong bản ngã chung (Thượng đế)-dù có về hợp với Cha-tức Niết bàn-Thiên đường-thì cũng vẫn có cá tính riêng, chứ không tan rã hay thành hư vô. Ta là ta, chứ không phải là ai khác; kể cả khi linh hồn bỏ xác, thì cũng mang một bản ngã riêng, có đẳng cấp khác nhau.

Từ đó có phương pháp tu luyện, phấn đấu cho nghiêm, có tài năng riêng, có mưu cầu hạnh phúc riêng, tình yêu, nghĩa vụ, số phận riêng trong xã hội. Tìm và xây hạnh phúc trong hạnh phúc chung.

Đây là giai đoạn giác ngộ thấp của người Thiên Đạo, nhưng đạt được giác ngộ này, phải có tinh thần tu luyện đạo đức và tự giáo dục ghê gớm; học tập, nghiên cứu kinh sách nhiều và tu luyện Thiên Pháp tốt, làm đủ 9 điều Không phạm mới thấy được những điều Ta nói.

Siêu thoát bậc thấp: Sau khi thấu ngộ, giác ngộ, thì nảy sinh nhận thức và tình cảm không ham muốn gì nhiều, ít ra là cho bản thân mình; sợ tranh danh bon chen, ăn nhiều thì nhanh già, nhanh chết, luyện khí càng khó, thêm bệnh; tham danh ô lại, đấu đá buôn bán...chỉ thêm mệt mỏi, tất cả chỉ là bèo bọt mây chớp ở đời, vì linh hồn bất tử, phải trả quả, thế thì sao phải sống gấp,

tranh dành để sống để mắc nghiệp. Và vấn đề là chúng ta xuống thế đầu thai kiếp này là gì? Mục đích gì? Đó là học hỏi, tầm đạo để tu luyện, để tiến hoá cao, kiếp này đắc đạo là cái tốt, nếu không thì cũng chớ sa vào đường tà ác, sau bị đoạ đầy...

Đời như một giọt nước bay trong không gian và thời gian rất ngắn, trong khi chúng ta từng làm người qua bao kiếp số, chỉ sợ không tầm được sư, học được chính đạo, hoặc lỗi Đạo, muộn, để mất cơ hội tu luyện, kiếp sau lại đoạ trần mà học lại...Đặc biệt, không tu luyện tốt, khi mãn kiếp, linh hồn cấp thấp bị đoạ đầy đau khổ thế nào!

Hiểu và nhận thức được như thế, là đã giác ngộ, sẽ sợ làm ác, giữ mình mà lánh các việc bất thiện; sau nữa, nếu được tu luyện đắc thần thông thì thành Chính giác cao. Không đắc thần thông tại thế, tất không thành chính giác cao-trừ một số người đã có sẵn nhân duyên và thiện huệ từ trước.

Từ đó thấy vui vẻ yêu đời, yêu quý mọi người, thương người, thương cả cái kiếp số của mình, thương kẻ nghèo khổ, không khinh người nghèo khổ, hư dốt, thậm chí thương cả kẻ thù của mình, vì họ vô minh, họ bị khổ vì hại ta, họ sẽ bị đoạ, giống như kẻ mù quáng, không biết đường đi...

Mình tự hào là bất tử, không sợ chết, không tham sống, tham mọi sự; đặc biệt không cần phải hờn giận, khổ đau lâu, tiếc nuối quá cái gì quá, vì không có cái gì mất hết cả, chỉ là sự chuyển hoá mà thôi; không khát thèm thái quá cái gì cho riêng mình, không dẫm đạp lên người khác để sống

Giác ngộ và siêu thoát bậc cao:

Lẽ ra vấn đề này Ta để cho học trò tự tu luyện rồi chứng ngộ, nhưng Ta nói ra để các vị biết đường mà tu cho tốt và tin tưởng ở con đường giác ngộ Chân lý. Nhưng Ta cấm học trò không khoe khoang với ai về việc đã thấy gì, được gì; phải tự mình tu, rồi cảm nhận, cảm kiêu căng.

Giác ngộ và siêu thoát cao cấp tại thế **chỉ bằng cách tu luyện Huyền pháp-khai mở năng linh mới thấu được**. Khi khai huệ nhân, biết xuất thần, xuất hồn-via lên cao, nhìn thấy mọi sự, thấu sự đời, soi lại lương tâm bản thể, sẽ sinh cảm giác như sau:

- Tất cả kinh sách của các tôn giáo, hay Pháp chúng ta trở lên thừa thừa, không cần thiết nữa hoặc không cần đọc nữa, nó chỉ là cái cần thiết nền tảng ban đầu cho việc tu tập mà thôi. Khi “bay” lên tận thiên hà xa xôi, thấy được Vũ trụ, thấy trái đất nhỏ bé đến vô hình, ta hòa nhập, chu du và hòa vào cái tĩnh lặng, tuyệt đối rộng lớn, toàn hợp với Vũ trụ-là **Một** - nhưng vẫn có trí tuệ riêng, có cảm giác ta mất cái tôi bản ngã riêng, cái tôi đó là cái tôi trong bản ngã chung của Vũ trụ, nhưng ta vẫn tồn tại, không mất cái riêng, vì mình vẫn còn ý thức. Lúc đó ta biết chắc rằng: Khi ta bỏ xác trần, thì ta như thế này, linh hồn ta bất tử, với khả năng thần thông thế này...Ta có ý chí riêng-là cá thể rất nhỏ trong mệnh mông-hòa hẳn vào mệnh mông của Tạo hóa. Ta là ta, cũng không phải là ta nữa. Ta nhìn rõ xác trần của ta-nó sẽ là cái áo ta sẽ cởi ra khi mãn kiếp. Ta có thể thấy các

vong hồn, thần thánh, thậm chí được may mắn nhìn thấy Vua Cha vĩ đại, mới thấy cõi vô hình vĩ đại. Ta thấy mình có một sứ mệnh trong vũ trụ. Và chúng ta thấy, các qui luật cùng kinh sách thầy viết đúng như thế-nay trở lên thừa, vì đã thấu Đạo, giác ngộ hoàn toàn-đây là giác ngộ cao cấp.

Hóa ra, qui luật Vũ trụ vĩ đại thật, mọi sự sinh sinh hóa hóa, thoát đến thoát đi, luân hồi vô biên, biến ảo vô cùng; thấy rằng, sự thực là tất cả các đạo giáo cùng một gốc, cùng là dạy con người trở lên toàn giác đến thể này, tôn giáo không phải là cứu cánh cho con người, mà là cách, phương tiện để giúp con người đạt giác ngộ, thấy kính trọng các minh sư, thần thánh tiên Phật đi trước chúng ta. Mọi kinh sách, cái pháp...đều là hình tướng, nhưng không có pháp, không có huyền pháp, thì người tu hành thường tu không đạt đạo. Biết rằng: Trái đất, thân xác người...là thể vật chất đậm đặc nhất, ô trọc nhất, linh hồn bất tử, và khi xuất hồn thấy rõ thể vía đen, xấu hôi trọc, hay trong sáng thanh cao là do **tâm-tu xác-luyện** (mỗi tâm tu không đủ đắc Đạo, hay mỗi luyện xác không đủ đắc Đạo, mà phải tâm tu, xác luyện; còn tu hành không tâm tu, xác luyện tất không thành Đạo, dù có vào chùa, hay lên núi tu tiên cũng thế thôi), mới thấy tại sao phải ăn chay, thanh lọc cơ thể mới đắc pháp (chứ không phải cố tình ăn chay-chỉ là hình tướng). Chúng ta sẽ thấy, cái chợ đời hỗn tạp đáng thương (đáng thương chứ không đáng ghét), ta trung dung ngồi trên cái chợ đó, lặng ngắm quan sát, tách mình ra, thấy thanh thản vô biên, thương và sợ thói tham tàn và mọi trò đời đen bạc khác, vì nó vô nghĩa hoàn toàn với ta lúc này, ta không thiện, không ác, không tức, không ghen, không cần và không cần ai khen ngợi, không cần danh nổi, chẳng ghét kẻ ghét mình, nghe lời chê không ghét, nghe lời khen không mừng; đường còn dài lắm, đắc ngộ mới chỉ là bước đệm để thực hành Đạo mà thôi; sống bình thản và công bình đánh giá mọi sự một cách minh triết nhất, không có nghiêng lệch; ta thấy không cần gì cả, ta sợ cả sự ràng buộc của thế gian-thấy sự an lạc vĩnh cửu-hay đây chính là trạng thái Niết bàn của Đạo Phật, hay siêu thoát cao độ-tất nhiên là hoàn toàn không sợ phải chết nữa. Sợ sát sinh, vì thấy mọi vật đều có linh hồn; sợ làm bẩn hồng trần và xác thể mình...

Đây là trạng thái giác ngộ cao nhất, siêu thoát cao nhất, ứng với trình độ tu luyện cao cấp, gọi đó là thành Đạo. "**Thành Đạo**" chung cho mọi tôn giáo, mọi tu sỹ, đạo sỹ, nhà tu hành...

Nếu mãn kiếp, người tu đến bậc này sẽ thăng lên các cảnh giới rất cao, cũng chay hoàn toàn; các tín hữu biết mình sẽ đến đâu rồi...

II- ĐỈNH NGỘ NHẬP THỂ:

Thiên Đạo của chúng ta Đạo đời song tu, không bỏ tục trần, lánh đời hưởng lạc thú an lạc, mà phải nhập thể xây đời bằng Chính Pháp, thì sau khi chúng ta đạt trạng thái cao quý này rồi, vẫn phải quay về thực tế cuộc sống để sống trong một đời sống chung sinh với đủ thói tật hàng ngày. Chúng ta lại có gia đình, chồng vợ, con cái, lo ăn mặc lao động sản xuất; chống cái ác trong lòng, cái ác ngoài đời...

Vậy phải làm thế nào? Thánh Đức thần tiên tại thế là thế nào? Hay là lên núi tu tiên, vào chùa tu hành? Không được, vì Chính pháp. Vậy chúng ta phải Đỉnh ngộ nhập thế.

Đỉnh ngộ là thế nào? Là Đỉnh đặc giác ngộ, tức là đỉnh đặc tâm trí, nhận rõ ranh giới, giá trị của Pháp, của đường tu luyện bản thân, hòa đồng cùng đời sống, nhưng không vào hòa, lặn ngụp trong đó với mọi thói đời thường tình; nhưng thật giản dị, chân thành trong cuộc sống, chứ không kiêu hợm **cá thể**, đỉnh ngộ rất quan trọng; nhiều người thiền tu rồi, vì thiếu ngộ, thành ra khinh đời, khinh kẻ bần tiện, hóa thành hăm hăm, thích giảng đạo, thích triết lý vụn vặt, nói đến cái cao siêu, khi chân mình còn lấm đất, chưa thoát được tục giới.

Thấy cái gì cũng không như ý mình, thành ra khó chịu với mọi thứ, muốn thoát tục cho nhanh. Lại nữa, có người khi giác ngộ rồi, nhưng sau một thời gian, không giữ được lòng thanh, có tham luyến mọi thứ tạp bậy, danh vọng, thậm chí có kẻ dùng huyền thuật thần thông làm việc bất chính, hại người thiện, tất đoạ sang đường tà.

Ranh giới thiện ác, chính tà phải xác định cho thật rõ: Càng đặc đạo cao thâm, càng ít lời, càng ít nóng giận, càng ít phạm thói; không tranh biện đông dài; cấm tranh biện và triết luận, khoe ngộ năng linh; trở tài huyền thuật. Yêu thương con người, sống vì mọi người, không tham mọi sự, không khinh thường cuộc sống trần ai, mà cải hoán nó-vì nó là trường học, cái nôi muôn đời, sao bỏ nó được. Đó là thiện, còn ngược lại là tà. Ta cấm các đệ tử bỏ đời, ham thoát tục; mà giải thoát bằng cách tâm tu hằng ngày, bằng cách thiền công, rồi giữ mình trong cuộc sống; gắng làm mọi việc có ích nhất cho mình, gia đình và cộng đồng một cách chân chính. Ta nhắc lại: Đặc ngộ-giải thoát chỉ là bước đệm thành công để hành đạo-tức là thực hành Chính Pháp xây đời tại thế! Thánh Đức thần tiên tại thế là như vậy. Cho nên, Thiên Đạo khác xa các pháp môn ở lý đó.

Khai nhãn, đạt thần thông, chỉ là một bước tiếp của con đường tu luyện. Ta ngay từ đầu nổi Pháp, đã nói, chỉ cứu bệnh và tâm linh một thời gian, để thiên hạ biết đường, rồi để dạy học trò. Có lúc triển khai thần thông, cốt cứu đời, mở Pháp, không vì danh lợi tầm thường.

Đỉnh ngộ nhập thế, tức là sống để cải tạo bản thân-xã hội; nếu không đỉnh ngộ, nhận thức giác ngộ hàng ngày, khi thiền công tự sám hối, tự soi rọi lại tâm-thể, mình thấy cái đúng sai hay dở ta đã làm được thế nào, rút kinh nghiệm ra sao, thanh lọc ra sao, khí chất nội ngoại vía tốt hay xấu, tư tưởng thanh trọc hay dở gì...Chớ cầu khẩn, kinh kệ nhiều, phải tự cứu mình trước khi Trời cứu. Cứu mình là nâng cao mức năng lượng bản thân, đức năng thắng số bằng hành đạo thiện lương, tu luyện khí công siêu đẳng, tất được khỏe mạnh, thanh tươi, phúc thọ an vui. Rồi khi hiểu và ứng dụng được năng lượng-tâm linh trong cuộc sống, sẽ thấy không cần chọn hướng nhà, chọn tuổi vợ chồng, chọn ngày tốt xấu, rồi yểm đảo, giải hạn cũng sao cũng vía, đốt vàng mã là thừa thãi, vô nghĩa đối với chúng ta; cũng tà thần, cũng mọn là tà môn, mê tín ngu muội, càng hại thêm cho vong hồn; mới hiểu Vua Cha và Ta, các

thầy dạy đúng. Tự mình xử lý mọi việc, coi trò bói toán, mê tín chỉ là nhảm nhí, vì mình tu luyện tốt, sẽ biết mọi chuyện, mình nắm được số mệnh cũng như con đường của mình, số phận trong tay mình. Mới thấy Ta cấm học trò ngồi đồng, giở trò bói toán, thực hành huyền thuật kiếm ăn là đúng đắn. Ta cấm muôn năm sau; kẻ nào không làm đúng, tất không phải là thần dân Thiên Đạo, phải đuổi cắt chúng khỏi Thánh Đức, nếu không sẽ phá Đạo, phá Pháp, phá Thánh Đức. Tại sao như thế, học Luật Đạo để hiểu thêm.

Muốn thế, ngày nào cũng phải tu luyện Đại Pháp Tâm Công, xuất vía lên Kim Tụ Tháp trên Trung giới của chúng ta mà tu, học thêm, rồi lại trở về trần mà hành Đạo; lọc sạch bụi tâm, tẩy sạch khí ám ra khỏi người hàng ngày, để tâm hồn thể vía thật sạch sau mỗi ngày nhập thể; cùng nhân loại tiến bộ tiến lên! Ấy là đời đạo song tu. Đó là cứu mình, rồi cứu người, muôn thế hệ, khi nào loài người còn sống ở Hạ giới được, thì còn phải đạo đời hợp nhất!

Ta gieo Pháp này cho nhân loại, cốt ở việc ấy mà thôi!

LIÊN HỆ VỚI PHÁP MÔN

Hiện nay các Đạo sư của Pháp môn đều qui ẩn, do tính chất tu luyện huyền môn và nguy hiểm của thời Mạt hạ, chúng tôi không thể xuất thế công khai được.

Chúng tôi quyết định *trích* một số phần quan trọng của Chính Kinh để hóa độ cho các bạn có duyên với pháp môn này. Tất cả các hành giả mà tu luyện đắc Thiên Pháp, sẽ thấy được Chân Lý và những gì chúng tôi đã trao. Khi xuất được hồn, sẽ được Thầy và chư thiên...hỗ trợ dạy những bí mật tối cao của Vũ trụ, thiên nhiên...Đôi khi không cần học Thiên Pháp cấp cao nữa. Những bạn nào có quyết tâm học theo chúng tôi, thì liên hệ với Thầy, các Đạo sư để được hỗ trợ và yên tâm hơn khi luyện Huyền công; đặc biệt gửi ảnh, sẽ được hỗ trợ khai con mắt thứ ba nhanh chóng hơn-thậm chí khi xác định đó là người lành thiện, Linh căn xuống trần...sẽ được khai nhãn huệ mà không cần tu luyện nhiều; sau khi kiểm tra, chúng tôi tin tưởng, sẽ trao truyền nhiều phần Kinh còn lại, để tăng hiểu biết. *Tất cả những ai thờ Thượng đế Tối cao bằng Thiên Phủ, sẽ được khai nhãn ngay mà không mất công nhiều để luyện; đây cũng là nguyên lý nhân quả thôi. Hãy thông báo cho chúng tôi để chúng tôi biết việc thờ đó.*

Thầy cũng nhắc các bạn rằng, hiện có nhiều môn phái khai nhãn, rồi xuất hồn, học thần thông...nhưng học để tăng hiểu biết thì tốt rồi, nhưng học về đến Nguồn, Gốc, hiểu Định Lý mà tuân theo Luật Trời mà hành hóa thì nên học và đã có thần thông, biết mình là ai, biết chúng tôi là ai...thì cũng nên nhớ lại, đi tìm lại trước lúc mình xuống trần là ai, ngôi căn chỗ nào, cung nào xuống, rồi nhớ Lời Thệ Nguyện với Cha Trời trước khi xuống trần, xuống làm gì, để lập bồi công quả xây đời hay xuống để chơi, để lãng du cho qua kiếp...Vốn dĩ nhiều bạn trên kia đã là những thần thánh rất rất cao, xuống trần không phải là để thoát luân hồi, mà là để tìm đúng Người, rồi làm đúng Việc. Lập công bồi quả, tuân theo các Minh Thánh đã xuống trần với mình, để làm nhiệm vụ. Vậy phải theo mà hành hóa. Không bắt các bạn phải theo, đó là do ý chí thích hay không thích và tự giác mà thôi. Nhưng nếu ai cũng không thương Cha Mẹ kỳ này, rồi dừng dừng khi đã biết Thiên ý...thì các bạn có thần thông tốt cho các bạn, nhưng về không thì vẫn phải về thôi. Thiên đình có Luật chặt chẽ, thần thánh xuống trần, linh căn xuống thế, đầu thai khắp thế giới, đâu phải xuống để làm người rồi nghỉ ngơi; nếu không hoàn thành nhiệm vụ, về đến Thiên đình còn bị phạt; xuống để học, để **TÂM SỰ HỌC ĐẠO, HỌC ĐƯỢC RỒI THÌ HÀNH ĐẠO XÂY ĐỜI CỨU THẾ**. Đó mới là các linh hồn ánh sáng. Hàng loạt các Linh hồn ánh sáng đã phát nguyện xuống xây Thế Giới Mới rồi, xuống rồi phải có hội đoàn, tìm được Nguyên lý mà học mà theo. Kẻ thông minh sẽ biết chọn đường để đi, chọn trường để học, mà cách mang công quả về để tiến hóa cho chính mình cũng sẽ hơn người kém học.

Cách thể hiện của Thượng đế thì biến hóa vô cùng. Pháp môn này cũng chỉ là một cách diễn, một cách thể hiện Mới của Thượng đế mà thôi-nhưng quan

trọng vô cùng cho loài người Mới xây thế giới Mới. Khi các bạn đã có thần thông, hiểu biết và biết được Pháp chủ này là ai trên kia xuống trần...thì cũng gắng bí mật mà hành hóa thôi, nhưng nên tuân theo mà làm, chớ nên bỏ công hoặc chống lại. Lại nữa, Thiên Khai Hoàng Đạo là đạo Tâm chứ không phải là đạo Cao Đài. Thánh Giáo năm 1935 đã nói rõ rồi. Nên kỳ này, sau Cao Đài, thì Thiên Đạo là kỳ độ cuối cùng để tiến lên Thánh Đức, Thiên Đạo là Đạo dạy các con thành Thượng đế, chứ không thành Phật, *hoàn nguyên một vòng tiến hóa mà trở về Thượng giới*. Không có đạo nào tiếp nữa, đến hàng vạn, triệu năm sau, đến khi loài người biết bay bổng, thành ánh sáng cao tột, còn lại nếu có pháp nào rao giảng thay điều này thì đều là nháo báng mà thôi. Sau này, Thiên đình chỉ cho các thần thánh xuống mở rộng Thiên Đạo ra mà thôi, không có thay thế. Thiên Đạo vẫn không ngừng hoàn thiện trong phần Thiên Pháp siêu đẳng cao cấp và phần Trí Kinh, Tín Kinh - đây là Bộ Nguyên lý Khoa học về tất cả mọi vấn đề từ Vũ trụ cho đến con người và các vấn đề trải nghiệm trong thực tế của mọi hành giả).

Các học trò liên hệ với Pháp môn qua Email sau:

THIENTON2008@GMAIL.COM / THIENPHAPDAO@GMAIL.COM

Chúng tôi sẽ hỗ trợ: Khai Long hỏa, khai nhãn và xuất hồn, hoặc chữa bệnh bằng ngoại cảm, hóa giải các rớt tai nạn, bắt trục vong linh xấu, chữa các bệnh thần kinh giả do vong nhập, phá bỏ các loại bùa bả yểm đảo, chết trùng tang trùng phục. Các học viên cao cấp đã được rèn luyện, có thể cho mở trường để học Thiên Pháp một cách hạn chế, có thể trở thành các Pháp sư, Đạo sư đầy thiện tính, tạm thời trong thời đại quá độ này, sẽ được Thiên đình cấp thiên binh thiên tướng và phép luật, quyền luật để hành hóa nhân gian, có điều kiện để giáo độ Thiên Đạo.

Chúng tôi cũng mong muốn ai có khả năng thì dịch tài liệu này ra tiếng Anh và các thứ tiếng khác để các hành giả, các người giác ngộ ánh sáng mới trên thế giới tiếp cận tri thức và phương pháp tu luyện này để Hội ngộ Quần tiên xuống trần lập Thiên đường sau này. Chúng tôi cũng sẽ biến hóa, có lúc cho hiện và ẩn tài liệu này tùy lúc, tùy thời, ai có công phổ Pháp, ai có công giúp đỡ, sẽ được Thiên Đình chứng công, trong không gian vô hình sẽ ghi nhớ, chúng tôi sẽ biết, sẽ được báo cáo. Chúc các hành giả tinh tấn, tu học tốt. Khi các vị đã xuất hồn có thể gặp được Pháp chủ trên cao, cùng các thần thánh của Thiên đình, những gì chúng tôi truyền dạy...

THIÊN PHÁP